



HÀ BÍCH LIÊN – HỒ THANH TÂM (đồng Chủ biên)
PHẠM THỊ THANH HUYỀN – NHỮ THỊ PHƯƠNG LAN
NGUYỄN TRÀ MY – NGUYỄN KIM TƯỜNG VY

Kế hoạch bài dạy

môn

LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ

LỚP

9

Phần LỊCH SỬ

(Hỗ trợ giáo viên thiết kế kế hoạch bài dạy
theo sách giáo khoa LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ 9
Bộ sách CHÂN TRỜI SÁNG TẠO)



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

HÀ BÍCH LIÊN – HỒ THANH TÂM (đồng Chủ biên)
PHẠM THỊ THANH HUYỀN – NHỮ THỊ PHƯƠNG LAN
NGUYỄN TRÀ MY – NGUYỄN KIM TƯỜNG VY

KẾ HOẠCH BÀI DẠY môn **LỊCH SỬ** **VÀ ĐỊA LÍ**

Phần LỊCH SỬ

LỚP

9

(Hỗ trợ giáo viên thiết kế kế hoạch bài dạy
theo sách giáo khoa **LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ 9** –
Bộ sách Chân trời sáng tạo)

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

MỤC LỤC

LỜI NÓI ĐẦU	3
Phần một. HƯỚNG DẪN CHUNG.....	4
Phần hai. GỢI Ý KẾ HOẠCH BÀI DẠY	8
CHƯƠNG I. THẾ GIỚI TỪ NĂM 1918 ĐẾN NĂM 1945	8
Bài 1. Nước Nga và Liên Xô từ năm 1918 đến năm 1945	8
Bài 2. Châu Âu và nước Mỹ từ năm 1918 đến năm 1945	16
Bài 3. Châu Á từ năm 1918 đến năm 1945	26
Bài 4. Chiến tranh thế giới thứ hai (1939 – 1945).....	33
CHƯƠNG 2. VIỆT NAM TỪ NĂM 1918 ĐẾN NĂM 1945	42
Bài 5. Phong trào dân tộc dân chủ những năm 1918 – 1930	42
Bài 6. Hoạt động của Nguyễn Ái Quốc và sự thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam	52
Bài 7. Phong trào cách mạng Việt Nam thời kì 1930 – 1939	60
Bài 8. Cách mạng tháng Tám năm 1945	69
CHƯƠNG 3. THẾ GIỚI TỪ NĂM 1945 ĐẾN NĂM 1991	83
Bài 9. Chiến tranh lạnh (1947 – 1989)	83
Bài 10. Liên Xô và các nước Đông Âu từ năm 1945 đến năm 1991	89
Bài 11. Nước Mỹ và các nước Tây Âu từ năm 1945 đến năm 1991	99
Bài 12. Mỹ La-tinh từ năm 1945 đến năm 1991	106
Bài 13. Một số nước ở châu Á từ năm 1945 đến năm 1991	114
CHƯƠNG 4. VIỆT NAM TỪ NĂM 1945 ĐẾN NĂM 1991	122
Bài 14. Xây dựng và bảo vệ chính quyền nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà (từ tháng 9 – 1945 đến tháng 12 – 1946).....	122
Bài 15. Những năm đầu Việt Nam kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1946 – 1950).....	135
Bài 16. Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp kết thúc thắng lợi (1951 – 1954).....	144
Bài 17. Việt Nam từ năm 1954 đến năm 1965	153
Bài 18. Việt Nam từ năm 1965 đến năm 1975	160
Bài 19. Việt Nam từ năm 1976 đến năm 1991	169
CHƯƠNG 5. THẾ GIỚI TỪ NĂM 1991 ĐẾN NAY	178
Bài 20. Trật tự thế giới mới từ năm 1991 đến nay	178
Bài 21. Liên bang Nga và nước Mỹ từ năm 1991 đến nay	184
Bài 22. Châu Á từ năm 1991 đến nay	192
CHƯƠNG 6. VIỆT NAM TỪ NĂM 1991 ĐẾN NAY	199
Bài 23. Công cuộc Đổi mới từ năm 1991 đến nay	199
CHƯƠNG 7. CÁCH MẠNG KHOA HỌC, KỸ THUẬT VÀ XU THẾ TOÀN CẦU HOÁ.....	208
Bài 24. Cách mạng khoa học, kĩ thuật và xu thế toàn cầu hoá	208
Chủ đề 1. Đô thị: Lịch sử và hiện tại	215
Chủ đề 3. Bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông	224

Lời nói đầu

Quý đồng nghiệp thân mến!

Trên cơ sở các hướng dẫn tại phụ lục “Khung kế hoạch bài dạy” của CV 5512/BGDĐT-GDTrH và Kế hoạch bài dạy của tài liệu “Xây dựng kế hoạch dạy học và giáo dục theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh (HS) Trung học cơ sở môn Lịch sử và Địa lí” (Mô đun 4), nhóm tác giả đề xuất một kế hoạch bài dạy mà chúng tôi hi vọng là sẽ phù hợp với thực tiễn giáo dục của phần đông giáo viên (GV) để quý đồng nghiệp tham khảo. Kế hoạch bài dạy cùng với những hướng dẫn, diễn giải cụ thể sẽ được trình bày trong phần 1. “Hướng dẫn chung”; các kế hoạch bài dạy tương ứng với các bài học môn Lịch sử của sách giáo khoa (SGK) *Lịch sử và Địa lí 9* (bộ sách *Chân trời sáng tạo*) sẽ được trình bày trong phần 2. “Gợi ý kế hoạch dạy học” của cuốn sách này.

Điều tâm đắc nhất của các tác giả khi biên soạn cuốn sách này là phần **Kế hoạch bài dạy cách 2: Dựa trên ma trận và chương trình giáo dục phổ thông (GDPT) 2018**. Ở cuối mỗi kế hoạch bài dạy, các tác giả đều thiết kế thêm nội dung này như một phụ lục, gồm bảng ma trận trình bày 4 yếu tố cơ bản mà mọi kế hoạch bài dạy cần có là: Mục tiêu, nội dung, phương pháp và kĩ thuật dạy học, đánh giá. Với phụ lục này, quý đồng nghiệp hoàn toàn có thể sáng tạo ra các kế hoạch bài dạy phản ánh các quan niệm giáo dục riêng, phù hợp với đối tượng HS, điều kiện vật chất của địa phương,... mà vẫn đảm bảo các yêu cầu về khoa học giáo dục. Việc dạy học, vì thế, chỉ cần dựa trên chương trình học môn Lịch sử và Địa lí hoặc bất kì cuốn SGK Lịch sử và Địa lí 9 nào mà quý đồng nghiệp đang sở hữu. Hơn nữa, còn rất thuận lợi cho Tổ trưởng bộ môn ở các trường khi lập kế hoạch môn học và đánh giá các GV trong tổ khi đi dự giờ.

Điều cốt yếu trong dạy học phát triển phẩm chất, năng lực ở môn Lịch sử là GV tổ chức các hoạt động học nhằm tạo điều kiện để HS khai thác, sử dụng các tư liệu, qua đó, các em sẽ hình thành, phát triển các phẩm chất, năng lực chung, năng lực lịch sử được tuyên bố trong chương trình học. Chúng tôi hi vọng quý đồng nghiệp chiếu theo định hướng này để thiết kế kế hoạch bài dạy của mình và xem các kế hoạch bài dạy được trình bày trong cuốn sách này là nguồn tham khảo hữu ích.

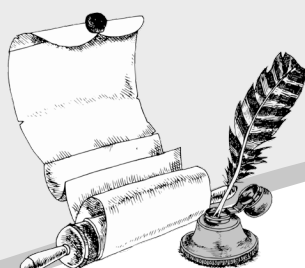
Chúng tôi mong đón nhận những góp ý của quý đồng nghiệp.

Xin chân thành cảm ơn!

CÁC TÁC GIẢ

Phần một

HƯỚNG DẪN CHUNG



Mỗi kế hoạch bài dạy được thiết kế gồm các thành phần sau:

I. MỤC TIÊU

Trong phần này, các tác giả nêu những mong đợi mà HS sẽ đạt được về phẩm chất, năng lực chung và năng lực lịch sử (gồm 3 thành phần: Tìm hiểu lịch sử; Nhận thức và tư duy lịch sử; Vận dụng kiến thức, kĩ năng) sau khi hoàn thành bài học. Căn cứ để các tác giả xác định mục tiêu học tập bao gồm:

Thứ nhất, các phẩm chất và yêu cầu cần đạt (YCCĐ) về phẩm chất chủ yếu của HS cấp Trung học cơ sở (THCS) được Bộ Giáo dục và Đào tạo xác định trong Chương trình Giáo dục phổ thông (CTGDPT) tổng thể.

Thứ hai, các năng lực chung và yêu cầu cần đạt về năng lực chung của HS cấp THCS được Bộ Giáo dục và Đào tạo xác định trong CTGDPT tổng thể.

Thứ ba, mô tả chi tiết các thành phần năng lực của năng lực lịch sử được Bộ Giáo dục và Đào tạo xác định trong CTGDPT môn Lịch sử và Địa lí (cấp THCS).

Thứ tư, YCCĐ của mạch nội dung thuộc phần Lịch sử – Lớp 9 được Bộ Giáo dục và Đào tạo xác định trong CTGDPT môn Lịch sử và Địa lí (cấp THCS).

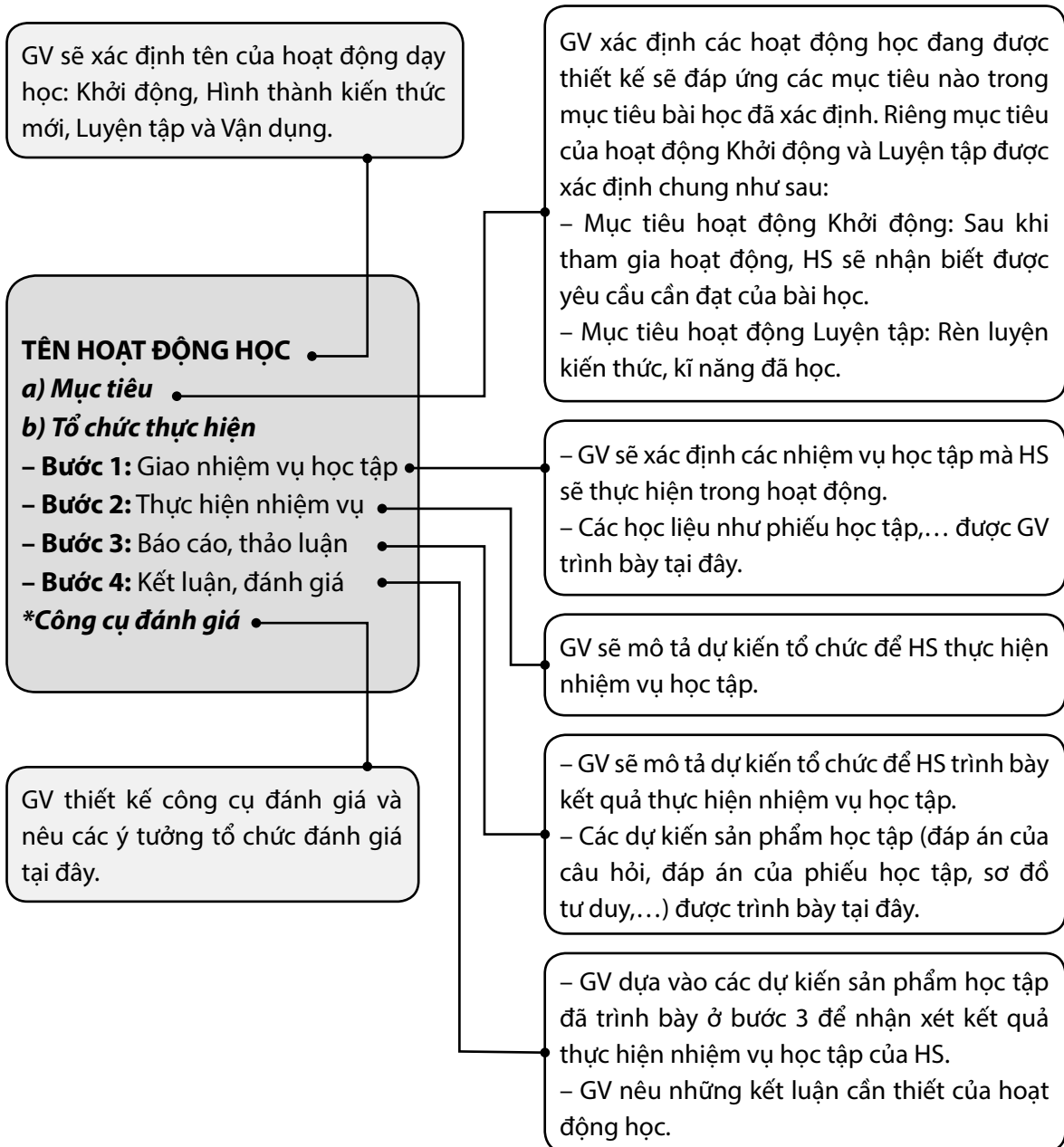
Bảng Mục tiêu được thiết kế theo 3 cột dọc: (1) Tên phẩm chất và năng lực, (2) YCCĐ về phẩm chất và năng lực, (3) Mã số theo số thứ tự các mục tiêu 1, 2, 3,...

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

Bao gồm thiết bị dạy học và học liệu.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Trên cơ sở các hướng dẫn tại phụ lục “Khung kế hoạch bài dạy” của Công văn 5512/BGDĐT-GDTrH và Kế hoạch bài dạy của tài liệu “Xây dựng Kế hoạch dạy học và giáo dục theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực HS Trung học cơ sở môn Lịch sử và Địa lí” (Mô đun 4), phần “Tiến trình dạy học” sẽ gồm có các hoạt động: Khởi động, Hình thành kiến thức mới, Luyện tập và Vận dụng. Mỗi hoạt động dạy học sẽ được thiết kế theo mô típ sau:



Lưu ý: để dễ dàng và thuận lợi hơn cho việc đánh giá, không tạo áp lực nặng nề cho cả GV lẫn HS, trong Kế hoạch bài dạy này, nhóm tác giả sẽ thiết kế chủ yếu các công cụ đánh giá đơn giản, giành cho các nhóm HS tự đánh giá (các thang đo, bảng kiểm chủ yếu chỉ yêu cầu HS trả lời: CÓ hoặc KHÔNG; ĐÚNG hoặc SAI; ĐẠT hoặc KHÔNG ĐẠT hoặc khoanh tròn vào mức trả lời đúng bao nhiêu câu hỏi,...).

Từ những diễn giải trên, Kế hoạch bài dạy được sử dụng cho các thiết kế trong cuốn sách này là:

KẾ HOẠCH BÀI DẠY TÊN BÀI DẠY

A. KẾ HOẠCH BÀI DẠY CÁCH 1: DỰA TRÊN CV 5512, 2613, CÁC MODULE VÀ CHƯƠNG TRÌNH 2018

I. MỤC TIÊU

Năng lực, phẩm chất	Yêu cầu cần đạt	Mã số
1. Năng lực chung		
Tên năng lực chung		1
2. Năng lực lịch sử		
Tìm hiểu lịch sử		2
Nhận thức và tư duy lịch sử		3
		4
		5
Vận dụng		6
3. Phẩm chất		
Tên phẩm chất		7

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

– Máy tính, máy chiếu.

...

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a) Mục tiêu: Sau khi tham gia hoạt động, HS sẽ nhận biết được yêu cầu cần đạt của bài học.

b) Tổ chức thực hiện

- **Bước 1:** Giao nhiệm vụ học tập
- **Bước 2:** Thực hiện nhiệm vụ
- **Bước 3:** Báo cáo, thảo luận
- **Bước 4:** Kết luận, đánh giá

***Công cụ đánh giá:**

2. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

2.1. HOẠT ĐỘNG 1: TÊN HOẠT ĐỘNG HỌC

a) Mục tiêu

b) Tổ chức thực hiện

- **Bước 1:** Giao nhiệm vụ học tập
- **Bước 2:** Thực hiện nhiệm vụ
- **Bước 3:** Báo cáo, thảo luận
- **Bước 4:** Kết luận, đánh giá

***Công cụ đánh giá:**

2.2. HOẠT ĐỘNG 2: TÊN HOẠT ĐỘNG HỌC

a) Mục tiêu

b) Tổ chức thực hiện

– **Bước 1:** Giao nhiệm vụ học tập

– **Bước 2:** Thực hiện nhiệm vụ

– **Bước 3:** Báo cáo, thảo luận

– **Bước 4:** Kết luận, đánh giá

***Công cụ đánh giá:** GV thiết kế công cụ đánh giá và nêu các ý tưởng tổ chức đánh giá tại đây.

[...]

3. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a) Mục tiêu: Rèn luyện kiến thức, kĩ năng đã học.

b) Tổ chức thực hiện

– **Bước 1:** Giao nhiệm vụ học tập

– **Bước 2:** Thực hiện nhiệm vụ

– **Bước 3:** Báo cáo, thảo luận

– **Bước 4:** Kết luận, đánh giá

***Công cụ đánh giá:**

4. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a) Mục tiêu

b) Tổ chức thực hiện

– **Bước 1:** Giao nhiệm vụ học tập

– **Bước 2:** Thực hiện nhiệm vụ

– **Bước 3:** Báo cáo, thảo luận

– **Bước 4:** Kết luận, đánh giá

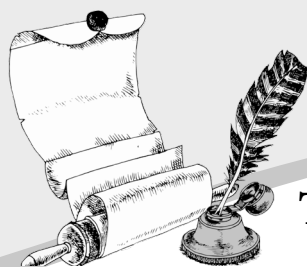
***Công cụ đánh giá:**

Bên cạnh đó, nhóm tác giả tiếp tục đưa ra Kế hoạch bài dạy cách 2 dựa trên ma trận và chương trình GDPT 2018 để các quý thầy cô tham khảo:

B. KẾ HOẠCH BÀI DẠY CÁCH 2: DỰA TRÊN MA TRẬN VÀ CHƯƠNG TRÌNH GDPT 2018

Hoạt động	Mục tiêu			Nội dung	Phương pháp hoặc Kỹ thuật dạy học	Công cụ đánh giá
	Năng lực chung	Năng lực lịch sử	Phẩm chất			
Hoạt động khởi động	Nhận biết được các yêu cầu cần đạt của bài học.			Yêu cầu cần đạt của bài học.		
Hoạt động hình thành kiến thức mới						
Hoạt động 1						
Hoạt động 2						
Hoạt động luyện tập	Rèn luyện kiến thức, kĩ năng đã học.					
Hoạt động vận dụng						

GỢI Ý KẾ HOẠCH BÀI DẠY



Chương I. THẾ GIỚI TỪ NĂM 1918 ĐẾN NĂM 1945

Bài 1.

NƯỚC NGÀ VÀ LIÊN XÔ TỪ NĂM 1918 ĐẾN NĂM 1945

(DỰ KIẾN 1 TIẾT)

A. KẾ HOẠCH BÀI DẠY CÁCH 1:

I. MỤC TIÊU

Phẩm chất, năng lực	Yêu cầu cần đạt	Mã số
1. Năng lực chung		
Giao tiếp và hợp tác	Hiểu rõ nhiệm vụ của nhóm; đánh giá được khả năng của bản thân và tự nhận công việc phù hợp.	1
2. Năng lực lịch sử		
Tìm hiểu lịch sử	Khai thác và sử dụng thông tin của một số tư liệu lịch sử (1.1, 1.2, 1.3, 1.4, 1.5, 1.6, 1.7, 1.8) và phần <i>Nhân vật lịch sử</i> để nhận thức về tình hình nước Nga trước khi Liên Xô được thành lập (1918 – 1922) và những thành tựu, hạn chế của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô (1922 – 1945).	2
Nhận thức và tư duy lịch sử	Nêu được những nét chính về nước Nga trước khi Liên Xô được thành lập.	3
	Trình bày được những thành tựu và chỉ ra được hạn chế của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô.	4
Vận dụng	Vận dụng kiến thức về sự kiện thành lập Liên Xô (1922) và quá trình phát triển của Liên Xô (1922 – 1945) để nhận biết về tình trạng quan hệ ngoại giao giữa Nga và U-crai-na vào đầu thế kỉ XXI.	5
3. Phẩm chất		
Chăm chỉ	Đọc và sưu tầm các thông tin, hình ảnh, tư liệu về công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô từ năm 1922 đến năm 1945 để mở rộng và nâng cao nhận thức.	6

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- Máy tính, máy chiếu.
- Phiếu học tập (giấy A0), nam châm dán phiếu học tập, bút màu.
- SGK, sách giáo viên (SGV) *Lịch sử và Địa lí 9* (phần Lịch sử) (Bộ sách *Chân trời sáng tạo*).

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a) Mục tiêu: Sau khi tham gia hoạt động, HS sẽ nhận biết được yêu cầu cần đạt của bài học.

b) Tổ chức thực hiện

- **Gợi ý 1:** GV dùng phần *Dẫn nhập* trong SGK để dẫn dắt HS vào bài học.
- **Gợi ý 2:** GV thiết kế câu hỏi trắc nghiệm, trò chơi, hình ảnh có liên quan đến lịch sử – văn hoá Nga và Liên Xô đầu thế kỉ XX.

2. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

2.1. HOẠT ĐỘNG 1: TÌNH HÌNH NƯỚC NGA XÔ VIẾT TRƯỚC KHI LIÊN XÔ THÀNH LẬP (1918 – 1922)

a) Mục tiêu: (1), (2), (3)

b) Tổ chức thực hiện

– **Bước 1:** Giao nhiệm vụ học tập

- + Nhiệm vụ 1: GV chia lớp thành các nhóm và giao nhiệm vụ học tập. Các nhóm HS sử dụng thông tin trong SGK để vẽ sơ đồ tư duy thể hiện những nét chính về tình hình nước Nga Xô viết trước khi Liên Xô thành lập (1918 – 1922).

TÌNH HÌNH NƯỚC NGA XÔ VIẾT TRƯỚC KHI LIÊN XÔ THÀNH LẬP (1918 – 1922)		
Nhánh chính	Nhánh phụ	Hướng dẫn
Những khó khăn về kinh tế	– Thực trạng: – Nguyên nhân:	Đọc thông tin đoạn 1, mục 1 – trang 8 trong SGK <i>Lịch sử và Địa lí 9</i> (phần Lịch sử) (Bộ sách <i>Chân trời sáng tạo</i>).
Chính sách cộng sản thời chiến (1919 – 1921)	– Lí do thực hiện: – Nội dung:	Quan sát tư liệu 1.1 và đọc thông tin đoạn 1, mục 1 – trang 8 trong SGK <i>Lịch sử và Địa lí 9</i> (phần Lịch sử) (Bộ sách <i>Chân trời sáng tạo</i>).
Chính sách kinh tế mới (từ tháng 3 – 1921)	– Lí do: – Nội dung: + Nông nghiệp: + Công nghiệp: + Thương nghiệp:	Quan sát các tư liệu 1.1, 1.2 và đọc thông tin đoạn 1, mục 1 – trang 8 trong SGK <i>Lịch sử và Địa lí 9</i> (phần Lịch sử) (Bộ sách <i>Chân trời sáng tạo</i>).
Liên bang Xô viết thành lập (1922)	– Tên đầy đủ: – Thành viên:	Quan sát các tư liệu 1.1, 1.3 và đọc thông tin đoạn 2, mục 1 – trang 9 trong SGK <i>Lịch sử và Địa lí 9</i> (phần Lịch sử) (Bộ sách <i>Chân trời sáng tạo</i>).

- + Nhiệm vụ 2: Sau khi hoàn thành nhiệm vụ 1, GV yêu cầu các nhóm HS trình bày quan điểm: Theo em, sự kiện nào quan trọng nhất trong giai đoạn này của lịch sử nước Nga?

– **Bước 2:** Thực hiện nhiệm vụ

+ Nhiệm vụ 1: Các nhóm HS thảo luận, hoàn thành vẽ sơ đồ tư duy.

+ Nhiệm vụ 2: Sau khi hoàn thành nhiệm vụ 1, các nhóm HS thảo luận và trình bày quan điểm:
Theo em, sự kiện nào quan trọng nhất trong giai đoạn này của lịch sử nước Nga?

– **Bước 3:** Báo cáo, thảo luận

Các nhóm HS báo cáo sản phẩm.

Dự kiến sản phẩm

+ Nhiệm vụ 1:

TÌNH HÌNH NƯỚC NGA XÔ VIẾT TRƯỚC KHI LIÊN XÔ THÀNH LẬP (1918 – 1922)		
Nhánh chính	Nhánh phụ	Hướng dẫn
Những khó khăn về kinh tế	- Thực trạng: nông nghiệp, công nghiệp bị tàn phá, thương mại bế tắc. - Nguyên nhân: nước Nga tham gia Chiến tranh thế giới thứ nhất (1914 – 1918); nội chiến xảy ra (giữa Hồng quân với quân Bạch vệ) và sự can thiệp của các nước đế quốc.	Đọc thông tin đoạn 1, mục 1 – trang 8 trong SGK <i>Lịch sử và Địa lí 9</i> (phần Lịch sử) (Bộ sách <i>Chân trời sáng tạo</i>).
Chính sách cộng sản thời chiến (1919 – 1921)	- Lí do thực hiện: đảm bảo nguồn lương thực cho Hồng quân. - Nội dung: nhà nước kiểm soát toàn bộ nền công nghiệp, trưng thu lương thực thừa, thi hành chế độ lao động bắt buộc.	Quan sát tư liệu 1.1 và đọc thông tin đoạn 1, mục 1 – trang 8 trong SGK <i>Lịch sử và Địa lí 9</i> (phần Lịch sử) (Bộ sách <i>Chân trời sáng tạo</i>).
Chính sách kinh tế mới (từ tháng 3 – 1921)	- Lí do: nội chiến chấm dứt, cần phải thay đổi chính sách kinh tế. - Nội dung: + Nông nghiệp: bãi bỏ chế độ trưng thu lương thực thừa... + Công nghiệp: chính phủ kiểm soát các ngành công nghiệp chính;... + Thương nghiệp: tư nhân được tự do buôn bán;...	Quan sát các tư liệu 1.1, 1.2 và đọc thông tin đoạn 1, mục 1 – trang 8 trong SGK <i>Lịch sử và Địa lí 9</i> (phần Lịch sử) (Bộ sách <i>Chân trời sáng tạo</i>).
Liên bang Xô viết thành lập (1922)	- Tên đầy đủ: Liên bang Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Xô viết. - Thành viên: Nga, Bê-lô-rút-xi-a, U-crai-na và các nước Cộng hoà Ngoại Cáp-ca-dơ.	Quan sát các tư liệu 1.1, 1.3 và đọc thông tin đoạn 2, mục 1 – trang 9 trong SGK <i>Lịch sử và Địa lí 9</i> (phần Lịch sử) (Bộ sách <i>Chân trời sáng tạo</i>).

Dự kiến sản phẩm

+ Nhiệm vụ 2: GV tôn trọng ý kiến của HS và chú trọng hướng dẫn HS xây dựng lí lẽ thuyết phục để xây dựng, bảo vệ quan điểm.

Ví dụ, sự kiện quan trọng nhất được đề nghị là: sự thành lập Liên bang Xô viết (1922). Lí do: sức mạnh của nhà nước Xô viết được củng cố và tăng cường (trên các phương diện kinh tế, chính trị và quốc phòng – an ninh); thực hiện sự bình đẳng dân tộc, xây dựng cộng đồng dân tộc anh em giữa các dân tộc trên đất nước Xô viết.

– Bước 4: Kết luận, đánh giá

GV sử dụng phương pháp diễn giảng để:

- + Giải thích nguyên nhân chính quyền Xô viết thực hiện Chính sách cộng sản thời chiến (do tình hình khó khăn của nước Nga Xô viết sau Cách mạng tháng Mười: từ năm 1918, chính quyền Xô viết chỉ kiểm soát được 1/4 lãnh thổ của nước Nga trước kia, mất đi những vùng lương thực, nguyên liệu, nhiên liệu quan trọng nhất, tình trạng “thù trong, giặc ngoài”, nhiều cuộc nổi loạn xảy ra,...); nguyên nhân chính quyền Xô viết chuyển từ Chính sách cộng sản thời chiến sang Chính sách kinh tế mới.
- + Nêu tính “mới” của Chính sách kinh tế mới so với Chính sách cộng sản thời chiến (như có áp dụng chế độ thu thuế; cho phép tư nhân tham gia sản xuất; buôn bán, có đầu tư nước ngoài,...); lưu ý thông tin về Cộng hoà Ngoại Cáp-ca-dơ ở tư liệu 1.3: vào thời điểm Liên bang Xô viết thành lập (1922), vùng lãnh thổ này là nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Liên bang Ngoại Cáp-ca-dơ. Năm 1936, nước này giải thể và phân thành ba nước: Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Xô viết Gru-di-a (Gruzia), Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Xô viết Ác-mê-ni-a (Armenia) và Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Xô viết A-déc-bai-gian (Azerbaijan).

***Công cụ đánh giá:** bảng kiểm và thang đo

– **Công cụ đánh giá nhiệm vụ 1:** bảng kiểm

GV dựa vào các nội dung được trình bày trong “Dự kiến sản phẩm” và công cụ đánh giá để đánh giá sản phẩm của HS.

Tiêu chí	Có hoặc Không
Đáp ứng các yêu cầu về kĩ thuật vẽ sơ đồ tư duy (màu sắc, phân nhánh,...).	?
Lựa chọn và sắp xếp đúng thông tin từ SGK đối với từng lĩnh vực.	?
Các thông tin được trình bày súc tích, ngắn gọn.	?

– **Công cụ đánh giá nhiệm vụ 2:** thang đo

Các nhóm HS tự đánh giá: khoanh tròn mức độ đạt được của nhóm khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

Tiêu chí	Mức độ đạt được				
Mức độ thuyết phục của lí lẽ.	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)

2.2. HOẠT ĐỘNG 2: LIÊN XÔ TỪ NĂM 1922 ĐẾN NĂM 1945

a) Mục tiêu: (1), (2), (4), (6)

b) Tổ chức thực hiện

– **Bước 1:** Giao nhiệm vụ học tập

HS sử dụng thông tin trong SGK hoàn thành phiếu học tập.

PHIẾU HỌC TẬP

THÀNH TỰU VÀ HẠN CHẾ CỦA CÔNG CUỘC XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở LIÊN XÔ (1922 – 1945)	
Hướng dẫn	Trả lời
1. Tư liệu 1.7 và 1.8 phản ánh trọng tâm phát triển của Liên Xô trong lĩnh vực kinh tế nào?	(1)
2. Tư liệu 1.4 và 1.6 phản ánh thành tựu nào của Liên Xô trong lĩnh vực nông nghiệp?	– Mô hình sản xuất: (2); (3) – Tư liệu lao động: (4)
3. Tư liệu 1.5 phản ánh thành tựu nào của Liên Xô trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội?	(5)
4. Điểm ấn tượng nhất trong lĩnh vực giáo dục ở Liên Xô là gì?	(6); (7)
5. Nêu một số hạn chế của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô.	(8); (9)

– **Bước 2:** Thực hiện nhiệm vụ

GV chia lớp thành các nhóm thực hiện nhiệm vụ.

– **Bước 3:** Báo cáo, thảo luận

Các nhóm HS báo cáo sản phẩm.

PHIẾU HỌC TẬP

THÀNH TỰU VÀ HẠN CHẾ CỦA CÔNG CUỘC XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở LIÊN XÔ (1922 – 1945)	
Hướng dẫn	Trả lời
1. Tư liệu 1.7 và 1.8 phản ánh trọng tâm phát triển của Liên Xô trong lĩnh vực kinh tế nào?	(1) Công nghiệp nặng.
2. Tư liệu 1.4 và 1.6 phản ánh thành tựu nào của Liên Xô trong lĩnh vực nông nghiệp?	– Hình thức sản xuất: (2) nông trang tập thể; (3) nông trường quốc doanh. – Tư liệu lao động: (4) cơ giới hoá trong lĩnh vực nông nghiệp.
3. Tư liệu 1.5 phản ánh thành tựu nào của Liên Xô trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội?	(5) Thành lập khối liên minh công – nông vững chắc, nền tảng của xã hội Xô viết.
4. Điểm ấn tượng nhất trong lĩnh vực giáo dục ở Liên Xô là gì?	(6) Xoá nạn mù chữ; (7) Phát triển toàn diện khoa học tự nhiên và khoa học xã hội.
5. Nêu một số hạn chế của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô.	(8) Đẩy nhanh tốc độ tập thể hoá nông nghiệp; (9) Đầu tư một tỉ lệ quá thấp cho công nghiệp nhẹ.

– Bước 4: Kết luận, đánh giá

GV có thể kết luận như sau:

- + Công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô (1922 – 1945) đặt trọng tâm vào công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa, chú trọng vào công nghiệp nặng, nhằm đưa Liên Xô từ một nước nông nghiệp lạc hậu trở thành một cường quốc công nghiệp xã hội chủ nghĩa.
- + Công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội của Liên Xô được thực hiện thông qua các kế hoạch 5 năm. Sau khi Lê-nin qua đời (1924), công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội của Liên Xô do Xta-lin lãnh đạo (khai thác phần *Nhân vật lịch sử*).
- + Thành tựu quan trọng nhất là sau hai lần thực hiện kế hoạch 5 năm (1938), Liên Xô trở thành cường quốc công nghiệp đứng đầu châu Âu nhưng quá trình này cũng tồn tại một số sai lầm.

***Công cụ đánh giá:** thang đo

Các nhóm HS tự đánh giá: khoanh tròn mức độ đạt được của nhóm khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

Tiêu chí	Mức độ đạt được				
Lựa chọn đúng thông tin trong việc hoàn thành phiếu học tập.	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
	(6)	(7)	(8)	(9)	

3. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a) Mục tiêu: Rèn luyện kiến thức, kỹ năng đã học.

b) Tổ chức thực hiện

– **Bước 1:** Giao nhiệm vụ học tập

HS thực hiện bài tập sau:

Hãy hoàn thành bảng tóm tắt những nội dung chính về tình hình nước Nga và Liên Xô từ năm 1918 – 1945 theo mẫu dưới đây:

Thời gian	1918 – 1922	1922 – 1945
Nội dung chính	?	?

– **Bước 2:** Thực hiện nhiệm vụ

HS thực hiện nhiệm vụ học tập theo nhóm.

– **Bước 3:** Báo cáo, thảo luận

Dự kiến sản phẩm

Thời gian	1918 – 1922	1922 – 1945
Nội dung chính	Nước Nga trong tình trạng nội chiến, thực hiện Chính sách cộng sản thời chiến (1919). Đầu năm 1921, nước Nga Xô viết thực hiện Chính sách kinh tế mới. Năm 1922, Liên Xô được thành lập.	Liên Xô thực hiện công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa thông qua các kế hoạch 5 năm lần thứ nhất (1928 – 1932) và 5 năm lần thứ hai (1933 – 1937).

– **Bước 4:** Kết luận, đánh giá

***Công cụ đánh giá:** bài tập

4. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

***Ghi chú:** HS sẽ thực hiện hoạt động này tại nhà và gửi sản phẩm đến GV vào thời điểm thích hợp do GV xác định.

a) Mục tiêu: (4), (5), (6)

b) Tổ chức thực hiện

– **Bước 1:** Giao nhiệm vụ học tập

HS thực hiện bài tập sau:

Năm 1922, Liên Xô thành lập, trong đó, Nga và U-crai-na là hai nước đóng vai trò quan trọng hàng đầu. Sưu tầm thêm thông tin và hãy cho biết tình trạng quan hệ ngoại giao giữa hai quốc gia này trong giai đoạn hiện nay (đầu thế kỉ XXI).

GV hướng dẫn HS thực hiện như sau:

- + Tìm kiếm các thông tin về quan hệ ngoại giao giữa hai quốc gia từng giữ vai trò quan trọng trong quá trình hình thành và phát triển của Liên Xô là Nga và U-crai-na (GV có thể hướng dẫn HS lập niên biểu các sự kiện quan trọng về quan hệ ngoại giao giữa Nga và U-crai-na trong những thập niên đầu thế kỉ XXI, chẳng hạn các mốc thời gian sau: 2014, 2022,...).

+ Từ những thông tin, sự kiện sưu tầm được, nêu nhận xét về tình trạng quan hệ ngoại giao giữa hai quốc gia này vào đầu thế kỉ XXI.

– **Bước 2:** Thực hiện nhiệm vụ
HS thực hiện nhiệm vụ học tập cá nhân.

– **Bước 3:** Báo cáo, thảo luận

Dự kiến sản phẩm

Bảng niên biểu các sự kiện quan trọng về quan hệ ngoại giao giữa Nga và U-crai-na trong những thập niên đầu thế kỉ XXI, chẳng hạn, các mốc thời gian sau: 2014, 2022,... Sau đó, kết luận về tình trạng quan hệ ngoại giao giữa Nga và U-crai-na hiện nay.

– **Bước 4:** Kết luận, đánh giá

GV chú ý hướng dẫn HS sử dụng từ ngữ phù hợp để chỉ tình trạng quan hệ ngoại giao giữa Nga và U-crai-na hiện nay.

***Công cụ đánh giá:** bài tập

B. KẾ HOẠCH BÀI DẠY CÁCH 2: DỰA TRÊN MA TRẬN VÀ CHƯƠNG TRÌNH GDPT 2018

Hoạt động	Mục tiêu			Nội dung	Phương pháp hoặc Kĩ thuật dạy học	Công cụ đánh giá
	Năng lực chung	Năng lực lịch sử	Phẩm chất			
Hoạt động khởi động	Nhận biết được các yêu cầu cần đạt của bài học.			Yêu cầu cần đạt của bài học.	PPDH diễn giảng	Câu hỏi
Hoạt động hình thành kiến thức mới						
Hoạt động 1	1	2, 3		Tình hình nước Nga Xô viết trước khi Liên Xô thành lập (1918 – 1922)	PPDH hợp tác, giảng bài.	Bảng kiểm và thang đo
Hoạt động 2	1	2, 4	6	Liên Xô từ năm 1922 đến năm 1945	PPDH lịch sử qua sử dụng tư liệu	Thang đo
Hoạt động luyện tập	Rèn luyện kiến thức, kĩ năng đã học.			Tóm tắt những nội dung chính về tình hình nước Nga và Liên Xô từ năm 1918 – 1945.	PPDH hợp tác	Bài tập
Hoạt động vận dụng		4, 5	6	Xác định tình trạng quan hệ ngoại giao giữa Nga và U-crai-na trong giai đoạn hiện nay (đầu thế kỉ XXI).	PPDH lịch sử qua sử dụng tư liệu	Bài tập

Bài 2.

CHÂU ÂU VÀ NƯỚC MỸ TỪ NĂM 1918 ĐẾN NĂM 1945

(DỰ KIẾN 2 TIẾT)

A. KẾ HOẠCH BÀI DẠY CÁCH 1:

I. MỤC TIÊU

Phẩm chất, năng lực	Yêu cầu cần đạt	Mã số
1. Năng lực chung		
Giao tiếp và hợp tác	Hiểu rõ nhiệm vụ của nhóm; đánh giá được khả năng của bản thân và tự nhận công việc phù hợp.	1
2. Năng lực lịch sử		
Tìm hiểu lịch sử	Khai thác và sử dụng thông tin của một số tư liệu lịch sử (2.1, 2.2, 2.3, 2.4, 2.5, 2.6, 2.7, 2.8), phần <i>Em có biết</i> và phần <i>Nhân vật lịch sử</i> để nhận thức về phong trào cách mạng và sự thành lập Quốc tế Cộng sản, đại suy thoái kinh tế 1929 – 1933, sự hình thành chủ nghĩa phát xít ở châu Âu, tình hình kinh tế của nước Mỹ trong thời kì suy thoái kinh tế bắt đầu từ năm 1929 đến khi Chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ (1939).	2
Nhận thức và tư duy lịch sử	Trình bày được những nét chính về: phong trào cách mạng và sự thành lập Quốc tế Cộng sản; đại suy thoái kinh tế 1929 – 1933; sự hình thành chủ nghĩa phát xít ở châu Âu.	3
	Nhận biết được tình hình chính trị và sự phát triển kinh tế của nước Mỹ giữa hai cuộc chiến tranh thế giới.	4
Vận dụng	Vận dụng kiến thức về nội dung “Thoả thuận mới” (New Deal) để xem xét khả năng áp dụng các chính sách cải cách kinh tế – xã hội mà Chính phủ Ru-dơ-ven đã thực hiện vào tình hình xã hội Mỹ hiện đại.	5
3. Phẩm chất		
Chăm chỉ	Đọc và sưu tầm các thông tin, hình ảnh, tư liệu về châu Âu và nước Mỹ từ năm 1918 đến năm 1945 để mở rộng nhận thức và nâng cao nhận thức.	6

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- Máy tính, máy chiếu.
- Phiếu học tập (giấy A0), nam châm dán phiếu học tập, bút màu.
- SGK, SGV *Lịch sử và Địa lí 9* (phần Lịch sử) (Bộ sách *Chân trời sáng tạo*).

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a) Mục tiêu: Sau khi tham gia hoạt động, HS sẽ nhận biết được yêu cầu cần đạt của bài học.

b) Tổ chức thực hiện

– **Gợi ý 1:** GV dùng phần *Dẫn nhập* trong SGK để dẫn dắt HS vào bài học.

– **Gợi ý 2:** GV thiết kế câu hỏi trắc nghiệm, trò chơi, hình ảnh có liên quan đến lịch sử của các nước châu Âu và Mỹ đầu thế kỉ XX, đặc biệt là các nhân vật lịch sử nổi tiếng như: A. Hít-le, B. Mút-xô-li-ni, Ru-dơ-ven. Từ đó, dẫn dắt HS vào nhiệm vụ chính của bài học: Các nhân vật đó gắn với những sự kiện lịch sử nổi bật nào ở châu Âu và nước Mỹ từ năm 1918 đến 1945?

2. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**2.1. HOẠT ĐỘNG 1: PHONG TRÀO CÁCH MẠNG (1918 – 1923) VÀ SỰ THÀNH LẬP QUỐC TẾ CỘNG SẢN (1919)**

a) Mục tiêu: (1), (2), (3)

b) Tổ chức thực hiện

– **Bước 1:** Giao nhiệm vụ học tập

HS sử dụng thông tin trong SGK hoàn thành phiếu học tập số 1.

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1**PHONG TRÀO CÁCH MẠNG (1918 – 1923)
VÀ SỰ THÀNH LẬP QUỐC TẾ CỘNG SẢN (1919)**

Yêu cầu	Trả lời	Hướng dẫn								
PHONG TRÀO CÁCH MẠNG (1918 – 1923)		Lựa chọn các từ hoặc cụm từ đã cho dưới đây điền vào chỗ trống (.....) trong đoạn thông tin cho phù hợp về nội dung của phong trào cách mạng (1918 – 1923) và sự thành lập Quốc tế Cộng sản (1919).								
Nguyên nhân của phong trào cách mạng (1918 – 1923)	Ảnh hưởng của (1).....									
	Hậu quả của (2).....									
Sự kiện tiêu biểu của phong trào cách mạng (1918 – 1923)	11 – 1918, quần chúng (3).....									
	12 – 1918, Đảng Cộng sản (4)..... thành lập.									
	Chính quyền Xô viết được thành lập trong thời gian ngắn ở (5).....									
Hệ quả	Cần có tổ chức (6)..... phong trào cách mạng.	<table><tr><td>Chiến tranh thế giới thứ nhất</td><td>nổi dậy ở Đức, nền quân chủ Đức sụp đổ</td></tr><tr><td>đường lối hoạt động</td><td>Cách mạng tháng Mười Nga</td></tr><tr><td>lãnh đạo</td><td>châu Âu</td></tr><tr><td>Đức</td><td>Đức và Hung-ga-ri</td></tr></table>	Chiến tranh thế giới thứ nhất	nổi dậy ở Đức, nền quân chủ Đức sụp đổ	đường lối hoạt động	Cách mạng tháng Mười Nga	lãnh đạo	châu Âu	Đức	Đức và Hung-ga-ri
Chiến tranh thế giới thứ nhất	nổi dậy ở Đức, nền quân chủ Đức sụp đổ									
đường lối hoạt động	Cách mạng tháng Mười Nga									
lãnh đạo	châu Âu									
Đức	Đức và Hung-ga-ri									
										
SỰ THÀNH LẬP QUỐC TẾ CỘNG SẢN (1919)										
Ý nghĩa	Đóng vai trò tổ chức lãnh đạo, thống nhất (7)..... của phong trào cộng sản ở châu Âu.									
	Thúc đẩy phong trào cách mạng ở (8)..... tiếp tục phát triển, dẫn đến sự ra đời của các đảng cộng sản tại Pháp, Anh (1920), I-ta-li-a (1921),...									

– **Bước 2:** Thực hiện nhiệm vụ

GV bắt đầu hoạt động học bằng thông tin: “Sau Chiến tranh thế giới thứ nhất (1918), phong trào cách mạng phát triển ở các nước châu Âu. Một trong những hệ quả quan trọng nhất là sự thành lập Quốc tế Cộng sản (1919)”.

GV hướng dẫn HS khai thác thông tin từ SGK để hoàn thành phiếu học tập số 1.

– **Bước 3:** Báo cáo, thảo luận

Các nhóm HS báo cáo sản phẩm.

Dự kiến sản phẩm

PHIẾU HỌC TẬP số 1

PHONG TRÀO CÁCH MẠNG (1918 – 1923) VÀ SỰ THÀNH LẬP QUỐC TẾ CỘNG SẢN (1919)

Yêu cầu	Trả lời	Hướng dẫn								
PHONG TRÀO CÁCH MẠNG (1918 – 1923)		Lựa chọn các từ hoặc cụm từ đã cho dưới đây điền vào chỗ trống (.....) trong đoạn thông tin cho phù hợp về nội dung của phong trào cách mạng (1918 – 1923) và sự thành lập Quốc tế Cộng sản (1919).								
Nguyên nhân của phong trào cách mạng (1918 – 1923)	Ảnh hưởng của (1) Cách mạng tháng Mười Nga . Hậu quả của (2) Chiến tranh thế giới thứ nhất .									
Sự kiện tiêu biểu của phong trào cách mạng (1918 – 1923)	11 – 1918, quần chúng (3) nổi dậy ở Đức, nền quân chủ Đức sụp đổ .									
	12 – 1918, Đảng Cộng sản (4) Đức thành lập.									
	Chính quyền Xô viết được thành lập trong thời gian ngắn ở (5) Đức và Hung-ga-ri .									
Hệ quả	Cần có tổ chức (6) lãnh đạo phong trào cách mạng.									
		<table><tr><td>Chiến tranh thế giới thứ nhất</td><td>nổi dậy ở Đức, nền quân chủ Đức sụp đổ</td></tr><tr><td>đường lối hoạt động</td><td>Cách mạng tháng Mười Nga</td></tr><tr><td>lãnh đạo</td><td>châu Âu</td></tr><tr><td>Đức</td><td>Đức và Hung-ga-ri</td></tr></table>	Chiến tranh thế giới thứ nhất	nổi dậy ở Đức, nền quân chủ Đức sụp đổ	đường lối hoạt động	Cách mạng tháng Mười Nga	lãnh đạo	châu Âu	Đức	Đức và Hung-ga-ri
Chiến tranh thế giới thứ nhất	nổi dậy ở Đức, nền quân chủ Đức sụp đổ									
đường lối hoạt động	Cách mạng tháng Mười Nga									
lãnh đạo	châu Âu									
Đức	Đức và Hung-ga-ri									
SỰ THÀNH LẬP QUỐC TẾ CỘNG SẢN (1919)										
Ý nghĩa	Đóng vai trò tổ chức lãnh đạo, thống nhất (7) đường lối hoạt động của phong trào cộng sản ở châu Âu.									
	Thúc đẩy phong trào cách mạng ở (8) châu Âu tiếp tục phát triển, dẫn đến đến sự ra đời của các đảng cộng sản tại Pháp, Anh (1920), I-ta-li-a (1921),...									

– **Bước 4:** Kết luận, đánh giá

***Công cụ đánh giá:** thang đo

Các nhóm HS tự đánh giá: khoanh tròn mức độ đạt được của nhóm khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

Tiêu chí	Mức độ đạt được				
Lựa chọn đúng thông tin trong việc hoàn thành phiếu học tập.	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
		(6)		(7)	

2.2. HOẠT ĐỘNG 2: CUỘC ĐẠI SUY THOÁI KINH TẾ (1929 – 1933)

a) Mục tiêu: (1), (2), (3)

b) Tổ chức thực hiện

– **Bước 1:** Giao nhiệm vụ học tập

HS sử dụng thông tin trong SGK hoàn thành phiếu học tập số 2.

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2

CUỘC ĐẠI SUY THOÁI KINH TẾ (1929 – 1933)		
Yêu cầu	Trả lời	Hướng dẫn
Nêu các biểu hiện của cuộc đại suy thoái kinh tế những năm 30 của thế kỉ XX.	(1) (2) (3)	Đọc thông tin mục 2 – trang 14 trong SGK <i>Lịch sử và Địa lí 9</i> (phần Lịch sử) (Bộ sách <i>Chân trời sáng tạo</i>).
Tư liệu 2.3 phản ánh khía cạnh nào của cuộc đại suy thoái kinh tế?	Phạm vi ảnh hưởng: (4)	Quan sát tư liệu 2.3 (hình quả Địa cầu), mục 2 – trang 13 trong SGK <i>Lịch sử và Địa lí 9</i> (phần Lịch sử) (Bộ sách <i>Chân trời sáng tạo</i>).
	Tác động khủng hoảng: (5)	Quan sát tư liệu 2.3 (trực thời gian), mục 2 – trang 13 trong SGK <i>Lịch sử và Địa lí 9</i> (phần Lịch sử) (Bộ sách <i>Chân trời sáng tạo</i>).
Tư liệu 2.4 phản ánh khía cạnh nào của cuộc đại suy thoái kinh tế?	(6)	Quan sát tư liệu 2.4 (chú ý tên quốc gia và đường biểu thị chỉ số sản xuất công nghiệp), mục 2 – trang 14 trong SGK <i>Lịch sử và Địa lí 9</i> (phần Lịch sử) (Bộ sách <i>Chân trời sáng tạo</i>).

– **Bước 2:** Thực hiện nhiệm vụ

GV chia lớp thành các nhóm thực hiện nhiệm vụ.

– **Bước 3:** Báo cáo, thảo luận

Các nhóm HS báo cáo sản phẩm.

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2

CUỘC ĐẠI SUY THOÁI KINH TẾ (1929 – 1933)

Yêu cầu	Trả lời	Hướng dẫn
Nêu các biểu hiện của cuộc đại suy thoái kinh tế những năm 30 của thế kỉ XX.	(1) Hàng chục triệu người thất nghiệp. (2) Nhiều nhà máy, nông trại bị phá sản,... (3) Tâm lí hoài nghi về mô hình kinh tế tư bản.	Đọc thông tin mục 2 – trang 14 trong SGK <i>Lịch sử và Địa lí 9</i> (phần Lịch sử) (Bộ sách <i>Chân trời sáng tạo</i>).
Tư liệu 2.3 phản ánh khía cạnh nào của cuộc đại suy thoái kinh tế?	Phạm vi ảnh hưởng: (4) từ Mỹ, cuộc suy thoái kinh tế lan rộng gần như toàn bộ các nước tư bản và thuộc địa của các nước này.	Quan sát tư liệu 2.3 (hình quả Địa cầu), mục 2 – trang 13 trong SGK <i>Lịch sử và Địa lí 9</i> (phần Lịch sử) (Bộ sách <i>Chân trời sáng tạo</i>).
	Tác động khủng hoảng: (5) thất nghiệp ở Đức và khủng hoảng chính trị ở Pháp.	Quan sát tư liệu 2.3 (trục thời gian), mục 2 – trang 13 trong SGK <i>Lịch sử và Địa lí 9</i> (phần Lịch sử) (Bộ sách <i>Chân trời sáng tạo</i>).
Tư liệu 2.4 phản ánh khía cạnh nào của cuộc đại suy thoái kinh tế?	(6) Hoạt động sản xuất công nghiệp của một số nước châu Âu (Pháp, Vương quốc Anh, Đức) và Mỹ từ năm 1929 đến năm 1932 liên tục giảm mạnh.	Quan sát tư liệu 2.4 (chú ý tên quốc gia và đường biểu thị chỉ số sản xuất công nghiệp), mục 2 – trang 14 trong SGK <i>Lịch sử và Địa lí 9</i> (phần Lịch sử) (Bộ sách <i>Chân trời sáng tạo</i>).

– **Bước 4:** Kết luận, đánh giá

GV có thể kết luận, mở rộng như sau:

- + Thời gian và địa điểm khởi đầu đại suy thoái kinh tế: năm 1929, tại Mỹ, trong lĩnh vực thị trường chứng khoán.
- + Lĩnh vực chịu tác động nặng nề nhất (khai thác tư liệu 2.4): sản xuất công nghiệp. Từ tư liệu 2.4 cũng cho thấy: chỉ số sản xuất công nghiệp của Đức và Mỹ từ năm 1929 đến năm 1932 liên tục giảm mạnh và luôn ở dưới mức trung bình so với thế giới. Điều này xuất phát từ việc Đức có nền kinh tế bị khủng hoảng khi vừa mới phục hồi vào cuối thập niên 1920 và Mỹ là nơi khởi đầu của cuộc đại suy thoái kinh tế, bị chịu ảnh hưởng nặng nề).
- + Năm 1933, Tổng thống Ru-dơ-ven nhậm chức Tổng thống Mỹ và bắt đầu thực hiện chương trình “Thoả thuận mới” (New Deal). Chương trình đã từng bước khôi phục nền kinh tế Mỹ nhưng những khó khăn do đại suy thoái kinh tế vẫn tiếp tục xảy ra cho đến khi Chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ (1939).

***Công cụ đánh giá:** thang đo

Các nhóm HS tự đánh giá: khoanh tròn mức độ đạt được của nhóm khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

Tiêu chí	Mức độ đạt được					
Lựa chọn đúng thông tin trong việc hoàn thành phiếu học tập.	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)

2.3. HOẠT ĐỘNG 3: SỰ HÌNH THÀNH CHỦ NGHĨA PHÁT XÍT Ở CHÂU ÂU

a) Mục tiêu: (1), (2), (3)

b) Tổ chức thực hiện

– **Bước 1:** Giao nhiệm vụ học tập (GV có thể tổ chức hoạt động học tập này dưới dạng trò chơi hoặc phiếu học tập).

GV yêu cầu HS dựa vào tư liệu 2.6 – trang 15 trong SGK *Lịch sử và Địa lí 9* (phần Lịch sử) (Bộ sách *Chân trời sáng tạo*) và xác định nội dung đúng hoặc sai của các dữ kiện dưới đây. Với những dữ kiện sai, GV có thể yêu cầu HS giải thích và sửa lại cho đúng.

- + Đầu những năm 20 của thế kỉ XX, chế độ phát xít từng bước được thiết lập tại Đức và I-ta-li-a.
- + Với sự thành lập Đảng Quốc xã và Đảng Phát xít, đầu thập niên 20 của thế kỉ XX, Đức và I-ta-li-a đã lập ra liên minh phát xít, chống lại Liên Xô.
- + Cuộc đại suy thoái kinh tế (1929 – 1933) là nguyên nhân chủ dẫn đến sự thiết lập chế độ phát xít tại Đức và I-ta-li-a.
- + Phân biệt chủng tộc là một trong những chính sách quan trọng được thực hiện tại Đức trong thập niên 30 của thế kỉ XX.
- + Năm 1936, Đức – Nhật Bản lập ra phe phát xít.

– **Bước 2:** Thực hiện nhiệm vụ
HS thực hiện nhiệm vụ.

– **Bước 3:** Báo cáo, thảo luận

Dự kiến sản phẩm

- + Sai. Vì chế độ phát xít chỉ được thiết lập ở I-ta-li-a vào năm 1922.
- + Sai. Vì Trục phát xít Đức – I-ta-li-a được thiết lập vào năm 1936.
- + Sai. Vì chế độ phát xít được thiết lập ở I-ta-li-a trước cuộc đại suy thoái kinh tế (1929 – 1933), câu này chỉ đúng trong trường hợp ở Đức.
- + Đúng.
- + Sai. Vì mốc thời gian 1936 trên tư liệu 2.6 biểu thị tên của liên minh phát xít Đức – I-ta-li-a (tên thủ đô của Đức và I-ta-li-a được đặt cho tên của Trục phát xít (Trục phát xít Béc-lin – Rô-ma)).

– **Bước 4:** Kết luận, đánh giá

Sau khi kết luận, GV hướng dẫn HS đọc nội dung của phần *Nhân vật lịch sử* và thuật ngữ “phát xít (chủ nghĩa)” ở bảng Thuật ngữ để xác định các đặc điểm của chủ nghĩa phát xít (trên các phương diện chính trị: đề cao chủ nghĩa dân tộc cực đoan, phân biệt chủng tộc (bài trừ người Do Thái); sùng bái lãnh đạo; tước bỏ mọi quyền dân chủ; sử dụng quân đội, cảnh sát để trấn áp lực lượng đối lập; thực hiện chính sách đối ngoại xâm lược, hiếu chiến).

***Công cụ đánh giá:** thang đo

HS tự đánh giá: khoanh tròn mức độ đạt được của cá nhân khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

Tiêu chí	Mức độ đạt được				
Số câu trả lời đúng.	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)

2.4. HOẠT ĐỘNG 4: NƯỚC MỸ GIỮA HAI CUỘC CHIẾN TRANH THẾ GIỚI (1918 – 1939)

a) Mục tiêu: (1), (2), (4), (6)

b) Tổ chức thực hiện

– **Bước 1:** Giao nhiệm vụ học tập

GV yêu cầu HS viết một đoạn văn ngắn để trình bày về tình hình nước Mỹ giữa hai cuộc chiến tranh thế giới (1918 – 1939) bằng việc sử dụng các tư liệu 2.7, 2.8 – trang 16 trong SGK *Lịch sử và Địa lí 9* (phần Lịch sử) (Bộ sách *Chân trời sáng tạo*) kết hợp với những từ khoá, tư liệu dưới đây:

Từ khoá: 1918, phồn vinh, 1921, Đảng Cộng sản, đại suy thoái kinh tế (1929 – 1933); “Thoả thuận mới” (New Deal); Tổng thống Ru-dơ-ven (1933 – 1945)

Tư liệu.

Từ năm 1929 đến năm 1933, lợi tức quốc gia của Mỹ giảm từ 87,8 tỉ đô la xuống còn 41,7 tỉ đô la; thu nhập đầu người giảm từ 681 đô la xuống còn 495 đô la. Số người thất nghiệp tăng từ 4 triệu năm 1930 lên 12 triệu năm 1932, chiếm 1/4 số người trong độ tuổi lao động.

(Lê Phụng Hoàng, *Phran-klín Đ. Ru-dơ-ven (Franklin D. Roosevelt) – Tiểu sử chính trị*,

Tủ sách Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh, 2004, trang 50)

– **Bước 2:** Thực hiện nhiệm vụ

HS thực hiện nhiệm vụ theo nhóm (có thể chỉ phác thảo dàn ý).

- + Tư liệu 2.7: nhà nước can thiệp vào đầu tư công: tạo ra các công trình lớn để tạo việc làm cho người dân.
- + Tư liệu 2.8: tình trạng thất nghiệp của lao động trẻ em vẫn chưa được giải quyết vào cuối thập niên 30 của thế kỉ XX, từ đó, cho thấy thất nghiệp – một biểu hiện của cuộc đại suy thoái kinh tế – vẫn tồn tại ở Mỹ và chương trình “Thoả thuận mới” vẫn chưa khắc phục.
- + Từ khoá: cần thể hiện trong đoạn văn.
- + Tư liệu: cung cấp thông tin về hậu quả của cuộc đại suy thoái kinh tế (1929 – 1933) đối với Mỹ.

– **Bước 3:** Báo cáo, thảo luận

Dự kiến sản phẩm

Tình hình nước Mỹ giữa hai cuộc chiến tranh thế giới (1918 – 1939) có thể chia thành 3 giai đoạn với các nội dung chính như sau:

- + 1918 – 1929: thịnh vượng về kinh tế nhưng vẫn tồn tại các vấn đề bất công xã hội, thất nghiệp, phân biệt chủng tộc,...
- + 1929 – 1933: nền kinh tế lâm vào thời kì đại suy thoái dẫn đến tình trạng thất nghiệp, đời sống người dân gặp nhiều khó khăn.
- + 1933 – 1939: Chính phủ của Tổng thống Ru-dơ-ven thực hiện chương trình “Thoả thuận mới” đã từng bước khôi phục nền kinh tế Mỹ nhưng cho đến năm 1939, đời sống người dân vẫn còn nhiều khó khăn.

– **Bước 4:** Kết luận, đánh giá

***Công cụ đánh giá:** bảng kiểm

Tiêu chí	Có hoặc Không
Bài làm được trình bày dưới dạng đoạn văn khoảng 150 đến 200 chữ.	?
Bài làm thể hiện được các từ khoá đã cho.	?
Bài làm chuyển tải được các thông tin khai thác từ tư liệu.	?
Bài làm trình bày được các nội dung chính của lịch sử nước Mỹ qua 3 giai đoạn: 1918 – 1929, 1929 – 1933, 1933 – 1939.	?

3. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a) Mục tiêu: Rèn luyện kiến thức, kĩ năng đã học.

b) Tổ chức thực hiện

– **Bước 1:** Giao nhiệm vụ học tập

HS thực hiện các bài tập sau:

1. Hãy vẽ trục thời gian thể hiện các giai đoạn phát triển kinh tế của các nước châu Âu và nước Mỹ trong những năm 1918 – 1939. Nêu đặc điểm của từng giai đoạn.

2. Tại sao từ năm 1936, nền hoà bình châu Âu bị đe dọa?

+ Câu 1. GV hướng dẫn HS hoàn thành trục thời gian thể hiện các giai đoạn phát triển kinh tế của các nước châu Âu và nước Mỹ trong những năm 1918 – 1939, đặc điểm của từng giai đoạn.

+ Câu 2. GV hướng dẫn HS khai thác, sử dụng tư liệu 2.5, 2.6 (sự kiện 1936), phần *Nhân vật lịch sử* và thông tin trong bài để trả lời.

– **Bước 2:** Thực hiện nhiệm vụ

HS thực hiện nhiệm vụ học tập theo nhóm.

– **Bước 3:** Báo cáo, thảo luận

Dự kiến sản phẩm

+ Câu 1. Dựa vào bảng thông tin dưới đây để thể hiện trục thời gian về các giai đoạn phát triển kinh tế của các nước châu Âu và nước Mỹ trong những năm 1918 – 1939.

Thời gian	1918 – 1929	1929 – 1933	1933 – 1939
Đặc điểm	Sau Chiến tranh thế giới thứ nhất, kinh tế các nước dần phát triển thịnh vượng.	Các nước lâm vào suy thoái kinh tế.	Các nước từng bước khắc phục suy thoái kinh tế.

+ Câu 2. Trả lời:

Từ năm 1936, nền hoà bình ở châu Âu bị đe dọa là vì liên minh phát xít Đức – I-ta-li-a thành lập; Hít-le công khai mục tiêu mở rộng “Không gian sinh tồn” cho dân tộc Đức bằng cách xâm đoạt lãnh thổ của các quốc gia khác.

– **Bước 4:** Kết luận, đánh giá.

***Công cụ đánh giá:** bài tập

4. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

***Ghi chú:** HS sẽ thực hiện hoạt động này tại nhà và gửi sản phẩm đến GV vào thời điểm thích hợp do GV xác định.

a) Mục tiêu: (4), (5), (6)

b) Tổ chức thực hiện

– **Bước 1:** Giao nhiệm vụ học tập

HS thực hiện bài tập sau:

Hãy nêu tên một chính sách trong “Thoả thuận mới” của Chính phủ Ru-dơ-ven mà theo em vẫn còn được áp dụng phổ biến ở Mỹ cho đến ngày nay.

GV tổ chức cho HS tranh luận để xác định 1 trong 2 chính sách sau:

- + Nhà nước trực tiếp quản lí và can thiệp sâu vào các lĩnh vực quan trọng của đất nước.
- + Phúc lợi xã hội.

GV đưa ra đáp án là: phúc lợi xã hội – chính sách vẫn còn được áp dụng phổ biến ở Mỹ hiện nay. Sau đó, yêu cầu HS tìm kiếm thông tin từ internet để kiểm chứng (cung cấp ít nhất một dẫn chứng).

– **Bước 2:** Thực hiện nhiệm vụ

HS thực hiện nhiệm vụ học tập cá nhân.

– **Bước 3:** Báo cáo, thảo luận

GV nêu ít nhất một dẫn chứng về chính sách phúc lợi xã hội của Mỹ hiện nay.

– **Bước 4:** Kết luận, đánh giá

***Công cụ đánh giá:** thang đo

Tiêu chí	Mức độ đạt được				
Mức độ thuyết phục của dẫn chứng.	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)

B. KẾ HOẠCH BÀI DẠY CÁCH 2: DỰA TRÊN MA TRẬN VÀ CHƯƠNG TRÌNH GDPT 2018

Hoạt động	Mục tiêu			Nội dung	Phương pháp hoặc Kỹ thuật dạy học	Công cụ đánh giá
	Năng lực chung	Năng lực lịch sử	Phẩm chất			
Hoạt động khởi động	Nhận biết được các yêu cầu cần đạt của bài học.			Yêu cầu cần đạt của bài học.	PPDH giảng bài	Câu hỏi

Hoạt động	Mục tiêu			Nội dung	Phương pháp hoặc Kỹ thuật dạy học	Công cụ đánh giá
	Năng lực chung	Năng lực lịch sử	Phẩm chất			
Hoạt động hình thành kiến thức mới						
Hoạt động 1	1	2, 3		Phong trào cách mạng (1918 – 1923) và sự thành lập Quốc tế Cộng sản (1919)	PPDH hợp tác	Thang đo
Hoạt động 2	1	2, 3		Cuộc đại suy thoái kinh tế (1929 – 1933)	PPDH lịch sử qua sử dụng tư liệu	Thang đo
Hoạt động 3	1	2, 3		Sự hình thành chủ nghĩa phát xít ở châu Âu	PPDH hợp tác	Thang đo
Hoạt động 4	1	2, 4	6	Nước Mỹ giữa hai cuộc chiến tranh thế giới (1918 – 1939)	PPDH khám phá	Bảng kiểm
Hoạt động luyện tập	Rèn luyện kiến thức, kĩ năng đã học.			Tóm tắt những nội dung chính về tình hình châu Âu và nước Mỹ từ năm 1918 – 1939	PPDH hợp tác	Bài tập
Hoạt động vận dụng		4, 5	6	Xác định một chính sách trong “Thoả thuận mới” của Chính phủ Ru-dơ-ven vẫn còn được áp dụng phổ biến ở Mỹ cho đến ngày nay.	PPDH khám phá	Thang đo

Bài 3.

CHÂU Á TỪ NĂM 1918 ĐẾN NĂM 1945

(DỰ KIẾN 1 TIẾT)

A. KẾ HOẠCH BÀI DẠY CÁCH 1:

I. MỤC TIÊU

Phẩm chất, năng lực	Yêu cầu cần đạt	Mã số
1. Năng lực chung		
Giao tiếp và hợp tác	Hiểu rõ nhiệm vụ của nhóm; đánh giá được khả năng của bản thân và tự nhận công việc phù hợp.	1
2. Năng lực lịch sử		
Tìm hiểu lịch sử	Khai thác và sử dụng thông tin của một số tư liệu lịch sử (3.1, 3.2, 3.3, 3.4) và phần <i>Em có biết</i> để nhận thức về tình hình một số nước châu Á như Nhật Bản, Trung Quốc, Ấn Độ và khu vực Đông Nam Á trong những năm 1918 – 1945.	2
Nhận thức và tư duy lịch sử	Nêu được những nét chính về tình hình châu Á từ năm 1918 đến năm 1945.	3
Vận dụng	Vận dụng kiến thức về các nhân vật lịch sử nổi bật của các nước châu Á trong những năm 1918 – 1945 để lựa chọn nhân vật ấn tượng và đánh giá về sự nghiệp hoặc quan điểm, đường lối thực hành sinh hoạt chính trị của nhân vật đó.	4
3. Phẩm chất		
Nhân ái	Thể hiện sự ủng hộ về tinh thần đấu tranh chống lại ách đô hộ của các nước châu Á.	5

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- Máy tính, máy chiếu.
- Phiếu học tập (giấy A0), nam châm dán phiếu học tập, bút màu.
- SGK, SGV *Lịch sử và Địa lí 9* (phần Lịch sử) (Bộ sách *Chân trời sáng tạo*).

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a) Mục tiêu: Sau khi tham gia hoạt động, HS sẽ nhận biết được yêu cầu cần đạt của bài học.

b) Tổ chức thực hiện

- **Gợi ý 1:** GV dùng phần *Dẫn nhập* trong SGK để dẫn dắt HS vào bài học.
- **Gợi ý 2:** GV thiết kế câu hỏi trắc nghiệm, trò chơi, hình ảnh có liên quan đến địa danh, nhân vật lịch sử, thuật ngữ, ... về tình hình chính trị ở châu Á từ năm 1918 đến năm 1945 để giao nhiệm vụ chính của bài học cho HS. (Lưu ý: nên sử dụng những hình ảnh có trong bài để HS có cơ sở trả lời, từ đó, GV đi thẳng vào việc tìm hiểu hai vấn đề chính là: Nước Nhật gây chiến tranh và phong trào cách mạng bùng lên ở Trung Quốc và Ấn Độ).

2. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

2.1. HOẠT ĐỘNG 1: NHẬT BẢN GIỮA HAI CUỘC CHIẾN TRANH THẾ GIỚI

a) Mục tiêu: (1), (2), (3)

b) Tổ chức thực hiện

– **Bước 1:** Giao nhiệm vụ học tập

GV tổ chức cho các nhóm HS nối thông tin ở cột A với thông tin ở cột B cho phù hợp về những nét chính của tình hình Nhật Bản trong những năm 1918 – 1945.

Cột A
1. Từ năm 1918 đến năm 1927
2. Năm 1922
3. Từ năm 1927 đến năm 1931
4. Từ năm 1931 đến năm 1939
5. Năm 1940
6. Thông tin từ tư liệu 3.1
7. Thông tin từ tư liệu 3.2

Cột B
A. Nhật Bản tiến hành mở rộng xâm lược Trung Quốc.
B. kinh tế khủng hoảng, quân đội giành được quyền kiểm soát Chính phủ và chủ trương hoạt động xâm lược, bành trướng lãnh thổ các nước láng giềng.
C. ổn định về kinh tế và dân chủ trong sinh hoạt chính trị.
D. Đảng Cộng sản Nhật Bản được thành lập và hoạt động công khai.
E. công bố <i>Thuyết Đại Đông Á</i> , chuẩn bị xâm lược các nước Đông Nam Á.

– **Bước 2:** Thực hiện nhiệm vụ

Các nhóm HS thực hiện nhiệm vụ.

– **Bước 3:** Báo cáo, thảo luận

Các nhóm HS báo cáo sản phẩm.

Dự kiến sản phẩm

1. C; 2. D; 3. B; 4. A; 5. E; 6. A; 7. A.

– **Bước 4:** Kết luận, đánh giá

GV có thể nâng cao kiến thức HS thông qua việc hướng dẫn HS khai thác thông tin phần *Em có biết* để xác định điểm giống nhau và điểm đặc trưng của chủ nghĩa quân phiệt Nhật Bản so với chủ nghĩa phát xít Đức – I-ta-li-a (liên hệ với bài 2).

+ Điểm giống nhau: đề cao chủ nghĩa dân tộc cực đoan và tham vọng bành trướng, xâm lược.

+ Điểm đặc trưng: giới quân phiệt không tạo ra lãnh tụ mới mà chọn Hoàng đế Nhật Bản (Thiên hoàng) trở thành biểu tượng quyền lực nhà nước để nhận được sự ủng hộ của người dân trong nước.

***Công cụ đánh giá:** thang đo

Tiêu chí	Mức độ đạt được
Số câu trả lời đúng.	(1) (2) (3) (4) (5) (6) (7)

2.2. HOẠT ĐỘNG 2: PHONG TRÀO GIẢI PHÓNG DÂN TỘC Ở TRUNG QUỐC, ẤN ĐỘ, KHU VỰC ĐÔNG NAM Á

a) Mục tiêu: (1), (2), (3), (5)

b) Tổ chức thực hiện

– **Bước 1:** Giao nhiệm vụ học tập

HS sử dụng thông tin trong SGK hoàn thành phiếu học tập.

PHIẾU HỌC TẬP

PHONG TRÀO GIẢI PHÓNG DÂN TỘC Ở TRUNG QUỐC, ẤN ĐỘ, KHU VỰC ĐÔNG NAM Á		
Quốc gia hoặc khu vực	Thời gian	Sự kiện
Trung Quốc	4 – 5 – 1919	(1)
	1921	(2)
	1927	(3)
	1937	(4)
Ấn Độ	1925	(5)
	1930	(6)
Đông Nam Á	1920	(7)
	1926 – 1927	(8)
	1930	(9)
	1930 – 1931	(10)
	1932	(11)
	1940	(12)
Dựa vào tư liệu 3.4 và trả lời các câu hỏi:		Trả lời:
1. M. Gan-đi đã có hành động gì để chống lại đạo luật hà khắc của thực dân Anh đối với người dân Ấn Độ?		(13)
2. Tại sao có thể gọi hành động của ông là “bất bạo động”?		(14)

– **Bước 2:** Thực hiện nhiệm vụ

GV chia lớp thành các nhóm thực hiện nhiệm vụ.

– **Bước 3:** Báo cáo, thảo luận

Các nhóm HS báo cáo sản phẩm.

PHIẾU HỌC TẬP

**PHONG TRÀO GIẢI PHÓNG DÂN TỘC Ở TRUNG QUỐC, ẤN ĐỘ,
KHU VỰC ĐÔNG NAM Á**

Quốc gia hoặc khu vực	Thời gian	Sự kiện
Trung Quốc	4 – 5 – 1919	(1) Phong trào Ngũ tứ: sinh viên Trung Quốc phản đối quyết định của Hội nghị Véc-xai (1919) trao vùng Sơn Đông cho Nhật Bản quản lí.
	1921	(2) Đảng Cộng sản Trung Quốc ra đời, cùng Quốc Dân đảng chống lực lượng quân phiệt cát cứ.
	1927	(3) Liên minh Quốc – Cộng tan vỡ, nội chiến xảy ra.
	1937	(4) Quốc – Cộng hợp tác, thành lập Mặt trận dân tộc thống nhất chống Nhật.
Ấn Độ	1925	(5) Đảng Cộng sản Ấn Độ ra đời.
	1930	(6) M. Gan-đi lãnh đạo “cuộc biểu tình bất bạo động Muối”, đấu tranh chống thực dân Anh bằng biện pháp “bất bạo động”.
Đông Nam Á	1920	(7) Đảng Cộng sản In-đô-nê-xi-a ra đời.
	1926 – 1927	(8) Khởi nghĩa vũ trang ở Gia-va và Xu-ma-tra (In-đô-nê-xi-a).
	1930	(9) Đảng Cộng sản Việt Nam và Đảng Cộng sản Mã Lai ra đời.
	1930 – 1931	(10) Phong trào Xô viết Nghệ – Tĩnh (Việt Nam)
	1932	(11) Cách mạng ở Xiêm, ra đời chính thể quân chủ lập hiến.
	1940	(12) Nhân dân Đông Nam Á đấu tranh chống lại sự xâm lược và đô hộ của phát xít Nhật Bản.
Dựa vào tư liệu 3.4 và trả lời các câu hỏi:		Trả lời:
1. M. Gan-đi đã có hành động gì để chống lại đạo luật hà khắc của thực dân Anh đối với người dân Ấn Độ?		(13) M. Gan-đi đã tiến hành “cuộc biểu tình bất bạo động Muối” – đi bộ gần 400 km đến bờ biển phía Tây Ấn Độ.
2. Tại sao có thể gọi hành động của ông là “bất bạo động”?		(14) Vì hình thức đấu tranh là biểu tình ôn hoà, khuyến khích người dân Ấn Độ bất tuân lệnh của chính quyền thuộc địa, tuyệt đối không sử dụng bạo lực.

– **Bước 4:** Kết luận, đánh giá

***Công cụ đánh giá:** thang đo

Các nhóm HS tự đánh giá: khoanh tròn mức độ đạt được của nhóm khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

Tiêu chí	Mức độ đạt được
Lựa chọn đúng thông tin trong việc hoàn thành phiếu học tập.	(1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10) (11) (12) (13) (14)

3. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

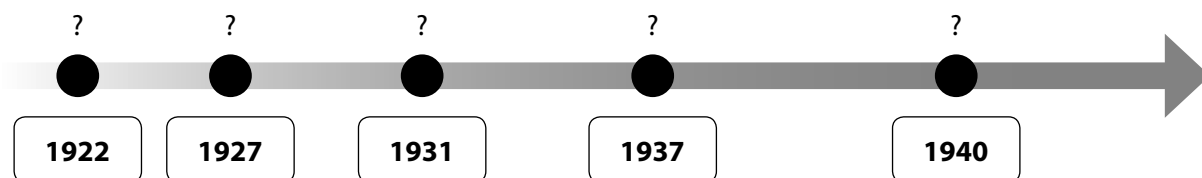
a) Mục tiêu: Rèn luyện kiến thức, kĩ năng đã học.

b) Tổ chức thực hiện

– **Bước 1:** Giao nhiệm vụ học tập

HS thực hiện bài tập sau:

1. Hãy hoàn thành trục thời gian về tình hình Nhật Bản giữa hai cuộc chiến tranh thế giới theo mẫu dưới đây:



2. Hãy hoàn thành bảng hệ thống về những phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc ở châu Á theo mẫu dưới đây:

STT	Tên phong trào	Tên quốc gia	Thời gian	Đặc điểm chính
?	?	Trung Quốc	?	?
?	?	Ấn Độ	?	?
?	?	Các nước Đông Nam Á	?	?

– **Bước 2:** Thực hiện nhiệm vụ

+ HS thực hiện nhiệm vụ học tập theo nhóm.

+ GV hướng dẫn HS sử dụng thông tin trong mục 1 để thực hiện yêu cầu.

– **Bước 3:** Báo cáo, thảo luận

Dự kiến sản phẩm

+ Câu 1. Trả lời:

1922: Đảng Cộng sản được thành lập.

1927: Nền kinh tế có dấu hiệu khủng hoảng.

1931: Chiếm vùng Đông Bắc Trung Quốc.

1937: Mở rộng cuộc chiến tranh xâm lược ra toàn lãnh thổ Trung Quốc.

1940: Công bố *Thuyết Đại Đông Á*.

Dự kiến sản phẩm

+ Câu 2. Trả lời:

STT	Tên phong trào	Tên quốc gia	Thời gian	Đặc điểm chính
1	Phong trào Ngũ tứ	Trung Quốc	4 – 5 – 1919	Phong trào đấu tranh rộng lớn của sinh viên, học sinh, trí thức, công nhân, thị dân Trung Quốc.
2	Cuộc biểu tình bất bạo động Muối	Ấn Độ	12 – 3 – 1930	M. Gan-đi đi bộ gần 400 km đến bờ biển phía Tây Ấn Độ để phản đối luật của anh cấm người Ấn Độ tự thu hoạch muối và trả thuế muối quá cao.
3	Khởi nghĩa vũ trang ở Gia-va và Xu-ma-tra	Các nước Đông Nam Á	1926 – 1927	Phong trào cách mạng ở các nước Đông Nam Á có sự tham gia của nhiều tầng lớp như trí thức, tư sản dân tộc, công nhân đều hướng tới mục tiêu giành độc lập dân tộc.
	Xô viết Nghệ – Tĩnh		1930 – 1931	

– **Bước 4:** Kết luận, đánh giá

***Công cụ đánh giá:** bài tập

4. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

***Ghi chú:** HS sẽ thực hiện hoạt động này tại nhà và gửi sản phẩm đến GV vào thời điểm thích hợp do GV xác định.

a) Mục tiêu: (2), (3), (4), (5)

b) Tổ chức thực hiện

– **Bước 1:** Giao nhiệm vụ học tập

HS thực hiện bài tập sau:

Trong số các nhà lãnh đạo phong trào giải phóng dân tộc ở châu Á giai đoạn 1918 – 1945, em thấy ấn tượng với nhà lãnh đạo nào nhất? Hãy giải thích lí do.

GV hướng dẫn HS xác định nhân vật lịch sử, tìm kiếm thông tin về những nét nổi bật trong sự nghiệp hoặc quan điểm, đường lối thực hành sinh hoạt chính trị của nhân vật lịch sử các em lựa chọn. Chẳng hạn: Nhật hoàng Hi-rô-hi-tô, M. Gan-đi,...

– **Bước 2:** Thực hiện nhiệm vụ

HS thực hiện nhiệm vụ học tập cá nhân.

– **Bước 3:** Báo cáo, thảo luận

Dự kiến sản phẩm

+ Xác định được nhân vật lịch sử.

+ Nêu được ít nhất 2 lí do liên quan đến những nét nổi bật trong sự nghiệp hoặc quan điểm, đường lối thực hành sinh hoạt chính trị (có kèm theo sự kiện lịch sử để chứng minh).

– **Bước 4:** Kết luận, đánh giá

***Công cụ đánh giá:** bảng kiểm

Tiêu chí	Có hoặc Không
Xác định được nhân vật lịch sử.	?
Nêu được ít nhất 2 lí do liên quan đến những nét nổi bật trong sự nghiệp hoặc quan điểm, đường lối thực hành sinh hoạt chính trị.	?
Có kèm theo sự kiện lịch sử để chứng minh.	?

B. KẾ HOẠCH BÀI DẠY CÁCH 2: DỰA TRÊN MA TRẬN VÀ CHƯƠNG TRÌNH GDPT 2018

Hoạt động	Mục tiêu			Nội dung	Phương pháp hoặc Kĩ thuật dạy học	Công cụ đánh giá
	Năng lực chung	Năng lực lịch sử	Phẩm chất			
Hoạt động khởi động	Nhận biết được các yêu cầu cần đạt của bài học.			Yêu cầu cần đạt của bài học.	PPDH diễn giảng	Câu hỏi
Hoạt động hình thành kiến thức mới						
Hoạt động 1	1	2, 3		Nhật Bản giữa hai cuộc chiến tranh thế giới	PPDH hợp tác	Thang đo
Hoạt động 2	1	2, 3	5	Phong trào giải phóng dân tộc ở Trung Quốc, Ấn Độ, khu vực Đông Nam Á	PPDH hợp tác	Thang đo
Hoạt động luyện tập	Rèn luyện kiến thức, kĩ năng đã học.			Tóm tắt tình hình Nhật Bản giữa hai cuộc chiến tranh thế giới.	PPDH giải quyết vấn đề	Bài tập
Hoạt động vận dụng		2, 3, 4	5	Tìm hiểu về nhân vật lịch sử lãnh đạo phong trào giải phóng dân tộc ở châu Á giai đoạn 1918 – 1945.	PPDH giải quyết vấn đề	Bảng kiểm

Bài 4.

CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ HAI (1939 – 1945)

(DỰ KIẾN 2 TIẾT)

A. KẾ HOẠCH BÀI DẠY CÁCH 1:

I. MỤC TIÊU

Phẩm chất, năng lực	Yêu cầu cần đạt	Mã số
1. Năng lực chung		
Giao tiếp và hợp tác	Hiểu rõ nhiệm vụ của nhóm; đánh giá được khả năng của bản thân và tự nhận công việc phù hợp.	1
2. Năng lực lịch sử		
Tìm hiểu lịch sử	Khai thác và sử dụng thông tin của một số tư liệu lịch sử (4.2, 4.3, 4.4, 4.5, 4.6, 4.7) và phần <i>Em có biết</i> để nhận thức về nguyên nhân và diễn biến chủ yếu của Chiến tranh thế giới thứ hai; hậu quả của Chiến tranh thế giới thứ hai đối với lịch sử nhân loại; nguyên nhân thắng lợi, ý nghĩa lịch sử, vai trò của Liên Xô và các nước Đồng minh trong chiến thắng chống chủ nghĩa phát xít.	2
Nhận thức và tư duy lịch sử	Trình bày được nguyên nhân của Chiến tranh thế giới thứ hai.	3
	Trình bày được diễn biến chủ yếu của Chiến tranh thế giới thứ hai.	4
	Phân tích được hậu quả của Chiến tranh thế giới thứ hai đối với lịch sử nhân loại.	5
	Nêu được nguyên nhân thắng lợi, ý nghĩa lịch sử, vai trò của Liên Xô và các nước Đồng minh trong chiến thắng chủ nghĩa phát xít.	6
Vận dụng	Vận dụng kiến thức về Chiến tranh thế giới thứ hai” để viết một đoạn văn ngắn (khoảng 150 chữ) miêu tả lại trận phản công ở Xta-lin-grát.	7
3. Phẩm chất		
Nhân ái	Thể hiện thái độ căm ghét chiến tranh, yêu chuộng hoà bình.	8

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- Máy tính, máy chiếu.
- Phiếu học tập (giấy A0), nam châm dán phiếu học tập, bút màu.
- SGK, SGV *Lịch sử và Địa lí 9* (phần Lịch sử) (Bộ sách *Chân trời sáng tạo*).

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a) Mục tiêu: Sau khi tham gia hoạt động, HS sẽ nhận biết được yêu cầu cần đạt của bài học.

b) Tổ chức thực hiện

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập

– **Gợi ý 1:** GV dùng phần *Dẫn nhập* trong SGK để dẫn dắt HS vào bài học. Lưu ý: khi sử dụng tư liệu 4.1 cho phần *Dẫn nhập*, GV có thể sử dụng bức hình ở bài 12, trang 54 trong SGK *Lịch sử và Địa lí 8* (Bộ sách *Chân trời sáng tạo*) để HS thấy rõ tính chất huỷ diệt của Chiến tranh thế giới thứ hai, khi dân thường là mục tiêu tấn công của chủ nghĩa phát xít và trở thành nạn nhân trong hoạt động quân sự của các nước tham chiến. Đây là điểm khác biệt cơ bản so với Chiến tranh thế giới thứ nhất.

– **Gợi ý 2:** GV chọn một số hình ảnh hoặc video clip liên quan đến sự kiện, nhân vật trong Chiến tranh thế giới thứ hai để dẫn dắt vào bài học.

2. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

2.1. HOẠT ĐỘNG 1: NGUYÊN NHÂN BÙNG NỔ

a) Mục tiêu: (1), (2), (3)

b) Tổ chức thực hiện

– Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập

GV dùng phương pháp dạy học nêu vấn đề và kĩ thuật dạy học động não không công khai, yêu cầu HS hoàn thành nhiệm vụ sau:

Những nguyên nhân nào đưa đến Chiến tranh thế giới thứ hai? Tư liệu 4.2 cho ta biết điều gì về nguyên nhân dẫn đến Chiến tranh thế giới thứ hai?

HS giải quyết được vấn đề.

– Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

GV chia lớp thành các nhóm nhỏ.

HS viết đáp án vào giấy riêng, sau khi hoàn thành hết, HS thảo luận để thống nhất đáp án.

– Bước 3: Báo cáo, thảo luận

Các nhóm HS báo cáo sản phẩm.

Dự kiến sản phẩm

+ Nguyên nhân sâu xa của Chiến tranh thế giới thứ hai: sau Chiến tranh thế giới thứ nhất, những mâu thuẫn về thị trường, thuộc địa vẫn tiếp tục nảy sinh giữa các nước đế quốc. Cuộc đại suy thoái kinh tế (1929 – 1933) làm cho những mâu thuẫn này thêm sâu sắc. Các nước Đức, I-ta-li-a, Nhật Bản tiếp tục nỗ lực phát xít hoá bộ máy nhà nước và thực hiện ý định gây chiến tranh, phân chia lại thế giới. Thế giới dần xuất hiện hai khối nước đối đầu nhau nhưng có chung mâu thuẫn với Liên Xô là: Anh – Pháp – Mỹ và Đức – I-ta-li-a – Nhật.

+ Nguyên nhân trực tiếp: Chính sách đối ngoại mang tính thoả hiệp và hèn nhát của các nước châu Âu và Mỹ trong vấn đề đối phó với Đức. Chính phủ Anh, Pháp theo đường lối xoa dịu, dung dưỡng cho Hít-le; Liên Xô theo đuổi chính sách “không xâm phạm nhau”; Mỹ giữ chính sách biệt lập, không can thiệp. Những chính sách ngoại giao đó đã làm cho Hít-le dễ dàng sáp nhập Áo (1938), sau đó thôn tính một phần lãnh thổ Tiệp Khắc (vùng Suy-đeten (Sudetenland)) theo thoả thuận tại Hội nghị Mui-ních. Tháng 3 – 1939, Đức xâm chiếm hoàn toàn Tiệp Khắc, kiên quyết theo đuổi mưu đồ bá chủ châu Âu, tiêu diệt Liên Xô. Ngày 1 – 9 – 1939, Đức tấn công Ba Lan. Thực hiện cam kết bảo vệ nền độc lập của Ba Lan, ngày 3 – 9, Anh – Pháp tuyên chiến với Đức. Chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ.

– **Bước 4:** Kết luận, đánh giá

***Công cụ đánh giá:** bảng kiểm

STT	Các nội dung trả lời	Đạt hoặc Không đạt
1	HS đưa ra được chính sách ngoại giao dung dưỡng của Anh – Pháp – Mỹ với Đức – I-ta-li-a – Nhật Bản là một phần nguyên nhân sâu xa đưa đến Chiến tranh thế giới thứ hai.	?
2	HS nêu được nguyên nhân sâu xa khác đưa đến bùng nổ chiến tranh.	?
3	HS nêu được nguyên nhân trực tiếp (duyên cớ cuộc chiến).	?
4	HS trình bày được việc khai thác tư liệu.	?

2.2. HOẠT ĐỘNG 2: NHỮNG DIỄN BIẾN CHÍNH

a) Mục tiêu: (1), (2), (4)

b) Tổ chức thực hiện

– **Bước 1:** Giao nhiệm vụ học tập

GV sử dụng phương pháp dạy học hợp tác và kĩ thuật dạy học giao nhiệm vụ học tập, yêu cầu HS chia thành các nhóm, một nửa tìm hiểu về giai đoạn 1 và nửa còn lại tìm hiểu về giai đoạn 2. Mỗi nhóm hoàn thành bảng vẽ các mặt trận trong Chiến tranh thế giới thứ hai:

Mặt trận phía Tây	Mặt trận phía Đông	Mặt trận Bắc Phi	Mặt trận châu Á – Thái Bình Dương
?	?	?	?

– **Bước 2:** Thực hiện nhiệm vụ

HS được chia thành các nhóm và thực hiện nhiệm vụ.

– **Bước 3:** Báo cáo, thảo luận

GV mời đại diện các nhóm trình bày về sản phẩm đã thực hiện.

Dự kiến sản phẩm

+ Giai đoạn 1. Chiến tranh bùng nổ và lan rộng ra toàn thế giới (1939 – 1941)

Mặt trận phía Tây	Mặt trận phía Đông	Mặt trận Bắc Phi	Mặt trận châu Á – Thái Bình Dương
Quân đội Đức Quốc xã xâm chiếm các nước Hà Lan, Bỉ, Lúc-xăm-bua, Pháp, Đan Mạch, Na Uy trong hai tháng (tháng 5 và tháng 6 – 1940) và mở cuộc tấn công vào Anh nhưng thất bại.	Ngày 22 – 6 – 1941, Đức tấn công Liên Xô, thọc sâu vào lãnh thổ Liên Xô, áp sát Mát-xcơ-va, bao vây Lê-nin-grát. Trận chiến khốc liệt nhất đã diễn ra ở thành phố Lê-nin-grát và ngoại ô Mát-xcơ-va.	Phát xít I-ta-li-a ồ ạt tấn công Ai Cập.	– Nhật Bản mở rộng xâm lược Trung Quốc, chiếm đóng toàn bộ vùng Đông Nam Á. – Ngày 7 – 12 – 1941, Nhật Bản bất ngờ cho máy bay tấn công hạm đội Mỹ tại Trân Châu Cảng ở Ha-oai. Mỹ từ bỏ chính sách biệt lập, bắt đầu tham chiến.
Chiến tranh lan rộng trên toàn bộ châu Âu, Bắc Phi và vùng châu Á – Thái Bình Dương.			

Dự kiến sản phẩm

+ Giai đoạn 2. Quân Đồng minh phản công, chiến tranh kết thúc (1942 – 1945)

		Mặt trận Bắc Phi	Mặt trận châu Á – Thái Bình Dương
Ngày 1 – 1 – 1942, tại Oa-sinh-tơn, 26 quốc gia (đứng đầu là Liên Xô, Mỹ, Anh) đã kí bản <i>Tuyên ngôn Liên hợp quốc</i> chống chủ nghĩa phát xít. Khối Đồng minh chính thức ra đời.			
Mặt trận phía Tây	Mặt trận phía Đông	Giữa năm 1943, quân Đức và I-ta-li-a thua phe Đồng minh ở mặt trận Bắc Phi.	- Sau trận Mít-uây vào tháng 6 – 1942, Nhật Bản liên tiếp thua trận. - Trong các ngày 6 và 9 – 8 – 1945, Mỹ đã lần lượt thả hai quả bom nguyên tử xuống các thành phố Hi-rô-si-ma và Na-ga-xa-ki. - Ngày 8 – 8 – 1945, Liên Xô tuyên chiến với Nhật. - Ngày 9 – 8 – 1945, Hồng quân Liên Xô tấn công đạo quân Quan Đông của Nhật ở Đông Bắc Trung Quốc. - Ngày 15 – 8 – 1945, Nhật Bản chấp nhận đầu hàng không điều kiện. - Chiến tranh thế giới thứ hai kết thúc.
- Năm 1943, Mút-xô-li-ni bị lật đổ ở I-ta-li-a. - Ngày 6 – 6 – 1944, liên quân Anh, Mỹ đổ bộ lên bãi biển Noóc-măng-đi mở ra mặt trận thứ hai ở Tây Âu, kết hợp với Liên Xô ở mặt trận phía đông tấn công Đức, giải phóng nước Pháp. - Ngày 30 – 4 – 1945, Hồng quân Liên Xô tiến vào Béc-lin, cầm cờ trên nóc toà nhà Quốc hội Đức. - Ngày 9 – 5 – 1945, Đức kí hiệp định đầu hàng không điều kiện, chiến tranh chấm dứt ở châu Âu.	- Chiến thắng Xta-lin-grát. - Liên Xô và phe Đồng minh bắt đầu chuyển sang thế tấn công quân phát xít trên khắp các mặt trận.		

– **Bước 4:** Kết luận, đánh giá

GV nhận xét và kết luận

***Công cụ đánh giá:** bảng tiêu chí Rubrics

Mức độ Tiêu chí	Mức 1 (3 – 4)	Mức 2 (5 – 7)	Mức 3 (8 – 10)
Nội dung (60%)	- HS hoàn thành bảng nhưng thông tin chưa chính xác. - HS thuyết trình còn rụt rè, chưa tự tin. (1,5 – 2)	- HS hoàn thành bảng, đúng thông tin. - HS thuyết trình còn rụt rè, chưa tự tin. (3 – 4,5)	- HS hoàn thành bảng, đúng thông tin. - HS thuyết trình rành mạch, tự tin. (5 – 6)

Mức độ Tiêu chí	Mức 1 (3 – 4)	Mức 2 (5 – 7)	Mức 3 (8 – 10)
Khả năng làm việc nhóm (20%)	Không có bảng phân công, nhiều thành viên không làm. (0)	Có bảng phân công, vẫn còn thành viên không làm. (0,5)	Có bảng phân công, tất cả thành viên đều làm. (1)
Hình thức sản phẩm (10%)	Trình bày không rõ ràng. (0,5 – 0,75)	Trình bày rõ ràng nhưng chưa đẹp. (1 – 1,5)	Trình bày rõ ràng, thẩm mỹ. (1,75 – 2)
Thời gian (10%)	Quá thời gian quy định 3 – 5 phút. (0)	Vừa đúng thời gian. (0,5)	Sớm hơn thời gian quy định. (1)

2.3. HOẠT ĐỘNG 3: HẬU QUẢ

a) Mục tiêu: (1), (2), (5)

b) Tổ chức thực hiện

– **Bước 1:** Giao nhiệm vụ học tập

GV sử dụng phương pháp dạy học hợp tác và kĩ thuật dạy học khăn trải bàn để yêu cầu HS: phân tích được những hậu quả của Chiến tranh thế giới thứ hai đối với lịch sử nhân loại.

– **Bước 2:** Thực hiện nhiệm vụ

HS được chia thành các nhóm, mỗi thành viên viết câu trả lời vào các bên, sau đó, cùng thảo luận thống nhất câu trả lời vào trung tâm.

– **Bước 3:** Báo cáo, thảo luận

Dự kiến sản phẩm

Khoảng gần 60 triệu người chết, 90 triệu người bị tàn tật, thiệt hại về vật chất lên đến khoảng 4 000 tỉ đô la Mỹ, gấp 10 lần so với Chiến tranh thế giới thứ nhất và bằng tất cả các cuộc chiến tranh trong một nghìn năm trước đó cộng lại. Do tính sát thương cao của vũ khí hiện đại, chiến sự lan rộng khắp lãnh thổ các nước tham chiến (ngoại trừ Mỹ), dân thường cũng là nạn nhân trong hoạt động quân sự của các nước tham chiến nên số dân thường bị sát hại tăng lên cấp số nhân, chiếm hơn một nửa số người chết trong chiến tranh. Trong số đó, có hơn 6 triệu người Do Thái bị sát hại mà hơn một nửa bị giết trong các lò hơi ngạt ở các trại tập trung của Đức Quốc xã.

– **Bước 4:** Kết luận, đánh giá

GV nhận xét và kết luận

***Công cụ đánh giá:** bảng kiểm

STT	Các nội dung trả lời	Đạt hoặc Không đạt
1	HS phân tích được những hậu quả của chiến tranh.	?
2	Sản phẩm trình bày rõ ràng.	?
3	Nhóm hoạt động tích cực.	?

2.4. HOẠT ĐỘNG 4: NGUYÊN NHÂN THẮNG LỢI, Ý NGHĨA LỊCH SỬ CỦA CHIẾN THẮNG CHỐNG CHỦ NGHĨA PHÁT XÍT

a) Mục tiêu: (1), (2), (6)

b) Tổ chức thực hiện

– **Bước 1:** Giao nhiệm vụ học tập

GV sử dụng phương pháp dạy học hợp tác và kĩ thuật dạy học nhóm đôi yêu cầu HS: nêu được nguyên nhân thắng lợi, ý nghĩa lịch sử của chiến thắng chống chủ nghĩa phát xít.

– **Bước 2:** Thực hiện nhiệm vụ

HS được chia thành các nhóm đôi, thảo luận và thực hiện yêu cầu.

– **Bước 3:** Báo cáo, thảo luận

Dự kiến sản phẩm

+ Nguyên nhân thắng lợi: tinh thần chiến đấu anh dũng vì hoà bình, chính nghĩa của nhân dân toàn thế giới, nhờ sự hi sinh quên mình của Hồng quân Liên Xô và quân đội các nước Đồng minh. Sự phối hợp giữa phe Đồng minh với các phong trào kháng chiến của nhân dân các nước bị phát xít chiếm đóng.

+ Ý nghĩa lịch sử: chiến thắng của Liên Xô và các nước Đồng minh trong Chiến tranh thế giới thứ hai đã cứu nhân loại thoát khỏi thảm hoạ của chủ nghĩa phát xít và có ý nghĩa quan trọng cho hoà bình, an ninh, tiến bộ, sự bình đẳng của các dân tộc trên thế giới. Chiến tranh kết thúc đã tạo ra những chuyển biến to lớn trong tình hình thế giới. Sau chiến tranh, một loạt các nước xã hội chủ nghĩa ra đời ở Đông Âu và châu Á, nhiều dân tộc có điều kiện vùng lên giành độc lập, trong đó có Việt Nam.

– **Bước 4:** Kết luận, đánh giá

GV nhận xét và kết luận.

***Công cụ đánh giá:** thang đo

Các nhóm HS tự đánh giá: khoanh tròn mức độ đạt được của nhóm khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

Tiêu chí	Mức độ đạt được				
	(Mức 3 trở lên là đạt)				
Trả lời đúng câu hỏi.	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)

3. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a) Mục tiêu: Rèn luyện kiến thức, kĩ năng đã học.

b) Tổ chức thực hiện

– **Bước 1:** Giao nhiệm vụ học tập

HS thực hiện các bài tập 1, 2, 3 ở phần Luyện tập – trang 26 trong SGK *Lịch sử và Địa lí 9* (phần Lịch sử) (Bộ sách *Chân trời sáng tạo*).

– **Bước 2:** Thực hiện nhiệm vụ
HS thực hiện nhiệm vụ học tập theo nhóm.

– **Bước 3:** Báo cáo, thảo luận

Dự kiến sản phẩm

+ Câu 1. HS xác định đúng các sự kiện trong trục thời gian thể hiện những sự kiện chính của Chiến tranh thế giới thứ hai.

Thời gian	Sự kiện chính
9 – 1939	Ngày 1 – 9, Đức tấn công Ba Lan. Thực hiện cam kết bảo vệ nền độc lập của Ba Lan; ngày 3 – 9, anh – Pháp tuyên chiến với Đức. Chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ.
5 – 1940	Quân Đức tổng tấn công ở mặt trận phía tây với thế áp đảo, xâm chiếm Hà Lan, Bỉ, Lúc-xăm-bua, Pháp, Đan Mạch và Na Uy.
22 – 6 – 1941	Đức tấn công Liên Xô.
7 – 12 – 1941	Nhật Bản bất ngờ cho máy bay tấn công hạm đội Mỹ tại Trân Châu Cảng ở Ha-oai.
6 – 1942	Nhật Bản thất bại trước hải quân Mỹ tại đảo Mít-uây.
2 – 1943	Liên Xô phản công và giành thắng lợi quan trọng trong trận Xta-lin-grát.
6 – 6 – 1944	Liên quân Anh, Mỹ đổ bộ lên bãi biển Noóc-măng-đi mở ra mặt trận thứ hai ở Tây Âu.
9 – 5 – 1945	Đức kí hiệp định đầu hàng không điều kiện, chiến tranh chấm dứt ở châu Âu.
15 – 8 – 1945	Nhật Bản chấp nhận đầu hàng không điều kiện. Chiến tranh thế giới thứ hai kết thúc.

+ Câu 2. HS trình bày được nguyên nhân chính dẫn đến Chiến tranh thế giới thứ hai.

+ Câu 3. Trả lời: Những mâu thuẫn về thị trường, thuộc địa là nguyên nhân dẫn đến hai cuộc chiến tranh thế giới ở thế kỉ XX.

– **Bước 4:** Kết luận, đánh giá
GV nhận xét sản phẩm của HS.

***Công cụ đánh giá:** thang đo

Các nhóm HS tự đánh giá: khoanh tròn mức độ đạt được của nhóm khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

Tiêu chí	Mức độ đạt được				
	(Mức 3 trở lên là đạt)				
Trả lời đúng câu hỏi.	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)

4. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a) Mục tiêu: (7), (8)

b) Tổ chức thực hiện

– **Bước 1:** Giao nhiệm vụ học tập

HS thực hiện bài tập sau:

Dựa vào kiến thức đã học kết hợp quan sát lược đồ 4.4, hãy viết một đoạn văn ngắn (khoảng 150 chữ) để miêu tả lại trận phản công ở Xta-lin-grát.

– **Bước 2:** Thực hiện nhiệm vụ

HS thực hiện nhiệm vụ học tập cá nhân.

– **Bước 3:** Báo cáo, thảo luận

Dự kiến sản phẩm

HS trình bày được trận phản công ở Xta-lin-grát qua việc khai thác những chú thích và nội dung trên lược đồ 4.4, đảm bảo dung lượng khoảng 150 chữ.

– **Bước 4:** Kết luận, đánh giá

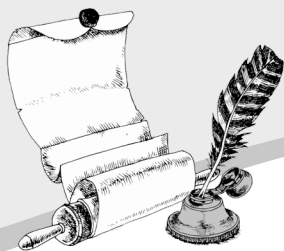
***Công cụ đánh giá:** bảng tiêu chí Rubrics

STT	Tiêu chí đánh giá	Kém	Trung bình	Khá	Tốt
1	Hình thức một đoạn văn.	0	0,5	0,75	1
2	Chính tả, diễn đạt.	0,5	1	1,5	2
3	Đảm bảo khoảng 150 chữ.	0	0,5	0,75	1
4	Trình bày được trận phản công ở Xta-lin-grát qua khai thác lược đồ 4.4.	1 – 2	3 – 4	4 – 5	5 – 6

B. KẾ HOẠCH BÀI DẠY CÁCH 2: DỰA TRÊN MA TRẬN VÀ CHƯƠNG TRÌNH GDPT 2018

Hoạt động	Mục tiêu			Nội dung	Phương pháp hoặc Kĩ thuật dạy học	Công cụ đánh giá
	Năng lực chung	Năng lực lịch sử	Phẩm chất			
Hoạt động khởi động	Nhận biết được các yêu cầu cần đạt của bài học.			Yêu cầu cần đạt của bài học.	PPDH giải quyết vấn đề	Bảng kiểm
Hoạt động hình thành kiến thức mới						
Hoạt động 1	1	2, 3		Nguyên nhân bùng nổ	– PPDH giải quyết vấn đề – KTDH động não không công khai	Bảng kiểm

Hoạt động	Mục tiêu			Nội dung	Phương pháp hoặc Kỹ thuật dạy học	Công cụ đánh giá
	Năng lực chung	Năng lực lịch sử	Phẩm chất			
Hoạt động 2	1	2, 4		Những diễn biến chính	– PPDH hợp tác – KTDH giao nhiệm vụ học tập	Bảng tiêu chí Rubrics
Hoạt động 3	1	2, 5		Hậu quả	– PPDH hợp tác – KTDH khăn trải bàn	Bảng kiểm
Hoạt động 4	1	2, 6		Nguyên nhân thắng lợi, ý nghĩa lịch sử của chiến thắng chống chủ nghĩa phát xít	– PPDH hợp tác – KTDH nhóm đôi	Thang đo
Hoạt động luyện tập	Rèn luyện kiến thức, kĩ năng đã học.			Hoàn thành các bài tập về nguyên nhân và diễn biến của Chiến tranh thế giới thứ hai (1939 – 1945).	PPDH hợp tác	Thang đo
Hoạt động vận dụng		7	8	Dựa vào kiến thức đã học kết hợp quan sát lược đồ 4.4, hãy viết một đoạn văn ngắn (khoảng 150 chữ) để miêu tả lại trận phản công ở Xta-lin-grát.	PPDH giải quyết vấn đề	Bảng tiêu chí Rubrics



Chương II. VIỆT NAM TỪ NĂM 1918 ĐẾN NĂM 1945

Bài 5.

PHONG TRÀO DÂN TỘC DÂN CHỦ NHỮNG NĂM 1918 – 1930

(DỰ KIẾN 1 TIẾT)

A. KẾ HOẠCH BÀI DẠY CÁCH 1:

I. MỤC TIÊU

Phẩm chất, năng lực	Yêu cầu cần đạt	Mã số
1. Năng lực chung		
Giao tiếp và hợp tác	Hiểu rõ nhiệm vụ của nhóm; đánh giá được khả năng của bản thân và tự nhận công việc phù hợp.	1
2. Năng lực lịch sử		
Tìm hiểu lịch sử	Khai thác và sử dụng thông tin của một số tư liệu lịch sử (5.1, 5.2, 5.3, 5.4), phần <i>Em có biết</i> và phần <i>Nhân vật lịch sử</i> , dưới sự hướng dẫn của GV để tìm hiểu về những nét chính của phong trào dân tộc dân chủ những năm 1918 – 1930.	2
Nhận thức và tư duy lịch sử	Mô tả được những nét chính của phong trào dân tộc dân chủ những năm 1918 – 1930.	3
	Phân tích được nguyên nhân và hệ quả của phong trào dân tộc dân chủ những năm 1918 – 1930.	4
Vận dụng	Vận dụng kiến thức lịch sử đã học để viết được đoạn văn ngắn (khoảng 200 chữ) chia sẻ quan điểm của bản thân về câu nói nổi tiếng phản ánh tư tưởng của Nguyễn Thái Học: “Không thành công cũng thành nhân”.	5
3. Phẩm chất		
Yêu nước	- Bồi dưỡng lòng yêu nước, tinh thần đoàn kết và ý chí không khuất phục trước chính sách cai trị và đàn áp của kẻ thù, nhằm đấu tranh cho nền độc lập dân tộc. - Lòng biết ơn và có hành động tri ân đối với sự hi sinh của cha ông trong công cuộc đấu tranh giành lại nền độc lập dân tộc.	6

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- Máy tính, máy chiếu.
- Phiếu học tập (giấy A0), nam châm dán phiếu học tập, bút màu.
- SGK, SGV *Lịch sử và Địa lí 9* (phần Lịch sử) (Bộ sách *Chân trời sáng tạo*).

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a) Mục tiêu: Sau khi tham gia hoạt động, HS sẽ nhận biết được yêu cầu cần đạt của bài học.

b) Tổ chức thực hiện

– **Gợi ý 1:** GV dùng phần *Dẫn nhập* trong SGK để dẫn dắt HS vào bài học.

– **Gợi ý 2:** GV thiết kế câu hỏi trắc nghiệm, trò chơi, hình ảnh có liên quan đến các nhân vật lịch sử xuất hiện trong bài.

Ví dụ, GV dùng 4 mảnh ghép để che ảnh chụp Phan Châu Trinh, trên mỗi mảnh ghép là một thông tin về nhân vật đang cần giải mã, HS trả lời được các câu hỏi đồng nghĩa với bức ảnh sẽ được mở ra.

+ **Mảnh ghép thứ 1:** Ông sinh năm 1872 và mất năm 1926.

+ **Mảnh ghép thứ 2:** Ông từng giữ chức Thừa biện Bộ Lễ (1902) trong triều đình Huế.

+ **Mảnh ghép thứ 3:** Chủ trương cứu nước của ông là “Khai dân trí, chấn dân khí, hậu dân sinh” và coi đây là điều kiện tiên quyết để giải phóng dân tộc.

+ **Mảnh ghép thứ 4:** Ông là lãnh tụ trong cuộc vận động Duy tân ở Trung Kỳ (1906 – 1908).



Hình 1. Ảnh chụp Phan Châu Trinh (hình bìa cuốn *Phan Tây Hồ Tiên sinh lịch sử* của Minh Viên Huỳnh Thúc Kháng, Anh Minh xuất bản, Huế, 1959)

2. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

2.1. HOẠT ĐỘNG 1: PHONG TRÀO ĐẤU TRANH CỦA TƯ SẢN, TIỂU TƯ SẢN NHỮNG NĂM 1918 – 1930

a) Mục tiêu: (1), (2), (3), (4)

b) Tổ chức thực hiện

– **Bước 1:** Giao nhiệm vụ học tập

- + Nhiệm vụ 1: GV chia lớp thành các nhóm và giao nhiệm vụ học tập. Các nhóm HS sử dụng thông tin trong SGK để vẽ sơ đồ tư duy thể hiện những nét chính về phong trào dân tộc dân chủ những năm 1918 – 1930.

PHONG TRÀO DÂN TỘC DÂN CHỦ NHỮNG NĂM 1918 – 1930

Nhánh chính	Nhánh phụ	Hướng dẫn
Phong trào đấu tranh của giai cấp tư sản.	Kể tên các phong trào đấu tranh tiêu biểu và thời gian diễn ra:	Đọc thông tin đoạn 1, 2, mục 1 – trang 27 trong SGK <i>Lịch sử và Địa lí 9</i> (phần Lịch sử) (Bộ sách <i>Chân trời sáng tạo</i>).
Phong trào đấu tranh của tầng lớp trí thức, học sinh, sinh viên.	Kể tên các hoạt động và mục đích:	Đọc thông tin đoạn 3, mục 1 – trang 27 và tư liệu 5.1 – trang 28 trong SGK <i>Lịch sử và Địa lí 9</i> (phần Lịch sử) (Bộ sách <i>Chân trời sáng tạo</i>).

+ Nhiệm vụ 2: Sau khi hoàn thành nhiệm vụ 1, GV yêu cầu các nhóm HS trình bày quan điểm: Theo em, sự kiện nào tiêu biểu nhất, quan trọng nhất trong phong trào dân tộc dân chủ những năm 1918 – 1930?

– Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

+ Nhiệm vụ 1: Các nhóm HS thảo luận, hoàn thành vẽ sơ đồ tư duy.

+ Nhiệm vụ 2: Sau khi hoàn thành nhiệm vụ 1, các nhóm HS thảo luận và trình bày quan điểm: Theo em, sự kiện nào tiêu biểu nhất, quan trọng nhất trong phong trào dân tộc dân chủ những năm 1918 – 1930?

– Bước 3: Báo cáo, thảo luận

Các nhóm HS báo cáo sản phẩm.

Dự kiến sản phẩm

+ Nhiệm vụ 1:

PHONG TRÀO DÂN TỘC DÂN CHỦ NHỮNG NĂM 1918 – 1930

Nhánh chính	Nhánh phụ	Hướng dẫn
Phong trào đấu tranh của giai cấp tư sản.	Kể tên các phong trào đấu tranh tiêu biểu và thời gian diễn ra: phong trào “chấn hưng nội hoá, bài trừ ngoại hoá” (1919); phong trào đấu tranh chống tư bản Pháp độc quyền cảng Sài Gòn và độc quyền xuất cảng lúa gạo ở Nam Kỳ (1923).	Đọc thông tin đoạn 1, 2, mục 1 – trang 27 trong SGK <i>Lịch sử và Địa lí 9</i> (phần Lịch sử) (Bộ sách <i>Chân trời sáng tạo</i>).
Phong trào đấu tranh của tầng lớp trí thức, học sinh, sinh viên.	Kể tên các hoạt động và mục đích: xuất bản các tờ báo như: <i>Chuông rè</i> , <i>An Nam trẻ</i> ,..., lập ra các nhà xuất bản như: Cường học thư xã, Nam đồng thư xã,... để truyền bá tư tưởng yêu nước, tiến bộ; lập ra các tổ chức chính trị như: Thanh niên cao vọng (1923), Việt Nam Nghĩa đoàn (1925), Hội Phục Việt (1925), Đảng Thanh niên (1926),... làm nòng cốt trong các phong trào đấu tranh yêu nước; đấu tranh đòi nhà cầm quyền Pháp thả Phan Bội Châu (1925) và lễ truy điệu, để tang Phan Châu Trinh (1926).	Đọc thông tin đoạn 3, mục 1 – trang 27 và tư liệu 5.1 – trang 28 trong SGK <i>Lịch sử và Địa lí 9</i> (phần Lịch sử) (Bộ sách <i>Chân trời sáng tạo</i>).

Dự kiến sản phẩm

+ Nhiệm vụ 2: GV tôn trọng ý kiến của HS và chú trọng hướng dẫn HS xây dựng lí lẽ thuyết phục để xây dựng, bảo vệ quan điểm.

Ví dụ, sự kiện quan trọng nhất được đề nghị là: hai cuộc đấu tranh tiêu biểu nhất, có tiếng vang nhất là đòi nhà cầm quyền Pháp thả Phan Bội Châu (1925) và lễ truy điệu, để tang Phan Châu Trinh (1926). Lí do: đây là những phong trào rộng lớn diễn ra trên quy mô cả nước; phong trào thu hút nhiều giai cấp, tầng lớp tham gia, đặc biệt là học sinh, sinh viên; trên thực tế đã trở thành cuộc biểu dương lực lượng, thể hiện tinh thần yêu nước, đấu tranh đòi quyền tự do, dân chủ của dân tộc Việt Nam,...

Vì nhận thức được mức độ nguy hiểm nên thực dân Pháp đã cấm đoán và phản công lại phong trào.

– Bước 4: Kết luận, đánh giá

GV sử dụng phương pháp diễn giảng để:

- + Khái quát được những nét chính về phong trào dân tộc dân chủ những năm 1918 – 1930.
- + Giải thích được tại sao cuộc đấu tranh đòi nhà cầm quyền Pháp thả Phan Bội Châu (1925) và lễ truy điệu, để tang Phan Châu Trinh (1926) là hai sự kiện tiêu biểu và quan trọng nhất.
- + Nêu tính “mới” của hai cuộc đấu tranh trên là đã thu hút được đông đảo các giai cấp và tầng lớp nhân dân tham gia; nhân dân đấu tranh có tổ chức, có mục tiêu, tạo áp lực lớn đến chính quyền thực dân,...
- + Lưu ý sức ảnh hưởng của báo chí trong đấu tranh và sức mạnh của quần chúng nhân dân ở tư liệu 5.1 và 5.2.

***Công cụ đánh giá:** bảng kiểm và thang đo

– **Công cụ đánh giá nhiệm vụ 1:** bảng kiểm

GV dựa vào các nội dung được trình bày trong “Dự kiến sản phẩm” và công cụ đánh giá để đánh giá sản phẩm của HS.

Tiêu chí	Có hoặc Không
Đáp ứng các yêu cầu về kĩ thuật vẽ sơ đồ tư duy (màu sắc, phân nhánh,...).	?
Lựa chọn và sắp xếp đúng thông tin từ SGK đối với từng nội dung.	?
Các thông tin được trình bày súc tích, ngắn gọn.	?

– **Công cụ đánh giá nhiệm vụ 2:** thang đo

Các nhóm HS tự đánh giá: khoanh tròn mức độ đạt được của nhóm khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

Tiêu chí	Mức độ đạt được				
Mức độ thuyết phục của lí lẽ.	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)

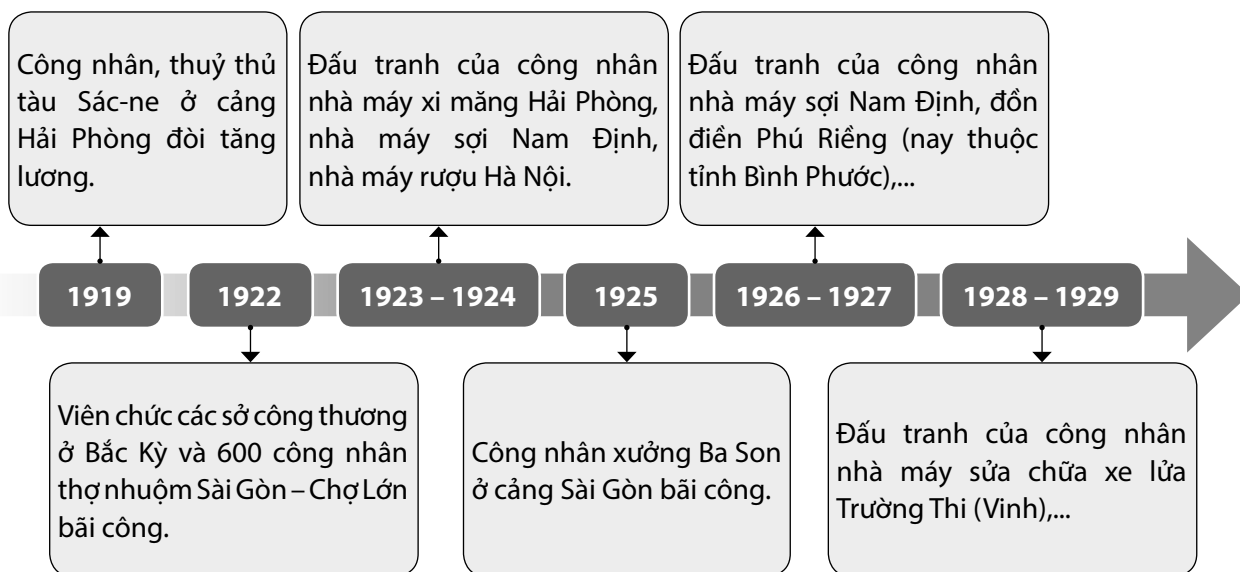
2.2. HOẠT ĐỘNG 2: PHONG TRÀO CÔNG NHÂN

a) Mục tiêu: (1), (2), (3)

b) Tổ chức thực hiện

– **Bước 1:** Giao nhiệm vụ học tập

HS sử dụng thông tin trong SGK để sắp xếp các ô sự kiện dưới đây theo đúng trình tự thời gian lên trục thời gian về những cuộc đấu tranh tiêu biểu của công nhân từ năm 1919 đến năm 1929, sau đó rút ra nhận xét về phong trào đấu tranh của công nhân trong giai đoạn này.



– **Bước 2:** Thực hiện nhiệm vụ

GV chia lớp thành các nhóm thực hiện nhiệm vụ.

– **Bước 3:** Báo cáo, thảo luận

Các nhóm HS báo cáo sản phẩm.

Dự kiến sản phẩm: tương tự cách trình bày như hình 5.3 – trang 28 trong SGK *Lịch sử và Địa lí 9* (phần Lịch sử) (Bộ sách *Chân trời sáng tạo*).

Sau đó, HS trao đổi, thảo luận và rút ra nhận xét.

– **Bước 4:** Kết luận, đánh giá

GV có thể kết luận như sau:

- + Từ năm 1919 đến năm 1929, phong trào đấu tranh của công nhân chủ yếu diễn ra dưới hình thức bãi công, đòi việc làm và tăng lương.
- + Tiêu biểu là cuộc bãi công của thợ máy xưởng đóng tàu Ba Son (cảng Sài Gòn). Dưới sự lãnh đạo của Công hội đỏ, công nhân bãi công ngăn cản tàu chiến Pháp chở lính sang đàn áp phong trào cách mạng ở Trung Quốc.
- + Thắng lợi của cuộc bãi công chứng tỏ giai cấp công nhân Việt Nam đã bắt đầu đấu tranh có tổ chức và có mục đích chính trị rõ ràng.

***Công cụ đánh giá:** thang đo

Các nhóm HS tự đánh giá: khoanh tròn mức độ đạt được của nhóm khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

Tiêu chí	Mức độ đạt được
Lựa chọn đúng thông tin trong việc hoàn thành trực thời gian.	(1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)

2.3. HOẠT ĐỘNG 3: SỰ RA ĐỜI VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC TỔ CHỨC CÁCH MẠNG

a) Mục tiêu: (2), (3), (5), (6)

b) Tổ chức thực hiện

– **Bước 1:** Giao nhiệm vụ học tập

+ Nhiệm vụ 1: GV chia lớp thành các nhóm và giao nhiệm vụ học tập. Các nhóm HS sử dụng thông tin trong SGK hoàn thành phiếu học tập.

PHIẾU HỌC TẬP		
	Tân Việt Cách mạng đảng	Việt Nam Quốc dân đảng
Thời gian thành lập	?	?
Tổ chức tiền thân	?	?
Mục tiêu	?	?
Địa bàn hoạt động chủ yếu	?	?
Hoạt động tiêu biểu	?	?

+ Nhiệm vụ 2: Sau khi hoàn thành nhiệm vụ 1, GV yêu cầu các nhóm HS nêu điểm giống và khác nhau giữa hai tổ chức cách mạng này.

– **Bước 2:** Thực hiện nhiệm vụ

+ Nhiệm vụ 1: Các nhóm HS thảo luận, hoàn thành phiếu học tập.

+ Nhiệm vụ 2: Sau khi hoàn thành nhiệm vụ 1, các nhóm HS trao đổi, thảo luận để nêu được điểm giống và khác nhau giữa Tân Việt Cách mạng đảng và Việt Nam Quốc dân đảng.

– **Bước 3:** Báo cáo, thảo luận

Các nhóm HS báo cáo sản phẩm.

Dự kiến sản phẩm

+ Nhiệm vụ 1:

PHIẾU HỌC TẬP

	Tân Việt Cách mạng đảng	Việt Nam Quốc dân đảng
Thời gian thành lập	14 – 7 – 1928.	25 – 12 – 1927.
Tổ chức tiền thân	Hội Phục Việt.	Nam đồng thư xã.
Mục tiêu	Đánh đổ đế quốc chủ nghĩa, nhằm thiết lập một xã hội bình đẳng và bác ái.	Đánh đuổi giặc Pháp, thiết lập dân quyền.
Địa bàn hoạt động chủ yếu	Trung Kỳ.	Bắc Kỳ.
Hoạt động tiêu biểu	Phổ biến sách báo tiến bộ, mở các lớp huấn luyện, tổ chức và lãnh đạo một số cuộc đấu tranh của học sinh, tiểu thương và công nhân.	Tổ chức vụ ám sát trùm mộ phu Ba-danh ở Hà Nội (tháng 2 – 1929); tiến hành cuộc khởi nghĩa Yên Bái (đêm 9 – 2 – 1930).

+ Nhiệm vụ 2: Về điểm giống: hai tổ chức cách mạng này đều là các tổ chức yêu nước cách mạng, hoạt động sôi nổi ở trong nước; về điểm khác: Tân Việt Cách mạng đảng có khuynh hướng vô sản, còn Việt Nam Quốc dân đảng có khuynh hướng dân chủ tư sản.

– **Bước 4:** Kết luận, đánh giá

***Công cụ đánh giá:** bảng kiểm và thang đo

– Công cụ đánh giá nhiệm vụ 1: bảng kiểm

GV dựa vào các nội dung được trình bày trong “Dự kiến sản phẩm” và công cụ đánh giá để đánh giá sản phẩm của HS.

Tiêu chí	Có hoặc Không
Đáp ứng các yêu cầu về kĩ thuật lập bảng thống kê.	?
Lựa chọn và sắp xếp đúng thông tin từ SGK đối với từng nội dung.	?
Các thông tin được trình bày súc tích, ngắn gọn.	?

– **Công cụ đánh giá nhiệm vụ 2:** thang đo

Các nhóm HS tự đánh giá: khoanh tròn mức độ đạt được của nhóm khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

Tiêu chí	Mức độ đạt được
Mức độ thuyết phục của lí lẽ.	(1) (2) (3) (4) (5)

3. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a) Mục tiêu: Rèn luyện kiến thức, kĩ năng đã học.

b) Tổ chức thực hiện

– **Bước 1:** Giao nhiệm vụ học tập

HS thực hiện các bài tập sau:

1. Hãy hoàn thành bảng tóm tắt về những sự kiện lịch sử tiêu biểu của phong trào dân tộc dân chủ những năm 1918 – 1930 theo mẫu dưới đây:

Thời gian	Nội dung sự kiện
?	?

2. Theo em, điểm giống và khác nhau của tổ chức Tân Việt Cách mạng đảng và tổ chức Việt Nam Quốc dân đảng là gì?

– **Bước 2:** Thực hiện nhiệm vụ

HS thực hiện nhiệm vụ học tập theo nhóm.

– **Bước 3:** Báo cáo, thảo luận

Các nhóm HS báo cáo sản phẩm.

Dự kiến sản phẩm

+ Câu 1. Trả lời:

Thời gian	Nội dung sự kiện
1919	– Phong trào “chấn hưng nội hoá, bài trừ ngoại hoá”. – Công nhân, thủy thủ tàu Sác-ne ở cảng Hải Phòng đòi tăng lương.
1922	Viên chức các sở công thương ở Bắc Kỳ và 600 công nhân thợ nhuộm Sài Gòn – Chợ Lớn bãi công.
1923 – 1924	– Đấu tranh chống tư bản Pháp độc quyền cảng Sài Gòn và độc quyền xuất cảng lúa gạo ở Nam Kỳ (1923). – Đấu tranh của công nhân nhà máy xi măng Hải Phòng, nhà máy sợi Nam Định, nhà máy rượu Hà Nội.
1925	– Cuộc đấu tranh đòi nhà cầm quyền Pháp thả Phan Bội Châu. – Cuộc bãi công của thợ máy xưởng đóng tàu Ba Son (cảng Sài Gòn).
1926 – 1927	– Lễ truy điệu, để tang Phan Châu Trinh (1926). – Đấu tranh của công nhân nhà máy sợi Nam Định, đồn điền Phú Riềng (nay thuộc tỉnh Bình Phước),...
1928 – 1929	Đấu tranh của công nhân nhà máy sửa chữa xe lửa Trường Thi (Vinh),...

+ Câu 2. GV hướng dẫn HS dựa vào thông tin và tư liệu ở mục 3 trong SGK để trả lời câu hỏi. Khi so sánh điểm khác của tổ chức Tân Việt Cách mạng đảng và tổ chức Việt Nam Quốc dân đảng cần dựa vào các tiêu chí sau: thời điểm thành lập, tổ chức tiền thân, mục tiêu, địa bàn hoạt động chủ yếu, hoạt động tiêu biểu, xu hướng phát triển,...

– **Bước 4:** Kết luận, đánh giá.

***Công cụ đánh giá:** bài tập

4. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

***Ghi chú:** HS sẽ thực hiện hoạt động này tại nhà và gửi sản phẩm đến GV vào thời điểm thích hợp do GV xác định.

a) Mục tiêu: (3), (5), (6)

b) Tổ chức thực hiện

– **Bước 1:** Giao nhiệm vụ học tập

HS thực hiện bài tập sau:

“Không thành công cũng thành nhân” là câu nói nổi tiếng phản ánh tư tưởng của Nguyễn Thái Học. Em hiểu câu nói đó như thế nào? Hiện nay, câu nói này có còn giá trị không? Hãy viết một đoạn văn ngắn (khoảng 200 chữ) chia sẻ quan điểm đó của em.

GV hướng dẫn HS thực hiện như sau:

+ Vận dụng kiến thức đã học và sưu tầm thông tin trên internet, sách báo, sau đó viết một đoạn văn ngắn (khoảng 200 chữ) để nêu quan điểm của bản thân về câu nói nổi tiếng của Nguyễn Thái Học: “Không thành công cũng thành nhân”.

+ Thể hiện được quan điểm bản thân nhưng nội dung bài viết phải hướng vào hai câu hỏi gợi ý: Em hiểu câu nói đó như thế nào? Hiện nay, câu nói này có còn giá trị không?

– **Bước 2:** Thực hiện nhiệm vụ

HS thực hiện nhiệm vụ học tập cá nhân.

– **Bước 3:** Báo cáo, thảo luận

– **Bước 4:** Kết luận, đánh giá

***Công cụ đánh giá:** bài tập

B. KẾ HOẠCH BÀI DẠY CÁCH 2: DỰA TRÊN MA TRẬN VÀ CHƯƠNG TRÌNH GDPT 2018

Hoạt động	Mục tiêu			Nội dung	Phương pháp hoặc Kỹ thuật dạy học	Công cụ đánh giá
	Năng lực chung	Năng lực lịch sử	Phẩm chất			
Hoạt động khởi động	Nhận biết được các yêu cầu cần đạt của bài học.			Yêu cầu cần đạt của bài học.	PPDH diễn giảng	Câu hỏi
Hoạt động hình thành kiến thức mới						
Hoạt động 1	1	2, 3, 4		Phong trào đấu tranh của tư sản, tiểu tư sản những năm 1918 – 1930	PPDH hợp tác, diễn giảng.	Bảng kiểm và thang đo

Hoạt động	Mục tiêu			Nội dung	Phương pháp hoặc Kỹ thuật dạy học	Công cụ đánh giá
	Năng lực chung	Năng lực lịch sử	Phẩm chất			
Hoạt động 2	1	2, 3		Phong trào công nhân	PPDH lịch sử qua sử dụng tư liệu	Thang đo
Hoạt động 3	1	2, 3, 5	6	Sự ra đời và hoạt động của các tổ chức cách mạng	PPDH hợp tác, giảng bài.	Bảng kiểm và thang đo
Hoạt động luyện tập	Rèn luyện kiến thức, kỹ năng đã học.			- Tóm tắt những sự kiện lịch sử tiêu biểu của phong trào dân tộc dân chủ những năm 1918 – 1930. - So sánh hai tổ chức Tân Việt Cách mạng đảng và Việt Nam Quốc dân đảng.	PPDH hợp tác	Bài tập
Hoạt động vận dụng		3, 5	6	Chia sẻ quan điểm của bản thân về câu nói nổi tiếng phản ánh tư tưởng của Nguyễn Thái Học: “Không thành công cũng thành nhân”.	PPDH lịch sử qua sử dụng tư liệu	Bài tập

Bài 6.

HOẠT ĐỘNG CỦA NGUYỄN ÁI QUỐC VÀ SỰ THÀNH LẬP ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

(DỰ KIẾN 2 TIẾT)

A. KẾ HOẠCH BÀI DẠY CÁCH 1:

I. MỤC TIÊU

Phẩm chất, năng lực	Yêu cầu cần đạt	Mã số
1. Năng lực chung		
Giao tiếp và hợp tác	Hiểu rõ nhiệm vụ của nhóm; đánh giá được khả năng của bản thân và tự nhận công việc phù hợp.	1
2. Năng lực lịch sử		
Tìm hiểu lịch sử	Khai thác và sử dụng thông tin của một số tư liệu lịch sử (6.2, 6.3, 6.4, 6.5, 6.6, 6.7, 6.8) và phần <i>Em có biết</i> để tìm hiểu về hoạt động, vai trò của Nguyễn Ái Quốc trong những năm 1918 – 1930 và quá trình thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam.	2
Nhận thức và tư duy lịch sử	Nêu được những nét chính về hoạt động của Nguyễn Ái Quốc trong những năm 1918 – 1930.	3
	Nhận biết được quá trình và ý nghĩa của việc thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam.	4
	Đánh giá được vai trò của Nguyễn Ái Quốc trong quá trình thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam.	5
Vận dụng	Vận dụng kiến thức về sự thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam để sưu tầm thông tin về các nhân vật lịch sử đã tham dự Hội nghị thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam tại Hương Cảng (Trung Quốc) đầu năm 1930, sau đó viết đoạn văn ngắn (khoảng 150 chữ) giới thiệu về nhân vật lịch sử mà em ấn tượng nhất.	6
3. Phẩm chất		
Yêu nước	Trân trọng và biết ơn công lao của những nhà yêu nước, cách mạng trong cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc.	7
Trách nhiệm	Học hỏi lí tưởng vì sự nghiệp giải phóng dân tộc của Nguyễn Ái Quốc và các nhà yêu nước, cách mạng Việt Nam. Rút ra bài học cho bản thân.	8

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- Máy tính, máy chiếu.
- Phiếu học tập (giấy A0), nam châm dán phiếu học tập, bút màu.
- SGK, SGV *Lịch sử và Địa lí 9* (phần Lịch sử) (Bộ sách *Chân trời sáng tạo*).
- Series phim tài liệu *Nguyễn Ái Quốc – Ấn số từ nước Pháp*.
- Lược đồ về hoạt động của Nguyễn Ái Quốc ở nước ngoài trong những năm 1919 – 1925.
- Tranh vẽ, hình ảnh liên quan đến Nguyễn Ái Quốc và Hội nghị thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a) Mục tiêu: Sau khi tham gia hoạt động, HS sẽ nhận biết được yêu cầu cần đạt của bài học.

b) Tổ chức thực hiện

- **Gợi ý 1:** GV dùng phần *Dẫn nhập* trong SGK để dẫn dắt HS vào bài học.
- **Gợi ý 2:** GV thiết kế câu hỏi trắc nghiệm, trò chơi, hình ảnh có liên quan đến Nguyễn Ái Quốc và sự thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam.

2. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

2.1. HOẠT ĐỘNG 1: HOẠT ĐỘNG CỦA NGUYỄN ÁI QUỐC TRONG NHỮNG NĂM 1918 – 1930

a) Mục tiêu: (1), (2), (3)

b) Tổ chức thực hiện

- **Bước 1:** Giao nhiệm vụ học tập
- + Nhiệm vụ 1: GV chia lớp thành các nhóm và giao nhiệm vụ học tập. Các nhóm HS sử dụng thông tin trong SGK hoàn thành phiếu học tập.

PHIẾU HỌC TẬP	
HOẠT ĐỘNG CỦA NGUYỄN ÁI QUỐC TRONG NHỮNG NĂM 1918 – 1930	
Thời kì	Hoạt động
1919 – 1922 (tại Pháp)	?
1923 – 1924 (tại Liên Xô)	?
1925 – 1930 (tại Trung Quốc)	?

- + Nhiệm vụ 2: Sau khi hoàn thành nhiệm vụ 1, GV yêu cầu các nhóm HS trình bày quan điểm: Theo em, sự kiện nào đánh dấu sự chuyển biến quan trọng về tư tưởng cách mạng của Nguyễn Ái Quốc?

– **Bước 2:** Thực hiện nhiệm vụ

+ Nhiệm vụ 1: Các nhóm HS thảo luận, hoàn thành phiếu học tập.

+ Nhiệm vụ 2: Sau khi hoàn thành nhiệm vụ 1, các nhóm HS thảo luận và trình bày quan điểm: Theo em, sự kiện nào đánh dấu sự chuyển biến quan trọng về tư tưởng cách mạng của Nguyễn Ái Quốc?

– **Bước 3:** Báo cáo, thảo luận

Các nhóm HS báo cáo sản phẩm.

Dự kiến sản phẩm

+ Nhiệm vụ 1:

PHIẾU HỌC TẬP

HOẠT ĐỘNG CỦA NGUYỄN ÁI QUỐC TRONG NHỮNG NĂM 1918 – 1930

Thời kì	Hoạt động
1919 – 1922 (tại Pháp)	– Năm 1919: thay mặt nhóm người An Nam yêu nước gửi đến Hội nghị Véc-xai bản <i>Yêu sách của nhân dân An Nam</i>; tham gia hoạt động trong Đảng Xã hội Pháp. – Năm 1920: tham gia Đại hội XVIII của Đảng Xã hội Pháp; bỏ phiếu tán thành gia nhập Quốc tế thứ ba; tham gia sáng lập Đảng Cộng sản Pháp. – Năm 1921: tham gia sáng lập Hội Liên hiệp thuộc địa. – Năm 1922: xuất bản báo <i>Người cùng khổ</i>.
1923 – 1924 (tại Liên Xô)	– Năm 1923: dự Hội nghị Quốc tế Nông dân và được bầu vào Ban Chấp hành. – Năm 1924: tham dự và trình bày về cách mạng ở các nước thuộc địa tại Đại hội V của Quốc tế Cộng sản.
1925 – 1930 (tại Trung Quốc)	– Tháng 6 – 1925: thành lập Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên; ra báo <i>Thanh niên</i>. – Năm 1927: các bài giảng của Nguyễn Ái Quốc trong các lớp đào tạo cán bộ được tập hợp và in thành sách <i>Đường Kách mệnh</i>. – Từ ngày 6 – 1 đến ngày 7 – 2 – 1930 tại Cửu Long (Hương Cảng): chủ trì Hội nghị thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam.

+ Nhiệm vụ 2: GV tôn trọng ý kiến của HS và chú trọng hướng dẫn HS xây dựng lí lẽ thuyết phục để xây dựng, bảo vệ quan điểm.

Ví dụ, sự kiện quan trọng nhất được đề nghị là: Nguyễn Ái Quốc đọc *Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa* của V. I. Lê-nin đăng trên báo *Nhân đạo* (7 – 1920). Lí do: đây là sự kiện đánh dấu bước nhảy vọt trong quá trình chuyển biến tư tưởng của Nguyễn Ái Quốc. Từ một người yêu nước, ra đi tìm đường cứu nước đến với chủ nghĩa Mác – Lê-nin và trở thành một người cộng sản.

– **Bước 4:** Kết luận, đánh giá

GV sử dụng phương pháp diễn giảng để:

- + Khái quát được những nét chính về hoạt động của Nguyễn Ái Quốc trong những năm 1918 – 1930.
- + Phân tích được dấu mốc quan trọng đánh dấu sự chuyển biến trong tư tưởng của Nguyễn Ái Quốc từ một người yêu nước trở thành một người cộng sản khi tiếp thu chủ nghĩa Mác – Lê-nin. Người đã tìm ra con đường cứu nước đúng đắn cho dân tộc Việt Nam, con đường giải phóng theo học thuyết Mác – Lê-nin, con đường kết hợp giữa đấu tranh giải phóng dân tộc với giải phóng giai cấp, giải phóng xã hội.

***Công cụ đánh giá:** bảng kiểm và thang đo

– **Công cụ đánh giá nhiệm vụ 1:** bảng kiểm

GV dựa vào các nội dung được trình bày trong “Dự kiến sản phẩm” và công cụ đánh giá để đánh giá sản phẩm của HS.

Tiêu chí	Có hoặc Không
Đáp ứng các yêu cầu về kĩ thuật lập bảng thống kê.	?
Lựa chọn và sắp xếp đúng thông tin từ SGK đối với từng thời kì.	?
Các thông tin được trình bày súc tích, ngắn gọn.	?

– **Công cụ đánh giá nhiệm vụ 2:** thang đo

Các nhóm HS tự đánh giá: khoanh tròn mức độ đạt được của nhóm khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

Tiêu chí	Mức độ đạt được				
Mức độ thuyết phục của lí lẽ.	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)

2.2. HOẠT ĐỘNG 2: SỰ THÀNH LẬP ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

a) Mục tiêu: (2), (4), (5), (7)

b) Tổ chức thực hiện

– **Bước 1:** Giao nhiệm vụ học tập

GV chia lớp thành các nhóm và giao nhiệm vụ học tập. Các nhóm HS sử dụng thông tin trong SGK kết hợp tìm kiếm trên internet về quá trình thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam để:

- + Thiết kế infographic giới thiệu về quá trình thành lập Đảng theo các nội dung sau: thời gian, địa điểm, nhân vật tham gia thành lập, kết quả (HS chuẩn bị trước bài ở nhà).
- + Giải thích lí do vì sao Đảng ra đời có ý nghĩa quan trọng đối với lịch sử dân tộc.
- + Nhận xét vai trò của Nguyễn Ái Quốc trong quá trình thành lập Đảng.

– **Bước 2:** Thực hiện nhiệm vụ

- + Các nhóm thảo luận, hoàn thành infographic giới thiệu về quá trình thành lập Đảng. (tự thiết kế infographic theo sự sáng tạo riêng của các nhóm).
- + Sau đó, các nhóm HS trả lời câu hỏi còn lại.

– **Bước 3:** Báo cáo, thảo luận

Các nhóm HS báo cáo sản phẩm.

Dự kiến sản phẩm

+ Nhiệm vụ 1: GV tổ chức cho HS báo cáo sản phẩm nhóm theo kĩ thuật dạy học phòng tranh.
Gợi ý: infographic cần đảm bảo tối thiểu các thông tin sau:

QUÁ TRÌNH THÀNH LẬP ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM	
Thời gian	Sự kiện
Tháng 3 – 1929	Chi bộ Cộng sản đầu tiên ở Việt Nam được thành lập.
Từ tháng 6 – 1929 đến tháng 9 – 1929	– Tháng 6 – 1929: Đông Dương Cộng sản đảng được thành lập. – Tháng 8 – 1929: An Nam Cộng sản đảng được thành lập. – Tháng 9 – 1929: Đông Dương Cộng sản liên đoàn được thành lập.
Từ ngày 6 – 1 đến ngày 7 – 2 – 1930	Nguyễn Ái Quốc chủ trì Hội nghị thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam.
24 – 2 – 1930	Đông Dương cộng sản liên đoàn gia nhập Đảng Cộng sản Việt Nam.

+ Nhiệm vụ 2: Vì Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời đã chấm dứt sự chia rẽ giữa ba tổ chức cộng sản trong nước lúc bấy giờ. Đảng Cộng sản Việt Nam trở thành chính đảng thống nhất, lãnh đạo giai cấp vô sản và nhân dân Việt Nam tiến hành cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân theo con đường cách mạng vô sản.

+ Nhiệm vụ 3: Nguyễn Ái Quốc có vai trò to lớn: là người sáng lập Đảng Cộng sản Việt Nam, vạch ra cương lĩnh cách mạng, định hướng cho cách mạng Việt Nam đi từ cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân lên cách mạng xã hội chủ nghĩa.

– **Bước 4:** Kết luận, đánh giá

GV sử dụng phương pháp diễn giảng để:

+ Khái quát được quá trình thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam.

+ Khái quát được ý nghĩa của việc thành lập Đảng: là bước ngoặt vĩ đại trong lịch sử của giai cấp công nhân và cách mạng Việt Nam, chấm dứt thời kì cách mạng Việt Nam khủng hoảng về giai cấp lãnh đạo và đường lối cứu nước. Sự ra đời của Đảng là khâu chuẩn bị quan trọng đầu tiên cho những bước phát triển về sau của cách mạng và lịch sử dân tộc Việt Nam.

+ Đánh giá được Nguyễn Ái Quốc có vai trò quan trọng: truyền bá chủ nghĩa Mác – Lê-nin về nước; dày công chuẩn bị về mặt tổ chức cho sự ra đời chính đảng vô sản của giai cấp công nhân Việt Nam: đó là mở lớp huấn luyện, đào tạo cán bộ ở Quảng Châu (Trung Quốc); chủ trì thành công Hội nghị hợp nhất các tổ chức cộng sản; trực tiếp soạn thảo *Cương lĩnh chính trị* đầu tiên của Đảng; là người sáng lập ra Đảng Cộng sản Việt Nam.

***Công cụ đánh giá:** bảng kiểm và câu hỏi

Tiêu chí	Có hoặc Không
Đáp ứng các yêu cầu về kĩ thuật thiết kế infographic.	?
Lựa chọn và sắp xếp đúng thông tin từ SGK đối với từng nội dung.	?
Các thông tin được trình bày súc tích, ngắn gọn.	?
Lập luận trả lời câu hỏi thuyết phục.	?

3. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a) Mục tiêu: Rèn luyện kiến thức, kĩ năng đã học.

b) Tổ chức thực hiện

– **Bước 1:** Giao nhiệm vụ học tập

HS thực hiện các bài tập sau:

1. Hãy hoàn thành niên biểu về hoạt động của Nguyễn Ái Quốc trong những năm 1918 – 1930 theo mẫu dưới đây:

Thời gian	Hoạt động
?	?
?	?

2. Em có đồng ý với nhận định: Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời chấm dứt thời kì cách mạng Việt Nam khủng hoảng về giai cấp lãnh đạo và đường lối cứu nước? Tại sao?

– **Bước 2:** Thực hiện nhiệm vụ

HS thực hiện nhiệm vụ học tập theo nhóm.

– **Bước 3:** Báo cáo, thảo luận

Các nhóm HS báo cáo sản phẩm.

Dự kiến sản phẩm

+ Câu 1. Trả lời:

Thời gian	Hoạt động
1919	Tham gia hoạt động trong Đảng Xã hội Pháp. Thay mặt nhóm những người An Nam yêu nước gửi đến Hội nghị Véc-xai bản <i>Yêu sách của nhân dân An Nam</i> .
1920	Đọc <i>Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa</i> của Lê-nin; tham gia Đại hội XVIII của Đảng Xã hội Pháp; bỏ phiếu tán thành việc gia nhập Quốc tế thứ ba; tham gia sáng lập Đảng Cộng sản Pháp.
1921	Tham gia sáng lập Hội Liên hiệp thuộc địa.
1922	Xuất bản báo <i>Người cùng khổ</i> (<i>Le Paria</i>).
1923	Sang Liên Xô, dự Hội nghị Quốc tế Nông dân và được bầu vào Ban Chấp hành.
1924	Tham dự và trình bày về cách mạng ở các nước thuộc địa tại Đại hội V của Quốc tế Cộng sản.
1925	Thành lập Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên; xuất bản <i>Bản án chế độ thực dân Pháp</i> .
1927	Các bài giảng của Nguyễn Ái Quốc trong các lớp đào tạo cán bộ được tập hợp thành sách <i>Đường Kách mệnh</i> .
1930	Triệu tập và chủ trì thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam.

Dự kiến sản phẩm

+ Câu 2. GV hướng dẫn HS nêu rõ quan điểm của mình (đồng ý hay không đồng ý) với nhận định: Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời chấm dứt thời kì cách mạng Việt Nam khủng hoảng về giai cấp lãnh đạo và đường lối cứu nước. Tiếp đó, hướng dẫn HS đưa ra các luận điểm để chứng minh cho quan điểm của mình (Ví dụ: đồng ý vì ngay từ khi ra đời, Đảng đã có *Cương lĩnh chính trị* xác định đúng đắn con đường giải phóng dân tộc theo phương pháp cách mạng vô sản, đây là cơ sở để Đảng Cộng sản Việt Nam nắm được ngọn cờ lãnh đạo phong trào cách mạng Việt Nam,...).

– **Bước 4:** Kết luận, đánh giá.

***Công cụ đánh giá:** bài tập

4. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

***Ghi chú:** HS sẽ thực hiện hoạt động này tại nhà và gửi sản phẩm đến GV vào thời điểm thích hợp do GV xác định.

a) Mục tiêu: (6), (7), (8)

b) Tổ chức thực hiện

– **Bước 1:** Giao nhiệm vụ học tập

HS thực hiện bài tập sau:

Hãy sưu tầm thông tin về các nhân vật lịch sử đã tham dự Hội nghị thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam tại Hương Cảng (Trung Quốc) đầu năm 1930. Sau đó, viết đoạn văn ngắn (khoảng 150 chữ) giới thiệu về nhân vật lịch sử mà em ấn tượng nhất.

GV hướng dẫn HS thực hiện như sau:

+ HS vận dụng kiến thức đã học và sưu tầm thông tin trên internet, sách báo có thông tin về các nhân vật lịch sử đã tham dự Hội nghị thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam tại Hương Cảng (Trung Quốc) đầu năm 1930, sau đó viết một đoạn văn ngắn (khoảng 150 chữ) giới thiệu về nhân vật mà em ấn tượng nhất (chú ý thông tin rõ về tên tuổi, quê quán, hoạt động nổi bật và vai trò, đóng góp của nhân vật đối với lịch sử dân tộc).

+ GV khuyến khích HS ứng dụng công nghệ thông tin để hoàn thành bài viết.

– **Bước 2:** Thực hiện nhiệm vụ

HS thực hiện nhiệm vụ học tập cá nhân.

– **Bước 3:** Báo cáo, thảo luận

– **Bước 4:** Kết luận, đánh giá

***Công cụ đánh giá:** bài tập

B. KẾ HOẠCH BÀI DẠY CÁCH 2: DỰA TRÊN MA TRẬN VÀ CHƯƠNG TRÌNH GDPT 2018

Hoạt động	Mục tiêu			Nội dung	Phương pháp hoặc Kĩ thuật dạy học	Công cụ đánh giá
	Năng lực chung	Năng lực lịch sử	Phẩm chất			
Hoạt động khởi động	Nhận biết được các yêu cầu cần đạt của bài học.			Yêu cầu cần đạt của bài học.	PPDH diễn giảng	Câu hỏi
Hoạt động hình thành kiến thức mới						
Hoạt động 1	1	2, 3		Hoạt động của Nguyễn Ái Quốc trong những năm 1918 – 1930	PPDH hợp tác, diễn giảng.	Bảng kiểm
Hoạt động 2		2, 4, 5	7	Sự thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam	PPDH lịch sử qua sử dụng tư liệu	Bảng kiểm và câu hỏi
Hoạt động luyện tập	Rèn luyện kiến thức, kĩ năng đã học.			–Tóm tắt những nét chính về hoạt động của Nguyễn Ái Quốc trong những năm 1918 – 1930. –Nguyên nhân Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời chấm dứt thời kì cách mạng Việt Nam khủng hoảng về giai cấp lãnh đạo và đường lối cứu nước.	PPDH hợp tác	Bài tập
Hoạt động vận dụng		6	7, 8	Sưu tầm thông tin về các nhân vật lịch sử đã tham dự Hội nghị thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam tại Hương Cảng (Trung Quốc) đầu năm 1930, sau đó viết đoạn văn ngắn (khoảng 150 chữ) giới thiệu về nhân vật lịch sử mà em ấn tượng nhất.	PPDH lịch sử qua sử dụng tư liệu	Bài tập

Bài 7.

PHONG TRÀO CÁCH MẠNG VIỆT NAM THỜI KÌ 1930 – 1939

(DỰ KIẾN 2 TIẾT)

A. KẾ HOẠCH BÀI DẠY CÁCH 1:

I. MỤC TIÊU

Phẩm chất, năng lực	Yêu cầu cần đạt	Mã số
1. Năng lực chung		
Giao tiếp và hợp tác	Hiểu rõ nhiệm vụ của nhóm; đánh giá được khả năng của bản thân và tự nhận công việc phù hợp.	1
2. Năng lực lịch sử		
Tìm hiểu lịch sử	Khai thác và sử dụng thông tin của một số tư liệu lịch sử (7.1, 7.2, 7.3, 7.4, 7.5, 7.6, 7.7, 7.8), phần <i>Em có biết</i> và phần Nhân vật lịch sử để tìm hiểu về phong trào cách mạng Việt Nam thời kì 1930 – 1939.	2
Nhận thức và tư duy lịch sử	Mô tả được những nét chủ yếu của phong trào cách mạng 1930 – 1931 (bối cảnh, diễn biến chính, ý nghĩa của phong trào).	3
	Mô tả được những nét chủ yếu của phong trào dân chủ 1936 – 1939 (bối cảnh, diễn biến chính, ý nghĩa của phong trào).	4
Vận dụng	Vận dụng kiến thức đã học về phong trào Mặt trận Dân chủ 1936 – 1939 để giải thích được nhận định của Chủ tịch Hồ Chí Minh: “Việc gì đúng với nguyện vọng nhân dân thì được quần chúng nhân dân ủng hộ và như vậy mới thật là một phong trào quần chúng”.	5
3. Phẩm chất		
Chăm chỉ	Tích cực, chủ động đọc và sưu tầm các thông tin và hình ảnh, tư liệu về phong trào cách mạng giai đoạn 1930 – 1931 và 1936 – 1939.	6
Yêu nước	– Bồi dưỡng lòng yêu nước, tự hào dân tộc và sẵn sàng đứng lên đấu tranh cho nền độc lập dân tộc. – Lòng biết ơn và có hành động tri ân đối với sự hi sinh của cha ông trong cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc.	7

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- Máy tính, máy chiếu.
- Phiếu học tập (giấy A0), nam châm dán phiếu học tập, bút màu.
- SGK, SGV *Lịch sử và Địa lí 9* (phần Lịch sử) (Bộ sách *Chân trời sáng tạo*).

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a) Mục tiêu: Sau khi tham gia hoạt động, HS sẽ nhận biết được yêu cầu cần đạt của bài học.

b) Tổ chức thực hiện

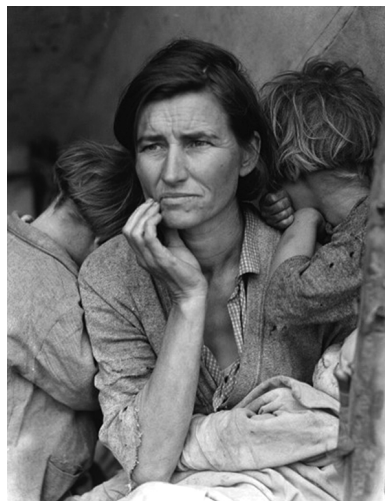
– **Gợi ý 1:** GV dùng phần *Dẫn nhập* trong SGK để dẫn dắt HS vào bài học.

– **Gợi ý 2:** GV thiết kế câu hỏi trắc nghiệm, trò chơi, hình ảnh có liên quan đến phong trào cách mạng giai đoạn 1930 – 1931 và 1936 – 1939.

Ví dụ, GV chiếu trên slide hai hình ảnh dưới đây để HS quan sát.



Hình 1. Đám đông tụ tập tại ngã tư phố Uôn và phố Bơ-roát (Broad) (ảnh chụp, 1929)



Hình 2. Người mẹ di cư (ảnh chụp, tháng 3 – 1936)

+ Sau đó, GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi: Hai hình ảnh trên gợi nhắc cho chúng ta về sự kiện lịch sử nào?

+ Đáp án: Cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới (1929 – 1933)

GV kết nối vào bài: Cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới (1929 – 1933) đã ảnh hưởng đến Việt Nam như thế nào? Phong trào cách mạng Việt Nam trong giai đoạn đó như thế nào? Các em hãy cùng tìm hiểu trong bài học nhé.

2. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

2.1. HOẠT ĐỘNG 1: PHONG TRÀO CÁCH MẠNG 1930 – 1931 VỚI ĐỈNH CAO XÔ VIẾT NGHỆ – TĨNH

a) Mục tiêu: (1), (2), (3)

b) Tổ chức thực hiện

– **Bước 1:** Giao nhiệm vụ học tập

+ Nhiệm vụ 1: GV chia lớp thành các nhóm và giao nhiệm vụ học tập. Các nhóm HS sử dụng thông tin trong SGK hoàn thành phiếu học tập.

PHIẾU HỌC TẬP

PHONG TRÀO CÁCH MẠNG 1930 – 1931

Nguyên nhân	?
Diễn biến	?
Kết quả	?
Ý nghĩa	?

+ Nhiệm vụ 2: Sau khi hoàn thành nhiệm vụ 1, GV yêu cầu các nhóm HS trình bày quan điểm: Hãy cho biết tại sao Xô viết Nghệ – Tĩnh lại được coi là đỉnh cao của phong trào cách mạng giai đoạn 1930 – 1931.

– **Bước 2:** Thực hiện nhiệm vụ

+ Nhiệm vụ 1: Các nhóm HS thảo luận, hoàn thành phiếu học tập.

+ Nhiệm vụ 2: Sau khi hoàn thành nhiệm vụ 1, các nhóm HS thảo luận và trình bày quan điểm: Hãy cho biết tại sao Xô viết Nghệ – Tĩnh lại được coi là đỉnh cao của phong trào cách mạng giai đoạn 1930 – 1931.

– **Bước 3:** Báo cáo, thảo luận

Các nhóm HS báo cáo sản phẩm.

Dự kiến sản phẩm

+ Nhiệm vụ 1:

PHIẾU HỌC TẬP

PHONG TRÀO CÁCH MẠNG 1930 – 1931

Nguyên nhân	– Cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới (1929 – 1933) → Mâu thuẫn dân tộc và giai cấp sâu sắc (nguyên nhân sâu xa). – Thực dân Pháp tăng cường khủng bố, đàn áp sau cuộc khởi nghĩa Yên Bái (2 – 1930). – Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời, kịp thời lãnh đạo đấu tranh (nguyên nhân quyết định).
Diễn biến	– Năm 1930: phong trào phát triển mạnh mẽ, tiêu biểu là các cuộc đấu tranh ngày 1 – 5 – 1930 của công nhân Vinh – Bến Thủy. – Từ ngày 1 đến ngày 12 – 9 – 1930: cuộc biểu tình có vũ trang của hàng chục ngàn nông dân Thanh Chương, Nghi Lộc, Diễn Châu, Hưng Nguyên (Nghệ An) và Can Lộc (Hà Tĩnh).
Kết quả	– Hệ thống chính quyền thực dân, phong kiến bị tê liệt, tan rã ở nhiều thôn, xã. – Thành lập chính quyền Xô viết ở Nghệ An và Hà Tĩnh; thực hiện quyền làm chủ của nhân dân, thi hành nhiều chính sách tiến bộ.
Ý nghĩa	– Vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam. – Vai trò và sức mạnh của công nhân, nông dân trong đấu tranh.

Dự kiến sản phẩm

+ Nhiệm vụ 2: GV tôn trọng ý kiến của HS và chú trọng hướng dẫn HS xây dựng lí lẽ thuyết phục để xây dựng, bảo vệ quan điểm.

Lí do: vì Nghệ – Tĩnh là nơi phong trào đấu tranh của công nhân và nông dân phát triển mạnh mẽ nhất qua các cuộc bãi công của công nhân; biểu tình có vũ trang của quần chúng, nông dân Thanh Chương, Nghi Lộc, Diễn Châu, Can Lộc, Hưng Nguyên đã làm cho hệ thống chính quyền của thực dân, phong kiến ở Nghệ – Tĩnh bị rối loạn.

Lần đầu tiên các Xô viết – chính quyền cách mạng ở các thôn, xã ra đời, thực hiện nhiệm vụ của chính quyền nhân dân.

– Bước 4: Kết luận, đánh giá

GV sử dụng phương pháp diễn giảng để:

- + Giải thích được nguyên nhân dẫn đến phong trào cách mạng 1930 – 1931 với đỉnh cao Xô viết Nghệ – Tĩnh.
- + Nhấn mạnh được đây là phong trào cách mạng lần đầu tiên diễn ra dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, đã phát huy được lòng yêu nước của quần chúng nhân dân cả nước, vai trò đấu tranh của công nhân và nông dân tiêu biểu nhất là ở Nghệ – Tĩnh.
- + Giải thích được tại sao Xô viết Nghệ – Tĩnh lại được coi là đỉnh cao của phong trào cách mạng giai đoạn 1930 – 1931. Những chính sách mà Chính quyền Xô viết Nghệ – Tĩnh đã thực hiện khi đại diện nhân dân nắm chính quyền.
- + Lưu ý về nguồn gốc thuật ngữ “Xô viết”.

***Công cụ đánh giá:** bảng kiểm và thang đo

– Công cụ đánh giá nhiệm vụ 1: bảng kiểm

GV dựa vào các nội dung được trình bày trong “Dự kiến sản phẩm” và công cụ đánh giá để đánh giá sản phẩm của HS.

Tiêu chí	Có hoặc Không
Đáp ứng các yêu cầu về thời gian.	?
Trình bày đúng, đủ các nội dung theo yêu cầu.	?
Trình bày các sự kiện chính xác theo trình tự thời gian.	?

– Công cụ đánh giá nhiệm vụ 2: thang đo

Các nhóm HS tự đánh giá: khoanh tròn mức độ đạt được của nhóm khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

Tiêu chí	Mức độ đạt được				
Mức độ thuyết phục của lí lẽ.	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)

2.2. HOẠT ĐỘNG 2: PHONG TRÀO DÂN CHỦ 1936 – 1939

a) Mục tiêu: (1), (2), (4)

b) Tổ chức thực hiện

– **Bước 1:** Giao nhiệm vụ học tập

+ Nhiệm vụ 1: GV chia lớp thành các nhóm và giao nhiệm vụ học tập. Các nhóm HS sử dụng thông tin trong SGK để hoàn thành bảng tóm tắt hoặc trực thời gian về những diễn biến chính của phong trào dân chủ 1936 – 1939.

+ Nhiệm vụ 2: Sau khi hoàn thành nhiệm vụ 1, các nhóm HS sử dụng thông tin trong SGK kết hợp tìm kiếm trên internet về từng lĩnh vực đấu tranh trong phong trào dân chủ 1936 – 1939 để thiết kế infographic hoặc sơ đồ tư duy (HS thực hiện trước ở nhà):

- Nhóm 1: Tìm hiểu và giới thiệu về phong trào đấu tranh đòi các quyền tự do, dân sinh, dân chủ.
- Nhóm 2: Tìm hiểu và giới thiệu về phong trào đấu tranh nghị trường.
- Nhóm 3: Tìm hiểu và giới thiệu về phong trào đấu tranh trên lĩnh vực báo chí.

+ Sản phẩm các nhóm trình bày cần đảm bảo: nêu được đặc điểm, lực lượng; sử dụng được hình ảnh, nhân vật, sự kiện tiêu biểu và nêu được ý nghĩa lịch sử của phong trào dân chủ 1936 – 1939.

– **Bước 2:** Thực hiện nhiệm vụ

GV hướng dẫn HS thực hiện các nhiệm vụ học tập.

– **Bước 3:** Báo cáo, thảo luận

Các nhóm HS báo cáo sản phẩm.

Dự kiến sản phẩm

+ Nhiệm vụ 1:

Thời gian	Sự kiện
1936	– Đảng Cộng sản Đông Dương thành lập Mặt trận Thống nhất nhân dân phản đế Đông Dương, nhằm tập hợp nhân dân đấu tranh chống chủ nghĩa phát xít và nguy cơ chiến tranh, chống chế độ phản động thuộc địa, đòi tự do, dân chủ, cơm áo và hoà bình. – Giữa năm 1936, phong trào Đông Dương đại hội thu thập “dân nguyện” đưa yêu sách đến Chính phủ Pháp đòi tự do, cơm áo, hoà bình. – Cuộc bãi công của công nhân than Hòn Gai, Cẩm Phả, Mông Dương,... (Quảng Ninh) (23 – 11 – 1936).
1937	– Phong trào đón phái viên Chính phủ Pháp và Toàn quyền mới ở Đông Dương (đầu năm 1937). – Cuộc bãi công của công nhân xe lửa Nam Đông Dương (7 – 1937) và công nhân mỏ than Vàng Danh (9 – 1937). – Đảng Cộng sản Đông Dương giành thắng lợi trong kì tranh cử vào Viện Dân biểu Trung Kỳ (8 – 1937).
1938	– Mít tinh kỉ niệm ngày Quốc tế Lao động (1 – 5 – 1938) với hơn hai mươi nghìn người tham gia ở khu Đấu xảo (Hà Nội). – Mặt trận Dân chủ Đông Dương giành thắng lợi trong kì tranh cử vào Viện Dân biểu Bắc Kỳ.
1939	Thực dân phản động Pháp thẳng tay đàn áp, phong trào thu hẹp dần.

Dự kiến sản phẩm

+ Nhiệm vụ 2:

NHỮNG PHONG TRÀO ĐẤU TRANH TIÊU BIỂU

Đấu tranh đòi các quyền tự do, dân sinh, dân chủ	Đấu tranh nghị trường	Đấu tranh trên lĩnh vực báo chí
– Từ năm 1936 đến năm 1938: có hàng trăm cuộc bãi công, bãi thị, đấu tranh đòi áo cơm, tự do của công nhân, nông dân, tiểu thương thành thị,... – Phong trào Đông Dương đại hội – các Ủy ban hành động thu thập nguyện vọng của quần chúng gửi tới phái đoàn điều tra. – Mít tinh kỉ niệm ngày Quốc tế Lao động (1 – 5 – 1938) với hơn hai mươi nghìn người tham gia ở khu Đấu xảo (Hà Nội).	– Đảng vận động đưa người của Mặt trận Dân chủ ứng cử vào các cơ quan của chính quyền. – Giành được nhiều thắng lợi trong các kì tranh cử vào Viện Dân biểu Trung Kỳ (1937), Viện Dân biểu Bắc Kỳ (1938).	– Báo chí cách mạng và tiến bộ đã xuất hiện hàng loạt nhằm tuyên truyền, định hướng cho phong trào đấu tranh rộng lớn của quần chúng nhân dân. – Xuất bản nhiều tờ báo công khai như <i>Tin tức, Dân chúng, Lao động, Bạn dân, Nhà mình,...</i>

Ý nghĩa:

- Là phong trào quần chúng rộng lớn dưới sự tổ chức, lãnh đạo của Đảng Cộng sản Đông Dương.
- Buộc chính quyền thực dân Pháp phải nhượng bộ một số yêu sách về dân sinh, dân chủ.

– Bước 4: Kết luận, đánh giá

GV sử dụng phương pháp diễn giảng để:

- + Khái quát được nguyên nhân, diễn biến chính của phong trào dân chủ 1936 – 1939.
 - + Rút ra được ý nghĩa lịch sử của phong trào cách mạng giai đoạn 1930 – 1931 và 1936 – 1939.
 - + Nhấn mạnh thêm cho HS: qua phong trào 1936 – 1939, quần chúng nhân dân giác ngộ về chính trị, trở thành lực lượng hùng hậu cho cách mạng. Đảng tích lũy được kinh nghiệm trong công tác mặt trận, tổ chức lãnh đạo đấu tranh công khai, hợp pháp,...
- Phong trào dân chủ 1936 – 1939 là một cuộc tập dượt, chuẩn bị cho Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945.

***Công cụ đánh giá:** bảng tiêu chí Rubrics

PHIẾU ĐÁNH GIÁ SẢN PHẨM NHÓM			
Tiêu chí	Mức độ 1	Mức độ 2	Mức độ 3
Nội dung (6 điểm)	Trình bày không đầy đủ, thiếu chính xác về các sự kiện. (1 – 2,5 điểm)	Trình bày được khoảng 80% yêu cầu của GV. (3 – 4 điểm)	Trình bày đầy đủ, cô đọng, chính xác nội dung sự kiện. (5 – 6 điểm)
Hình thức trình bày infographic (2 điểm)	Bố cục infographic không hài hoà, hệ thống, lựa chọn hình ảnh không đẹp (độ phân giải thấp, bề hình), phối màu không thẩm mỹ. (0,5 điểm)	Bố cục infographic tương đối hài hoà, hệ thống, nhưng còn một số lỗi về kĩ thuật chọn hình, phối màu. (1 – 1,5 điểm)	Bố cục infographic hài hoà, hệ thống thẩm mỹ cao. (2 điểm)
Thuyết minh (2 điểm)	Thuyết minh nội dung infographic chưa rõ ràng và chưa trả lời được các câu hỏi của bạn. (0,5 điểm)	Thuyết minh và trả lời được các câu hỏi nhưng còn lúng túng, nội dung thuyết minh còn lan man. (1 – 1,5 điểm)	Thuyết minh hấp dẫn nội dung súc tích. Tự tin trả lời đúng các câu hỏi. (2 điểm)

3. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a) Mục tiêu: Rèn luyện kiến thức, kĩ năng đã học.

b) Tổ chức thực hiện

– **Bước 1:** Giao nhiệm vụ học tập

HS thực hiện bài tập sau:

Dựa vào nội dung bài học, hãy hoàn thành bảng hệ thống kiến thức về phong trào cách mạng 1930 – 1931 và phong trào dân chủ 1936 – 1939 theo mẫu dưới đây:

Nội dung Tên phong trào	Lãnh đạo	Lực lượng	Hình thức	Quy mô	Ý nghĩa
Phong trào cách mạng 1930 – 1931	?	?	?	?	?
Phong trào dân chủ 1936 – 1939	?	?	?	?	?

– **Bước 2:** Thực hiện nhiệm vụ

HS thực hiện nhiệm vụ học tập theo nhóm.

– **Bước 3:** Báo cáo, thảo luận

Các nhóm HS báo cáo sản phẩm.

Dự kiến sản phẩm

Nội dung Tên phong trào	Lãnh đạo	Lực lượng	Hình thức	Quy mô	Ý nghĩa
Phong trào cách mạng 1930 – 1931	Đảng Cộng sản Đông Dương.	Chủ yếu là công – nông.	Bãi công và biểu tình.	Diễn ra trên toàn quốc.	Thể hiện tinh thần đấu tranh và năng lực cách mạng của nhân dân lao động Việt Nam; rèn luyện lực lượng cho cách mạng.
Phong trào dân chủ 1936 – 1939	Đảng Cộng sản Đông Dương.	Đông đảo quần chúng nhân dân (công nhân, nông dân, thị dân, trí thức,...).	Bãi công, biểu tình, bãi thị, đấu tranh nghị trường, báo chí,...	Diễn ra trên toàn quốc.	Quần chúng được giác ngộ về chính trị, được tập hợp trong mặt trận dân tộc thống nhất và trở thành lực lượng chính trị hùng hậu của cách mạng.

– **Bước 4:** Kết luận, đánh giá.

***Công cụ đánh giá:** bài tập

4. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

***Ghi chú:** HS sẽ thực hiện hoạt động này tại nhà và gửi sản phẩm đến GV vào thời điểm thích hợp do GV xác định.

a) Mục tiêu: (5), (6), (7)

b) Tổ chức thực hiện

– **Bước 1:** Giao nhiệm vụ học tập

HS thực hiện bài tập sau:

Bàn về bài học lịch sử của phong trào Mặt trận Dân chủ 1936 – 1939, Chủ tịch Hồ Chí Minh nhấn mạnh: “Việc gì đúng với nguyện vọng nhân dân thì được quần chúng nhân dân ủng hộ và như vậy mới thật là một phong trào quần chúng”. Em có đồng ý với nhận định trên không? Vì sao?

GV hướng dẫn HS thực hiện như sau:

- + HS nêu rõ quan điểm của cá nhân (đồng ý hay không đồng ý) với nhận định của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Đồng thời, đưa ra các luận điểm để giải thích cho quan điểm đó.
- + GV có thể gợi ý thêm cho HS liên hệ với thực tiễn hiện nay xem bài học trên có còn giá trị không? Lấy một ví dụ cụ thể mà em biết (ở địa phương em hoặc ở nơi khác) để chứng minh cho ý kiến của bản thân.

- **Bước 2:** Thực hiện nhiệm vụ HS thực hiện nhiệm vụ học tập cá nhân.
- **Bước 3:** Báo cáo, thảo luận
- **Bước 4:** Kết luận, đánh giá
- *Công cụ đánh giá:** bài tập

B. KẾ HOẠCH BÀI DẠY CÁCH 2: DỰA TRÊN MA TRẬN VÀ CHƯƠNG TRÌNH GDPT 2018

Hoạt động	Mục tiêu			Nội dung	Phương pháp hoặc Kỹ thuật dạy học	Công cụ đánh giá
	Năng lực chung	Năng lực lịch sử	Phẩm chất			
Hoạt động khởi động	Nhận biết được các yêu cầu cần đạt của bài học.			Yêu cầu cần đạt của bài học.	PPDH diễn giảng	Câu hỏi
Hoạt động hình thành kiến thức mới						
Hoạt động 1	1	2, 3		Phong trào cách mạng 1930 – 1931 với đỉnh cao Xô viết Nghệ – Tĩnh	PPDH hợp tác, giảng bài.	Bảng kiểm và thang đo
Hoạt động 2	1	2, 4		Phong trào dân chủ 1936 – 1939	PPDH lịch sử qua sử dụng tư liệu	Bảng tiêu chí Rubrics
Hoạt động luyện tập	Rèn luyện kiến thức, kĩ năng đã học.			Tóm tắt những nét chủ yếu về phong trào cách mạng 1930 – 1931 và phong trào dân chủ 1936 – 1939.	PPDH hợp tác	Bài tập
Hoạt động vận dụng		5	6, 7	Giải thích được nhận định của Chủ tịch Hồ Chí Minh: “Việc gì đúng với nguyện vọng nhân dân thì được quần chúng nhân dân ủng hộ và như vậy mới thật là một phong trào quần chúng”.	PPDH lịch sử qua sử dụng tư liệu	Bài tập

A. KẾ HOẠCH BÀI DẠY CÁCH 1:

I. MỤC TIÊU

Phẩm chất, năng lực	Yêu cầu cần đạt	Mã số
1. Năng lực chung		
Giao tiếp và hợp tác	Hiểu rõ nhiệm vụ của nhóm; đánh giá được khả năng của bản thân và tự nhận công việc phù hợp.	1
Giải quyết vấn đề và sáng tạo	Phân tích được tình huống trong học tập; phát hiện và nêu được tình huống có vấn đề.	2
2. Năng lực lịch sử		
Tìm hiểu lịch sử	Khai thác và sử dụng thông tin của một số tư liệu lịch sử (8.1, 8.2, 8.3, 8.4, 8.5, 8.6, 8.7, 8.8, 8.9, 8.10, 8.11, 8.12, 8.13), phần <i>Em có biết</i> để tìm hiểu về Cách mạng tháng Tám năm 1945.	3
Nhận thức và tư duy lịch sử	Nêu được tình hình Việt Nam dưới ách thống trị của Pháp – Nhật Bản.	4
	Nhận biết được sự chuẩn bị của nhân dân Việt Nam tiến tới khởi nghĩa giành chính quyền: chuyển hướng chiến lược của Đảng Cộng sản Đông Dương; sự ra đời của Mặt trận Việt Minh; cao trào kháng Nhật cứu nước.	5
	Trình bày được diễn biến chính của Cách mạng tháng Tám năm 1945 và sự ra đời của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà.	6
	Nêu được nguyên nhân thắng lợi, ý nghĩa lịch sử của Cách mạng tháng Tám năm 1945.	7
Vận dụng	Rút ra bài học lịch sử từ việc tìm hiểu Cách mạng tháng Tám năm 1945 và vận dụng, phát huy bài học đó trong công cuộc xây dựng đất nước hiện nay.	8
3. Phẩm chất		
Yêu nước	- Bồi dưỡng lòng yêu nước, tự hào dân tộc và sẵn sàng đứng lên đấu tranh cho nền độc lập dân tộc. - Lòng biết ơn và có hành động tri ân đối với sự hi sinh của cha ông trong cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc.	9

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- Máy tính, máy chiếu.
- Phiếu học tập (giấy A0), nam châm dán phiếu học tập, bút màu.
- SGK, SGV *Lịch sử và Địa lí 9* (phần Lịch sử) (Bộ sách *Chân trời sáng tạo*).
- Video *Cách mạng tháng Tám: Mốc son vĩ đại của lịch sử dân tộc*.
- Các lược đồ về Khu giải phóng Việt Bắc và diễn biến của Cách mạng tháng Tám năm 1945.
- Tranh vẽ, hình ảnh liên quan đến Cách mạng tháng Tám năm 1945.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a) Mục tiêu: Sau khi tham gia hoạt động, HS sẽ nhận biết được yêu cầu cần đạt của bài học.

b) Tổ chức thực hiện

– **Gợi ý 1:** GV dùng phần *Dẫn nhập* trong SGK để dẫn dắt HS vào bài học.

– **Gợi ý 2:** GV thiết kế câu hỏi trắc nghiệm, trò chơi, hình ảnh có liên quan đến Cách mạng tháng Tám năm 1945.

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1

K (KNOW)	W (WANT)	L (LEARN)
Liệt kê những điều em đã biết về Cách mạng tháng Tám năm 1945	Liệt kê những điều em muốn biết về Cách mạng tháng Tám năm 1945	Liệt kê những điều em học được về Cách mạng tháng Tám năm 1945
?	?	?

2. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

2.1. HOẠT ĐỘNG 1: VIỆT NAM DƯỚI ÁCH THỐNG TRỊ CỦA PHÁP – NHẬT BẢN

a) Mục tiêu: (1), (3), (4)

b) Tổ chức thực hiện

– **Bước 1:** Giao nhiệm vụ học tập

+ Nhiệm vụ 1: GV chia lớp thành các nhóm và giao nhiệm vụ học tập. Các nhóm HS sử dụng thông tin trong SGK hoàn thành phiếu học tập số 2.

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2

VIỆT NAM DƯỚI ÁCH THỐNG TRỊ CỦA PHÁP – NHẬT BẢN	
Chính sách cai trị của thực dân Pháp	Chính sách cai trị của phát xít Nhật Bản
?	?
Tác động: ?	

+ Nhiệm vụ 2 : Sau khi hoàn thành nhiệm vụ 1, GV yêu cầu các nhóm HS thực hiện nhiệm vụ: Từ tư liệu 8.1, hãy nhận xét về đời sống của nhân dân Việt Nam trong thời kì Pháp – Nhật Bản thống trị.

– **Bước 2:** Thực hiện nhiệm vụ

+ Nhiệm vụ 1: Các nhóm HS thảo luận, hoàn thành phiếu học tập số 2.

+ Nhiệm vụ 2: Sau khi hoàn thành nhiệm vụ 1, các nhóm HS thảo luận và trả lời câu hỏi: Từ tư liệu 8.1, hãy nhận xét về đời sống của nhân dân Việt Nam trong thời kì Pháp – Nhật Bản thống trị.

– **Bước 3:** Báo cáo, thảo luận

Các nhóm HS báo cáo sản phẩm.

Dự kiến sản phẩm

+ Nhiệm vụ 1:

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2

VIỆT NAM DƯỚI ÁCH THỐNG TRỊ CỦA PHÁP – NHẬT BẢN

Chính sách cai trị của thực dân Pháp	Chính sách cai trị của phát xít Nhật Bản
– Thủ tiêu các quyền lợi dân sinh, dân chủ, giải tán các hội ái hữu, bắt giam những người yêu nước. – Thực thi chính sách “kinh tế chỉ huy”, kiểm soát gắt gao hàng hoá, ấn định giá cả, tăng thuế cũ, thêm thuế mới, giảm lương, tăng giờ làm,...	Cùng thực dân Pháp cai trị Đông Dương, thực hiện nhiều chính sách cai trị thâm độc, đặc biệt là cưỡng bức nông dân nhổ lúa, hoa màu trồng cây công nghiệp phục vụ nhu cầu chiến tranh.
Tác động: nhân dân Việt Nam rơi vào tình cảnh “một cổ hai tròng”. Cuộc sống của đại bộ phận nhân dân, kể cả tầng lớp trí thức, tư sản dân tộc đều bị đẩy đến “bước đường cùng”. Nạn đói khiến khoảng 2 triệu người dân Việt Nam chết vào cuối năm 1944, đầu năm 1945.	

+ Nhiệm vụ 2: GV tôn trọng ý kiến của HS và chú trọng hướng dẫn HS sử dụng ngôn ngữ lịch sử để mô tả, trình bày, diễn giải một nội dung về lịch sử. GV cần chú ý khơi gợi cảm xúc của HS.

Gợi ý: Tư liệu 8.1 miêu tả hình ảnh của ba người đàn ông đại diện cho ba đối tượng: người đàn ông béo lùn, mặc quân phục và tay cầm kiếm, đại diện cho phát xít Nhật Bản; người đàn ông cao lớn, ria mép vênh lên và mặc Âu phục, đại diện cho thực dân Pháp; còn người đàn ông già, gầy trơ xương sườn, rách rưới, chống gậy đại diện cho người nông dân trước cách mạng.

Nhận xét: dưới ách cai trị của Pháp – Nhật Bản, nhân dân Việt Nam rơi vào tình cảnh “một cổ hai tròng”, cuộc sống của đại bộ phận nhân dân, kể cả tầng lớp trí thức, tư sản dân tộc đều bị đẩy đến “bước đường cùng”.

– **Bước 4:** Kết luận, đánh giá

***Công cụ đánh giá:** bảng kiểm và thang đo

– **Công cụ đánh giá nhiệm vụ 1:** bảng kiểm

GV dựa vào các nội dung được trình bày trong “Dự kiến sản phẩm” và công cụ đánh giá để đánh giá sản phẩm của HS.

Tiêu chí	Có hoặc Không
Đáp ứng các yêu cầu về thông tin.	?
Lựa chọn và sắp xếp đúng thông tin từ SGK đối với từng lĩnh vực.	?
Các thông tin được trình bày súc tích, ngắn gọn.	?

– **Công cụ đánh giá nhiệm vụ 2:** thang đo

Các nhóm HS tự đánh giá: khoanh tròn mức độ đạt được của nhóm khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

Tiêu chí	Có hoặc Không				
Mức độ thuyết phục của phần trình bày.	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)

2.2. HOẠT ĐỘNG 2: CHUẨN BỊ TIẾN TỚI KHỞI NGHĨA GIÀNH CHÍNH QUYỀN

a) Mục tiêu: (2), (3), (5), (8)

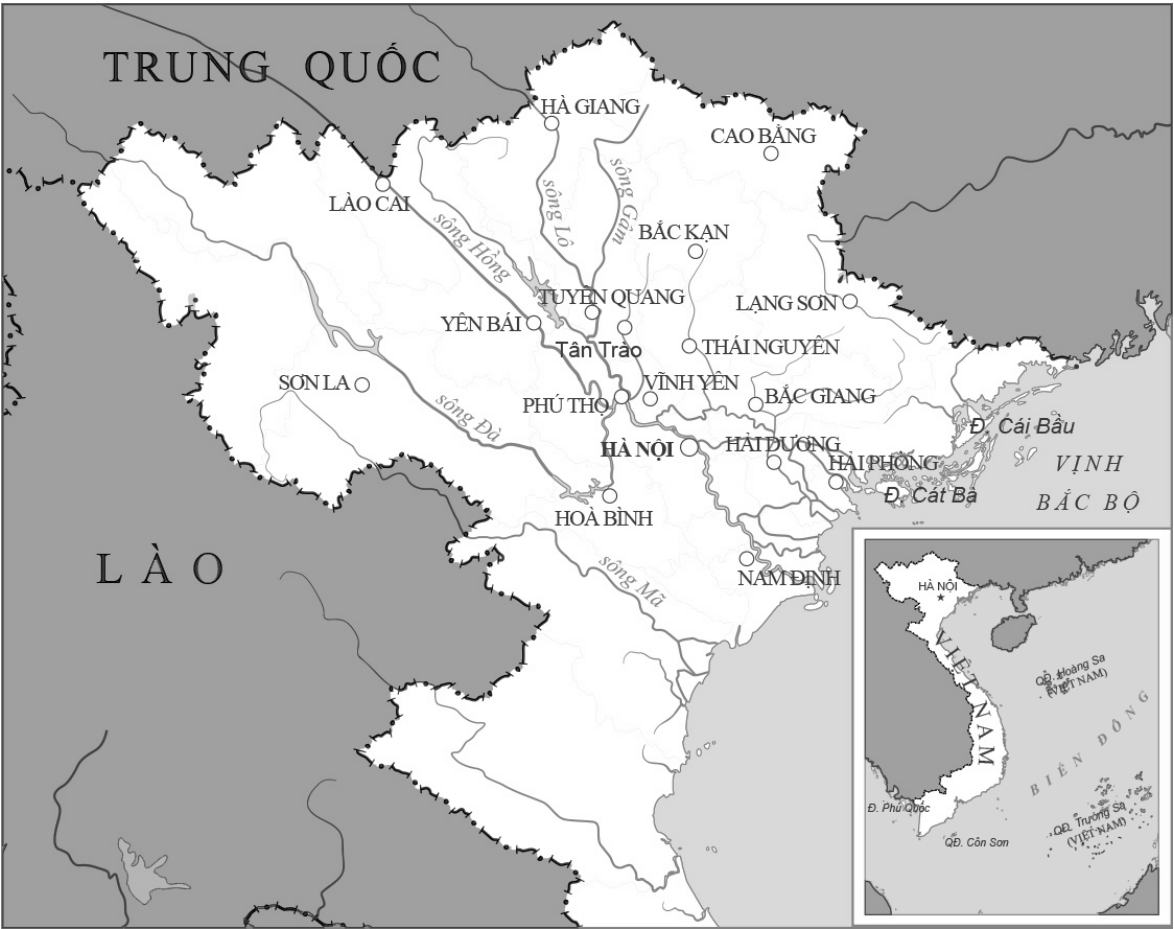
b) Tổ chức thực hiện

- Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập
 - + Nhiệm vụ 1: GV chia lớp thành các nhóm và giao nhiệm vụ học tập. Các nhóm HS sử dụng thông tin trong SGK hoàn thành phiếu học tập số 3.

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3

HỘI NGHỊ BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN ĐÔNG DƯƠNG LẦN THỨ 8 (THÁNG 5 – 1941)	
Nhiệm vụ	?
Khẩu hiệu	?
Mặt trận	?
Phương pháp đấu tranh	?

- + Nhiệm vụ 2: Sau khi hoàn thành nhiệm vụ 1, GV chuẩn bị cho các nhóm HS một lược đồ trống về Khu giải phóng Việt Bắc và thực hiện các yêu cầu sau:



Hình 1. Lược đồ trống về Khu giải phóng Việt Bắc

- Tô màu trên lược đồ trống khu vực là Khu giải phóng Việt Bắc.
- Khoanh tròn trên lược đồ trống tên địa danh là Thủ đô Khu giải phóng Việt Bắc.
- Điền chữ cái (A, B, C, D) ứng với các sự kiện dưới đây vào địa danh trên lược đồ trống là nơi diễn ra sự kiện.

- A. Cứu quốc quân (2 – 1941).
- B. Hội nghị Trung ương VIII và Mặt trận Việt Minh (5 – 1941).
- C. Hội nghị Quân sự cách mạng Bắc Kỳ (4 – 1945).
- D. Việt Nam giải phóng quân (5 – 1945).

– **Bước 2:** Thực hiện nhiệm vụ

- + Nhiệm vụ 1: Các nhóm HS thảo luận, hoàn thành phiếu học tập số 3.
- + Nhiệm vụ 2: Sau khi hoàn thành nhiệm vụ 1, các nhóm HS thảo luận và thực hiện các yêu cầu trên lược đồ trống về Khu giải phóng Việt Bắc.

– **Bước 3:** Báo cáo, thảo luận

Các nhóm HS báo cáo sản phẩm.

Dự kiến sản phẩm

+ Nhiệm vụ 1:

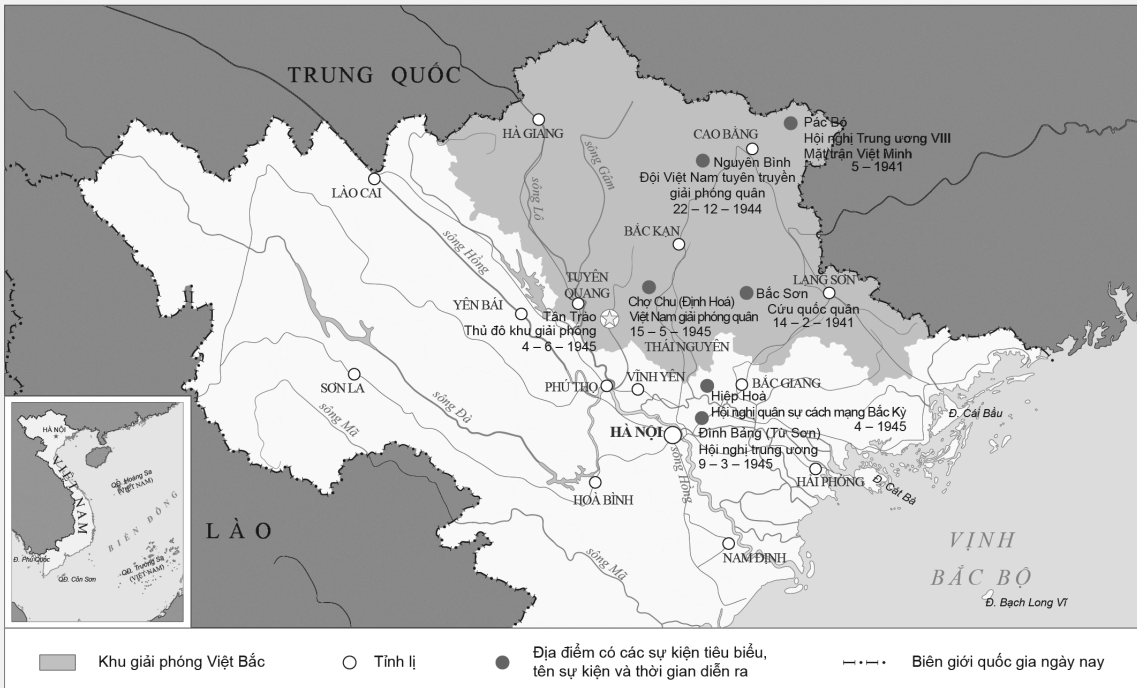
PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3

HỘI NGHỊ BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN ĐÔNG DƯƠNG LẦN THỨ 8 (THÁNG 5 – 1941)	
Nhiệm vụ	Khẳng định nhiệm vụ chủ yếu, trước mắt của cách mạng Việt Nam là giải phóng dân tộc. Hội nghị nhấn mạnh chuẩn bị khởi nghĩa là nhiệm vụ trọng tâm của toàn Đảng, toàn dân.
Khẩu hiệu	Tiếp tục tạm gác khẩu hiệu cách mạng ruộng đất, nêu khẩu hiệu giảm tô, thuế, chia lại ruộng đất công, tiến tới thực hiện người cày có ruộng.
Mặt trận	Thành lập Việt Nam độc lập đồng minh (gọi tắt là Việt Minh) vào ngày 19 – 5 – 1941 để tập hợp lực lượng.
Phương pháp đấu tranh	Xác định hình thái của cuộc khởi nghĩa là đi từ khởi nghĩa từng phần tiến lên tổng khởi nghĩa.

+ Nhiệm vụ 2: Đối với các yêu cầu về tô màu và khoanh tròn trên lược đồ trống, các nhóm HS dựa vào hình 8.8 – trang 41 trong SGK *Lịch sử và Địa lí 9* (phần Lịch sử) (Bộ sách *Chân trời sáng tạo*) để hoàn thành.

Dự kiến sản phẩm

Riêng yêu cầu về diễn chữ cái (A, B, C, D) ứng với các sự kiện vào địa danh trên lược đồ trống là nơi diễn ra sự kiện, GV tham khảo lược đồ dưới đây:



Hình 2. Lược đồ những sự kiện chính trong quá trình chuẩn bị tiến tới khởi nghĩa giành chính quyền (từ tháng 2 – 1941 đến tháng 6 – 1945)

– Bước 4: Kết luận, đánh giá

GV chốt và chuẩn hoá kiến thức, có thể sử dụng bảng sau:

CHUẨN BỊ TIẾN TỚI KHỞI NGHĨA GIÀNH CHÍNH QUYỀN	
Thời gian	Nội dung sự kiện
Tháng 5 – 1941	Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương lần thứ 8 được triệu tập.
Ngày 19 – 5 – 1941	Mặt trận Việt Minh ra đời.
Ngày 22 – 12 – 1944	Đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân được thành lập.
Ngày 4 – 6 – 1945	Khu giải phóng Việt Bắc ra đời.
Đêm 9 – 3 – 1945	Ban Thường vụ Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương họp tại làng Đình Bảng (Bắc Ninh).
Ngày 12 – 3 – 1945	Ban Thường vụ Trung ương Đảng ra chỉ thị “Nhật – Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta”, xác định phát xít Nhật trở thành kẻ thù chính của nhân dân Đông Dương. Hội nghị quyết định phát động cao trào kháng Nhật, cứu nước.

Thời gian	Nội dung sự kiện
Từ ngày 15 đến ngày 20 – 4 – 1945	Hội nghị quân sự cách mạng Bắc Kỳ họp ở Hiệp Hoà (Bắc Giang).
Ngày 15 – 5 – 1945	Việt Nam Cứu quốc quân và Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân thống nhất thành Việt Nam Giải phóng quân.
Trong tháng 3 – 1945	– Khởi nghĩa từng phần diễn ra ở một số địa phương như Tiên Du (Bắc Ninh), Bần Yên Nhân (Hưng Yên), Ba Tơ (Quảng Ngãi),... – Chính quyền cách mạng được thành lập ở nhiều nơi. Phong trào “Phá kho thóc Nhật, giải quyết nạn đói” lan rộng trên toàn quốc.

***Công cụ đánh giá:** thang đo và bảng kiểm

– **Công cụ đánh giá nhiệm vụ 1:** thang đo

Các nhóm HS tự đánh giá: khoanh tròn mức độ đạt được của nhóm khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

Tiêu chí	Mức độ đạt được
Lựa chọn đúng thông tin trong việc hoàn thành phiếu học tập số 3.	(1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)

– **Công cụ đánh giá nhiệm vụ 2:** bảng kiểm

Tiêu chí	Có hoặc Không
Tô màu đúng.	?
Tô màu đẹp.	?
Khoanh đúng địa danh là Thủ đô Khu giải phóng Việt Bắc.	?
Điền đúng chữ cái (A, B, C, D) ứng với các sự kiện vào đúng địa danh là nơi diễn ra sự kiện.	?

2.3. HOẠT ĐỘNG 3: TỔNG KHỞI NGHĨA THÁNG TÁM NĂM 1945 VÀ SỰ RA ĐỜI NƯỚC VIỆT NAM DÂN CHỦ CỘNG HOÀ

a) Mục tiêu: (1), (2), (6), (8)

b) Tổ chức thực hiện

– **Bước 1:** Giao nhiệm vụ học tập

+ Nhiệm vụ 1: GV chia lớp thành các nhóm và giao nhiệm vụ học tập. Các nhóm HS sử dụng thông tin trong SGK hoàn thành phiếu học tập số 4.

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 4	
DIỄN BIẾN CHÍNH CỦA TỔNG KHỞI NGHĨA THÁNG TÁM NĂM 1945 VÀ SỰ RA ĐỜI CỦA NƯỚC VIỆT NAM DÂN CHỦ CỘNG HOÀ	
Thời gian	Nội dung sự kiện
?	?

+ Nhiệm vụ 2: Sau khi hoàn thành nhiệm vụ 1, GV yêu cầu các nhóm HS trả lời các câu hỏi: Những biến động của tình hình thế giới vào tháng 8 – 1945 đã tác động như thế nào đến Việt Nam? Trước tình hình ấy, Đảng Cộng sản Đông Dương và Mặt trận Việt Minh đã đưa ra đường lối lãnh đạo cách mạng như thế nào? Em có nhận xét gì về chủ trương trên của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh?

– **Bước 2:** Thực hiện nhiệm vụ

+ Nhiệm vụ 1: Các nhóm HS thảo luận, hoàn thành phiếu học tập số 4.

+ Nhiệm vụ 2: Sau khi hoàn thành nhiệm vụ 1, các nhóm HS thảo luận và trả lời các câu hỏi: Những biến động của tình hình thế giới vào tháng 8 – 1945 đã tác động như thế nào đến Việt Nam? Trước tình hình ấy, Đảng Cộng sản Đông Dương và Mặt trận Việt Minh đã đưa ra đường lối lãnh đạo cách mạng như thế nào? Em có nhận xét gì về chủ trương trên của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh?

– **Bước 3:** Báo cáo, thảo luận

Các nhóm HS báo cáo sản phẩm.

Dự kiến sản phẩm

+ Nhiệm vụ 1:

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 4

DIỄN BIẾN CHÍNH CỦA TỔNG KHỞI NGHĨA THÁNG TÁM NĂM 1945 VÀ SỰ RA ĐỜI CỦA NƯỚC VIỆT NAM DÂN CHỦ CỘNG HOÀ	
Thời gian	Nội dung sự kiện
13 – 8 – 1945	Ủy ban Khởi nghĩa toàn quốc được thành lập, phát đi bản <i>Quân lệnh số 1</i> .
14 – 8 – 1945	Nhiều xã, huyện ở Bắc Bộ và Trung Bộ bắt đầu khởi nghĩa.
16 – 8 – 1945	Giải phóng quân tiến về giải phóng thị xã Thái Nguyên.
18 – 8 – 1945	Bốn tỉnh đầu tiên giành chính quyền: Bắc Giang, Hải Dương, Hà Tĩnh, Quảng Nam.
19 – 8 – 1945	Giành chính quyền ở Hà Nội.
23 – 8 – 1945	Giành chính quyền ở Huế.
25 – 8 – 1945	Giành chính quyền ở Sài Gòn.
28 – 8 – 1945	Hai tỉnh cuối cùng là Đồng Nai Thượng, Hà Tiên giành chính quyền.
2 – 9 – 1945	Tại Quảng trường Ba Đình (Hà Nội), Hồ Chí Minh thay mặt Chính phủ lâm thời đọc bản <i>Tuyên ngôn Độc lập</i> , tuyên bố với nhân dân cả nước và toàn thế giới về sự ra đời của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà.

Dự kiến sản phẩm

+ Nhiệm vụ 2: Gợi ý trả lời.

Tháng 8 – 1945, Chiến tranh thế giới thứ hai bước vào giai đoạn cuối, quân đội Nhật Bản liên tiếp thất bại trước sự tiến công của quân Đồng minh. Trước tình hình đó, ngày 15 – 8 – 1945, Nhật Bản tuyên bố đầu hàng không điều kiện. Ở Đông Dương, quân đội Nhật Bản rệu rã, Chính phủ thân Nhật Trần Trọng Kim hoang mang. Khí thế cách mạng của quần chúng dâng cao.

Ngay khi nhận được những thông tin về việc Nhật Bản sắp đầu hàng Đồng minh (từ ngày 13 – 8 – 1945), Đảng Cộng sản Đông Dương và Mặt trận Việt Minh đã thành lập ngay Ủy ban Khởi nghĩa toàn quốc.

Nhận xét: Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã có quyết định kịp thời, đúng đắn, lãnh đạo nhân dân ta “chớp thời cơ” giúp cuộc Tổng khởi nghĩa giành được thắng lợi nhanh chóng.

– **Bước 4:** Kết luận, đánh giá

GV sử dụng phương pháp diễn giảng để:

- + Khái quát được về bối cảnh lịch sử, diễn biến chính của Cách mạng tháng Tám năm 1945 và sự ra đời của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.
- + Nhấn mạnh vai trò quan trọng của Đảng Cộng sản Đông Dương, Mặt trận Việt Minh, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh trong việc kịp thời chỉ đạo nhân dân “chớp thời cơ” Tổng khởi nghĩa giành được độc lập từ tay phát xít Nhật và thực dân Pháp, khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

***Công cụ đánh giá:** bảng kiểm và thang đo

– **Công cụ đánh giá nhiệm vụ 1:** bảng kiểm

GV dựa vào các nội dung được trình bày trong “Dự kiến sản phẩm” và công cụ đánh giá để đánh giá sản phẩm của HS.

Tiêu chí	Có hoặc Không
Đáp ứng các yêu cầu về thông tin.	?
Lựa chọn và sắp xếp đúng thông tin từ SGK đối với từng nội dung.	?
Các thông tin được trình bày súc tích, ngắn gọn.	?

– **Công cụ đánh giá nhiệm vụ 2:** thang đo

Các nhóm HS tự đánh giá: khoanh tròn mức độ đạt được của nhóm khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

Tiêu chí	Mức độ đạt được				
Mức độ thuyết phục của phần trình bày.	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)

2.4. HOẠT ĐỘNG 4: NGUYÊN NHÂN THẮNG LỢI, Ý NGHĨA LỊCH SỬ CỦA CÁCH MẠNG THÁNG TÁM NĂM 1945

a) Mục tiêu: (2), (7), (8), (9)

b) Tổ chức thực hiện

– **Bước 1:** Giao nhiệm vụ học tập

GV chia lớp thành các nhóm và giao nhiệm vụ học tập. Các nhóm HS sử dụng thông tin trong SGK hoàn thành phiếu học tập số 5.

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 5

Nguyên nhân thắng lợi	Ý nghĩa lịch sử
?	?

– **Bước 2:** Thực hiện nhiệm vụ

Các nhóm HS thảo luận, hoàn thành phiếu học tập số 5.

– **Bước 3:** Báo cáo, thảo luận

Các nhóm HS báo cáo sản phẩm.

Dự kiến sản phẩm

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 5

Nguyên nhân thắng lợi	Ý nghĩa lịch sử
– Chủ quan: + Truyền thống yêu nước, đấu tranh kiên cường, bất khuất cho độc lập tự do; đoàn kết trong Mặt trận Việt Minh. + Vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Đông Dương, đứng đầu là lãnh tụ Hồ Chí Minh (đường lối, phương pháp, chuẩn bị lực lượng, việc “chớp thời cơ”,...). + Quá trình chuẩn bị lực lượng trong suốt 15 năm. + Sự đồng lòng, nhất trí, chỉ đạo sáng tạo của các cấp bộ Đảng, Mặt trận Việt Minh trong việc “chớp thời cơ”, giành chính quyền. – Khách quan: Chiến thắng của lực lượng Đồng minh trong cuộc chiến tranh chống phát xít, nhất là sự kiện Nhật Bản đầu hàng Đồng minh đã cổ vũ và tạo thời cơ để nhân dân Việt Nam đứng lên Tổng khởi nghĩa.	– Với dân tộc: + Mở ra một bước ngoặt lớn trong lịch sử dân tộc: lật đổ ách thống trị của Pháp – Nhật Bản, xoá bỏ hoàn toàn chế độ phong kiến, lập ra Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà. + Mở ra kỉ nguyên mới của dân tộc: kỉ nguyên độc lập, tự do; kỉ nguyên nhân dân lao động nắm chính quyền, làm chủ đất nước, làm chủ vận mệnh dân tộc; kỉ nguyên giải phóng dân tộc gắn liền với giải phóng xã hội. + Đảng Cộng sản Đông Dương trở thành Đảng cầm quyền – chuẩn bị những điều kiện tiên quyết cho những thắng lợi tiếp theo của cách mạng. – Với thế giới: + Góp phần vào chiến thắng chủ nghĩa phát xít trong Chiến tranh thế giới thứ hai. + Chọc thủng khâu yếu nhất trong hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa đế quốc, góp phần làm suy yếu chúng. + Cổ vũ mạnh mẽ các dân tộc thuộc địa đấu tranh tự giải phóng, ảnh hưởng trực tiếp đến cách mạng Lào và Cam-pu-chia.

– **Bước 4:** Kết luận, đánh giá

GV chốt và chuẩn hoá kiến thức:

- + Thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945 trước hết là do Đảng Cộng sản Đông Dương, đứng đầu là lãnh tụ Hồ Chí Minh lãnh đạo, đã đề ra đường lối cách mạng đúng đắn, có quá trình chuẩn bị trong suốt 15 năm và “chớp thời cơ” phát động quần chúng nổi dậy giành chính quyền. Nhân dân ta có truyền thống yêu nước nồng nàn và tinh thần đoàn kết, đồng tâm giành độc lập. Với thắng lợi này, Việt Nam từ một nước thuộc địa nửa phong kiến trở thành một nước độc lập, đưa nhân dân Việt Nam từ thân phận nô lệ trở thành người tự do, làm chủ nước nhà.
- + Thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945 đã cổ vũ mạnh mẽ tinh thần đấu tranh của nhân dân các nước thuộc địa và phụ thuộc trên thế giới, đặc biệt là nhân dân châu Á và châu Phi.

***Công cụ đánh giá:** bảng kiểm

GV dựa vào các nội dung được trình bày trong “Dự kiến sản phẩm” và công cụ đánh giá để đánh giá sản phẩm của HS.

Tiêu chí	Có hoặc Không
Đáp ứng các yêu cầu về thông tin.	?
Lựa chọn và sắp xếp đúng thông tin từ SGK đối với từng nội dung.	?
Các thông tin được trình bày súc tích, ngắn gọn.	?

3. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a) Mục tiêu: Rèn luyện kiến thức, kĩ năng đã học.

b) Tổ chức thực hiện

– **Bước 1:** Giao nhiệm vụ học tập

HS thực hiện các bài tập sau:

1. *Hãy hoàn thành niên biểu về Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945 và sự ra đời nước Việt Nam*

Dân chủ Cộng hoà theo mẫu dưới đây:

Thời gian	Nội dung sự kiện
?	?
?	?

2. *Hãy phân tích nguyên nhân thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945 qua lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh ngày 18 – 8 – 1945: “Hỡi đồng bào yêu quý! Giờ quyết định cho vận mệnh dân tộc ta đã đến. Toàn quốc đồng bào hãy đứng dậy đem sức ta mà tự giải phóng cho ta”.*

– **Bước 2:** Thực hiện nhiệm vụ

HS thực hiện nhiệm vụ học tập theo nhóm.

– **Bước 3:** Báo cáo, thảo luận

Các nhóm HS báo cáo sản phẩm.

Dự kiến sản phẩm

+ Câu 1. Trả lời:

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 4

Thời gian	Nội dung sự kiện
14 – 8 – 1945	Nhiều xã, huyện ở Bắc Bộ và Trung Bộ bắt đầu khởi nghĩa.
16 – 8 – 1945	Giải phóng quân tiến về giải phóng thị xã Thái Nguyên.
18 – 8 – 1945	Bốn tỉnh đầu tiên giành chính quyền: Bắc Giang, Hải Dương, Hà Tĩnh, Quảng Nam.
19 – 8 – 1945	Giành chính quyền ở Hà Nội.
23 – 8 – 1945	Giành chính quyền ở Huế.
25 – 8 – 1945	Giành chính quyền ở Sài Gòn.
28 – 8 – 1945	Hai tỉnh cuối cùng là Đồng Nai Thượng, Hà Tiên giành chính quyền.
2 – 9 – 1945	Tại Quảng trường Ba Đình (Hà Nội), Hồ Chí Minh thay mặt Chính phủ lâm thời đọc bản <i>Tuyên ngôn Độc lập</i> , tuyên bố với nhân dân cả nước và toàn thế giới về sự ra đời của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

+ Câu 2. GV hướng dẫn HS hiểu rõ yêu cầu của câu hỏi là phân tích nguyên nhân thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945 qua tìm hiểu về lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Gợi ý: kịp thời chớp thời cơ, phát động quần chúng nổi dậy giành chính quyền; khơi dậy, phát huy truyền thống yêu nước nồng nàn của dân tộc Việt Nam; dựa vào sức mình, thực hiện bằng cuộc khởi nghĩa toàn dân,...

– **Bước 4:** Kết luận, đánh giá

***Công cụ đánh giá:** câu hỏi và bài tập

4. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

***Ghi chú:** HS sẽ thực hiện hoạt động này tại nhà và gửi sản phẩm đến GV vào thời điểm thích hợp do GV xác định.

a) Mục tiêu: (5), (6), (7)

b) Tổ chức thực hiện

– **Bước 1:** Giao nhiệm vụ học tập

HS thực hiện bài tập sau:

Theo em, bài học lịch sử nào của Cách mạng tháng Tám năm 1945 có thể vận dụng và phát huy trong công cuộc xây dựng đất nước hiện nay?

GV hướng dẫn HS thực hiện như sau:

+ HS rút ra bài học lịch sử từ Hoạt động 4, liên hệ với thực tiễn hiện nay để khẳng định bài học lịch sử nào của Cách mạng tháng Tám năm 1945 có thể vận dụng và phát huy trong công cuộc xây dựng đất nước hiện nay.

+ Gợi ý: phải xây dựng được đường lối đúng đắn, sáng tạo; biết khơi dậy, phát huy truyền thống yêu nước, lòng tự hào dân tộc; quy tụ, phát huy yếu tố nội lực; linh hoạt trong chỉ đạo, lãnh đạo; đoàn kết, phát huy sức mạnh toàn dân;...

– **Bước 2:** Thực hiện nhiệm vụ

HS thực hiện nhiệm vụ học tập cá nhân.

– **Bước 3:** Báo cáo, thảo luận

– **Bước 4:** Kết luận, đánh giá

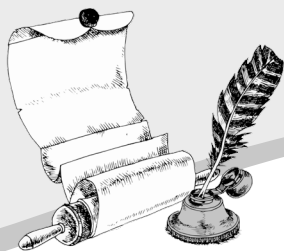
***Công cụ đánh giá:** bài tập và bảng tiêu chí Rubrics

PHIẾU ĐÁNH GIÁ SẢN PHẨM NHÓM			
Tiêu chí	Mức độ 1	Mức độ 2	Mức độ 3
Nội dung (6 điểm)	Trình bày không đầy đủ, thiếu chính xác về các sự kiện. (1 – 2,5 điểm)	Trình bày được khoảng 80% yêu cầu của GV. (3 – 4 điểm)	Trình bày đầy đủ, cô đọng, chính xác nội dung sự kiện. (5 – 6 điểm)
Hình thức trình bày infographic (2 điểm)	Bố cục infographic không hài hoà, hệ thống, lựa chọn hình ảnh không đẹp (độ phân giải thấp, bề hình), phối màu không thẩm mỹ. (0,5 điểm)	Bố cục infographic tương đối hài hoà, hệ thống, nhưng còn một số lỗi về kĩ thuật chọn hình, phối màu. (1 – 1,5 điểm)	Bố cục infographic hài hoà, hệ thống thẩm mỹ cao. (2 điểm)
Thuyết minh (2 điểm)	Thuyết minh nội dung infographic chưa rõ ràng và chưa trả lời được các câu hỏi của bạn. (0,5 điểm)	Thuyết minh và trả lời được các câu hỏi nhưng còn lúng túng, nội dung thuyết minh còn lan man. (1 – 1,5 điểm)	Thuyết minh hấp dẫn nội dung súc tích. Tự tin trả lời đúng các câu hỏi. (2 điểm)

B. KẾ HOẠCH BÀI DẠY CÁCH 2: DỰA TRÊN MA TRẬN VÀ CHƯƠNG TRÌNH GDPT 2018

Hoạt động	Mục tiêu			Nội dung	Phương pháp hoặc Kỹ thuật dạy học	Công cụ đánh giá
	Năng lực chung	Năng lực lịch sử	Phẩm chất			
Hoạt động khởi động	Nhận biết được các yêu cầu cần đạt của bài học.			Yêu cầu cần đạt của bài học.	PPDH diễn giảng	Câu hỏi
Hoạt động hình thành kiến thức mới						
Hoạt động 1	1	3, 4		Việt Nam dưới ách thống trị của Pháp – Nhật Bản	PPDH hợp tác, diễn giảng.	Bảng kiểm và thang đo
Hoạt động 2	2	3, 5, 8		Chuẩn bị tiến tới khởi nghĩa giành chính quyền	PPDH hợp tác, diễn giảng.	Thang đo và bảng kiểm
Hoạt động 3	1, 2	6, 8		Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945 và sự ra đời nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà	PPDH hợp tác, diễn giảng.	Bảng kiểm và thang đo

Hoạt động	Mục tiêu			Nội dung	Phương pháp hoặc Kỹ thuật dạy học	Công cụ đánh giá
	Năng lực chung	Năng lực lịch sử	Phẩm chất			
Hoạt động 4	2	7, 8	9	Nguyên nhân thắng lợi, ý nghĩa lịch sử của Cách mạng tháng Tám năm 1945	PPDH hợp tác, diễn giảng.	Bảng kiểm
Hoạt động luyện tập	Rèn luyện kiến thức, kỹ năng đã học.			- Tóm tắt được diễn biến chính của Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945 và sự ra đời nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà. - Phân tích được nguyên nhân thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945 qua lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh (18 – 8 – 1945).	PPDH hợp tác	Câu hỏi và bài tập
Hoạt động vận dụng		5, 6, 7		Rút ra được bài học lịch sử từ việc tìm hiểu Cách mạng tháng Tám năm 1945 và vận dụng, phát huy bài học đó trong công cuộc xây dựng đất nước hiện nay.	PPDH lịch sử qua sử dụng tư liệu	Bài tập và bảng tiêu chí Rubrics



Chương III. THẾ GIỚI TỪ NĂM 1945 ĐẾN NĂM 1991

Bài 9.

CHIẾN TRANH LẠNH (1947 – 1989)

(DỰ KIẾN 1 TIẾT)

A. KẾ HOẠCH BÀI DẠY CÁCH 1:

I. MỤC TIÊU

Phẩm chất, năng lực	Yêu cầu cần đạt	Mã số
1. Năng lực chung		
Giải quyết vấn đề và sáng tạo	Xác định được nguyên nhân, biểu hiện và hậu quả của Chiến tranh lạnh.	1
2. Năng lực lịch sử		
Tìm hiểu lịch sử	Khai thác và sử dụng thông tin của một số tư liệu lịch sử (9.1, 9.2, 9.3, 9.4, 9.5), phần <i>Nhân vật lịch sử</i> và phần <i>Em có biết</i> để nhận thức về nguyên nhân, những biểu hiện và hậu quả của Chiến tranh lạnh (1947 – 1989).	2
Nhận thức và tư duy lịch sử	Nhận biết được nguyên nhân, những biểu hiện và hậu quả của Chiến tranh lạnh.	3
Vận dụng	Vận dụng kiến thức về Chiến tranh lạnh (1947 – 1989) để sưu tầm thông tin trên internet, một số hình ảnh về vị trí nơi đất nước bị chia cắt do tác động của Chiến tranh lạnh ở Đức, Việt Nam, bán đảo Triều Tiên và ghi chú thích ở dưới mỗi bức hình.	4
3. Phẩm chất		
Chăm chỉ	Đọc và sưu tầm các thông tin, hình ảnh, tư liệu về tình hình Chiến tranh lạnh (1947 – 1989).	5

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- Máy tính, máy chiếu.
- Phiếu học tập (giấy A0), nam châm dán phiếu học tập, bút màu.
- SGK, SGV *Lịch sử và Địa lí 9* (phần Lịch sử) (Bộ sách *Chân trời sáng tạo*).

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a) Mục tiêu: Sau khi tham gia hoạt động, HS sẽ nhận biết được yêu cầu cần đạt của bài học.

b) Tổ chức thực hiện

– **Gợi ý 1:** GV dùng phần *Dẫn nhập* trong SGK để dẫn dắt HS vào bài học.

– **Gợi ý 2:** GV thiết kế câu hỏi trắc nghiệm, trò chơi,... có liên quan đến các nhân vật lịch sử như U. Séc-sin, Ru-dơ-ven, G. Xta-lin, He-ri S. Tru-man, Giôn Ph. Ken-nơ-đi; các hình ảnh như bức tường Béc-lin, tổ chức NATO,... để dẫn HS vào những vấn đề trực tiếp của Chiến tranh lạnh: nguyên nhân, biểu hiện và hậu quả. Ví dụ, ba nhân vật đó có chịu trách nhiệm để xảy ra Chiến tranh lạnh bao trùm thế giới vào thế kỉ XX không? Tìm hiểu bài học này giúp các em trả lời được câu hỏi đó.

2. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

2.1. HOẠT ĐỘNG 1: NGUYÊN NHÂN DẪN ĐẾN CHIẾN TRANH LẠNH

a) **Mục tiêu:** (1), (3)

b) Tổ chức thực hiện

– **Bước 1:** Giao nhiệm vụ học tập

GV chia lớp thành các nhóm và giao nhiệm vụ học tập. Các nhóm HS sử dụng thông tin trong SGK để chứng minh hai mệnh đề dưới đây:

NGUYÊN NHÂN DẪN ĐẾN CHIẾN TRANH LẠNH	
Mệnh đề	Thông tin chứng minh
Mệnh đề 1: sự khác biệt trong quan điểm giữa Mỹ và Liên Xô về quá trình giải quyết hậu quả của Chiến tranh thế giới thứ hai.	Mỹ: (1) Liên Xô: (2)
Mệnh đề 2: Mỹ chống chủ nghĩa cộng sản.	(3)

– **Bước 2:** Thực hiện nhiệm vụ

Các nhóm HS thảo luận, hoàn thành nhiệm vụ.

– **Bước 3:** Báo cáo, thảo luận

Các nhóm HS báo cáo sản phẩm.

Dự kiến sản phẩm

NGUYÊN NHÂN DẪN ĐẾN CHIẾN TRANH LẠNH	
Mệnh đề	Thông tin chứng minh
Mệnh đề 1: sự khác biệt trong quan điểm giữa Mỹ và Liên Xô về quá trình giải quyết hậu quả của Chiến tranh thế giới thứ hai.	Mỹ: (1) cùng với Anh, chủ trương chia cắt Đức thành hai nước riêng biệt. Liên Xô: (2) hỗ trợ các đảng cộng sản cầm quyền ở các nước Đông Âu.
Mệnh đề 2: Mỹ chống chủ nghĩa cộng sản.	(3) Tháng 3 – 1947, Tổng thống He-ri S. Tru-man công bố quan điểm chống chủ nghĩa cộng sản.

– **Bước 4:** Kết luận, đánh giá

GV chốt và chuẩn hoá kiến thức:

- + Nguyên nhân dẫn đến Chiến tranh lạnh: do khác biệt trong quan điểm giải quyết hậu quả chiến tranh và vì lợi ích quốc gia, Mỹ chống lại Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa.
- + Nhận xét về mục đích phát động Chiến tranh lạnh của Mỹ: GV hướng dẫn HS nêu nhận xét và tôn trọng quan điểm của HS.

***Công cụ đánh giá:** thang đo

Tiêu chí	Mức độ đạt được
Lựa chọn đúng thông tin.	(1) (2) (3)

2.2. HOẠT ĐỘNG 2: BIỂU HIỆN VÀ HẬU QUẢ CỦA CHIẾN TRANH LẠNH

a) Mục tiêu: (1), (2), (3), (5) và Luyện tập

b) Tổ chức thực hiện

– **Bước 1:** Giao nhiệm vụ học tập

GV chia lớp thành các nhóm và giao nhiệm vụ học tập. Các nhóm HS sử dụng thông tin trong SGK để vẽ sơ đồ tư duy thể hiện nguyên nhân, những biểu hiện và hậu quả của Chiến tranh lạnh (1947 – 1989).

*Hướng dẫn chung về hình thức: sơ đồ tư duy cần thể hiện được sự đối đầu giữa Liên Xô và Mỹ.

CHIẾN TRANH LẠNH (1947 – 1989)		
Nhánh chính	Nhánh phụ	Hướng dẫn
Nguyên nhân	Khác biệt trong quan điểm giữa Mỹ và Liên Xô: – Tháng 3 – 1947: – Tháng 9 – 1947:	Sử dụng kết quả của Hoạt động 1.
Biểu hiện		– Quan sát tư liệu 9.2, mục 1 – trang 45 trong SGK <i>Lịch sử và Địa lí 9</i> (phần Lịch sử) (Bộ sách <i>Chân trời sáng tạo</i>). – Đọc thông tin các đoạn 1, 2 và quan sát các tư liệu 9.3, 9.4, mục 2 – trang 46 trong SGK <i>Lịch sử và Địa lí 9</i> (phần Lịch sử) (Bộ sách <i>Chân trời sáng tạo</i>).
Sự thành lập các liên minh kinh tế	– Mỹ: – Liên Xô:	
Sự thành lập các liên minh quân sự	– Mỹ: – Liên Xô:	
Các cuộc chiến tranh cục bộ	Khu vực:	
Hậu quả	– Quan hệ quốc tế luôn trong tình trạng: – Chạy đua: – Gây tổn hại về:	– Quan sát tư liệu 9.1, mục 1 – trang 44 trong SGK <i>Lịch sử và Địa lí 9</i> (phần Lịch sử) (Bộ sách <i>Chân trời sáng tạo</i>). – Quan sát tư liệu 9.4, mục 2 – trang 46 trong SGK <i>Lịch sử và Địa lí 9</i> (phần Lịch sử) (Bộ sách <i>Chân trời sáng tạo</i>). – Đọc thông tin đoạn 3, phần <i>Em có biết</i> và quan sát tư liệu 9.5, mục 2 – trang 47 trong SGK <i>Lịch sử và Địa lí 9</i> (phần Lịch sử) (Bộ sách <i>Chân trời sáng tạo</i>).

– **Bước 2:** Thực hiện nhiệm vụ

Các nhóm HS thảo luận, hoàn thành vẽ sơ đồ tư duy.

– **Bước 3:** Báo cáo, thảo luận

Các nhóm HS báo cáo sản phẩm.

Dự kiến sản phẩm

CHIẾN TRANH LẠNH (1947 – 1989)		
Nhánh chính	Nhánh phụ	Hướng dẫn
Nguyên nhân	Khác biệt trong quan điểm giữa Mỹ và Liên Xô: – Tháng 3 – 1947: Tổng thống He-ri S. Tru-man công bố quan điểm chống lại chủ nghĩa cộng sản. – Tháng 9 – 1947: Giờ-đa-nốp chính thức tuyên bố thế giới đã chia thành hai phe: phe đế quốc chủ nghĩa do Mỹ lãnh đạo; phe xã hội chủ nghĩa do Liên Xô làm trụ cột.	Sử dụng kết quả của Hoạt động 1.
Biểu hiện		
Sự thành lập các liên minh kinh tế	– Mỹ: thực hiện kế hoạch Mác-san (1948). – Liên Xô: lập SEV (1949).	– Quan sát tư liệu 9.2, mục 1 – trang 45 trong SGK <i>Lịch sử và Địa lí 9</i> (phần Lịch sử) (Bộ sách <i>Chân trời sáng tạo</i>).
Sự thành lập các liên minh quân sự	– Mỹ: lập tổ chức NATO (1949). – Liên Xô: lập tổ chức Vác-sa-va (1955).	– Đọc thông tin các đoạn 1, 2 và quan sát các tư liệu 9.3, 9.4, mục 2 – trang 46 trong SGK <i>Lịch sử và Địa lí 9</i> (phần Lịch sử) (Bộ sách <i>Chân trời sáng tạo</i>).
Các cuộc chiến tranh cục bộ	Khu vực: Đông Nam Á, Đông Bắc Á, Trung Đông,...	
Hậu quả	– Quan hệ quốc tế luôn trong tình trạng: căng thẳng và đứng trước nguy cơ xảy ra chiến tranh hạt nhân. – Chạy đua vũ trang. – Gây tổn hại về: sinh mạng con người và sự phát triển của đất nước.	– Quan sát tư liệu 9.1, mục 1 – trang 44 trong SGK <i>Lịch sử và Địa lí 9</i> (phần Lịch sử) (Bộ sách <i>Chân trời sáng tạo</i>). – Quan sát tư liệu 9.4, mục 2 – trang 46 trong SGK <i>Lịch sử và Địa lí 9</i> (phần Lịch sử) (Bộ sách <i>Chân trời sáng tạo</i>). – Đọc thông tin đoạn 3, phần <i>Em có biết</i> và quan sát tư liệu 9.5, mục 2 – trang 47 trong SGK <i>Lịch sử và Địa lí 9</i> (phần Lịch sử) (Bộ sách <i>Chân trời sáng tạo</i>).

– **Bước 4:** Kết luận, đánh giá

***Công cụ đánh giá:** bảng kiểm

GV dựa vào các nội dung được trình bày trong “Dự kiến sản phẩm” và công cụ đánh giá để đánh giá sản phẩm của HS.

Tiêu chí	Có hoặc Không
Đáp ứng các yêu cầu về kĩ thuật vẽ sơ đồ tư duy (màu sắc, phân nhánh,...).	?
Lựa chọn và sắp xếp đúng thông tin từ SGK đối với từng lĩnh vực.	?
Các thông tin được trình bày súc tích, ngắn gọn.	?

3. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a) Mục tiêu: Rèn luyện kiến thức, kĩ năng đã học.

b) Tổ chức thực hiện

Kết hợp thực hiện tại Hoạt động 2.

4. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

***Ghi chú:** HS sẽ thực hiện hoạt động này tại nhà và gửi sản phẩm đến GV vào thời điểm thích hợp do GV xác định.

a) Mục tiêu: (3), (4), (5)

b) Tổ chức thực hiện

– **Bước 1:** Giao nhiệm vụ học tập

HS thực hiện bài tập sau:

Sưu tầm thông tin trên internet, một số hình ảnh về vị trí nơi đất nước bị chia cắt do tác động của Chiến tranh lạnh ở Đức, Việt Nam, bán đảo Triều Tiên và ghi chú thích ở dưới mỗi bức hình.

GV hướng dẫn HS sử dụng internet để sưu tầm một số hình ảnh về vị trí nơi đất nước bị chia cắt do tác động của Chiến tranh lạnh: ở Đức là bức tường Béc-lin; ở Việt Nam là cầu Hiền Lương, sông Bến Hải; ở bán đảo Triều Tiên là khu phi quân sự Bàn Môn Điếm. Tùy vào hình ảnh mà HS lựa chọn, GV hướng dẫn HS ghi chú thích.

– **Bước 2:** Thực hiện nhiệm vụ

HS thực hiện nhiệm vụ học tập cá nhân.

– **Bước 3:** Báo cáo, thảo luận

– **Bước 4:** Kết luận, đánh giá

***Công cụ đánh giá:** thang đo

Tiêu chí	Mức độ đạt được
Lựa chọn hình ảnh đúng, có giá trị biểu đạt cao.	(1) (2) (3) (4) (5)
Chú thích phù hợp.	(1) (2) (3) (4) (5)

B. KẾ HOẠCH BÀI DẠY CÁCH 2: DỰA TRÊN MA TRẬN VÀ CHƯƠNG TRÌNH GDPT 2018

Hoạt động	Mục tiêu			Nội dung	Phương pháp hoặc Kỹ thuật dạy học	Công cụ đánh giá
	Năng lực chung	Năng lực lịch sử	Phẩm chất			
Hoạt động khởi động	Nhận biết được các yêu cầu cần đạt của bài học.			Yêu cầu cần đạt của bài học.	PPDH diễn giảng	Câu hỏi
Hoạt động hình thành kiến thức mới						
Hoạt động 1	1	3		Nguyên nhân dẫn đến Chiến tranh lạnh	PPDH khám phá	Thang đo
Hoạt động 2	1	2, 3	5	Biểu hiện và hậu quả của Chiến tranh lạnh	PPDH hợp tác	Bảng kiểm
Hoạt động luyện tập	Rèn luyện kiến thức, kỹ năng đã học.			Kết hợp với Hoạt động 2.		
Hoạt động vận dụng		3, 4	5	Sưu tầm thông tin trên internet, một số hình ảnh về vị trí nơi đất nước bị chia cắt do tác động của Chiến tranh lạnh ở Đức, Việt Nam, bán đảo Triều Tiên và ghi chú thích ở dưới mỗi bức hình.	PPDH khám phá	Thang đo

Bài 10.

LIÊN XÔ VÀ CÁC NƯỚC ĐÔNG ÂU TỪ NĂM 1945 ĐẾN NĂM 1991

(DỰ KIẾN 2 TIẾT)

A. KẾ HOẠCH BÀI DẠY CÁCH 1:

I. MỤC TIÊU

Phẩm chất, năng lực	Yêu cầu cần đạt	Mã số
1. Năng lực chung		
Giao tiếp và hợp tác	Hiểu rõ nhiệm vụ của nhóm; đánh giá được khả năng của bản thân và tự nhận công việc phù hợp.	1
2. Năng lực lịch sử		
Tìm hiểu lịch sử	Khai thác và sử dụng thông tin của một số tư liệu lịch sử (10.1, 10.2, 10.3, 10.4, 10.5, 10.6, 10.7, 10.8, 10.9, 10.10, 10.11) và phần <i>Em có biết</i> để nhận thức về tình hình chính trị, kinh tế, xã hội, văn hoá của Liên Xô và Đông Âu từ năm 1945 đến năm 1991; sự sụp đổ của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và Đông Âu.	2
Nhận thức và tư duy lịch sử	Trình bày được tình hình chính trị, kinh tế, xã hội, văn hoá của Liên Xô và Đông Âu từ năm 1945 đến năm 1991.	3
	Giải thích được sự sụp đổ của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và Đông Âu.	4
Vận dụng	Vận dụng kiến thức về tình hình chính trị Liên Xô nửa sau thập niên 80 đến năm 1991 để chỉ ra sự khác biệt cơ bản giữa lược đồ các nước thuộc SNG (1991) và bản đồ châu Âu hiện tại.	5
3. Phẩm chất		
Chăm chỉ	Đọc và sưu tầm các thông tin, hình ảnh, tư liệu về công cuộc xây dựng chủ nghĩa ở Liên Xô và các nước Đông Âu từ năm 1945 đến năm 1991 để mở rộng và nâng cao nhận thức.	6

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- Máy tính, máy chiếu.
- Phiếu học tập (giấy A0), nam châm dán phiếu học tập, bút màu.
- SGK, SGV *Lịch sử và Địa lí 9* (phần Lịch sử) (Bộ sách *Chân trời sáng tạo*).

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a) Mục tiêu: Sau khi tham gia hoạt động, HS sẽ nhận biết được yêu cầu cần đạt của bài học.

b) Tổ chức thực hiện

– **Gợi ý 1:** GV dùng phần *Dẫn nhập* trong SGK để dẫn dắt HS vào bài học.

– **Gợi ý 2:** GV thiết kế câu hỏi trắc nghiệm, trò chơi, hình ảnh có liên quan đến lịch sử – văn hoá Liên Xô và Đông Âu nửa sau thế kỉ XX.

2. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

2.1. HOẠT ĐỘNG 1: TÌNH HÌNH LIÊN XÔ TỪ NĂM 1945 ĐẾN NĂM 1991

a) Mục tiêu: (1), (2), (3), (6)

b) Tổ chức thực hiện

– **Bước 1:** Giao nhiệm vụ học tập

GV chia lớp thành các nhóm và giao nhiệm vụ học tập. Các nhóm HS sử dụng thông tin trong SGK để vẽ sơ đồ tư duy thể hiện những nét chính về tình hình của Liên Xô từ năm 1945 đến năm 1991.

TÌNH HÌNH LIÊN XÔ TỪ NĂM 1945 ĐẾN NĂM 1991			
Lĩnh vực	Nội dung chính	Nội dung chi tiết (HS thực hiện)	Tư liệu khai thác
1. Chính trị	a) Các hoạt động củng cố, ổn định chính trị sau Chiến tranh thế giới thứ hai (1945)	– Bầu cử: – Tăng cường vai trò lãnh đạo của: – Phát triển:	
	b) Tổ chức bộ máy nhà nước trung ương	– Lập pháp: – Hành pháp: – Tư pháp:	
	c) Các tổ chức chính trị xã hội	– Công đoàn. – ?	
	d) Đối ngoại	– Bảo vệ: – Ủng hộ: – Giúp đỡ: – Trụ cột phe:	Phần <i>Em có biết</i>
	e) Cải tổ và biến động chính trị (1985 – 1991)	Năm 1985,...; Tháng 8 – 1991,...; Ngày 21 – 12 – 1991,...; Ngày 25 – 12 – 1991,...	Tư liệu 10.8

Lĩnh vực	Nội dung chính	Nội dung chi tiết (HS thực hiện)	Tư liệu khai thác
2. Kinh tế	a) Từ năm 1946 đến năm 1950	Hoàn thành công cuộc:	
	b) Từ năm 1950 đến giữa thập niên 80 của thế kỉ XX	– Kinh tế: – Là cường quốc: – Dẫn đầu về:	Tư liệu 10.1, 10.2 và 10.3
	c) Từ giữa thập niên 80 của thế kỉ XX đến năm 1991	– Chính sách phát triển: – Nông nghiệp: – Giá dầu giảm:	
3. Xã hội, văn hoá	a) Từ năm 1945 đến giữa thập niên 80 của thế kỉ XX	– Từ giữa thập niên 50 đến giữa thập niên 70 của thế kỉ XX: – Hệ thống: – Đạt nhiều thành tựu:	Tư liệu 10.4, 10.5, 10.6, 10.7 và phần <i>Em có biết</i>
	b) Từ giữa thập niên 80 của thế kỉ XX đến năm 1991	Đời sống người dân:	Tư liệu 10.7

GV hướng dẫn HS vẽ sơ đồ tư duy với các nội dung sau:

- + Tên sơ đồ: **TÌNH HÌNH LIÊN XÔ TỪ NĂM 1945 ĐẾN NĂM 1991**
- + Nhánh chính tương đương với “Nội dung chính”.
- + Nhánh phụ tương đương với “Nội dung chi tiết”.
- + Thông tin, hình ảnh minh họa sơ đồ tư duy: lựa chọn từ các tư liệu trong SGK.

– **Bước 2:** Thực hiện nhiệm vụ

Các nhóm HS thảo luận, hoàn thành vẽ sơ đồ tư duy.

– **Bước 3:** Báo cáo, thảo luận

Các nhóm HS báo cáo sản phẩm.

Dự kiến sản phẩm

TÌNH HÌNH LIÊN XÔ TỪ NĂM 1945 ĐẾN NĂM 1991			
Lĩnh vực	Nội dung chính	Nội dung chi tiết (HS thực hiện)	Tư liệu khai thác
1. Chính trị	a) Các hoạt động củng cố, ổn định chính trị sau Chiến tranh thế giới thứ hai (1945)	– Bầu cử: Xô viết các cấp. – Tăng cường vai trò lãnh đạo của: Đảng Cộng sản. – Phát triển: nền dân chủ xã hội chủ nghĩa.	
	b) Tổ chức bộ máy nhà nước trung ương	– Lập pháp: Xô viết đại biểu nhân dân. – Hành pháp: Hội đồng Bộ trưởng. – Tư pháp: Tòa án và trọng tài, viện kiểm sát.	

TÌNH HÌNH LIÊN XÔ TỪ NĂM 1945 ĐẾN NĂM 1991

Lĩnh vực	Nội dung chính	Nội dung chi tiết (HS thực hiện)	Tư liệu khai thác
1. Chính trị	c) Các tổ chức chính trị xã hội	– Công đoàn. – Đoàn thanh niên.	
	d) Đối ngoại	– Bảo vệ: hoà bình thế giới. – Ủng hộ: phong trào giải phóng dân tộc. – Giúp đỡ: các nước xã hội chủ nghĩa. – Trụ cột phe: xã hội chủ nghĩa trong Chiến tranh lạnh.	Phần Em có biết
	e) Cải tổ và biến động chính trị (1985 – 1991)	Năm 1985,...; Tháng 8 – 1991,...; Ngày 21 – 12 – 1991,...; Ngày 25 – 12 – 1991,...	Tư liệu 10.8
2. Kinh tế	a) Từ năm 1946 đến năm 1950	Hoàn thành công cuộc: tái thiết đất nước sau Chiến tranh thế giới thứ hai.	
	b) Từ năm 1950 đến giữa thập niên 80 của thế kỉ XX	– Kinh tế: phát triển đều đặn. – Là cường quốc: công nghiệp thứ hai trên thế giới. – Dẫn đầu về: công nghiệp quốc phòng và hàng không vũ trụ.	Tư liệu 10.1, 10.2 và 10.3
	c) Từ giữa thập niên 80 của thế kỉ XX đến năm 1991	– Chính sách phát triển: kinh tế không đồng bộ, tập trung cho công nghiệp nặng dẫn đến công nghiệp nhẹ không sản xuất đủ hàng tiêu dùng. – Nông nghiệp sản xuất không đủ lương thực cho cả người và gia súc. – Giá dầu giảm: dẫn đến nền kinh tế khó khăn (do lệ thuộc vào dầu mỏ).	

TÌNH HÌNH LIÊN XÔ TỪ NĂM 1945 ĐẾN NĂM 1991			
Lĩnh vực	Nội dung chính	Nội dung chi tiết (HS thực hiện)	Tư liệu khai thác
3. Xã hội, văn hoá	a) Từ năm 1945 đến giữa thập niên 80 của thế kỉ XX	- Từ giữa thập niên 50 đến giữa thập niên 70 của thế kỉ XX: mức sống người dân được nâng cao. - Hệ thống: phúc lợi, y tế, giáo dục,... phát triển. - Đạt nhiều thành tựu: về văn hoá, nghệ thuật,...	Tư liệu 10.4, 10.5, 10.6, 10.7 và phần <i>Em có biết</i>
	b) Từ giữa thập niên 80 của thế kỉ XX đến năm 1991	Đời sống người dân: gặp nhiều khó khăn: thiếu hàng tiêu dùng, lương thực; thu nhập giảm;...	Tư liệu 10.7

– **Bước 4:** Kết luận, đánh giá

***Công cụ đánh giá:** bảng kiểm

GV dựa vào các nội dung được trình bày trong “Dự kiến sản phẩm” và công cụ đánh giá để đánh giá sản phẩm của HS.

Tiêu chí	Có hoặc Không
Đáp ứng các yêu cầu về kĩ thuật vẽ sơ đồ tư duy (màu sắc, phân nhánh,...).	?
Lựa chọn và sắp xếp đúng thông tin từ SGK đối với từng lĩnh vực.	?
Các thông tin được trình bày súc tích, ngắn gọn.	?

2.2. HOẠT ĐỘNG 2: TÌNH HÌNH CÁC NƯỚC ĐÔNG ÂU TỪ NĂM 1945 ĐẾN NĂM 1991

a) Mục tiêu: (1), (2), (3), (6)

b) Tổ chức thực hiện

– **Bước 1:** Giao nhiệm vụ học tập

GV chia lớp thành các nhóm và giao nhiệm vụ học tập. Các nhóm HS sử dụng thông tin trong SGK hoàn thành phiếu học tập.

– **Bước 2:** Thực hiện nhiệm vụ

Các nhóm HS thảo luận, hoàn thành phiếu học tập.

PHIẾU HỌC TẬP		
TÌNH HÌNH CÁC NƯỚC ĐÔNG ÂU TỪ NĂM 1945 ĐẾN NĂM 1991		
Chính trị	Kinh tế	Xã hội, văn hoá
- Năm 1944 – 1945: dưới sự hỗ trợ của (1), nhà nước dân chủ nhân dân được thành lập, theo con đường (2). - Năm 1949: nước Đức bị chia làm hai: (3) và (4). - Đối ngoại: ủng hộ (5), thuộc phe (6) do Liên Xô làm trụ cột.	- Từ năm 1945 đến năm 1950, tiến hành cải cách kinh tế theo mô hình (7). - Từ năm 1950 – 1975: nhờ sự giúp đỡ của (8) thông qua tổ chức (9), kinh tế (10), đạt nhiều thành tựu.	- Xoá bỏ (11). - Đời sống (12), tinh thần được nâng cao, phúc lợi xã hội được cải thiện.

– **Bước 3:** Báo cáo, thảo luận

Các nhóm HS báo cáo sản phẩm.

Dự kiến sản phẩm

TÌNH HÌNH CÁC NƯỚC ĐÔNG ÂU TỪ NĂM 1945 ĐẾN NĂM 1991		
Chính trị	Kinh tế	Xã hội, văn hoá
- Năm 1944 – 1945: dưới sự hỗ trợ của (1) Hồng quân Liên Xô, các nước dân chủ nhân dân được thành lập, theo con đường (2) xã hội chủ nghĩa. - Năm 1949: Đức bị chia làm hai quốc gia: (3) Tây Đức và (4) Đông Đức. - Đối ngoại: ủng hộ (5) phong trào cách mạng thế giới, thuộc phe (6) xã hội chủ nghĩa do Liên Xô làm trụ cột.	- Từ năm 1945 đến năm 1950, tiến hành cải cách kinh tế theo mô hình (7) xã hội chủ nghĩa. - Từ năm 1950 – 1975: nhờ sự giúp đỡ của (8) Liên Xô thông qua tổ chức (9) SEV, kinh tế (10) tăng trưởng khá nhanh, đạt được nhiều thành tựu.	- Xoá bỏ (11) giai cấp bóc lột. - Đời sống (12) vật chất, tinh thần được nâng cao, phúc lợi xã hội được cải thiện.

– **Bước 4:** Kết luận, đánh giá

***Công cụ đánh giá:** thang đo

Các nhóm HS tự đánh giá: khoanh tròn mức độ đạt được của nhóm khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

Tiêu chí	Mức độ đạt được					
Lựa chọn đúng thông tin.	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)

2.3. HOẠT ĐỘNG 3: NGUYÊN NHÂN SỤP ĐỔ CỦA CHẾ ĐỘ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA Ở LIÊN XÔ VÀ ĐÔNG ÂU

a) Mục tiêu: (1), (2), (4), (6) và Luyện tập câu 2

b) Tổ chức thực hiện

– **Bước 1:** Giao nhiệm vụ học tập

GV chia lớp thành các nhóm và giao nhiệm vụ học tập. Các nhóm HS sử dụng thông tin trong SGK hoàn thành yêu cầu sau: Hãy giải thích lí do sụp đổ của Liên bang Xô viết và các nước Đông Âu theo mẫu sơ đồ tư duy (xem Luyện tập câu 2 – trang 54 trong SGK *Lịch sử và Địa lí 9* (phần Lịch sử) (Bộ sách *Chân trời sáng tạo*)).

LÍ DO SỤP ĐỔ		
Nhánh chính	Nhánh phụ	Hướng dẫn
Chính trị	?	– Liên Xô: Tham khảo mục 1b – trang 51, 52 trong SGK <i>Lịch sử và Địa lí 9</i> (phần Lịch sử) (Bộ sách <i>Chân trời sáng tạo</i>). – Đông Âu: Tham khảo mục 2b – trang 53, 54 trong SGK <i>Lịch sử và Địa lí 9</i> (phần Lịch sử) (Bộ sách <i>Chân trời sáng tạo</i>).
Kinh tế	?	
Xã hội	?	Liên hệ với nội dung về hậu quả của Chiến tranh lạnh ở mục 2, bài 9 – trang 47 trong SGK <i>Lịch sử và Địa lí 9</i> (phần Lịch sử) (Bộ sách <i>Chân trời sáng tạo</i>)
Đối ngoại	?	

– **Bước 2:** Thực hiện nhiệm vụ

Các nhóm HS thảo luận, hoàn thành vẽ sơ đồ tư duy.

– **Bước 3:** Báo cáo, thảo luận

Các nhóm HS báo cáo sản phẩm.

Dự kiến sản phẩm

LÍ DO SỤP ĐỔ		
Nhánh chính	Nhánh phụ	Hướng dẫn
Chính trị	Không ổn định về chính trị (đảo chính tại Liên Xô, các phong trào biểu tình đòi dân chủ ở các nước Đông Âu), tình trạng tham nhũng, thiếu dân chủ,...	– Liên Xô: Tham khảo mục 1b – trang 51, 52 trong SGK <i>Lịch sử và Địa lí 9</i> (phần Lịch sử) (Bộ sách <i>Chân trời sáng tạo</i>).

Dự kiến sản phẩm

LÍ DO SỰ ĐỒ		
Nhánh chính	Nhánh phụ	Hướng dẫn
Kinh tế	Chính sách phát triển kinh tế không đồng bộ, tập trung công nghiệp nặng bộc lộ hạn chế.	– Đông Âu: Tham khảo mục 2b – trang 53, 54 trong SGK <i>Lịch sử và Địa lí 9</i> (phần Lịch sử) (Bộ sách <i>Chân trời sáng tạo</i>).
Xã hội	Kinh tế khó khăn, đời sống nhân dân sa sút, đối mặt với tình trạng khan hiếm hàng tiêu dùng, lương thực,...	
Đối ngoại	Chạy đua vũ trang trong Chiến tranh lạnh.	Liên hệ với nội dung về hậu quả của Chiến tranh lạnh ở mục 2, bài 9 – trang 47 trong SGK <i>Lịch sử và Địa lí 9</i> (phần Lịch sử) (Bộ sách <i>Chân trời sáng tạo</i>)

– **Bước 4:** Kết luận, đánh giá

***Công cụ đánh giá:** bảng kiểm

GV dựa vào các nội dung được trình bày trong “Dự kiến sản phẩm” và công cụ đánh giá để đánh giá sản phẩm của HS.

Tiêu chí	Có hoặc Không
Đáp ứng các yêu cầu về kĩ thuật vẽ sơ đồ tư duy (màu sắc, phân nhánh,...).	?
Lựa chọn và sắp xếp đúng thông tin từ SGK đối với từng lĩnh vực.	?
Các thông tin được trình bày súc tích, ngắn gọn.	?

3. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a) Mục tiêu: Rèn luyện kiến thức, kĩ năng đã học.

b) Tổ chức thực hiện

– **Bước 1:** Giao nhiệm vụ học tập

HS thực hiện các bài tập sau:

Hãy hoàn thành bảng tóm tắt tình hình Liên Xô và các nước Đông Âu theo nội dung dưới đây:

Thời gian	Từ năm 1945 đến nửa đầu thập niên 80	Từ nửa sau thập niên 80 đến năm 1991
Liên Xô	?	?
Đông Âu	?	?

– **Bước 2:** Thực hiện nhiệm vụ

HS thực hiện nhiệm vụ học tập theo nhóm.

- **Bước 3:** Báo cáo, thảo luận
- Các nhóm HS báo cáo sản phẩm.

Dự kiến sản phẩm

Thời gian	Từ năm 1945 đến nửa đầu thập niên 80	Từ nửa sau thập niên 80 đến năm 1991
Liên Xô	Khôi phục kinh tế, ổn định chính trị, xây dựng và phát triển toàn diện của chế độ xã hội chủ nghĩa.	Chế độ xã hội chủ nghĩa lâm vào khủng hoảng và sụp đổ.
Đông Âu	Thành lập nhà nước dân chủ nhân dân, xây dựng và phát triển toàn diện của chế độ xã hội chủ nghĩa.	Chế độ xã hội chủ nghĩa lâm vào khủng hoảng và sụp đổ.

- **Bước 4:** Kết luận, đánh giá

***Công cụ đánh giá:** bài tập

4. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

***Ghi chú:** HS sẽ thực hiện hoạt động này tại nhà và gửi sản phẩm đến GV vào thời điểm thích hợp do GV xác định.

a) Mục tiêu: (4), (5), (6)

b) Tổ chức thực hiện

- **Bước 1:** Giao nhiệm vụ học tập

HS thực hiện bài tập sau:

Sưu tầm bản đồ châu Âu hiện tại, dựa vào thông tin trong bài và lược đồ 10.8, hãy nêu sự khác biệt cơ bản của lược đồ các nước thuộc SNG (1991) và hiện tại.

GV hướng dẫn HS sưu tầm bản đồ châu Âu hiện tại và so sánh với lược đồ 10.8, từ đó chỉ ra những điểm khác biệt.

- **Bước 2:** Thực hiện nhiệm vụ

HS thực hiện nhiệm vụ học tập cá nhân.

- **Bước 3:** Báo cáo, thảo luận

Dự kiến sản phẩm

- + Năm 1991, khi thành lập, cộng đồng SNG gồm 11 thành viên.
- + Năm 2005 chỉ còn 9 thành viên (Tuốc-mê-ni-xtan (Turkmenistan) rời bỏ vị thế thành viên chính thức để chỉ là thành viên liên kết trong SNG).
- + Gru-di-a và U-crai-na rút khỏi SNG lần lượt vào các năm 2009 và 2014.

- **Bước 4:** Kết luận, đánh giá

***Công cụ đánh giá:** bài tập

B. KẾ HOẠCH BÀI DẠY CÁCH 2: DỰA TRÊN MA TRẬN VÀ CHƯƠNG TRÌNH GDPT 2018

Hoạt động	Mục tiêu			Nội dung	Phương pháp hoặc Kỹ thuật dạy học	Công cụ đánh giá
	Năng lực chung	Năng lực lịch sử	Phẩm chất			
Hoạt động khởi động	Nhận biết được các yêu cầu cần đạt của bài học.			Yêu cầu cần đạt của bài học.	PPDH diễn giảng	Câu hỏi
Hoạt động hình thành kiến thức mới						
Hoạt động 1	1	2, 3	6	Tình hình Liên Xô từ năm 1945 đến năm 1991	PPDH hợp tác	Bảng kiểm
Hoạt động 2	1	2, 3	6	Tình hình các nước Đông Âu từ năm 1945 đến năm 1991	PPDH hợp tác	Thang đo
Hoạt động 3	1	2, 4	6	Nguyên nhân sụp đổ của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và Đông Âu	PPDH giải quyết vấn đề	Bảng kiểm
Hoạt động luyện tập	Rèn luyện kiến thức, kĩ năng đã học.			Tóm tắt tình hình Liên Xô và các nước Đông Âu từ năm 1945 đến năm 1991.	PPDH hợp tác	Bài tập
				Lí do sụp đổ của Liên bang Xô viết và các nước Đông Âu.	Kết hợp với Hoạt động 4.	
Hoạt động vận dụng		4, 5	6	Chỉ ra được sự khác biệt cơ bản giữa lược đồ các nước thuộc SNG (1991) và bản đồ châu Âu hiện tại.	PPDH khám phá	Bài tập

Bài 11.

NUỐC MỸ VÀ CÁC NƯỚC TÂY ÂU TỪ NĂM 1945 ĐẾN NĂM 1991

(DỰ KIẾN 2 TIẾT)

A. KẾ HOẠCH BÀI DẠY CÁCH 1:

I. MỤC TIÊU

Phẩm chất, năng lực	Yêu cầu cần đạt	Mã số
1. Năng lực chung		
Giải quyết vấn đề và sáng tạo	Xác định được những nét chính về tình hình chính trị, kinh tế của nước Mỹ và các nước Tây Âu từ năm 1945 đến năm 1991.	1
2. Năng lực lịch sử		
Tìm hiểu lịch sử	Khai thác và sử dụng thông tin của một số tư liệu lịch sử (11.1, 11.2, 11.3, 11.4, 11.5, 11.6, 11.7, 11.8), phần <i>Em có biết</i> và phần <i>Nhân vật lịch sử</i> để nhận thức về tình hình chính trị, kinh tế của nước Mỹ và các nước Tây Âu từ năm 1945 đến năm 1991.	2
Nhận thức và tư duy lịch sử	Nêu được những nét chính về tình hình chính trị, kinh tế của nước Mỹ và các nước Tây Âu từ năm 1945 đến năm 1991.	3
Vận dụng	Vận dụng kiến thức về quá trình thành lập tổ chức Liên minh châu Âu (EU) để tìm hiểu những thông tin liên quan đến quá trình Anh rời khỏi tổ chức này vào năm 2020.	4
3. Phẩm chất		
Chăm chỉ	Đọc và sưu tầm các thông tin và hình ảnh, tư liệu về chính trị, kinh tế của nước Mỹ và các nước Tây Âu từ năm 1945 đến năm 1991.	5

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- Máy tính, máy chiếu.
- Phiếu học tập (giấy A0), nam châm dán phiếu học tập, bút màu.
- SGK, SGV *Lịch sử và Địa lí 9* (phần Lịch sử) (Bộ sách *Chân trời sáng tạo*).

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a) Mục tiêu: Sau khi tham gia hoạt động, HS sẽ nhận biết được yêu cầu cần đạt của bài học.

b) Tổ chức thực hiện

– **Gợi ý 1:** GV dùng phần *Dẫn nhập* trong SGK để dẫn dắt HS vào bài học.

– **Gợi ý 2:** GV thiết kế câu hỏi trắc nghiệm, trò chơi, hình ảnh có liên quan đến lịch sử – văn hoá Mỹ và các nước Tây Âu từ năm 1945 đến năm 1991. Đặc biệt, GV nên sử dụng tư liệu 11.5 hoặc câu nói nổi tiếng của Mác-tin Lu-thơ Kinh: “Tôi có một giấc mơ” để tạo hứng thú và dẫn dắt HS vào nhiệm vụ chính của bài học.

2. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

2.1. HOẠT ĐỘNG 1: NƯỚC MỸ TỪ NĂM 1945 ĐẾN NĂM 1991

a) Mục tiêu: (1), (2), (3), (5)

b) Tổ chức thực hiện

– **Bước 1:** Giao nhiệm vụ học tập

+ **Nhiệm vụ 1:** GV chia lớp thành các nhóm và giao nhiệm vụ học tập. Các nhóm HS sử dụng thông tin trong SGK hoàn thành phiếu học tập số 1.

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1

NƯỚC MỸ TỪ NĂM 1945 ĐẾN NĂM 1991	
Thông tin, tư liệu	Nhận thức của HS
Tư liệu 11.1	Mỹ là (1) lớn nhất thế giới từ những năm 60 của thế kỉ XX.
Tư liệu 11.2	(2) tăng trưởng nhanh, liên tục từ năm (3).
Phần <i>Em có biết</i>	Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, (4) của Mỹ đứng đầu thế giới.
Nhận xét về tình hình kinh tế: kinh tế Mỹ (5) và đứng (6) trong giai đoạn 1945 – 1960.	
Phần <i>Nhân vật lịch sử</i>	Phong trào đấu tranh chống (7) ở Mỹ phát triển mạnh vào giữa thập niên 60 của thế kỉ XX.
Tư liệu 11.3	Phong trào đấu tranh chống (8) phát triển mạnh ở Mỹ vào cuối thập niên 60 của thế kỉ XX.
Nhận xét về tình hình trong nước: phong trào đấu tranh chống (7), (8) của nhân dân phát triển mạnh.	
Tư liệu 11.4	Quan hệ (9) được cải thiện vào giữa thập niên 80 của thế kỉ XX.
Nhận xét về chính sách đối ngoại (Liên hệ với bài 9. Chiến tranh lạnh): cải thiện quan hệ (10).	

+ **Nhiệm vụ 2:** Sau khi hoàn thành nhiệm vụ 1, GV yêu cầu các nhóm HS trình bày quan điểm: Theo em, sự kiện nào ảnh hưởng lớn nhất đến tình hình chính trị nước Mỹ trong những năm 70 của thế kỉ XX? Vì sao?

– **Bước 2:** Thực hiện nhiệm vụ

+ Nhiệm vụ 1: Các nhóm HS thảo luận, hoàn thành phiếu học tập số 1.

+ Nhiệm vụ 2: Sau khi hoàn thành nhiệm vụ 1, các nhóm HS thảo luận và trình bày quan điểm: Theo em, sự kiện nào ảnh hưởng lớn nhất đến tình hình chính trị nước Mỹ trong những năm 70 của thế kỉ XX? Vì sao?

– **Bước 3:** Báo cáo, thảo luận

Các nhóm HS báo cáo sản phẩm.

Dự kiến sản phẩm

+ Nhiệm vụ 1:

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1

NƯỚC MỸ TỪ NĂM 1945 ĐẾN NĂM 1991

Thông tin, tư liệu	Nhận thức của HS
Tư liệu 11.1	Mỹ là (1) trung tâm kinh tế – tài chính lớn nhất thế giới từ những năm 60 của thế kỉ XX.
Tư liệu 11.2	(2) Kinh tế Mỹ tăng trưởng nhanh, liên tục từ năm (3) 1945 đến năm 1960 .
Phần Em có biết	Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, (4) sản lượng công nghiệp của Mỹ đứng đầu thế giới.
Nhận xét về tình hình kinh tế: kinh tế Mỹ (5) phát triển mạnh và đứng (6) đầu thế giới trong giai đoạn 1945 – 1960.	
Phần Nhân vật lịch sử	Phong trào đấu tranh chống (7) phân biệt chủng tộc ở Mỹ phát triển mạnh vào giữa thập niên 60 của thế kỉ XX.
Tư liệu 11.3	Phong trào đấu tranh chống (8) chiến tranh tại Việt Nam phát triển mạnh ở Mỹ vào cuối thập niên 60 của thế kỉ XX.
Nhận xét về tình hình trong nước: phong trào đấu tranh chống (7) phân biệt chủng tộc , (8) chiến tranh của nhân dân phát triển mạnh.	
Tư liệu 11.4	Quan hệ (9) Xô – Mỹ được cải thiện vào giữa thập niên 80 của thế kỉ XX.
Nhận xét về chính sách đối ngoại (Liên hệ với bài 9. Chiến tranh lạnh): cải thiện quan hệ (10) với Liên Xô .	

+ Nhiệm vụ 2: GV tôn trọng ý kiến của HS và chú trọng hướng dẫn HS xây dựng lí lẽ thuyết phục để xây dựng, bảo vệ quan điểm.

Ví dụ, sự kiện ảnh hưởng lớn nhất đến tình hình chính trị của Hoa Kỳ trong những năm 70 của thế kỉ XX là: năm 1972, chuyến thăm của Tổng thống R. Ních-xơn đến Trung Quốc và Liên Xô.

Dự kiến sản phẩm

Để lí giải tầm quan trọng của sự kiện này, GV hướng dẫn HS đặt sự kiện trong bối cảnh Chiến tranh lạnh (xem lại nội dung của bài 9) để nhận thấy: sự cải thiện trong quan hệ ngoại giao giữa Mỹ (trụ cột của khối tư bản chủ nghĩa) với Liên Xô, Trung Quốc – hai quốc gia trọng yếu của khối xã hội chủ nghĩa.

– Bước 4: Kết luận, đánh giá

GV chốt và chuẩn hoá kiến thức:

- + Tình hình kinh tế nước Mỹ trong những năm 1945 – 1991 có thể được chia thành 3 giai đoạn chính: từ năm 1945 đến năm 1973: kinh tế phát triển thịnh vượng; từ năm 1973 đến đầu thập niên 80 của thế kỉ XX: khủng hoảng, suy thoái và nỗ lực tái cấu trúc kinh tế; từ giữa thập niên 80 của thế kỉ XX đến năm 1991: kinh tế dần hồi phục.
- + Tình hình chính trị nước Mỹ trong những năm 1945 – 1991 có những nét nổi bật sau: Đảng Cộng hoà và Đảng Dân chủ thay nhau cầm quyền; thập niên 60 của thế kỉ XX: phong trào đấu tranh dân quyền – chống phân biệt chủng tộc, đòi quyền công dân cho người da đen; phong trào phản đối cuộc chiến tranh do Mỹ tiến hành tại Việt Nam; thập niên 70 của thế kỉ XX: bê bối quốc gia nghiêm trọng nhất là cuộc khủng hoảng Oa-tơ-ghét (Watergate) (1972 – 1974).
- + Sự kiện ảnh hưởng lớn nhất đến tình hình chính trị nước Mỹ trong những năm 70 của thế kỉ XX là: năm 1972, chuyến thăm của Tổng thống R. Ních-xơn đến Trung Quốc và Liên Xô. GV có thể mở rộng kiến thức này như sau: sự kiện này phản ánh quan điểm của Tổng thống R. Ních-xơn trong chính sách đối ngoại của nước Mỹ là ưu tiên sử dụng chủ nghĩa thực dụng trong quan hệ quốc tế; dẫn đến quan hệ Xô – Mỹ trong Chiến tranh lạnh vẫn tiếp tục duy trì ở trạng thái “chung sống hoà bình” (1962 – 1973) hoặc “hoà hoãn” (1961 – 1978).

***Công cụ đánh giá:** thang đo

Các nhóm HS tự đánh giá: khoanh tròn mức độ đạt được của nhóm khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

Tiêu chí	Mức độ đạt được				
Lựa chọn và trình bày thông tin đúng.	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)

2.2. HOẠT ĐỘNG 2: CÁC NƯỚC TÂY ÂU TỪ NĂM 1945 ĐẾN NĂM 1991

a) Mục tiêu: (1), (2), (3), (5)

b) Tổ chức thực hiện

– **Bước 1:** Giao nhiệm vụ học tập

GV chia lớp thành các nhóm và giao nhiệm vụ học tập. Các nhóm HS sử dụng thông tin trong SGK hoàn thành phiếu học tập số 2.

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2

CÁC NƯỚC TÂY ÂU TỪ NĂM 1945 ĐẾN NĂM 1991	
Tư liệu	Thông điệp
Tư liệu 11.5	(1)
Tư liệu 11.6	(2)
Tư liệu 11.7	(3)
Tư liệu 11.8	– Thông điệp: (4) – Các nước EU: (5)
Các xu hướng chính	
Tư liệu 11.6	(6)
Tư liệu 11.5, 11.7, 11.8	(7)

– **Bước 2:** Thực hiện nhiệm vụ

Các nhóm HS thảo luận, hoàn thành phiếu học tập số 2.

– **Bước 3:** Báo cáo, thảo luận

Các nhóm HS báo cáo sản phẩm.

Dự kiến sản phẩm

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2	
CÁC NƯỚC TÂY ÂU TỪ NĂM 1945 ĐẾN NĂM 1991	
Tư liệu	Thông điệp
Tư liệu 11.5	(1) Châu Âu thống nhất vì tiến bộ và hoà bình.
Tư liệu 11.6	(2) Châu Âu phục hưng, chú trọng phát triển công nghiệp.
Tư liệu 11.7	(3) Châu Âu hoà giải xung đột trong quá khứ, hướng đến thống nhất.
Tư liệu 11.8	– Thông điệp: (4) Châu Âu thống nhất, lập tổ chức Liên minh châu Âu. – Các nước EU: (5) Anh, Pháp, Đức,...
Các xu hướng chính	
Tư liệu 11.6	(6) Tập trung khôi phục, phát triển kinh tế.
Tư liệu 11.5, 11.7, 11.8	(7) Liên kết kinh tế, chính trị và xoá bỏ bất đồng.

– **Bước 4:** Kết luận, đánh giá

GV chốt và chuẩn hoá kiến thức:

- + Nét nổi bật về kinh tế: sau Chiến tranh thế giới thứ hai (1945), chương trình phục hưng kinh tế châu Âu của Mỹ đã giúp các nước châu Âu khắc phục hậu quả chiến tranh, phát triển kinh tế. Đầu những năm 70 của thế kỉ XX, Tây Âu đã trở thành trung tâm tài chính thế giới. Xu hướng liên kết kinh tế: Cộng đồng than thép châu Âu (1951), Cộng đồng nguyên tử và Cộng đồng kinh tế châu Âu (1957) hợp nhất thành Cộng đồng châu Âu (1967); sau đó phát triển thành Liên minh châu Âu (1993).

- + Nét nổi bật về chính trị: Sau Chiến tranh thế giới thứ hai (1945), nỗ lực khôi phục nền cai trị thuộc địa nhưng thất bại. Quá trình hoà giải (Đức – Pháp), thống nhất (Tây Đức – Đông Đức), liên kết chính trị – an ninh (Liên minh châu Âu).
- + Về đối ngoại: Liên minh chặt chẽ với Mỹ, tham gia khối NATO chống Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa trong Chiến tranh lạnh..

*** Công cụ đánh giá:** thang đo

Các nhóm HS tự đánh giá: khoanh tròn mức độ đạt được của nhóm khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

Tiêu chí	Mức độ đạt được						
Lựa chọn và trình bày thông tin đúng.	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)

3. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a) Mục tiêu: Rèn luyện kiến thức, kĩ năng đã học.

b) Tổ chức thực hiện

– **Bước 1:** Giao nhiệm vụ học tập

HS thực hiện bài tập sau:

Hãy vẽ sơ đồ tư duy trình bày những nét chính về tình hình kinh tế, chính trị của nước Mỹ và các nước Tây Âu giai đoạn 1945 – 1991.

– **Bước 2:** Thực hiện nhiệm vụ

+ HS thực hiện nhiệm vụ học tập theo nhóm.

+ GV hướng dẫn HS sử dụng kết quả của Hoạt động 1 và 2 để thực hiện yêu cầu.

– **Bước 3:** Báo cáo, thảo luận

– **Bước 4:** Kết luận, đánh giá

*** Công cụ đánh giá:** bảng kiểm

Tiêu chí	Có hoặc Không
Đáp ứng các yêu cầu về kĩ thuật vẽ sơ đồ tư duy (màu sắc, phân nhánh,...).	?
Lựa chọn và sắp xếp đúng thông tin từ SGK đối với từng lĩnh vực.	?
Các thông tin được trình bày súc tích, ngắn gọn.	?

4. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

*** Ghi chú:** HS sẽ thực hiện hoạt động này tại nhà và gửi sản phẩm đến GV vào thời điểm thích hợp do GV xác định.

a) Mục tiêu: (1), (2), (3), (4), (5)

b) Tổ chức thực hiện

– **Bước 1:** Giao nhiệm vụ học tập

HS thực hiện bài tập sau:

Anh – một trong các quốc gia sáng lập – đã rời khỏi tổ chức Liên minh châu Âu vào năm 2020. Hãy tham khảo thêm thông tin để viết một đoạn văn ngắn (khoảng 150 chữ) giới thiệu về sự kiện này.

GV hướng dẫn HS thực hiện như sau:

+ HS tìm kiếm thông tin liên quan đến sự kiện nước Anh chính thức rời khỏi tổ chức Liên minh châu Âu (EU).

+ Trong đoạn văn giới thiệu, HS cần trình bày được: lí do nước Anh quyết định rời khỏi EU; cuộc trưng cầu dân ý của Chính phủ; sự kiện nước Anh chính thức rời khỏi EU; tác động của sự kiện này đối với nước Anh và EU.

– **Bước 2:** Thực hiện nhiệm vụ
HS thực hiện nhiệm vụ học tập cá nhân.

– **Bước 3:** Báo cáo, thảo luận

– **Bước 4:** Kết luận, đánh giá

***Công cụ đánh giá:** bảng kiểm

Tiêu chí	Có hoặc Không
Bài làm được trình bày dưới dạng đoạn văn.	?
Đoạn văn có nêu được lí do nước Anh quyết định rời khỏi EU.	?
Đoạn văn có nêu được cuộc trưng cầu dân ý của Chính phủ.	?
Đoạn văn có nêu được sự kiện nước Anh chính thức rời khỏi EU.	?
Đoạn văn có nêu được tác động của sự kiện này đối với nước Anh và EU.	?

B. KẾ HOẠCH BÀI DẠY CÁCH 2: DỰA TRÊN MA TRẬN VÀ CHƯƠNG TRÌNH GDPT 2018

Hoạt động	Mục tiêu			Nội dung	Phương pháp hoặc Kỹ thuật dạy học	Công cụ đánh giá
	Năng lực chung	Năng lực lịch sử	Phẩm chất			
Hoạt động khởi động	Nhận biết được các yêu cầu cần đạt của bài học.			Yêu cầu cần đạt của bài học.	PPDH diễn giảng	Câu hỏi
Hoạt động hình thành kiến thức mới						
Hoạt động 1	1	2, 3	5	Nước Mỹ từ năm 1945 đến năm 1991	PPDH lịch sử qua sử dụng tư liệu	Thang đo
Hoạt động 2	1	2, 3	5	Các nước Tây Âu từ năm 1945 đến năm 1991	PPDH lịch sử qua sử dụng tư liệu	Thang đo
Hoạt động luyện tập	Rèn luyện kiến thức, kĩ năng đã học.			Tóm tắt những nét chính về tình hình kinh tế, chính trị của nước Mỹ và các nước Tây Âu giai đoạn 1945 – 1991.	PPDH giải quyết vấn đề	Bảng kiểm
Hoạt động vận dụng	1	2, 3, 4	5	Tìm hiểu những thông tin liên quan đến quá trình Anh rời khỏi tổ chức này vào năm 2020.	PPDH giải quyết vấn đề	Bảng kiểm

Bài 12.

MỸ LA-TINH TỪ NĂM 1945 ĐẾN NĂM 1991

(DỰ KIẾN 1 TIẾT)

A. KẾ HOẠCH BÀI DẠY CÁCH 1:

I. MỤC TIÊU

Phẩm chất, năng lực	Yêu cầu cần đạt	Mã số
1. Năng lực chung		
Giải quyết vấn đề và sáng tạo	Xác định được tình hình các nước ở khu vực Mỹ La-tinh từ năm 1945 đến năm 1991 và đánh giá được quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Cu-ba.	1
2. Năng lực lịch sử		
Tìm hiểu lịch sử	Khai thác và sử dụng thông tin của một số tư liệu lịch sử (12.1, 12.2, 12.3, 12.4), phần <i>Em có biết</i> và phần <i>Nhân vật lịch sử</i> để nhận thức về tình hình chung của các nước Mỹ La-tinh từ năm 1945 đến năm 1991; Cách mạng Cu-ba (1959) và quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Cu-ba.	2
Nhận thức và tư duy lịch sử	Mô tả được đôi nét về các nước Mỹ La-tinh từ năm 1945 đến năm 1991.	3
	Trình bày được một cách khái quát về cách mạng Cu-ba và đánh giá được kết quả công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Cu-ba.	4
Vận dụng	Vận dụng kiến thức về cách mạng Cu-ba và quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Cu-ba để tìm kiếm các thông tin về mối quan hệ Việt Nam – Cu-ba, sau đó viết một đoạn văn ngắn về mối quan hệ này.	5
3. Phẩm chất		
Nhân ái	Thể hiện sự ủng hộ về tinh thần đấu tranh chống lại ách đô hộ, chống bất công; tinh thần xây dựng đất nước của các dân tộc ở khu vực Mỹ La-tinh từ năm 1945 đến năm 1991.	6

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- Máy tính, máy chiếu.
- Phiếu học tập (giấy A0), nam châm dán phiếu học tập, bút màu.
- SGK, SGV *Lịch sử và Địa lí 9* (phần Lịch sử) (Bộ sách *Chân trời sáng tạo*).

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a) Mục tiêu: Sau khi tham gia hoạt động, HS sẽ nhận biết được yêu cầu cần đạt của bài học.

b) Tổ chức thực hiện

– **Gợi ý 1:** GV dùng phần *Dẫn nhập* trong SGK để dẫn dắt HS vào bài học.

– **Gợi ý 2:** GV thiết kế câu hỏi trắc nghiệm, trò chơi, hình ảnh có liên quan đến lịch sử – văn hoá khu vực Mỹ La-tinh.

2. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

2.1. HOẠT ĐỘNG 1: TÌNH HÌNH CHUNG CỦA CÁC NƯỚC MỸ LA-TINH TỪ NĂM 1945 ĐẾN NĂM 1991

a) Mục tiêu: (1), (2), (3), (6)

b) Tổ chức thực hiện

– **Bước 1:** Giao nhiệm vụ học tập

+ Nhiệm vụ 1: Xác định vị trí của các quốc gia xảy ra những cuộc cách mạng tiêu biểu trên hình 12.1 – trang 60 trong SGK *Lịch sử và Địa lí 9* (phần Lịch sử) (Bộ sách *Chân trời sáng tạo*).

+ Nhiệm vụ 2: Tư liệu 12.2 phản ánh hình ảnh của những người Mê-hi-cô tìm cách vượt hàng rào, nhập cư trái phép vào Mỹ trong những năm 1980. Hãy:

- Nêu giả thiết giải thích lí do người Mê-hi-cô từ bỏ quốc gia để nhập cư trái phép vào Mỹ.
- Tìm kiếm thông tin trong SGK để kiểm chứng lại giả thiết.

– **Bước 2:** Thực hiện nhiệm vụ

+ Nhiệm vụ 1: HS thực hiện cá nhân (PPDH phát vấn).

+ Nhiệm vụ 2: GV chia lớp thành các nhóm và giao nhiệm vụ học tập. Các nhóm HS sử dụng thông tin trong SGK hoàn thành phiếu học tập số 1.

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1

	Giả thiết của HS	Thông tin kiểm chứng
Tư liệu 12.2	Lí do kinh tế: HS nêu ý kiến.	Lí do kinh tế: Đọc thông tin đoạn 2, mục 1 và phần <i>Em có biết</i> – trang 61 trong SGK <i>Lịch sử và Địa lí 9</i> (phần Lịch sử) (Bộ sách <i>Chân trời sáng tạo</i>).
	Lí do xã hội: HS nêu ý kiến.	Lí do xã hội: Đọc thông tin đoạn 3, mục 1 – trang 61 trong SGK <i>Lịch sử và Địa lí 9</i> (phần Lịch sử) (Bộ sách <i>Chân trời sáng tạo</i>).

– **Bước 3:** Báo cáo, thảo luận

Dự kiến sản phẩm

+ Nhiệm vụ 1: HS xác định vị trí của các quốc gia xảy ra những cuộc cách mạng tiêu biểu như Ni-ca-ra-goa, En Xa-va-đo, Bô-li-vi-a, Vê-nê-du-ê-la, Chi-lê,... trên hình 12.1 – trang 60 trong SGK *Lịch sử và Địa lí 9* (phần Lịch sử) (Bộ sách *Chân trời sáng tạo*).

+ Nhiệm vụ 2:

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1

	Giả thiết của HS	Thông tin kiểm chứng
Tư liệu 12.2	Lí do kinh tế: HS nêu ý kiến.	Lí do kinh tế: Nền kinh tế các nước Mỹ La-tinh thường chỉ dựa vào một ngành chủ chốt khiến nền kinh tế của các nước Mỹ La-tinh phát triển không ổn định. Đầu những năm 80 của thế kỉ XX, các nước lâm vào suy thoái, khủng hoảng, nợ nước ngoài tăng cao, lạm phát,...
	Lí do xã hội: HS nêu ý kiến.	Lí do xã hội: Người dân thường xuyên phải đối mặt với tình trạng khan hiếm hàng hoá, giá cả cao, thất nghiệp, khoảng cách giàu nghèo trong xã hội ngày càng lớn. Di cư tìm việc làm luôn là vấn đề ở các quốc gia này.

– Bước 4: Kết luận, đánh giá

GV chốt và chuẩn hoá kiến thức:

Những nét nổi bật của các nước khu vực Mỹ La-tinh từ năm 1945 đến năm 1991:

- + Về chính trị: các cuộc đấu tranh chống lại chế độ độc tài và sự can thiệp của Mỹ; phong trào chống chế độ độc tài quân sự, thành lập chính phủ dân chủ diễn ra mạnh mẽ ở Ni-ca-ra-goa, En Xan-va-đo,...; được mệnh danh là “Lục địa bùng cháy”.
- + Về kinh tế: tuy đạt được nhiều thành tựu nhưng nhìn chung kinh tế các nước Mỹ La-tinh phát triển không ổn định; đặc biệt, các nước lâm vào suy thoái, khủng hoảng,... vào đầu những năm 80 của thế kỉ XX.
- + Về xã hội (do hệ quả của nền kinh tế không ổn định): đời sống người dân gặp nhiều khó khăn, họ phải di cư để tìm kiếm việc làm.

***Công cụ đánh giá:** thang đo

Các nhóm HS tự đánh giá: khoanh tròn mức độ đạt được của nhóm khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

Tiêu chí	Mức độ đạt được				
Mức độ đạt được trong giải quyết nhiệm vụ học tập.	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)

2.2. HOẠT ĐỘNG 2: CÁCH MẠNG CU-BA VÀ CÔNG CUỘC XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

a) Mục tiêu: (1), (2), (4), (6)

b) Tổ chức thực hiện

– **Bước 1:** Giao nhiệm vụ học tập

GV chia lớp thành các nhóm và giao nhiệm vụ học tập. Các nhóm HS sử dụng thông tin trong SGK hoàn thành phiếu học tập số 2.

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2

CÁCH MẠNG CU-BA VÀ CÔNG CUỘC XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI		
Cách mạng Cu-ba (1959)		
Thời gian	Sự kiện	Nêu ý kiến
Ngày 26 – 7 – 1953	(1)	Từ tư liệu 12.4, hãy cho biết người dân có thái độ như thế nào khi Cách mạng Cu-ba thắng lợi. (4)
Năm 1956	(2)	
Ngày 1 – 1 – 1959	(3)	
Công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội		
Chính sách sau khi giành độc lập	– Đối nội: (5) – Đối ngoại: (6)	
Thành tựu đạt được	Xây dựng (7) với cơ cấu ngành hợp lí, nền nông nghiệp đa dạng, y tế, văn hoá, thể thao phát triển mạnh, đặc biệt có (8) cao nhất trong các nước Mỹ La-tinh (96%).	
Tình hình Cu-ba sau khi Liên Xô sụp đổ	Chạm để ra những (9) phù hợp với hoàn cảnh đất nước và bị Mỹ (10) nên khủng hoảng kéo dài.	
Thành tựu nào đáng chú ý nhất?		(11)
Đánh giá về công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Cu-ba		(12)

– **Bước 2:** Thực hiện nhiệm vụ

GV chia lớp thành các nhóm thực hiện nhiệm vụ.

– **Bước 3:** Báo cáo, thảo luận

Các nhóm HS báo cáo sản phẩm.

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2

CÁCH MẠNG CU-BA VÀ CÔNG CUỘC XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

Cách mạng Cu-ba (1959)

Thời gian	Sự kiện	Nêu ý kiến
Ngày 26 – 7 – 1953	(1) Phi-đen Cát-xơ-rô lãnh đạo 135 thanh niên tấn công pháo đài Môn-ca-đa nhưng thất bại.	Từ tư liệu 12.4, hãy cho biết người dân có thái độ như thế nào khi Cách mạng Cu-ba thắng lợi. (4) Hân hoan, chào đón mừng Cu-ba tự do.
Năm 1956	(2) Phi-đen Cát-xơ-rô cùng các đồng chí trở về Cu-ba tiến hành chiến tranh du kích.	
Ngày 1 – 1 – 1959	(3) Chế độ Ba-ti-xta bị lật đổ. Cách mạng Cu-ba thắng lợi, chấm dứt năm thế kỉ đô hộ của chủ nghĩa thực dân, giành độc lập.	

Công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội

Chính sách sau khi giành độc lập	– Đối nội: (5) cải cách ruộng đất và giáo dục, quốc hữu hoá công ty của tư bản nước ngoài, xây dựng chính quyền, chăm lo đời sống nhân dân. – Đối ngoại: (6) Cu-ba tăng cường mối quan hệ với Liên Xô, ủng hộ phong trào cách mạng ở Việt Nam, các nước Mỹ La-tinh và châu Phi; bị Mỹ bao vây, cấm vận.
Thành tựu đạt được	Xây dựng (7) nền nông nghiệp với cơ cấu ngành hợp lí, nền nông nghiệp đa dạng, y tế, văn hoá, thể thao phát triển mạnh, đặc biệt có (8) tỉ lệ người biết chữ cao nhất trong các nước Mỹ La-tinh (96%).
Tình hình Cu-ba sau khi Liên Xô sụp đổ	Chậm trễ ra những (9) cải cách phù hợp với hoàn cảnh đất nước và bị Mỹ (10) bao vây cấm vận nên khủng hoảng kéo dài.
Thành tựu nào đáng chú ý nhất?	(11) tỉ lệ người biết chữ cao nhất trong các nước Mỹ La-tinh (96%).
Đánh giá về công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Cu-ba	(12) Trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội, Cu-ba đã đạt được nhiều thành tựu, góp phần thúc đẩy phong trào cách mạng thế giới nhưng còn chậm trễ ra chính sách phù hợp để thoát khỏi tình trạng cấm vận của Mỹ và ứng phó với khủng hoảng kinh tế sau khi Liên Xô tan rã.

– **Bước 4:** Kết luận, đánh giá

Đối với những câu hỏi yêu cầu HS thể hiện quan điểm, GV tôn trọng ý kiến của HS và chú trọng hướng dẫn HS xây dựng lí lẽ thuyết phục để xây dựng, bảo vệ quan điểm.

***Công cụ đánh giá:** thang đo

Các nhóm HS tự đánh giá: khoanh tròn mức độ đạt được của nhóm khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

Tiêu chí	Mức độ đạt được					
Lựa chọn và trình bày thông tin đúng, phù hợp.	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)

3. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a) Mục tiêu: Rèn luyện kiến thức, kĩ năng đã học.

b) Tổ chức thực hiện

– **Bước 1:** Giao nhiệm vụ học tập

HS thực hiện các bài tập sau:

1. *Hãy nêu những thành tựu và hạn chế trong quá trình xây dựng đất nước của các quốc gia khu vực Mỹ La-tinh trong giai đoạn 1945 – 1991.*

2. *Hãy vẽ đường thời gian thể hiện các sự kiện chính của cách mạng Cu-ba (1953 – 1959).*

– **Bước 2:** Thực hiện nhiệm vụ

HS thực hiện nhiệm vụ học tập theo nhóm hoặc cá nhân.

– **Bước 3:** Báo cáo, thảo luận

Các nhóm HS hoặc cá nhân báo cáo sản phẩm.

Dự kiến sản phẩm

+ Câu 1. Trả lời:

– Thành tựu: giành được độc lập, tự chủ, lập chính phủ dân chủ.

– Hạn chế: tình hình kinh tế không ổn định, đời sống người dân khó khăn.

+ Câu 2. GV hướng dẫn HS sử dụng kết quả thảo luận của Hoạt động 2 để thực hiện yêu cầu.

– **Bước 4:** Kết luận, đánh giá

***Công cụ đánh giá:** bài tập

4. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

***Ghi chú:** HS sẽ thực hiện hoạt động này tại nhà và gửi sản phẩm đến GV vào thời điểm thích hợp do GV xác định.

a) Mục tiêu: (1), (4), (5)

b) Tổ chức thực hiện

– **Bước 1:** Giao nhiệm vụ học tập

HS thực hiện bài tập sau:

Việt Nam và Cu-ba là hai đất nước có mối quan hệ khăng khít trong lịch sử. Hãy tìm hiểu những thông tin về mối quan hệ Việt Nam – Cu-ba và viết một đoạn văn ngắn về mối quan hệ này.

GV hướng dẫn HS thực hiện như sau:

- + Tìm kiếm, chọn lọc các thông tin về mối quan hệ Việt Nam – Cu-ba.
- + Trên cơ sở các thông tin sưu tầm được, HS viết một đoạn văn giới thiệu về mối quan hệ này.
- + Khai thác, sử dụng tư liệu 18.22 ở bài 18 – trang 102 trong SGK *Lịch sử và Địa lí 9* (phần Lịch sử) (Bộ sách *Chân trời sáng tạo*).

– **Bước 2:** Thực hiện nhiệm vụ

HS thực hiện nhiệm vụ học tập cá nhân.

– **Bước 3:** Báo cáo, thảo luận

– **Bước 4:** Kết luận, đánh giá

***Công cụ đánh giá:** bảng kiểm

Tiêu chí	Có hoặc Không
Bài làm được trình bày dưới dạng đoạn văn.	?
Nêu ít nhất một sự kiện chứng minh mối quan hệ khăng khít giữa Việt Nam và Cu-ba trong lịch sử.	?
Bình luận về sự kiện nêu trên.	?
Nêu và bình luận về quan hệ Việt Nam – Cu-ba hiện nay.	?
Thể hiện quan điểm cá nhân về quan hệ Việt Nam – Cu-ba trong lịch sử.	?

B. KẾ HOẠCH BÀI DẠY CÁCH 2: DỰA TRÊN MA TRẬN VÀ CHƯƠNG TRÌNH GDPT 2018

Hoạt động	Mục tiêu			Nội dung	Phương pháp hoặc Kỹ thuật dạy học	Công cụ đánh giá
	Năng lực chung	Năng lực lịch sử	Phẩm chất			
Hoạt động khởi động	Nhận biết được các yêu cầu cần đạt của bài học.			Yêu cầu cần đạt của bài học.	PPDH diễn giảng	Câu hỏi
Hoạt động hình thành kiến thức mới						
Hoạt động 1	1	2, 3	6	Tình hình chung của các nước Mỹ La-tinh từ năm 1945 đến năm 1991	PPDH giải quyết vấn đề	Thang đo

Hoạt động	Mục tiêu			Nội dung	Phương pháp hoặc Kỹ thuật dạy học	Công cụ đánh giá
	Năng lực chung	Năng lực lịch sử	Phẩm chất			
Hoạt động 2	1	2, 4	6	Cách mạng Cu-ba và công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội	PPDH hợp tác	Thang đo
Hoạt động luyện tập	Rèn luyện kiến thức, kĩ năng đã học.			Những thành tựu và hạn chế trong quá trình xây dựng đất nước của các quốc gia khu vực Mỹ La-tinh trong giai đoạn 1945 – 1991.	PPDH hợp tác	Bài tập
				Đường thời gian thể hiện các sự kiện chính của cách mạng Cu-ba (1953 – 1959).		
Hoạt động vận dụng	1	4, 5		Tìm kiếm các thông tin về mối quan hệ Việt Nam – Cu-ba, sau đó viết một đoạn văn ngắn về mối quan hệ này.	PPDH giải quyết vấn đề	Bảng kiểm

Bài 13.

MỘT SỐ NƯỚC Ở CHÂU Á TỪ NĂM 1945 ĐẾN NĂM 1991

(DỰ KIẾN 2 TIẾT)

A. KẾ HOẠCH BÀI DẠY CÁCH 1:

I. MỤC TIÊU

Phẩm chất, năng lực	Yêu cầu cần đạt	Mã số
1. Năng lực chung		
Giao tiếp và hợp tác	Hiểu rõ nhiệm vụ của nhóm; đánh giá được khả năng của bản thân và tự nhận công việc phù hợp.	1
2. Năng lực lịch sử		
Tìm hiểu lịch sử	Khai thác và sử dụng được thông tin của một số tư liệu lịch sử (13.1, 13.2, 13.3, 13.4, 13.5, 13.6, 13.7, 13.8, 13.9, 13.10), phần <i>Em có biết</i> và phần <i>Nhân vật lịch sử</i> nhận thức về các nước Nhật Bản, Trung Quốc, Ấn Độ từ năm 1945 đến năm 1991; về cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc và quá trình phát triển của các nước Đông Nam Á; về sự hình thành và phát triển của Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN).	2
Nhận thức và tư duy lịch sử	Giới thiệu được những nét chính về Nhật Bản, Trung Quốc, Ấn Độ từ năm 1945 đến năm 1991.	3
	Trình bày được cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc và quá trình phát triển của các nước Đông Nam Á, sự hình thành và phát triển của Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN).	4
Vận dụng	Vận dụng được kiến thức đã học về các nước Đông Nam Á và Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) để giải thích và nêu ý nghĩa các biểu tượng được thể hiện trên lá cờ ASEAN.	5
3. Phẩm chất		
Nhân ái	Tôn trọng sự đa dạng về văn hoá của các dân tộc khác nhau.	6

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- Máy tính, máy chiếu.
- Phiếu học tập (giấy A0), nam châm dán phiếu học tập, bút màu.
- SGK, SGV *Lịch sử và Địa lí 9* (phần Lịch sử) (Bộ sách *Chân trời sáng tạo*).

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a) Mục tiêu: Sau khi tham gia hoạt động, HS sẽ nhận biết được yêu cầu cần đạt của bài học.

b) Tổ chức thực hiện

- **Gợi ý 1:** GV dùng phần *Dẫn nhập* trong SGK để dẫn dắt HS vào bài học.
- **Gợi ý 2:** GV chọn một số hình ảnh đặc trưng của Nhật Bản, Trung Quốc, Ấn Độ và một số nước Đông Nam Á để HS nhận biết các quốc gia và dẫn dắt vào bài học.

2. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

2.1. HOẠT ĐỘNG 1: CÁC NƯỚC NHẬT BẢN, TRUNG QUỐC, ẤN ĐỘ

a) Mục tiêu: (1), (2), (3), (6)

b) Tổ chức thực hiện

– **Bước 1:** Giao nhiệm vụ học tập

+ Nhiệm vụ 1: GV dùng phương pháp dạy học hợp tác và kĩ thuật dạy học mảnh ghép cho HS hoàn thành nhiệm vụ sau: Dựa vào thông tin trong bài kết hợp khai thác các tư liệu 13.1, 13.2, 13.3, 13.4, 13.5, phần *Em có biết* và phần *Nhân vật lịch sử*, hãy giới thiệu những nét chính về tình hình các nước Nhật Bản, Trung Quốc, Ấn Độ từ năm 1945 đến năm 1991.

+ Nhiệm vụ 2: Sau khi hoàn thành nhiệm vụ 1, GV giao cho các nhóm HS nhiệm vụ mới: Hãy lập bảng thống kê những nét chính về tình hình các nước Nhật Bản, Trung Quốc, Ấn Độ từ năm 1945 đến năm 1991.

– **Bước 2:** Thực hiện nhiệm vụ

+ Nhiệm vụ 1: GV chia lớp thành 6 nhóm (nếu lớp ít HS, GV chia lớp thành 3 nhóm), mỗi cặp nhóm chọn và tìm hiểu về một trong ba nước: Nhật Bản, Trung Quốc và Ấn Độ. Tìm hiểu xong về nước mà nhóm đã chọn, các thành viên trong nhóm tách ra và ghép với thành viên hai nhóm còn lại để tìm hiểu về các nước còn lại.

+ Nhiệm vụ 2: Sau khi hoàn thành nhiệm vụ 1, các nhóm HS thảo luận và hoàn thành nhiệm vụ: Hãy lập bảng thống kê những nét chính về tình hình các nước Nhật Bản, Trung Quốc, Ấn Độ từ năm 1945 đến năm 1991.

– **Bước 3:** Báo cáo, thảo luận

**BẢNG THỐNG KÊ NHỮNG NÉT CHÍNH VỀ TÌNH HÌNH
CÁC NƯỚC NHẬT BẢN, TRUNG QUỐC, ẤN ĐỘ TỪ NĂM 1945 ĐẾN NĂM 1991**

Nước	Tình hình đối nội	Tình hình đối ngoại
Nhật Bản	– Kinh tế bị tàn phá, tình trạng thất nghiệp, tình trạng thiếu lương thực – thực phẩm tràn lan, lạm phát tăng cao. – Tiến hành các cải cách dân chủ như: thực hiện cải cách ruộng đất (1946 – 1949); xoá bỏ chủ nghĩa quân phiệt; trừng trị các tội phạm chiến tranh; giải tán lực lượng vũ trang; ban hành <i>Hiến pháp</i> mới (năm 1946) chuyển Nhật Bản từ xã hội chuyên chế sang xã hội dân chủ. – Kinh tế dần khôi phục vào đầu thập niên 50 của thế kỉ XX và bước vào giai đoạn phát triển “thần kì” (1960 – 1973), đứng thứ hai trong thế giới tư bản và trở thành một trong ba trung tâm kinh tế, tài chính thế giới. Tuy nhiên, do tác động của khủng hoảng năng lượng thế giới, từ năm 1973, kinh tế Nhật Bản đan xen giữa phát triển và những đợt suy thoái ngắn.	Nhật Bản và Mỹ kí bản <i>Hiệp ước an ninh Mỹ – Nhật</i> vào năm 1951. Nền an ninh của Nhật Bản được đặt dưới sự bảo hộ hạt nhân của Mỹ. Nhật Bản chú trọng phát triển quan hệ hoà bình với các nước Đông Nam Á, đặc biệt là quan hệ kinh tế.
Trung Quốc	– Tiếp tục diễn ra cuộc nội chiến giữa Đảng Cộng sản và Quốc dân đảng (1946 – 1949). Năm 1949, Đảng Cộng sản giành thắng lợi, nước Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa thành lập (1 – 10 – 1949). – Từ năm 1950 đến năm 1978, dưới sự lãnh đạo của Chủ tịch Mao Trạch Đông, quá trình phát triển của Trung Quốc trải qua các giai đoạn chính: + 1950 – 1958: tiến hành khôi phục nền kinh tế, cải cách ruộng đất và hợp tác hoá nông nghiệp, cải tạo công thương nghiệp, phát triển văn hoá, giáo dục,...; + 1958 – 1962: thực hiện đường lối “Ba ngọn cờ hồng” nhằm đẩy nhanh việc xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội; + 1966 – 1976: tiến hành “Đại cách mạng văn hoá vô sản”. Hậu quả là đất nước bị tàn phá nặng nề. + Từ năm 1978, Đặng Tiểu Bình đã lãnh đạo Trung Quốc tiến hành công cuộc cải cách – mở cửa, chủ trương xây dựng chủ nghĩa xã hội đặc sắc Trung Quốc, lấy phát triển kinh tế làm trọng tâm, xây dựng đất nước giàu mạnh, văn minh. Cuối thập niên 80 của thế kỉ XX, tình hình Trung Quốc dần ổn định nhờ kinh tế phát triển.	– Từ năm 1950 – 1958, Trung Quốc thiết lập quan hệ ngoại giao chặt chẽ với Liên Xô, thúc đẩy phong trào cách mạng giành độc lập dân tộc trên thế giới. – Từ những năm 1960, quan hệ đối ngoại có nhiều thay đổi: xung đột biên giới với Ấn Độ (1962), Liên Xô (1969), cải thiện quan hệ với Mỹ (từ năm 1972). – Năm 1979, Trung Quốc chính thức thiết lập quan hệ ngoại giao với Mỹ; bình thường hoá quan hệ với Liên Xô; phát động cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam khiến quan hệ hai nước xấu đi. Tháng 11 – 1991, hai nước bình thường hoá quan hệ ngoại giao, mở cửa biên giới trở lại.

**BẢNG THỐNG KÊ NHỮNG NÉT CHÍNH VỀ TÌNH HÌNH
CÁC NƯỚC NHẬT BẢN, TRUNG QUỐC, ẤN ĐỘ TỪ NĂM 1945 ĐẾN NĂM 1991**

Nước	Tình hình đối nội	Tình hình đối ngoại
Ấn Độ	– Phong trào đấu tranh chống thực dân Anh, đòi độc lập của nhân dân Ấn Độ phát triển mạnh mẽ. Theo kế hoạch Mao-bát-tơ, Ấn Độ bị chia thành hai nước tự trị dựa trên tôn giáo. Ngày 15 – 8 – 1947, hai nước nước tự trị Ấn Độ (theo Ấn Độ giáo) và Pa-ki-xtan (theo Hồi giáo) được thành lập. – Ngày 26 – 1 – 1950, Ấn Độ tuyên bố độc lập. – Công cuộc xây dựng đất nước của Ấn Độ đạt được nhiều thành tựu: tự túc được lương thực, thử thành công bom nguyên tử (năm 1974), phóng thành công vệ tinh nhân tạo lên quỹ đạo Trái Đất (năm 1975),... Vào những năm 80 – 90 của thế kỉ XX, Ấn Độ tập trung đầu tư và phát triển công nghệ thông tin.	Theo đường lối hoà bình, trung lập.

– **Bước 4:** Kết luận, đánh giá

***Công cụ đánh giá:** thang đo

STT	Mức đánh giá	Thang điểm
1	HS tham gia làm việc nhóm không nhiệt tình, nhóm không hoàn thành được bảng.	1 – 3 điểm
2	HS tham gia làm việc nhóm không nhiệt tình, nhóm không hoàn thành bảng nhưng thông tin bị sai nhiều.	4 – 5 điểm
3	HS tham gia làm việc nhóm nhiệt tình, nhóm hoàn thành bảng nhưng thông tin còn sai.	6 – 8 điểm
4	HS tham gia làm việc nhóm nhiệt tình, nhóm hoàn thành bảng, thông tin chính xác.	9 – 10 điểm

2.2. HOẠT ĐỘNG 2: QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN CỦA CÁC NƯỚC ĐÔNG NAM Á TỪ NĂM 1945 ĐẾN NĂM 1991

a) Mục tiêu: (1), (2), (4), (6)

b) Tổ chức thực hiện

– **Bước 1:** Giao nhiệm vụ học tập

GV sử dụng phương pháp dạy học hợp tác và kĩ thuật dạy học giao nhiệm vụ học tập, yêu cầu HS hoàn thành hai nhiệm vụ sau:

- + Nhiệm vụ 1. Hãy lập bảng thống kê về cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc của các nước Đông Nam Á giai đoạn 1945 – 1975.
- + Nhiệm vụ 2. Hãy vẽ sơ đồ tư duy về sự hình thành và phát triển của Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) từ khi thành lập đến năm 1991.

– **Bước 2:** Thực hiện nhiệm vụ

HS được chia thành các nhóm để thực hiện hai nhiệm vụ.

– **Bước 3:** Báo cáo, thảo luận

Các nhóm HS báo cáo sản phẩm.

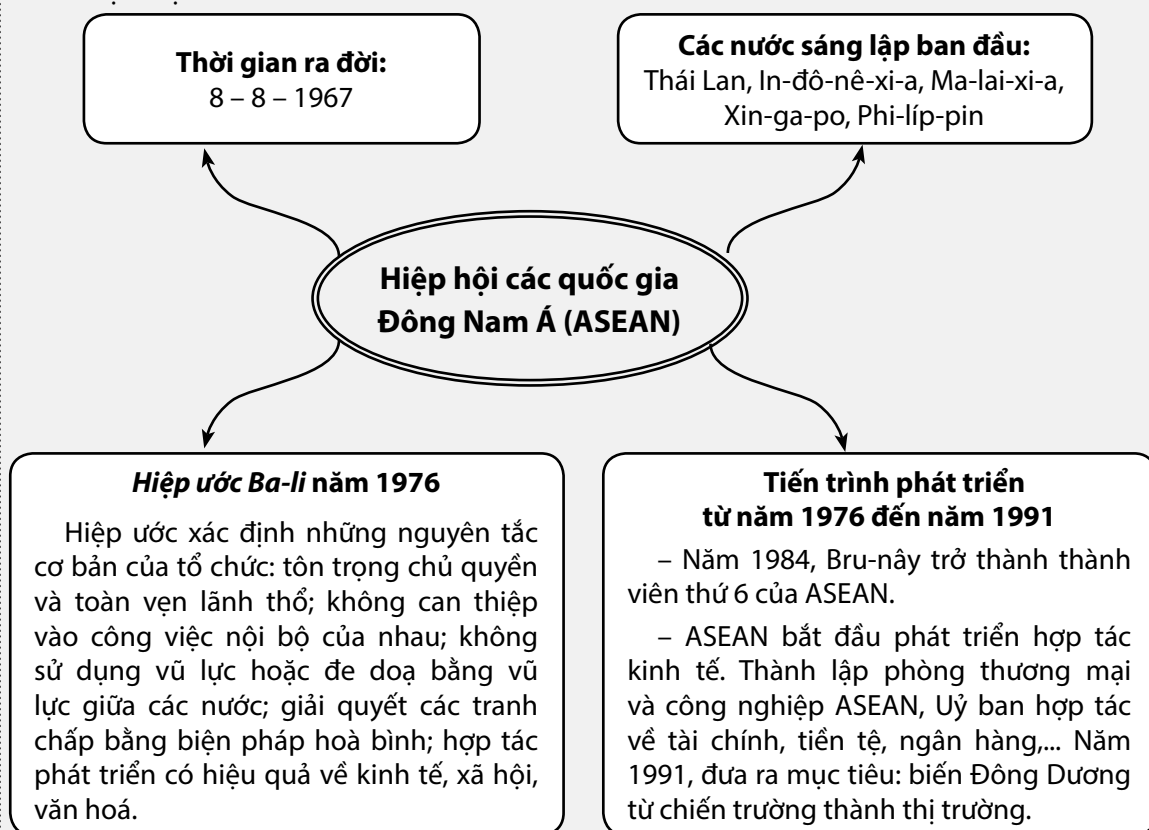
Dự kiến sản phẩm

+ Nhiệm vụ 1:

BẢNG THỐNG KÊ VỀ CUỘC ĐẤU TRANH GIÀNH ĐỘC LẬP DÂN TỘC CỦA CÁC NƯỚC ĐÔNG NAM Á GIAI ĐOẠN 1945 – 1975

Giai đoạn 1945 – 1954	Giai đoạn 1954 – 1975
– Việt Nam, In-đô-nê-xi-a, Lào tiến hành cách mạng giành chính quyền thắng lợi và tuyên bố độc lập. Từ năm 1946, nhân dân ba nước Việt Nam, Lào, Cam-pu-chia tiến hành cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và giành được thắng lợi vào năm 1954. – Hai nước Phi-líp-pin và Mi-an-ma được trao trả độc lập nhưng vẫn phải chịu áp lực của các nước thực dân. – Các quốc gia còn lại chưa được trao trả độc lập, tiếp tục đấu tranh kết hợp thương thuyết hoà bình để giành độc lập.	– Ba nước Việt Nam, Lào, Cam-pu-chia tiến hành cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước và giành được thắng lợi vào năm 1975. – Các nước Ma-lai-xi-a, Xin-ga-po và Bru-nây đấu tranh bằng con đường chính trị. Trải qua nhiều năm kiên trì đàm phán với thực dân Anh, các nước trên bán đảo Ma-lay và đảo Ca-li-man tan đã thoát khỏi sự cai trị của Anh, giành được quyền tự chủ. Năm 1965, Xin-ga-po tách khỏi Liên bang Ma-lay-a tuyên bố là quốc gia độc lập.

+ Nhiệm vụ 2:



– **Bước 4:** Kết luận, đánh giá

***Công cụ đánh giá:** bảng tiêu chí Rubrics

Mức độ Tiêu chí	Mức 1 (3 – 4)	Mức 2 (5 – 7)	Mức 3 (8 – 10)
Nội dung (60%)	Hoàn thành được một nhiệm vụ nhưng thông tin chưa đủ. (1,5 – 2)	Hoàn thành được 2 nhiệm vụ nhưng thông tin chưa đủ. (3 – 4,5)	Hoàn thành được 2 nhiệm vụ, thông tin đủ. (5 – 6)
Khả năng làm việc nhóm (20%)	Không có bảng phân công, nhiều thành viên không làm. (0)	Có bảng phân công, vẫn còn thành viên không làm. (0,5)	Có bảng phân công, tất cả thành viên đều làm. (1)
Hình thức sản phẩm (10%)	Trình bày không rõ ràng. (0,5 – 0,75)	Trình bày rõ ràng nhưng chưa đẹp. (1 – 1,5)	Trình bày rõ ràng, thẩm mỹ. (1,75 – 2)
Thời gian (10%)	Quá thời gian quy định 3 – 5 phút. (0)	Vừa đúng thời gian. (0,5)	Sớm hơn thời gian quy định. (1)

3. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a) Mục tiêu: Rèn luyện kiến thức, kĩ năng đã học.

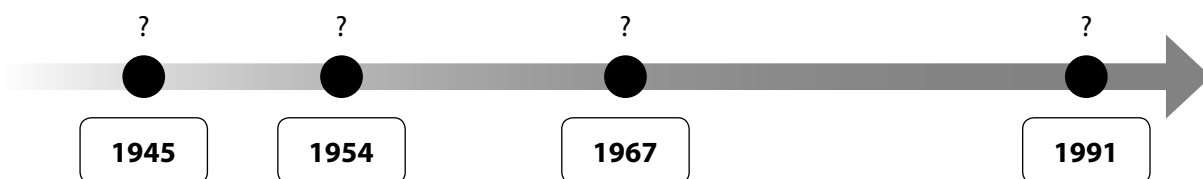
b) Tổ chức thực hiện

– **Bước 1:** Giao nhiệm vụ học tập

HS thực hiện các bài tập sau:

1. Hãy xác định điểm nổi bật trong tình hình Nhật Bản, Trung Quốc, Ấn Độ và các nước thuộc khu vực Đông Nam Á trong giai đoạn 1945 – 1991.

2. Hãy hoàn thành đường thời gian về lịch sử khu vực Đông Nam Á giai đoạn 1945 – 1991 theo mẫu dưới đây. Sau đó, em hãy chọn một sự kiện mà em cho là quan trọng và giải thích lí do.



– **Bước 2:** Thực hiện nhiệm vụ

HS thực hiện nhiệm vụ học tập theo nhóm.

– **Bước 3:** Báo cáo, thảo luận

Các nhóm HS báo cáo sản phẩm.

Dự kiến sản phẩm

+ Câu 1. GV có thể lập bảng về tình hình Nhật Bản, Trung Quốc, Ấn Độ và các nước thuộc khu vực Đông Nam Á trong giai đoạn 1945 – 1991 để HS điền hoặc cung cấp sẵn các sự kiện để HS xếp vào tình hình từng nước.

+ Câu 2. HS chọn mốc nào cũng được nhưng quan trọng là HS có thể giải thích được lí do.

– **Bước 4:** Kết luận, đánh giá

***Công cụ đánh giá:** bảng kiểm

STT	Tiêu chí	Đạt hoặc Không đạt
1	HS xác định được điểm nổi bật trong tình hình Nhật Bản, Trung Quốc, Ấn Độ và các nước thuộc khu vực Đông Nam Á trong giai đoạn 1945 – 1991.	?
2	HS hoàn thành được đường thời gian về lịch sử khu vực Đông Nam Á giai đoạn 1945 – 1991.	?
3	HS giải thích được lí do chọn sự kiện mà HS cho là quan trọng.	?

4. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

***Ghi chú:** HS sẽ thực hiện hoạt động này tại nhà và gửi sản phẩm đến GV vào thời điểm thích hợp do GV xác định.

a) Mục tiêu: (5), (6)

b) Tổ chức thực hiện

– **Bước 1:** Giao nhiệm vụ học tập

HS thực hiện bài tập sau:

Quan sát lá cờ ASEAN dưới đây kết hợp tìm kiếm thông tin trên internet, hãy giải thích và nêu ý nghĩa các biểu tượng được thể hiện trên lá cờ.

– **Bước 2:** Thực hiện nhiệm vụ

HS thực hiện nhiệm vụ học tập cá nhân.

– **Bước 3:** Báo cáo, thảo luận

Dự kiến sản phẩm

Màu xanh tượng trưng cho hoà bình và ổn định, màu đỏ thể hiện lòng can trường và tính năng động, màu trắng thể hiện sự thuần khiết và màu vàng thể hiện sự thịnh vượng; 10 nhánh lúa tượng trưng cho 10 thành viên của ASEAN.

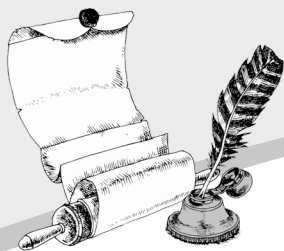
– **Bước 4:** Kết luận, đánh giá

***Công cụ đánh giá:** thang đo

STT	Mức đánh giá	Thang điểm
1	HS lí giải được một màu.	1 – 3 điểm
2	HS lí giải được 2 màu.	4 – 5 điểm
3	HS lí giải được 3 màu.	6 – 7 điểm
4	HS lí giải được 3 màu và biểu tượng bó lúa.	8 – 10 điểm

B. KẾ HOẠCH BÀI DẠY CÁCH 2: DỰA TRÊN MA TRẬN VÀ CHƯƠNG TRÌNH GDPT 2018

Hoạt động	Mục tiêu			Nội dung	Phương pháp hoặc Kỹ thuật dạy học	Công cụ đánh giá
	Năng lực chung	Năng lực lịch sử	Phẩm chất			
Hoạt động khởi động	Nhận biết được các yêu cầu cần đạt của bài học.			Yêu cầu cần đạt của bài học.	KTDH giao nhiệm vụ học tập	Bảng kiểm
Hoạt động hình thành kiến thức mới						
Hoạt động 1	1	2, 3	6	Các nước Nhật Bản, Trung Quốc, Ấn Độ	– PPDH hợp tác – KTDH mảnh ghép	Thang đo
Hoạt động 2	1	2, 4	6	Quá trình phát triển của các nước Đông Nam Á từ năm 1945 đến năm 1991	– PPDH hợp tác – KTDH giao nhiệm vụ học tập	Bảng tiêu chí Rubrics
Hoạt động luyện tập	Rèn luyện kiến thức, kỹ năng đã học.			Điểm nổi bật trong tình hình Nhật Bản, Trung Quốc, Ấn Độ và các nước thuộc khu vực Đông Nam Á trong giai đoạn 1945 – 1991.	PPDH hợp tác	Bảng kiểm
				Hoàn thành đường thời gian về lịch sử khu vực Đông Nam Á giai đoạn 1945 – 1991, sau đó hãy chọn một sự kiện mà em cho là quan trọng và giải thích lý do.		
Hoạt động vận dụng		5	6	Giải thích và nêu ý nghĩa các biểu tượng được thể hiện trên lá cờ ASEAN.	KTDH giao nhiệm vụ học tập	Thang đo



Chương IV. VIỆT NAM TỪ NĂM 1945 ĐẾN NĂM 1991

Bài 14.

XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ CHÍNH QUYỀN NƯỚC VIỆT NAM DÂN CHỦ CỘNG HOÀ (TỪ THÁNG 9 – 1945 ĐẾN THÁNG 12 – 1946)

(DỰ KIẾN 2 TIẾT)

A. KẾ HOẠCH BÀI DẠY CÁCH 1:

I. MỤC TIÊU

Phẩm chất, năng lực	Yêu cầu cần đạt	Mã số
1. Năng lực chung		
Giao tiếp và hợp tác	Hiểu rõ nhiệm vụ của nhóm; đánh giá được khả năng của bản thân và tự nhận công việc phù hợp.	1
Giải quyết vấn đề và sáng tạo	Biết phát hiện vấn đề và giải quyết một cách sáng tạo, hoàn thành được nhiệm vụ hoạt động nhóm.	2
2. Năng lực lịch sử		
Tìm hiểu lịch sử	Khai thác và sử dụng thông tin của một số tư liệu lịch sử (14.1, 14.2, 14.3, 14.4, 14.5, 14.6, 14.7, 14.8, 14.9, 14.10) và phần <i>Em có biết</i> để nắm bắt được những nội dung cơ bản về công cuộc xây dựng và bảo vệ chính quyền nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà (từ tháng 9 – 1945 đến tháng 12 – 1946).	3
Nhận thức và tư duy lịch sử	Nhận biết được những biện pháp chủ yếu để xây dựng và củng cố chính quyền cách mạng, giải quyết những khó khăn về kinh tế, văn hoá, giáo dục, quân sự,... trong năm đầu sau Cách mạng tháng Tám năm 1945.	4
	Trình bày được những nét chính về cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược của nhân dân Nam Bộ.	5
Vận dụng	Trên cơ sở tiếp cận, nhận thức được vấn đề trong nội dung bài học ở mục 2, kĩ năng đọc – hiểu vấn đề trong tư liệu 14.5 liên quan đến câu nói nổi tiếng của chủ tịch Hồ Chí Minh “Một dân tộc dốt là một dân tộc yếu”, HS liên hệ với công cuộc xây dựng đất nước hiện nay, chia sẻ suy nghĩ của bản thân với thầy, cô giáo và bạn bè về vai trò, nhiệm vụ của HS.	6

3. Phẩm chất		
Yêu nước	Giáo dục phẩm chất yêu nước, sẵn sàng chiến đấu bảo vệ Tổ quốc và lòng nhân ái, sẵn sàng chia sẻ, giúp đỡ đồng bào khi khó khăn, hoạn nạn.	7
Trách nhiệm	Củng cố năng lực giao tiếp, hợp tác và chia sẻ trong các hoạt động nhóm.	8

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- Máy tính, máy chiếu.
- Phiếu học tập (giấy A0), nam châm dán phiếu học tập, bút màu.
- SGK, SGV *Lịch sử và Địa lí 9* (phần Lịch sử) (Bộ sách *Chân trời sáng tạo*).
- Bài hát *Nam Bộ kháng chiến* (nhạc và lời: Tạ Thanh Sơn, 1946).
- Video *Kỉ niệm 76 năm ngày Nam Bộ kháng chiến*.
- Lược đồ về phạm vi các lực lượng quân đội Anh và Trung Hoa Dân quốc giải giáp quân đội Nhật Bản theo Hội nghị Potsdam (1945).
- Tranh vẽ, hình ảnh liên quan đến tình hình Việt Nam sau Cách mạng tháng Tám năm 1945.
- Một số tài liệu tham khảo: Lê Mậu Hãn (Chủ biên), *Đại cương Lịch sử Việt Nam*, tập III, NXB Giáo dục, Hà Nội, 2001; Lê Mậu Hãn (Chủ biên), *Lịch sử Việt Nam*, tập IV, NXB Đại học quốc gia Hà Nội, Hà Nội, 2017; Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 8, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000; Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam – Viện Sử học, *Lịch sử Việt Nam, tập 10*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 2017;...

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a) Mục tiêu: Sau khi tham gia hoạt động, HS sẽ nhận biết được yêu cầu cần đạt của bài học.

b) Tổ chức thực hiện

- **Gợi ý 1:** GV dùng phần *Dẫn nhập* trong SGK để dẫn dắt HS vào bài học.
- **Gợi ý 2:** GV cho HS xem một số hình ảnh về tình hình Việt Nam sau Cách mạng tháng Tám (1945) đã đặt nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà đứng trước những khó khăn “ngàn cân treo sợi tóc”... để dẫn dắt HS vào bài học, yêu cầu HS đọc, trả lời các câu hỏi liên quan đến phần *Dẫn nhập*.
- **Gợi ý 3:** GV sử dụng lược đồ dưới đây để dẫn dắt tình huống: *Theo thoả thuận của Hội nghị Potsdam (Đức, từ ngày 17 – 7 đến ngày 2 – 8 – 1945), việc giải giáp quân đội Nhật Bản ở Đông Dương được giao cho quân đội Anh và quân đội Trung Hoa Dân quốc, lấy vĩ tuyến 16 làm giới tuyến phân chia phạm vi.*

2. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

2.1. HOẠT ĐỘNG 1: XÂY DỰNG VÀ Củng cố CHÍNH QUYỀN, DIỆT GIẶC ĐÓI, GIẶC ĐỐT VÀ GIẢI QUYẾT KHÓ KHĂN VỀ TÀI CHÍNH

a) Mục tiêu: (1), (3), (4), (6), (7)

b) Tổ chức thực hiện

– **Bước 1:** Giao nhiệm vụ học tập

+ Nhiệm vụ 1: Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà đã có những biện pháp gì để xây dựng và củng cố chính quyền?

GV đề nghị HS hoạt động cá nhân, sử dụng thông tin trong SGK kết hợp với các tư liệu GV cung cấp hoàn thành phiếu học tập số 1.

Tư liệu 1.

“Hậu quả của chính sách bóc lột tàn bạo của bọn phát xít Pháp, Nhật, cùng với nạn lũ lụt nghiêm trọng ở chín tỉnh Bắc Bộ đã cướp đi sinh mệnh hơn 2 triệu đồng bào từ Quảng Trị trở ra vào cuối năm 1944 đầu năm 1945...”

(Ban Nghiên cứu Lịch sử Đảng Trung ương, *Những sự kiện lịch sử Đảng (1945 – 1954)*, tập II, NXB Sự thật, Hà Nội, 1979, trang 16)

Tư liệu 2.

“Ngày mai mồng 6 tháng Giêng năm 1946... Ngày mai là một ngày vui sướng của đồng bào ta, vì ngày mai là ngày Tổng tuyển cử, vì ngày mai là một ngày đầu tiên trong lịch sử Việt Nam mà nhân dân ta bắt đầu hưởng dụng quyền dân chủ của mình...”

(Lời kêu gọi quốc dân đi bỏ phiếu, báo Cứu Quốc số 134, ngày 5 – 1 – 1946)

Tư liệu 3.

...Lúc chúng ta nâng bát cơm mà ăn, nghĩ đến kẻ đói khổ, chúng ta không khỏi động lòng..., và tôi xin thực hành trước: Cứ 10 ngày nhịn ăn một bữa, mỗi tháng nhịn 3 bữa. Đem gạo đó (mỗi bữa một bơ) để cứu dân nghèo...”

(Hồ Chí Minh toàn tập, tập 4, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, trang 33)

Tư liệu 4.

Sáng 3 – 9 – 1945, Hồ Chủ tịch nêu lên sáu vấn đề cấp bách của cách mạng Việt Nam:

“Một là, nhân dân đang đói – ...phát động một chiến dịch tăng gia sản xuất... mở một cuộc lạc quyền... gạo tiết kiệm được sẽ góp lại và phát cho người nghèo.

Vấn đề thứ hai, nạn đói – ...mở một chiến dịch để chống nạn mù chữ.

Vấn đề thứ ba – ...tổ chức càng sớm càng hay cuộc TỔNG TUYỂN CỬ với chế độ phổ thông đầu phiếu...

Vấn đề thứ tư – ...mở một chiến dịch giáo dục lại tinh thần nhân dân bằng cách thực hiện: CẦN, KIỂM, LIÊM, CHÍNH.

Vấn đề thứ năm – Thuế thân, thuế chợ, thuế đò,... bỏ ngay ba thứ thuế ấy... đề nghị tuyệt đối cấm hút thuốc phiện.

Vấn đề thứ sáu – ...tuyên bố: TÍN NGƯỠNG TỰ DO và lương giáo đoàn kết”.

(Hồ Chí Minh toàn tập, tập 4, Sđd, trang 7 – 8)

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1

Khó khăn	Biểu hiện	Biện pháp giải quyết
Xây dựng và củng cố chính quyền cách mạng non trẻ		– Chính trị: + Ngày 6 – 1 – 1946: lần đầu tiên nhân dân Việt Nam được thực hiện (1)... khi bỏ phiếu bầu (2)... + Tháng 3 – 1946: (3)... được thành lập do Hồ Chí Minh làm Chủ tịch. + Tháng 11 – 1946, Quốc hội ban hành (4)... đầu tiên của Việt Nam, tạo cơ sở pháp lí vững chắc để xây dựng và bảo vệ đất nước. – Quân sự: Việt Nam Giải phóng quân đổi tên thành (5)..., đến tháng 5 – 1946, đổi thành (6)...
Nạn đói	Nông nghiệp mất mùa, dẫn đến (7)... nghiêm trọng	– Trước mắt: (8)..., “Hũ gạo cứu đói”... – Lâu dài: (9)... “Tắc đất, tắc vàng!”, ban hành các sắc lệnh giảm tô, thuế, chia lại ruộng đất, sửa chữa đê điều,...
Nạn đói	90% dân số (10)...	– Trước mắt: Thành lập (11)..., tổ chức phong trào xoá nạn mù chữ,... – Lâu dài: Tổ chức (12)..., nội dung và phương pháp giáo dục bước đầu đổi mới.
Tài chính	(13)... quốc gia trống rỗng	– Trước mắt: Huy động tinh thần (14)... của nhân dân. – Lâu dài: Phát hành (15)...

+ Nhiệm vụ 2: Từ câu nói của Hồ Chủ tịch: “Đói, đói, ngoại xâm là ba thứ giặc nguy hiểm nhất!”, em hãy xác định khó khăn nào là nghiêm trọng nhất với nhân dân, khó khăn nào là nguy hiểm nhất với nền độc lập dân tộc, khó khăn nào là ảnh hưởng đến quyền làm chủ đất nước, suy yếu sức mạnh dân tộc.

GV đề nghị HS hoạt động nhóm đôi, tìm hiểu nhiệm vụ GV đưa ra và hoàn thành sơ đồ tư duy.

– Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- + Nhiệm vụ 1: HS hoàn thành phiếu học tập về những nét chính về tình hình Việt Nam trong năm đầu sau Cách mạng tháng Tám năm 1945 và những biện pháp chủ yếu của Chính phủ Việt Nam đã thực hiện để xây dựng và củng cố chính quyền cách mạng.
- + Nhiệm vụ 2: HS hoàn thành sơ đồ tư duy và nhận xét những khó khăn sau Cách mạng tháng Tám tác động như thế nào đến đất nước và nhân dân Việt Nam.

– Bước 3: Báo cáo, thảo luận

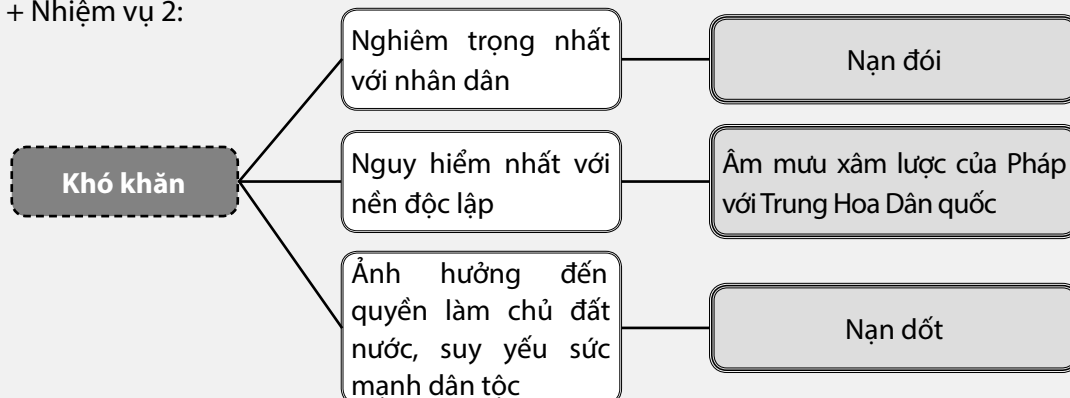
HS báo cáo sản phẩm.

+ Nhiệm vụ 1:

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1

Khó khăn	Biểu hiện	Biện pháp giải quyết
Xây dựng và củng cố chính quyền cách mạng non trẻ		– Chính trị: + Ngày 6 – 1 – 1946: lần đầu tiên nhân dân Việt Nam được thực hiện (1) quyền công dân khi bỏ phiếu bầu (2) đại biểu Quốc hội. + Tháng 3 – 1946: (3) Chính phủ Liên hiệp kháng chiến được thành lập do Hồ Chí Minh làm Chủ tịch. + Tháng 11 – 1946, Quốc hội ban hành (4) Hiến pháp đầu tiên của Việt Nam, tạo cơ sở pháp lí vững chắc để xây dựng và bảo vệ đất nước. – Quân sự: Việt Nam Giải phóng quân đổi tên thành (5) Vệ quốc đoàn, đến tháng 5 – 1946, đổi thành (6) Quân đội Quốc gia Việt Nam.
Nạn đói	Nông nghiệp mất mùa, dẫn đến (7) nạn đói nghiêm trọng.	– Trước mắt: (8) “nhường cơm sẻ áo”, “Hũ gạo cứu đói”,... – Lâu dài: (9) Tăng gia sản xuất, “Tắc đất, tắc vàng!”, ban hành các sắc lệnh giảm tô, thuế, chia lại ruộng đất, sửa chữa đê điều,...
Nạn đói	90% dân số (10) mù chữ .	– Trước mắt: Thành lập (11) Nha Bình dân học vụ, tổ chức phong trào xoá nạn mù chữ,... – Lâu dài: Tổ chức (12) hệ thống trường học, nội dung và phương pháp giáo dục bước đầu đổi mới.
Tài chính	(13) Ngân sách quốc gia trống rỗng	– Trước mắt: Huy động tinh thần (14) tự nguyện đóng góp của nhân dân. – Lâu dài: Phát hành (15) tiền Việt Nam.

+ Nhiệm vụ 2:



– HS xác định được những khó khăn nào là nghiêm trọng, gây nguy hiểm cho nền độc lập của nhà nước sau Cách mạng tháng Tám năm 1945, từ đó hiểu được những sách lược linh hoạt, khéo léo, mềm dẻo của Chính phủ trong việc giải quyết những khó khăn “ngàn cân treo sợi tóc”, bảo vệ thành công Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà non trẻ, bảo vệ nền độc lập của Việt Nam.

– HS biết sưu tầm, chọn lọc tư liệu, khai thác thông tin về tình hình Việt Nam sau Cách mạng tháng Tám năm 1945 và những biện pháp chủ yếu Chính phủ Việt Nam đã thực hiện để xây dựng và củng cố chính quyền cách mạng, nhận biết được những khó khăn sau Cách mạng tháng Tám về đối nội (nạn đói, nạn dốt, mù chữ, tài chính, nội phản,...) và ngoại xâm (Trung Hoa Dân quốc ở phía Bắc vĩ tuyến 16 và quân Anh, Pháp ở phía Nam vĩ tuyến 16). HS xác định được khó khăn nghiêm trọng nhất (nạn đói) và nguy hiểm nhất (ngoại xâm).

– Bước 4: Kết luận, đánh giá

GV dựa vào các nội dung được trình bày trong “Dự kiến sản phẩm” và công cụ đánh giá để đánh giá sản phẩm của HS.

*** Công cụ đánh giá:**

– Công cụ đánh giá nhiệm vụ 1: bảng kiểm và thang đo

Tiêu chí	Có hoặc Không
Sử dụng được thông tin trong SGK kết hợp với các tư liệu GV cung cấp.	?
Hoàn thành phiếu học tập về những nét chính về tình hình Việt Nam trong năm đầu sau Cách mạng tháng Tám năm 1945.	?
Nhận biết được những biện pháp chủ yếu của Chính phủ Việt Nam đã thực hiện để xây dựng và củng cố chính quyền cách mạng.	?

– HS tự đánh giá: Khoanh tròn mức độ đạt được khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

Tiêu chí	Mức độ đạt được
Nhận biết được những biện pháp chủ yếu để xây dựng và củng cố chính quyền cách mạng, giải quyết những khó khăn về kinh tế, văn hoá, giáo dục,... trong năm đầu sau Cách mạng tháng Tám năm 1945.	(1) (2) (3) (4) (5)

– Công cụ đánh giá nhiệm vụ 2: bảng kiểm

Tiêu chí	Có hoặc Không
Đáp ứng các yêu cầu về kĩ thuật vẽ sơ đồ tư duy (rõ ràng, đẹp,...).	?
Lựa chọn và sắp xếp thông tin từ SGK đúng yêu cầu nhiệm vụ.	?
Các thông tin được trình bày chính xác, súc tích, ngắn gọn.	?

2.2. HOẠT ĐỘNG 2: KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP TRỞ LẠI XÂM LƯỢC NAM BỘ

a) Mục tiêu: (1), (2), (3), (5), (6), (8)

b) Tổ chức thực hiện

– **Bước 1:** Giao nhiệm vụ học tập

GV đề nghị HS hoạt động cá nhân, sử dụng thông tin trong SGK hoàn thành phiếu học tập số 2.

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2

Hoàn cảnh bùng nổ	?
Tinh thần chống Pháp của nhân dân Nam Bộ	?
Nhân dân cả nước ủng hộ miền Nam chống Pháp	?

– **Bước 2:** Thực hiện nhiệm vụ

HS hoàn thành phiếu học tập về những nét chính về cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp trở lại xâm lược của nhân dân Nam Bộ.

– **Bước 3:** Báo cáo, thảo luận

HS báo cáo sản phẩm.

Dự kiến sản phẩm

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2

Hoàn cảnh bùng nổ	Đêm 22 rạng sáng 23 – 9 – 1945, được sự giúp đỡ của quân Anh, thực dân Pháp cho quân đánh úp trụ sở Ủy ban nhân dân Nam Bộ và cơ quan tự vệ thành phố Sài Gòn, mở đầu cuộc xâm lược Việt Nam lần thứ hai.
Tinh thần chống Pháp của nhân dân Nam Bộ	<i>“Mùa thu rồi, ngày hăm ba, Ta đi theo tiếng kêu sơn hà nguy biến. ...Ta đem thân ta liều cho nước Ta đem thân ta đền ơn trước...”</i> Quân dân Nam Bộ nhất tề đứng lên chiến đấu chống quân xâm lược, bao vây Pháp trong thành phố, đốt cháy tàu, đánh kho tàng...
Nhân dân cả nước ủng hộ miền Nam chống Pháp	Đảng, Chính phủ và Hồ Chủ tịch quyết tâm lãnh đạo cả nước chi viện cho Nam Bộ và Nam Trung Bộ kháng chiến: huy động các đoàn quân “Nam tiến” sát cánh cùng nhân dân Nam Trung Bộ chiến đấu; tổ chức quyên góp giúp nhân dân Nam Bộ và Nam Trung Bộ kháng chiến.

– **Bước 4:** Kết luận, đánh giá

+ GV nhận xét, chốt ý, mở rộng kiến thức kết nối với thực tiễn.

+ GV mở rộng: Em hãy kể tên những di tích lịch sử những tên đường, tên trường,... ở địa phương nơi mình sống có liên quan đến cuộc kháng chiến chống Pháp ở Nam Bộ từ 1945 – 1946 (gợi ý: Công viên 23 – 9 (Quận 1), đường Trần Văn Giàu (quận Bình Tân), trường THPT Trần Văn Giàu (quận Bình Thạnh),...).

2.3. HOẠT ĐỘNG 3: ĐẤU TRANH CHỐNG NGOẠI XÂM, BẢO VỆ THÀNH QUẢ CỦA CÁCH MẠNG THÁNG TÁM NĂM 1945

a) Mục tiêu: (1), (2), (3), (5), (6), (7), (8)

b) Tổ chức thực hiện

– **Bước 1:** Giao nhiệm vụ học tập

- + Nhiệm vụ 1: Dựa vào thông tin trong bài, hãy xác định kẻ thù ở phía Bắc và phía Nam vĩ tuyến 16 của Việt Nam. Đây là kẻ thù chính?

GV xác định những kẻ thù có mặt trên đất Việt Nam sau Cách mạng tháng Tám năm 1945 và kẻ thù chính của nhân dân Việt Nam.

- + Nhiệm vụ 2: GV đề nghị HS hoạt động nhóm, sử dụng thông tin trong SGK hoàn thành sơ đồ tư duy về cuộc đấu tranh chính trị – quân sự – ngoại giao giữa Việt Nam với Pháp và Trung Hoa để gìn giữ và bảo vệ thành quả của Cách mạng tháng Tám năm 1945 từ ngày 23 – 9 – 1945 đến 6 – 3 – 1946.

– **Bước 2:** Thực hiện nhiệm vụ

HS thực hiện nhiệm vụ, tìm hiểu và vẽ sơ đồ tư duy về sách lược của Chính phủ Việt Nam đối với Trung Hoa Dân quốc và Pháp trước và sau ngày 6 – 3 – 1946. Giải thích vì sao Chính phủ Việt Nam lại thực hiện sách lược đó?

– **Bước 3:** Báo cáo, thảo luận

HS báo cáo sản phẩm.

Dự kiến sản phẩm

+ Nhiệm vụ 1:

Kẻ thù của nhân dân Việt Nam sau Cách mạng tháng Tám năm 1945: phía Bắc vĩ tuyến 16: quân Trung Hoa Dân quốc cùng tay sai; phía Nam vĩ tuyến 16: quân Anh, quân Pháp và quân Nhật. Kẻ thù chính: thực dân Pháp.

+ Nhiệm vụ 2:

**Trước ngày 6 – 3 – 1946:
Đánh Pháp vì Pháp trở lại
xâm lược Nam Bộ.**

- 23 – 9 – 1945: Pháp nổ súng xâm lược Việt Nam lần thứ hai.
- Nhân dân Nam Bộ kháng chiến chống thực dân Pháp trở lại xâm lược.

**Trước ngày 6 – 3 – 1946:
Hoà Trung Hoa đánh
Pháp.**

- Nhân nhượng một số quyền lợi kinh tế, chính trị cho quân Trung Hoa.
- Tránh cùng lúc đương đầu với nhiều kẻ thù.

**Sau Hiệp định Sơ bộ
6 – 3 – 1946: Hoà Pháp
đuổi quân Trung Hoa.**

- Đẩy được 20 vạn quân Trung Hoa về nước.
- Tranh thủ thời gian chuẩn bị mọi mặt cho cuộc kháng chiến lâu dài.

– HS biết sưu tầm, chọn lọc tư liệu, khai thác thông tin về những chủ trương, sách lược của Đảng và Chính phủ Việt Nam đã thực hiện để đối phó với các thế lực ngoại xâm, nội phản, hiểu vì sao Đảng và Nhà nước Việt Nam thực hiện sách lược hoà hoãn với Trung Hoa Dân quốc để đánh Pháp trước ngày 6 – 3 – 1946 và hoà với Pháp để đuổi Trung Hoa Dân quốc sau ngày 6 – 3 – 1946.

– HS giải thích được vì sao Việt Nam kí với Pháp bản *Hiệp định Sơ bộ* (tránh được việc phải đương đầu cùng lúc với nhiều kẻ thù, đẩy được 20 vạn quân Trung Hoa Dân quốc và tay sai ra khỏi nước ta, có thêm thời gian hoà bình để củng cố, chuẩn bị mọi mặt cho kháng chiến lâu dài chống Pháp).

– Sau *Hiệp định Sơ bộ*, Pháp tăng cường các hoạt động khiêu khích, chống phá ta, quan hệ Việt – Pháp căng thẳng, có nguy cơ xảy ra chiến tranh. Chủ tịch Hồ Chí Minh kí với Pháp bản *Tạm ước* (14 – 9 – 1946), nhân nhượng cho Pháp một số quyền lợi về kinh tế, văn hoá, tạo điều kiện cho ta có thêm thời gian xây dựng, củng cố lực lượng, chuẩn bị vào cuộc kháng chiến toàn quốc chống Pháp lâu dài.

– **Bước 4:** Kết luận, đánh giá

GV nhận xét, chốt ý, đánh giá hoạt động.

*** Công cụ đánh giá:**

– **Công cụ đánh giá nhiệm vụ 1:** bảng kiểm và thang đo

Tiêu chí	Có hoặc Không
Sử dụng được thông tin trong SGK.	?
Hiểu được mục tiêu thực sự của quân Anh, Pháp và Trung Hoa Dân quốc khi vào giải giáp quân Nhật ở Việt Nam.	?

– HS tự đánh giá: Khoanh tròn mức độ đạt được khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

Tiêu chí	Mức độ đạt được				
Trình bày được tình thế “ngàn cân treo sợi tóc” của Việt Nam trước âm mưu xâm lược của thực dân Pháp và quân Trung Hoa Dân quốc.	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)

– **Công cụ đánh giá nhiệm vụ 2:** bảng kiểm và thang đo

PHIẾU ĐÁNH GIÁ SƠ ĐỒ TƯ DUY		
Nội dung chấm	Tiêu chí	Điểm
A. Cách thức trình bày (25%)	Độc đáo, sáng tạo, sắp xếp hợp lí, bảo đảm thời gian,...	20 – 25
	Hay, sáng tạo, nhưng sắp xếp chưa hợp lí, chưa bảo đảm thời gian,...	15 – 20
	Thiếu ý tưởng sáng tạo, sắp xếp rời rạc, chưa bảo đảm thời gian,...	< 15
B. Nội dung (50%)	Nội dung đầy đủ, chính xác, đúng yêu cầu, nguồn tài liệu rõ ràng, khoa học, có tính giáo dục,...	40 – 50
	Nội dung chưa đầy đủ, thiếu phong phú, nguồn tài liệu chưa rõ ràng,...	25 – 40
	Còn ít tư liệu, chưa cung cấp đủ nội dung,...	< 25

Nội dung chấm	Tiêu chí	Điểm
C. Thuyết trình (25%)	Tự tin, cuốn hút, nghiêm túc, bảo đảm thời gian, trả lời câu hỏi đúng trọng tâm,...	15 – 25
	Còn lúng túng, chưa hoàn thành tốt nhiệm vụ thuyết trình,...	< 15
Tổng điểm thuyết trình (10đ): $(A \cdot 0,2) + (B \cdot 0,55) + (C \cdot 0,25)$		10

3. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a) Mục tiêu: Rèn luyện kiến thức, kỹ năng đã học.

b) Tổ chức thực hiện

– **Bước 1:** Giao nhiệm vụ học tập

GV chia nhóm, HS thực hiện yêu cầu:

- Hãy lập sơ đồ dòng thời gian về sự kiện chính của thời kì lịch sử từ tháng 9 – 1945 đến tháng 12 – 1946.
- Hãy hoàn thành bảng thống kê các khó khăn của nước Việt Nam sau Cách mạng tháng Tám năm 1945, biện pháp giải quyết khó khăn của Chính phủ và kết quả đạt được theo mẫu dưới đây:

Khó khăn	Biện pháp của Chính phủ	Kết quả
?	?	?

– **Bước 2:** Thực hiện nhiệm vụ

HS thực hiện nhiệm vụ theo nhóm.

– **Bước 3:** Báo cáo, thảo luận

HS báo cáo sản phẩm.

Dự kiến sản phẩm

- GV hướng dẫn HS lập sơ đồ dòng thời gian về sự kiện chính của thời kì lịch sử từ tháng 9 – 1945 đến tháng 12 – 1946 (các mốc thời gian tiêu biểu như: 2 – 9 – 1945; 23 – 9 – 1945; 2 – 1946; 6 – 3 – 1945; 14 – 9 – 1946).
- GV hướng dẫn HS hoàn thành bảng thống kê các khó khăn của nước Việt Nam sau Cách mạng tháng Tám năm 1945, biện pháp giải quyết khó khăn của Chính phủ và kết quả đạt được theo mẫu dưới đây:

Khó khăn	Biện pháp của Chính phủ	Kết quả
Nạn đói	?	?
Nạn dốt	?	?
Tài chính	?	?
Ngoại xâm	?	?

– **Bước 4:** Kết luận, đánh giá

4. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a) Mục tiêu: (1), (3), (6), (7)

b) Tổ chức thực hiện

– **Bước 1:** Giao nhiệm vụ học tập

Qua câu nói của Bác Hồ: “Một dân tộc dốt là một dân tộc yếu”, em có suy nghĩ gì về vai trò của học sinh đối với công cuộc xây dựng đất nước hiện nay?

– **Bước 2:** Thực hiện nhiệm vụ

+ HS thực hiện theo nhóm hoặc cá nhân.

+ HS thực hiện tại nhà.

– **Bước 3:** Báo cáo, thảo luận

HS gửi sản phẩm đến GV.

Dự kiến sản phẩm

“Ngu dân” là một trong những chính sách thâm độc mà chế độ thực dân sử dụng để cai trị nhân dân Việt Nam. Hậu quả của chính sách này để lại sau hơn 80 năm đô hộ nước ta là hơn 95% người Việt Nam mù chữ.

Sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ có một ham muốn tột bậc là nước ta được hoàn toàn độc lập, dân ta được hoàn toàn tự do, đồng bào ta ai cũng có cơm ăn áo mặc, ai cũng được học hành, cho nên suốt đời Người đã phấn đấu không mệt mỏi cho sự tiến bộ của dân tộc Việt Nam.

Chủ tịch Hồ Chí Minh cho rằng: “Muốn giữ vững nền độc lập, muốn làm cho dân giàu, nước mạnh, mọi người Việt Nam phải hiểu biết quyền lợi của mình, bổn phận của mình, phải có kiến thức mới để có thể tham gia vào công cuộc xây dựng nước nhà và trước hết phải biết đọc, biết viết chữ Quốc ngữ”. Người chỉ rõ trong tình hình hơn 90% nhân dân mù chữ thì nhiệm vụ diệt giặc dốt cũng cấp thiết như diệt giặc đói, giặc ngoại xâm.

– Bản thân em có suy nghĩ gì về vai trò của học sinh đối với công cuộc xây dựng đất nước hiện nay?

– **Bước 4:** Kết luận, đánh giá

B. KẾ HOẠCH BÀI DẠY CÁCH 2: DỰA TRÊN MA TRẬN VÀ CHƯƠNG TRÌNH GDPT 2018

Hoạt động	Mục tiêu			Nội dung	Phương pháp hoặc Kỹ thuật dạy học	Công cụ đánh giá
	Năng lực chung	Năng lực lịch sử	Phẩm chất			
Hoạt động khởi động	Nhận biết được các yêu cầu cần đạt của bài học.			Yêu cầu cần đạt của bài học.	PPDH khám phá, trò chơi	Bài tập
Hoạt động hình thành kiến thức mới						
Hoạt động 1	1	3, 4, 6	7	Xây dựng và củng cố chính quyền, diệt giặc đói, giặc dốt và giải quyết khó khăn về tài chính	PPDH hợp tác KTDH sơ đồ tư duy	Bảng kiểm, Thang đo

Hoạt động	Mục tiêu			Nội dung	Phương pháp hoặc Kỹ thuật dạy học	Công cụ đánh giá
	Năng lực chung	Năng lực lịch sử	Phẩm chất			
Hoạt động 2	1, 2	3, 5, 6	8	Kháng chiến chống thực dân Pháp trở lại xâm lược Nam Bộ	PPDH nêu vấn đề	Bảng kiểm, thang đo
Hoạt động 3	1, 2	3, 5, 6	7, 8	Đấu tranh chống ngoại xâm, bảo vệ thành quả của Cách mạng tháng Tám năm 1945	PPDH nêu vấn đề	Bảng kiểm, thang đo
Hoạt động luyện tập	Rèn luyện kiến thức, kĩ năng đã học.			– Lập sơ đồ dòng thời gian về sự kiện chính của thời kì lịch sử từ tháng 9 – 1945 đến tháng 12 – 1946.	PPDH hợp tác	Bài tập và câu hỏi
				– Hoàn thành bảng thống kê các khó khăn của nước Việt Nam sau Cách mạng tháng Tám năm 1945, biện pháp giải quyết khó khăn của Chính phủ và kết quả đạt được theo mẫu.		
Hoạt động vận dụng	Sau khi tham gia hoạt động, HS sẽ vận dụng được kiến thức của nội dung bài học vào thực tiễn cuộc sống của bản thân trong quá trình xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.					

Bài 15.

NHỮNG NĂM ĐẦU VIỆT NAM KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP XÂM LƯỢC (1946 – 1950)

(DỰ KIẾN 2 TIẾT)

A. KẾ HOẠCH BÀI DẠY CÁCH 1:

I. MỤC TIÊU

Phẩm chất, năng lực	Yêu cầu cần đạt	Mã số
1. Năng lực chung		
Giao tiếp và hợp tác	Hiểu rõ nhiệm vụ của nhóm; đánh giá được khả năng của bản thân và tự nhận công việc phù hợp.	1
Giải quyết vấn đề, sáng tạo	Biết phát hiện và giải quyết vấn đề một cách sáng tạo, hoàn thành được nhiệm vụ hoạt động nhóm	2
2. Năng lực lịch sử		
Tìm hiểu lịch sử	Khai thác và sử dụng thông tin của một số tư liệu lịch sử (15.1, 15.2, 15.3, 15.4, 15.5, 15.6, 15.7, 15.8, 15.9, 15.10) và phần <i>Em có biết</i> để biết được nguyên nhân bùng nổ cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp xâm lược (1946); trình bày được đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược của Đảng; mô tả được những thắng lợi tiêu biểu của Việt Nam trên mặt trận quân sự trong những năm đầu của cuộc kháng chiến.	3
Nhận thức và tư duy lịch sử	Giải thích được nguyên nhân bùng nổ cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp xâm lược (1946).	4
	Nhận biết và giải thích được đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược của Đảng.	5
	Mô tả được những thắng lợi tiêu biểu của Việt Nam trên mặt trận quân sự trong những năm đầu của cuộc kháng chiến.	6
Vận dụng	HS vận dụng để sưu tầm, chọn lọc thêm những tư liệu khác, đặc biệt từ những người sống gần gũi với các em, dù họ không trực tiếp tham gia vào những sự kiện lịch sử xảy ra đã hơn nửa thế kỉ nhưng vẫn được nghe trực tiếp và giữ lại trong kí ức cộng đồng về những năm tháng đó. Từ việc xây dựng một hồ sơ tư liệu mới có liên quan đến giai đoạn đầu của cuộc kháng chiến chống Pháp, HS tạo ra một sản phẩm học tập mới (một bức thư gửi cho bạn) viết về sự kiện lịch sử có trong hồ sơ tư liệu của HS.	7
3. Phẩm chất		
Yêu nước	Sẵn sàng chiến đấu bảo vệ Tổ quốc	8

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- Máy tính, máy chiếu.
- Phiếu học tập (giấy A0), nam châm dán phiếu học tập, bút màu.
- SGK, SGV *Lịch sử và Địa lí 9* (phần Lịch sử) (Bộ sách *Chân trời sáng tạo*).
- Các bài hát *Đoàn Vệ quốc quân* (nhạc và lời: Phan Huỳnh Điểu, 1945), *Trường ca sông Lô* (nhạc và lời: Văn Cao, 1947).
- Các lược đồ về chiến dịch Việt Bắc thu – đông năm 1947 và Biên giới thu – đông năm 1950.
- Tranh vẽ, hình ảnh liên quan đến cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1946 – 1950).
- Một số tài liệu tham khảo: Lê Mậu Hãn (Chủ biên), *Lịch sử Việt Nam*, tập IV, NXB Đại học quốc gia Hà Nội, Hà Nội, 2017; Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam – Viện Sử học, *Lịch sử Việt Nam*, tập 10, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 2017;...

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a) Mục tiêu: Sau khi tham gia hoạt động, HS sẽ nhận biết được yêu cầu cần đạt của bài học.

b) Tổ chức thực hiện

– **Gợi ý 1:** GV để HS nghe trích đoạn của bài hát *Đoàn Vệ quốc quân* nhằm giúp HS nhớ lại những thành quả cách mạng của nhân dân Việt Nam giành được trong Cách mạng tháng Tám năm 1945, đồng thời kích thích sự tò mò, lòng khát khao mong muốn tìm hiểu những điều chưa biết ở nội dung bài học: *Bài hát “Đoàn Vệ quốc quân” được sáng tác vào thời điểm ngay sau khi nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà ra đời, giữa lúc cả dân tộc đang rùng rục khí thế đấu tranh chống lại sự tái chiếm của thực dân Pháp. Trong suốt giai đoạn từ năm 1945 – 1954, ca khúc đã trở thành lời thề của bao lớp thanh niên lên đường bảo vệ Tổ quốc. Giai đoạn này mặc dù không dài song lại là giai đoạn có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong kí ức cộng đồng về vẻ đẹp hào hùng, lãng mạn, mang đậm chất sử thi cách mạng. Vậy, thực tế giai đoạn lịch sử ấy diễn ra như thế nào, chúng ta cùng nhau tìm hiểu nội dung bài học.*

– **Gợi ý 2:** GV tổ chức trò chơi ghép hình, đuổi hình bắt chữ hoặc một số trò chơi để HS hứng thú tìm hiểu bài học.

– **Gợi ý 3:** GV sử dụng lời của nguyên Ủy viên Cộng hoà Pháp tại Bắc Đông Dương Giăng Xanh-tơ-ni (Jean Sainteny) trong hồi kí *Câu chuyện về một nền hoà bình bị bỏ lỡ (Histoire d’une paix manquée, Indochine 1945 – 1947)* gây hứng thú tìm hiểu bài học cho HS: *Sau trận Điện Biên Phủ (1954), nguyên Ủy viên Cộng hoà Pháp tại Bắc Đông Dương Giăng Xanh-tơ-ni đã nuối tiếc:*

“... Tầm hiểu biết sâu rộng, trí tuệ lỗi lạc của Chủ tịch Hồ Chí Minh khiến Người thu phục được hoàn toàn lòng dân. Đáng tiếc là nước Pháp đã không đánh giá được hết con người ấy, không hiểu được uy tín cũng như sức mạnh mà con người ấy đại diện nên đã để lại phía sau lịch sử một nền hoà bình bị bỏ lỡ”. Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 – 1954) của Việt Nam bắt đầu như thế nào? Đảng và Chính phủ đã đề ra đường lối gì để lãnh đạo Việt Nam chiến thắng? Bài học sẽ giúp chúng ta trả lời các câu hỏi và hiểu được ý nghĩa lịch sử, nguyên nhân thắng lợi của cuộc kháng chiến.

2. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

2.1. HOẠT ĐỘNG 1: KHÁNG CHIẾN TOÀN QUỐC BÙNG NỔ (NĂM 1946)

a) Mục tiêu: (1), (3), (4), (6), (7)

b) Tổ chức thực hiện

– Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập

GV cho HS dựa vào các tư liệu 15.1, 15.2, 15.3 và thông tin trong SGK kết hợp với các tư liệu dưới đây để hoàn thành các nhiệm vụ sau:

- + Trước ngày 19 – 12 – 1946, thực dân Pháp đã có những hành động gây chiến như thế nào? Trong Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã giải thích như thế nào về lí do nhân dân Việt Nam buộc phải kháng chiến?
- + Hãy nêu nội dung đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp của Đảng.
- + Hoàn thành phiếu học tập dưới đây.

PHIẾU HỌC TẬP		
Quân Pháp khiêu chiến	Chủ trương của Đảng	Ý nghĩa
?	?	?

Tư liệu 1.

“Sự thật đã chứng rằng: thực dân Pháp ngang nhiên khiêu hấn. Chúng định dùng võ lực bắt ta phải nhượng bộ. Nhưng không khi nào ta chịu. Tạm ước 14 – 9 là một bước nhân nhượng cuối cùng. Nhân nhượng nữa là phạm đến chủ quyền của nước, là hại quyền lợi cao trọng của dân tộc!”

(Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đảng toàn tập, tập 8, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, trang 148)

Tư liệu 2.

Trong hai ngày 18 và 19 – 12 – 1946, Hội nghị Ban Thường vụ Trung ương Đảng đã họp tại làng Vạn Phúc (Hà Đông) nhận định: âm mưu của thực dân Pháp mở rộng chiến tranh xâm lược Việt Nam đã chuyển sang một bước mới. Thời kì hoà hoãn đã qua. Chúng ta đã nhân nhượng để giữ hoà bình, nhưng ta càng nhân nhượng thì thực dân Pháp càng lấn tới. Nhân dân ta quyết không thể trở lại cuộc đời nô lệ một lần nữa. Cuộc kháng chiến sẽ lâu dài và gian khổ, song nhất định thắng lợi. Hội nghị quyết định phát động cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược trên quy mô cả nước, vạch ra những vấn đề cơ bản về đường lối kháng chiến. Chấp hành Nghị quyết của Hội nghị Ban Thường vụ Trung ương Đảng, chiều 19 – 12 – 1946, mật lệnh Tổng tiến công vào lúc 20 giờ ngày 19 – 12 được chuyển tới các chiến khu, đơn vị. Tiếp đó, đúng 8 giờ tối ngày 19 – 12 – 1946, Bộ trưởng Quốc phòng – Tổng Chỉ huy ra mật lệnh chiến đấu qua làn sóng điện của Đài Tiếng nói Việt Nam:

“Tổ quốc lâm nguy!

Giờ chiến đấu đã đến!

Theo Chỉ thị của Hồ Chủ tịch và Chính phủ, nhân danh Bộ trưởng Quốc phòng – Tổng Chỉ huy, tôi hạ lệnh cho toàn thể bộ đội Vệ quốc quân và dân quân tự vệ Trung – Nam – Bắc phải nhất tề đứng dậy, phải xông tới mặt trận giết giặc cứu nước.”

Cuộc kháng chiến toàn quốc bắt đầu.

(Theo Viện Lịch sử quân sự Việt Nam – Bộ Quốc phòng, Lịch sử cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 – 1954), tập 1, NXB Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1994)

– Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS khai thác, sử dụng tư liệu 15.1, 15.2, 15.3 và thông tin trong SGK kết hợp với các tư liệu đã cho để hoàn thành các nhiệm vụ.

– Bước 3: Báo cáo, thảo luận

HS báo cáo kết sản phẩm.

Dự kiến sản phẩm

+ Trước ngày 19 – 12 – 1946, thực dân Pháp đã có những hành động gây chiến: Tháng 12 – 1946, quân Pháp liên tục gây ra những vụ xung đột vũ trang ở Hà Nội. Ngày 18 – 12 – 1946, Pháp gửi tối hậu thư yêu cầu Chính phủ Việt Nam phải giải tán lực lượng tự vệ chiến đấu và giao quyền kiểm soát Thủ đô trong vòng 24 giờ. Trong *Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến*, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã giải thích về lí do nhân dân Việt Nam buộc phải kháng chiến như sau: “Chúng ta muốn hoà bình, chúng ta phải nhân nhượng. Nhưng chúng ta càng nhân nhượng, thực dân Pháp càng lấn tới, vì chúng quyết tâm cướp nước ta lần nữa! Không! Chúng ta thà hi sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ”.

Dự kiến sản phẩm

+ Nội dung đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp của Đảng: toàn dân (cuộc kháng chiến chống xâm lược, vì lợi ích toàn dân và phải do toàn dân tiến hành (mỗi người dân là một chiến sĩ, mỗi làng xã là một pháo đài); toàn diện (có liên hệ mật thiết với kháng chiến toàn dân. Pháp đánh ta về nhiều mặt nên ta phải đánh Pháp trên tất cả các mặt quân sự, chính trị, kinh tế, văn hoá, ngoại giao nhằm tạo ra sức mạnh tổng hợp. Mặt khác, ta vừa kháng chiến vừa kiến quốc, xây dựng chế độ dân chủ nhân dân nên phải kháng chiến toàn diện); trường kì (địch mạnh hơn ta về vật chất, vũ khí, không thể đánh bại một cách nhanh chóng; phải trường kì thì mới phát huy những thuận lợi, khắc phục những hạn chế của ta. Lực ta còn yếu, địch đang rất mạnh nên ta phải đánh lâu dài để tiêu hao sinh lực địch, phát triển dần lực lượng của ta, đến lúc nào ta mạnh hơn sẽ đánh bại kẻ thù); tự lực cánh sinh (vì đấu tranh bảo vệ độc lập của nước Việt Nam là công việc của người Việt Nam, chủ yếu dựa vào sức mạnh nhân dân, đồng thời tranh thủ sự viện trợ của quốc tế).

+ Hoàn thành phiếu học tập:

PHIẾU HỌC TẬP

Quân Pháp khiêu chiến	Chủ trương của Đảng	Ý nghĩa
Pháp gây chiến ở Nam Bộ, Nam Trung Bộ, Hải Phòng và Lạng Sơn; gây xung đột vũ trang ở Hà Nội.	Việt Nam chủ trương nhân nhượng nhưng vẫn sẵn sàng đối phó với khả năng chiến tranh. Ngày 12 – 12 – 1946, Ban Thường vụ Trung ương Đảng ra Chỉ thị <i>Toàn dân kháng chiến</i> .	– Thể hiện thiện chí của Chính phủ Việt Nam trong việc giải quyết mối quan hệ với Pháp. – Quân Pháp vi phạm nghiêm trọng chủ quyền của Việt Nam.
Ngày 18 – 12 – 1946, Pháp gửi tối hậu thư đòi giải tán lực lượng tự vệ của ta, nếu không, 20 – 12 – 1946, Pháp sẽ hành động.	20 giờ, ngày 19 – 12 – 1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh ra <i>Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến</i> , cuộc kháng chiến chống Pháp của toàn dân tộc chính thức bắt đầu.	Nhân dân ta quyết không nhượng bộ lợi ích tối cao của dân tộc, Đảng quyết định phát động kháng chiến.

– **Bước 4:** Kết luận, đánh giá

***Công cụ đánh giá:** thang đo

HS tự đánh giá: khoanh tròn mức độ đạt được khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

Tiêu chí	Mức độ đạt được
HS khai thác được các tư liệu về nguyên nhân bùng nổ cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp xâm lược (1946).	(1) (2) (3) (4) (5)
HS trình bày được nội dung đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp của Đảng.	

2.2. HOẠT ĐỘNG 2: NHỮNG THẮNG LỢI QUÂN SỰ TIÊU BIỂU TRONG NHỮNG NĂM ĐẦU TIÊN CỦA CUỘC KHÁNG CHIẾN (1946 – 1950)

a) Mục tiêu: (1), (2), (3), (6), (7), (8)

b) Tổ chức thực hiện

– Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập

GV cho HS dựa vào các tư liệu 15.4, 15.5, 15.6, 15.7, 15.8, 15.9, 15.10, phần *Em có biết*, phần *Nhân vật lịch sử* và thông tin trong SGK để hoàn thành các nhiệm vụ sau:

- + Hãy mô tả những thắng lợi tiêu biểu trong những năm đầu tiên của cuộc kháng chiến.
- + Những thắng lợi đầu tiên đó có ý nghĩa như thế nào đối với cuộc kháng chiến của nhân dân ta?

– Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS khai thác, sử dụng tư liệu 15.4, 15.5, 15.6, 15.7, 15.8, 15.9, 15.10, phần *Em có biết*, phần *Nhân vật lịch sử* và thông tin trong SGK để hoàn thành các nhiệm vụ.

– Bước 3: Báo cáo, thảo luận

HS báo cáo sản phẩm.

Dự kiến sản phẩm

- + Mô tả những thắng lợi tiêu biểu trong những năm đầu tiên của cuộc kháng chiến:
 - Cuộc chiến đấu ở các đô thị phía Bắc vĩ tuyến 16: mở đầu là cuộc chiến đấu ở Hà Nội diễn ra từ 20 giờ, ngày 19 – 12 – 1946. Sau hai tháng chiến đấu dũng cảm (với tinh thần “Quyết tử cho Tổ quốc quyết sinh”, tinh chính nghĩa và tinh nhân dân của cuộc chiến,...), Trung đoàn Thủ đô đã bảo vệ đầu não kháng chiến rút về căn cứ Việt Bắc an toàn (17 – 2 – 1947).
 - Chiến dịch Việt Bắc thu – đông năm 1947: tháng 10 – 1947, Cao uỷ Pháp ở Đông Dương là Ê. Bô-la-e (Émile Bollaert) thực hiện cuộc “hành quân kép” tấn công lên Việt Bắc nhằm nhanh chóng kết thúc chiến tranh. Pháp sử dụng quân dù, bộ binh và lính thủy đánh bộ bao vây và tấn công Việt Bắc. Sau những khó khăn đầu tiên, Đảng ra chỉ thị “Phải phá cuộc tấn công mùa đông của giặc Pháp”, quân ta phản công và giành thắng lợi lớn ở Đường số 3, Đường số 4 (đèo Bông Lau), sông Lô (Đoan Hùng, Khe Lau). Ngày 19 – 12 – 1946, Pháp phải rút khỏi Việt Bắc.
 - Chiến dịch Biên giới thu – đông năm 1950: bước sang năm 1950, cuộc kháng chiến của ta có thêm nhiều thuận lợi nhưng cũng phải đối mặt với những thách thức mới. Trong khi các nước xã hội chủ nghĩa lần lượt công nhận và đặt quan hệ ngoại giao với Việt Nam (tháng 1 – 1950), cuộc kháng chiến của nhân dân Việt Nam nhận được sự ủng hộ của nhân dân thế giới và nhân dân Pháp tiến bộ; lực lượng của Việt Nam đã phát triển về mọi mặt thì từ năm 1949, Mỹ đã can thiệp vào chiến tranh Đông Dương, giúp Pháp thực hiện kế hoạch Rơ-ve, bao vây cô lập Việt Bắc, chuẩn bị tấn công lên Việt Bắc lần thứ hai. Trong tình hình đó, tháng 6 – 1950, Đảng và Chính phủ đã chủ động mở chiến dịch Biên giới thu – đông nhằm tiêu diệt một bộ phận quân Pháp, khai thông biên giới Việt – Trung, củng cố và mở rộng căn cứ Việt Bắc, phát triển kháng chiến. Chủ tịch Hồ Chí Minh trực tiếp chỉ huy chiến dịch. Sáng 16 – 9 – 1950, quân đội Việt Nam tấn công cụm cứ điểm Đông Khê và giành thắng lợi, các cứ điểm của Pháp trên Đường số 4 rung chuyển: Thất Khê bị cô lập, Cao Bằng bị uy hiếp. Pháp tiến hành cuộc hành quân từ Cao Bằng xuống và từ Thất Khê lên để lấy lại Đông Khê. Mặt khác, quân Pháp đánh lên Thái Nguyên để thu hút quân chủ lực của ta ở biên giới. Quân đội Việt Nam mai phục, chặn đánh giải phóng Đường số 4, cuộc hành quân đánh lên Thái Nguyên của Pháp cũng bị ta đánh bại.

Dự kiến sản phẩm

+ Ý nghĩa của những thắng lợi đầu tiên đối với cuộc kháng chiến của nhân dân ta:

- Cuộc chiến ở các đô thị phía Bắc vĩ tuyến 16 đã làm tiêu hao một bộ phận sinh lực địch, giam chân chúng trong thành phố, chặn đứng kế hoạch “đánh nhanh, thắng nhanh”, tạo điều kiện cả nước bước vào cuộc kháng chiến lâu dài.
- Với chiến thắng Việt Bắc thu – đông năm 1947 đã đưa cuộc kháng chiến chuyển sang giai đoạn mới, buộc Pháp phải thay đổi chiến lược ở Đông Dương, chuyển từ “đánh nhanh, thắng nhanh” sang “đánh lâu dài” với Việt Nam.
- Với chiến thắng Biên giới thu – đông năm 1950 đã bảo vệ được căn cứ Việt Bắc, phá thế bao vây của Pháp, giải phóng tuyến biên giới với 35 vạn dân. Chiến thắng này đã đánh dấu bước phát triển mới của cuộc kháng chiến, quân đội Việt Nam giành được thế chủ động trên chiến trường chính (Bắc Bộ).

– **Bước 4:** Kết luận, đánh giá

***Công cụ đánh giá:** thang đo

HS tự đánh giá: khoanh tròn mức độ đạt được khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

Tiêu chí	Có hoặc Không
HS mô tả được cuộc chiến đấu ở các đô thị phía Bắc vĩ tuyến 16 đã chặn đứng kế hoạch “đánh nhanh, thắng nhanh” của quân Pháp.	?
HS sử dụng lược đồ để mô tả được những thắng lợi tiêu biểu trong những năm đầu tiên của cuộc kháng chiến (1946 – 1950).	?

3. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a) Mục tiêu: Rèn luyện kiến thức, kĩ năng đã học.

b) Tổ chức thực hiện

– **Bước 1:** Giao nhiệm vụ học tập

HS thực hiện các bài tập sau:

Hãy hoàn thành bảng thống kê các chiến thắng lớn về quân sự của Việt Nam trong giai đoạn đầu (1946 – 1950) của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp theo mẫu dưới đây:

Thời gian	Tên chiến thắng	Mục tiêu	Kết quả	Ý nghĩa
?	?	?	?	?

– **Bước 2:** Thực hiện nhiệm vụ

HS thực hiện nhiệm vụ học tập theo nhóm.

– **Bước 3:** Báo cáo, thảo luận

Các nhóm HS báo cáo sản phẩm.

Dự kiến sản phẩm

Thời gian	Tên chiến thắng	Mục tiêu	Kết quả	Ý nghĩa
1946	Ở các đô thị phía Bắc vĩ tuyến 16	Ngăn chặn bước tiến của quân Pháp.	Vượt qua vòng vây của quân Pháp, rút về chiến khu an toàn,...	Tạo điều kiện cả nước bước vào cuộc kháng chiến lâu dài.
1947	Việt Bắc thu – đông	Bẻ gãy hai gọng kìm tiến công của quân Pháp.	Đại bộ phận quân Pháp rút chạy khỏi Việt Bắc,...	Buộc quân Pháp phải chuyển từ “đánh nhanh, thắng nhanh” sang “đánh lâu dài”.
1950	Biên giới thu – đông	Tiêu diệt một bộ phận sinh lực địch, khai thông biên giới Việt – Trung,...	Căn cứ địa Việt Bắc được mở rộng, nối liền với Trung Quốc và các nước xã hội chủ nghĩa.	Đánh dấu bước phát triển mới của cuộc kháng chiến.

– **Bước 4:** Kết luận, đánh giá

***Công cụ đánh giá:** bài tập

4. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

***Ghi chú:** HS sẽ thực hiện hoạt động này tại nhà và gửi sản phẩm đến GV vào thời điểm thích hợp do GV xác định.

a) Mục tiêu: Sau khi tham gia hoạt động, HS vận dụng được kiến thức trong bài vào thực tiễn cuộc sống của bản thân trong quá trình xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

b) Tổ chức thực hiện

– **Bước 1:** Giao nhiệm vụ học tập

HS thực hiện bài tập sau:

Lịch sử hào hùng những ngày kháng chiến chống Pháp luôn có trong kí ức của cả dân tộc. Tìm hiểu thêm thông tin từ những người sống quanh em hoặc từ phương tiện thông tin đại chúng, hãy viết lại một sự kiện có liên quan đến kháng chiến chống Pháp giai đoạn từ năm 1946 đến năm 1950 dưới hình thức bức thư (khoảng 300 chữ) gửi cho bạn của em.

GV hướng dẫn HS sưu tập tư liệu để thực hiện (có liên hệ nhà văn hoá, Quận đoàn, Thành uỷ, Tỉnh uỷ, thư viện số,...).

– **Bước 2:** Thực hiện nhiệm vụ

HS thực hiện nhiệm vụ học tập cá nhân.

– **Bước 3:** Báo cáo, thảo luận

– **Bước 4:** Kết luận, đánh giá

***Công cụ đánh giá:** bài tập

B. KẾ HOẠCH BÀI DẠY CÁCH 2: DỰA TRÊN MA TRẬN VÀ CHƯƠNG TRÌNH GDPT 2018

Hoạt động	Mục tiêu			Nội dung	Phương pháp hoặc Kỹ thuật dạy học	Công cụ đánh giá
	Năng lực chung	Năng lực lịch sử	Phẩm chất			
Hoạt động khởi động	Nhận biết được các yêu cầu cần đạt của bài học.			Yêu cầu cần đạt của bài học.	PPDH khám phá, trò chơi	Bài tập
Hoạt động hình thành kiến thức mới						
Hoạt động 1	1	3, 4, 6, 7		Kháng chiến toàn quốc bùng nổ (năm 1946)	– PPDH hợp tác, nêu vấn đề – KTDH think, pair, share	Thang đo
Hoạt động 2	1, 2	3, 6, 7	8	Những thắng lợi quân sự tiêu biểu trong những năm đầu tiên của cuộc kháng chiến (1946 – 1950)	– PPDH nêu vấn đề, giải quyết vấn đề – KTDH nhóm và nhóm đôi	Thang đo
Hoạt động luyện tập	Rèn luyện kiến thức, kĩ năng đã học.			Thống kê các chiến thắng lớn về quân sự của Việt Nam trong giai đoạn đầu (1946 – 1950) của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp.	PPDH hợp tác	Bài tập
Hoạt động vận dụng	Sau khi tham gia hoạt động, HS vận dụng được kiến thức trong bài vào thực tiễn cuộc sống của bản thân trong quá trình xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.					

Bài 16.

CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP KẾT THÚC THẮNG LỢI (1951 – 1954)

(DỰ KIẾN 2 TIẾT)

A. KẾ HOẠCH BÀI DẠY CÁCH 1:

I. MỤC TIÊU

Phẩm chất, năng lực	Yêu cầu cần đạt	Mã số
1. Năng lực chung		
Tự chủ và tự học	Biết tự khai thác và tìm hiểu những tư liệu liên quan đến cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp giai đoạn 1951 – 1954.	1
Giải quyết vấn đề, sáng tạo	Biết phát hiện và giải quyết vấn đề một cách sáng tạo, hoàn thành được nhiệm vụ hoạt động nhóm	2
2. Năng lực lịch sử		
Tìm hiểu lịch sử	Khai thác và sử dụng thông tin của một số tư liệu lịch sử (16.1, 16.2, 16.3, 16.4, 16.5, 16.6, 16.7), phần <i>Nhân vật lịch sử</i> và phần <i>Em có biết</i> để mô tả được những thắng lợi tiêu biểu của Việt Nam trên các mặt trận quân sự, kinh tế, văn hoá, ngoại giao trong giai đoạn 1951 – 1954; nêu được ý nghĩa lịch sử, nguyên nhân thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 – 1954).	3
Nhận thức và tư duy lịch sử	Mô tả được những thắng lợi tiêu biểu của Việt Nam trên các mặt trận quân sự, kinh tế, văn hoá, ngoại giao trong giai đoạn 1951 – 1954.	4
	Nêu được ý nghĩa lịch sử, nguyên nhân thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 – 1954).	5
Vận dụng	Vận dụng kiến thức đã học về chiến dịch Điện Biên Phủ năm 1954 kết hợp quan sát tư liệu 16.6 để đóng vai một nhân vật được thể hiện trong bức tranh, sau đó viết một bức thư mô tả không khí ra trận của toàn dân trong chiến dịch này gửi đến thế hệ sau.	6
3. Phẩm chất		
Yêu nước	Sẵn sàng góp sức xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.	7

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- Máy tính, máy chiếu.
- Phiếu học tập (giấy A0), nam châm dán phiếu học tập, bút màu.
- SGK, SGV *Lịch sử và Địa lí 9* (phần Lịch sử) (Bộ sách *Chân trời sáng tạo*).
- Bài hát *Chiến thắng Điện Biên* (nhạc và lời: Đỗ Nhuận, 1954), phim tài liệu *Chiến thắng Điện Biên Phủ* (sản xuất năm 1964).
- Các lược đồ về hình thái chiến trường trên các mặt trận Đông – Xuân 1953 – 1954 và diễn biến chiến dịch Điện Biên Phủ năm 1954.
- Tranh vẽ, hình ảnh liên quan đến cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1951 – 1954).
- Một số tài liệu tham khảo: Lê Mậu Hãn (Chủ biên), *Lịch sử Việt Nam*, tập IV, NXB Đại học quốc gia Hà Nội, Hà Nội, 2017; Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam – Viện Sử học, *Lịch sử Việt Nam*, tập 11, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 2017;...

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a) Mục tiêu: Sau khi tham gia hoạt động, HS sẽ nhận biết được yêu cầu cần đạt của bài học.

b) Tổ chức thực hiện

- **Gợi ý 1:** GV dùng phần *Dẫn nhập* trong SGK để dẫn dắt HS vào bài học.
- **Gợi ý 2:** GV tiến hành tổ chức trò chơi ghép hình, giải ô chữ hoặc “Đuổi hình bắt chữ” về một số anh hùng thời kháng chiến chống thực dân Pháp để HS có hứng thú khi tìm hiểu bài học:

Trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 – 1954), để gìn giữ nền độc lập, biết bao thanh niên đã ra đi chiến đấu với lí tưởng cao đẹp đó, máu lửa ở phía trước nhưng không mấy ai chùn bước. Lẫn giở từng trang sử hào hùng của dân tộc, ta không khỏi tự hào xen lẫn niềm tiếc thương cho những người con của Tổ quốc đã nằm xuống để tô thắm màu cờ.

2. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

2.1. HOẠT ĐỘNG 1: KHÁNG CHIẾN “TOÀN DIỆN”: NHỮNG THẮNG LỢI TRÊN MẶT TRẬN CHÍNH TRỊ, KINH TẾ, VĂN HOÁ, GIÁO DỤC

a) Mục tiêu: (1), (2), (3), (4)

b) Tổ chức thực hiện

– **Bước 1:** Giao nhiệm vụ học tập

GV cho HS dựa vào tư liệu 16.1, phần *Nhân vật lịch sử*, phần *Em có biết* và thông tin trong SGK để hoàn thành các nhiệm vụ sau:

- + Hãy vẽ sơ đồ tư duy về những thắng lợi trên mặt trận chính trị, kinh tế, văn hoá, giáo dục của Việt Nam trong giai đoạn 1951 – 1953.
- + Hãy lí giải quan điểm: Tầm vóc vĩ đại của cuộc kháng chiến toàn dân đã tạo nền tảng cho một thời kì nở rộ của văn chương và nghệ thuật.

– **Bước 2:** Thực hiện nhiệm vụ

HS khai thác, sử dụng tư liệu 15.1, 15.2, 15.3 và thông tin trong SGK kết hợp với các tư liệu đã cho để hoàn thành các nhiệm vụ.

– **Bước 3:** Báo cáo, thảo luận

Dự kiến sản phẩm

+ Sơ đồ tư duy về những thắng lợi trên mặt trận chính trị, kinh tế, văn hoá, giáo dục của Việt Nam trong giai đoạn 1951 – 1953.

Văn hoá – giáo dục: Từ tháng 7 – 1950, Chính phủ tiến hành cải cách giáo dục phổ thông, thay hệ thống giáo dục 12 năm bằng hệ thống giáo dục 9 năm, theo hướng “phục vụ kháng chiến kiến quốc”. Đến năm 1954, số học sinh tiểu học tăng 130%, học sinh trung học tăng 300%...

Chính trị: Tháng 2 – 1951, Đại hội II của Đảng Cộng sản Đông Dương họp, quyết định đưa Đảng ra hoạt động công khai với tên là Đảng Lao động Việt Nam. Năm 1952, Đại hội Chiến sĩ thi đua toàn quốc lần I đã tổng kết, biểu dương thành tích của phong trào thi đua yêu nước,...

Kinh tế: Tháng 12 – 1953, Quốc hội Việt Nam thông qua *Lệnh cải cách ruộng đất*. Đến tháng 7 – 1954, chính quyền cách mạng đã thực hiện 5 đợt giảm tô và 1 đợt cải cách ruộng đất ở một số xã thuộc vùng tự do.

+ Lí giải quan điểm:

Nền văn chương và nghệ thuật Việt Nam kế thừa di sản văn hoá dân tộc, trên con đường cách mạng đã có những chuyển biến sâu sắc về chất, phát triển phong phú, mạnh mẽ, sâu rộng, in đậm tinh thần thời đại. Cảm hứng chủ đạo của thời kì này là niềm tự hào về đất nước, quê hương, về truyền thống dân tộc, ca ngợi lòng yêu nước, ý chí bất khuất, tự lực, tự cường; tinh thần đoàn kết, dũng cảm, thông minh, sáng tạo và hào sảng của người dân. Nhiều tác giả trở thành những chiến sĩ trên mặt trận tư tưởng, văn hoá với ý chí quyết tâm phục vụ kháng chiến, nhân dân. Các tác phẩm văn học, nghệ thuật luôn bám sát hiện thực và nhiệm vụ cách mạng; phản ánh sinh động thực tiễn đấu tranh; kịp thời động viên, cổ vũ toàn dân, toàn quân thi đua tăng gia sản xuất, lập nhiều chiến công, xây dựng đời sống văn hoá mới. Tiêu biểu như tượng *Chân dung Bác Hồ* (1946) của nữ điêu khắc Nguyễn Thị Kim; *Trường ca sông Lô* (1947), bài hát *Tiến về Hà Nội* (1949) của nhạc sĩ Văn Cao; truyện ngắn *Đôi mắt* (1948) của nhà văn Nam Cao; bức tranh *Bữa trên đồi* (1953) của họa sĩ Tô Ngọc Vân; bài hát *Hồ kéo pháo* (1954) của nhạc sĩ Hoàng Vân;... Cuộc kháng chiến toàn dân đã tạo nên những thành tựu kì diệu về văn học – nghệ thuật trong thời kháng chiến chống Pháp (1945 – 1954), tạo điều kiện cho thời kì nở rộ của văn chương và nghệ thuật cách mạng với nhiều tác phẩm đỉnh cao sống mãi với thời gian.

– **Bước 4:** Kết luận, đánh giá

***Công cụ đánh giá:** bảng kiểm và thang đo

Tiêu chí	Có hoặc Không
Đáp ứng các yêu cầu về kĩ thuật vẽ sơ đồ tư duy (màu sắc, phân nhánh,...).	?
Lựa chọn và sắp xếp đúng thông tin từ SGK đối với từng lĩnh vực.	?
Các thông tin được trình bày súc tích, ngắn gọn.	?

Tiêu chí	Mức độ đạt được
HS chọn lọc được tư liệu, khai thác được thông tin về công cuộc xây dựng và phát triển kháng chiến toàn dân, toàn diện trong những năm 1951 – 1953.	(1) (2) (3) (4) (5)

2.2. HOẠT ĐỘNG 2: CUỘC TIẾN CÔNG CHIẾN LƯỢC ĐÔNG – XUÂN 1953 – 1954 VÀ CHIẾN DỊCH LỊCH SỬ ĐIỆN BIÊN PHỦ NĂM 1954

a) Mục tiêu: (1), (2), (3), (4), (7)

b) Tổ chức thực hiện

– **Bước 1:** Giao nhiệm vụ học tập

GV cho HS dựa vào các tư liệu 16.2, 16.3, 16.4 và thông tin trong SGK để hoàn thành các nhiệm vụ sau:

- + Hãy mô tả chiến thắng của quân dân Việt Nam trong cuộc Tiến công chiến lược Đông – Xuân 1953 – 1954 và chiến dịch lịch sử Điện Biên Phủ năm 1954.
- + Hãy cho biết lí do Điện Biên Phủ trở thành điểm quyết chiến chiến lược của thực dân Pháp trong chiến tranh Đông Dương.

– **Bước 2:** Thực hiện nhiệm vụ

HS khai thác, sử dụng tư liệu 16.2, 16.3, 16.4 và thông tin trong SGK để hoàn thành các nhiệm vụ.

– **Bước 3:** Báo cáo, thảo luận

HS báo cáo sản phẩm.

Dự kiến sản phẩm

+ Mô tả chiến thắng trong:

- Cuộc Tiến công chiến lược Đông – Xuân 1953 – 1954: Chủ trương của Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng về kế hoạch quân sự trong đông – xuân 1953 – 1954 vào cuối tháng 9 – 1953: “tập trung lực lượng mở các cuộc tiến công vào những hướng quan trọng về chiến lược mà địch tương đối yếu, nhằm tiêu diệt một bộ phận sinh lực địch, giải phóng đất đai, đồng thời buộc chúng phải bị động phân tán lực lượng mà tạo ra cho ta những điều kiện thuận lợi mới để tiêu diệt thêm từng bộ phận sinh lực của chúng”. Thực hiện kế hoạch trên, Quân đội nhân dân Việt Nam mở một loạt các chiến dịch trên khắp các chiến trường Đông Dương như: Lai Châu (10 – 12 – 1953), Trung Lào (đầu tháng 12 – 1953), Thượng Lào (cuối tháng 1 – 1954), Bắc Tây Nguyên (đầu tháng 2 – 1954). Phối hợp với mặt trận chính, ở vùng sau lưng địch phong trào chiến tranh du kích phát triển mạnh. Thắng lợi trong đông – xuân 1953 – 1954 đã chuẩn bị về vật chất và tinh thần cho quân và dân ta mở cuộc tiến công quyết định vào Điện Biên Phủ.

Dự kiến sản phẩm

- Chiến dịch lịch sử Điện Biên Phủ năm 1954: Đầu tháng 12 – 1953, Bộ Chính trị Trung ương Đảng họp, thông qua kế hoạch tác chiến của Bộ Tổng tư lệnh và quyết định mở chiến dịch Điện Biên Phủ. Mục tiêu là tiêu diệt lực lượng quân Pháp ở đây, giải phóng vùng Tây Bắc, tạo điều kiện giải phóng Bắc Lào. Đầu tháng 3 – 1954, công tác chuẩn bị mọi mặt đã hoàn tất. Ngày 13 – 3 – 1954, quân đội Việt Nam nổ súng tấn công tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ. Chiến dịch chính thức bắt đầu và diễn ra trong 3 đợt (đợt 1: từ ngày 13 – 3 đến ngày 17 – 3 – 1954, đợt 2: từ ngày 30 – 3 đến ngày 26 – 4 – 1954, đợt 3: từ ngày 1 – 5 đến ngày 7 – 5 – 1954). 17 giờ 30 phút, ngày 7 – 5 – 1954, tướng Đờ Ca-xtơ-ri cùng toàn bộ Ban Tham mưu của quân Pháp đầu hàng và bị bắt sống. Các chiến trường toàn quốc đã phối hợp chặt chẽ nhằm phân tán, tiêu hao, kìm chân địch, tạo điều kiện cho Điện Biên Phủ giành thắng lợi.

+ Lí do: đầu tháng 12 – 1953, Bộ Chính trị Trung ương Đảng quyết định mở chiến dịch Điện Biên Phủ vì đây là một tập đoàn cứ điểm mạnh nhưng có điểm yếu là dễ bị cô lập, mọi việc tiếp tế đều phải dựa vào đường hàng không. Với những kinh nghiệm sẵn có và sự tiến bộ về trang bị kĩ thuật, Việt Nam có thể khắc phục khó khăn, bao vây, chia cắt và tiêu diệt tập đoàn cứ điểm. Đại tướng Võ Nguyên Giáp được cử làm Tư lệnh kiêm Bí thư Đảng uỷ chiến dịch. Quyết định chọn cứ điểm mạnh nhất của địch – Điện Biên Phủ để đánh trận quyết chiến chiến lược là một chủ trương kiên quyết, táo bạo, kịp thời, sáng tạo và đầy quyết tâm của lãnh đạo kháng chiến. Lúc đầu, Bộ Tư lệnh chủ trương “đánh nhanh, thắng nhanh”. Nhưng sau khi trực tiếp quan sát cách thức bố phòng tập đoàn cứ điểm, Đại tướng Võ Nguyên Giáp đã quyết định chuyển sang “đánh chắc, tiến chắc”, bố trí lại pháo binh, tổ chức phương thức chiến đấu phù hợp với trình độ tác chiến của bộ đội Việt Nam nhằm giảm thiểu thương vong. Chiến thắng Điện Biên Phủ đã đập tan kế hoạch Na-va, giáng đòn quyết định vào ý chí xâm lược của Pháp, làm xoay chuyển cục diện chiến tranh ở Đông Dương, tạo điều kiện thuận lợi cho cuộc đấu tranh ngoại giao của Việt Nam ở Giơ-ne-vơ. Thất bại của thực dân Pháp và can thiệp Mỹ cũng đánh dấu sự sụp đổ của chủ nghĩa thực dân cũ, cổ vũ mạnh mẽ phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới.

– **Bước 4:** Kết luận, đánh giá

* **Công cụ đánh giá:** bảng kiểm và thang đo

Tiêu chí	Có hoặc Không
HS nêu được chủ trương đối phó của Đảng nhằm từng bước phá vỡ kế hoạch Na-va.	?
HS sử dụng lược đồ mô tả được diễn biến cuộc Tiến công chiến lược Đông – Xuân 1953 – 1954 và chiến dịch lịch sử Điện Biên Phủ năm 1954.	?

Tiêu chí	Mức độ đạt được				
HS nêu được lí do Điện Biên Phủ trở thành điểm quyết chiến chiến lược của thực dân Pháp trong chiến tranh Đông Dương.	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)

2.3. HOẠT ĐỘNG 3: CHIẾN THẮNG TRÊN MẶT TRẬN NGOẠI GIAO

a) Mục tiêu: (1), (2), (4), (6), (7)

b) Tổ chức thực hiện

– **Bước 1:** Giao nhiệm vụ học tập

GV cho HS dựa vào tư liệu 16.5 và thông tin trong SGK để hoàn thành nhiệm vụ sau: Hãy cho biết thắng lợi quan trọng nhất trên mặt trận ngoại giao của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà ở Hội nghị Giơ-ne-vơ.

– **Bước 2:** Thực hiện nhiệm vụ

HS khai thác, sử dụng tư liệu 16.5 và thông tin trong SGK để hoàn thành nhiệm vụ.

– **Bước 3:** Báo cáo, thảo luận

HS báo cáo sản phẩm.

Dự kiến sản phẩm

Hiệp định Giơ-ne-vơ về Đông Dương năm 1954 là văn bản pháp lí quốc tế ghi nhận các quyền dân tộc cơ bản của nhân dân các nước Đông Dương là: độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ. Thắng lợi lớn nhất: một hiệp định quốc tế ghi nhận các quyền dân tộc cơ bản của nhân dân các nước Đông Dương; miền Bắc được giải phóng, tạo điều kiện đấu tranh thống nhất nước nhà. Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của Việt Nam thắng lợi nhưng chưa trọn vẹn vì Hiệp định không phản ánh hết thắng lợi của ta trên chiến trường, chỉ mới giải phóng được miền Bắc, miền Nam phải tiếp tục đấu tranh, hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, tiến tới thống nhất nước nhà.

– **Bước 4:** Kết luận, đánh giá

***Công cụ đánh giá:** bảng kiểm

Tiêu chí	Có hoặc Không
HS nêu được thắng lợi quan trọng nhất trên mặt trận ngoại giao của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà ở Hội nghị Giơ-ne-vơ.	?

2.4. HOẠT ĐỘNG 4: NGUYÊN NHÂN THẮNG LỢI VÀ Ý NGHĨA LỊCH SỬ CỦA CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP

a) Mục tiêu: (1), (2), (5), (6), (7)

b) Tổ chức thực hiện

– **Bước 1:** Giao nhiệm vụ học tập

GV cho HS dựa vào các tư liệu 16.6, 16.7, phần *Nhân vật lịch sử*, phần *Em có biết* và thông tin trong SGK để hoàn thành nhiệm vụ sau: Hãy cho biết nguyên nhân cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của nhân dân Việt Nam thắng lợi. Thắng lợi đó có ý nghĩa lịch sử như thế nào?

– **Bước 2:** Thực hiện nhiệm vụ

HS khai thác, sử dụng tư liệu 16.6, 16.7, phần *Nhân vật lịch sử*, phần *Em có biết* và thông tin trong SGK để hoàn thành nhiệm vụ.

– **Bước 3:** Báo cáo, thảo luận

HS báo cáo sản phẩm.

Dự kiến sản phẩm

+ Nguyên nhân thắng lợi:



+ Ý nghĩa lịch sử:

Đối với Việt Nam	Đối với thế giới
– Chấm dứt ách thống trị thực dân của Pháp trong gần một thế kỷ; – Miền Bắc được giải phóng, chuyển sang giai đoạn cách mạng xã hội chủ nghĩa, tạo cơ sở để nhân dân giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất Tổ quốc.	– Giáng đòn nặng nề vào tham vọng xâm lược, âm mưu nô dịch của chủ nghĩa đế quốc sau Chiến tranh thế giới thứ hai; – Góp phần làm tan rã hệ thống thuộc địa; – Cổ vũ mạnh mẽ phong trào giải phóng dân tộc ở châu Á, châu Phi và khu vực Mỹ La-tinh.

– **Bước 4:** Kết luận, đánh giá

***Công cụ đánh giá:** bảng kiểm

Tiêu chí	Có hoặc Không
HS lí giải được nguyên nhân cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của nhân dân Việt Nam thắng lợi.	?
HS nêu được ý nghĩa lịch sử của thắng lợi đó.	?

3. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a) Mục tiêu: Rèn luyện kiến thức, kĩ năng đã học.

– **Bước 1:** Giao nhiệm vụ học tập

HS thực hiện các bài tập sau:

1. Năm 1953, Pháp và Mỹ thực hiện kế hoạch Na-va nhằm mục tiêu gì? Đảng và Chính phủ Việt Nam đã chủ động đối phó như thế nào? Kết quả?

2. Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1946 – 1954) của nhân dân Việt Nam kết thúc với những thắng lợi nào? Hãy lập sơ đồ tư duy về những thắng lợi ấy và nêu ý nghĩa.

– **Bước 2:** Thực hiện nhiệm vụ

HS thực hiện nhiệm vụ học tập theo nhóm.

– **Bước 3:** Báo cáo, thảo luận

Các nhóm HS báo cáo sản phẩm.

Dự kiến sản phẩm

+ Câu 1. GV hướng dẫn HS trả lời câu hỏi về mục tiêu của việc Pháp và Mỹ thực hiện kế hoạch Na-va (1953); sự chủ động đối phó của Đảng, Chính phủ Việt Nam trước mục tiêu đó và kết quả.

+ Câu 2. GV hướng dẫn HS trả lời câu hỏi trên cơ sở kiến thức tiếp nhận từ bài học và lập sơ đồ tư duy về hai chiến thắng lớn trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 – 1954): chiến thắng quân sự (chiến dịch Điện Biên Phủ năm 1954) và chiến thắng ngoại giao (*Hiệp định Giơ-ne-vơ về Đông Dương* năm 1954).

– **Bước 4:** Kết luận, đánh giá

***Công cụ đánh giá:** bài tập

4. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

***Ghi chú:** HS sẽ thực hiện hoạt động này tại nhà và gửi sản phẩm đến GV vào thời điểm thích hợp do GV xác định.

a) Mục tiêu: Sau khi tham gia hoạt động, HS vận dụng được kiến thức trong bài vào thực tiễn cuộc sống của bản thân trong quá trình xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

b) Tổ chức thực hiện

– **Bước 1:** Giao nhiệm vụ học tập

HS thực hiện bài tập sau:

Dựa vào thông tin trong bài kết hợp quan sát tư liệu 16.6, hãy đóng vai một nhân vật được thể hiện trong bức tranh, sau đó viết một bức thư mô tả không khí ra trận của toàn dân trong chiến dịch Điện Biên Phủ gửi đến thế hệ sau.

GV hướng dẫn HS thực hiện ở nhà trên cơ sở tiếp thu bài học và sự sáng tạo của bản thân.

– **Bước 2:** Thực hiện nhiệm vụ

HS thực hiện nhiệm vụ học tập cá nhân.

– **Bước 3:** Báo cáo, thảo luận

– **Bước 4:** Kết luận, đánh giá

***Công cụ đánh giá:** bài tập

B. KẾ HOẠCH BÀI DẠY CÁCH 2: DỰA TRÊN MA TRẬN VÀ CHƯƠNG TRÌNH GDPT 2018

Hoạt động	Mục tiêu			Nội dung	Phương pháp hoặc Kỹ thuật dạy học	Công cụ đánh giá
	Năng lực chung	Năng lực lịch sử	Phẩm chất			
Hoạt động khởi động	Nhận biết được các yêu cầu cần đạt của bài học.			Yêu cầu cần đạt của bài học.	PPDH khám phá, trò chơi	Bài tập
Hoạt động hình thành kiến thức mới						
Hoạt động 1	1, 2	3, 4		Kháng chiến “toàn diện”: những thắng lợi trên mặt trận chính trị, kinh tế, văn hoá, giáo dục	– PPDH hợp tác, nêu vấn đề – KTDH think, pair, share	Bảng kiểm và thang đo
Hoạt động 2	1, 2	3, 4	7	Cuộc tiến công chiến lược Đông – Xuân 1953 – 1954 và chiến dịch lịch sử Điện Biên Phủ năm 1954	– PPDH nêu vấn đề, giải quyết vấn đề – KTDH nhóm và nhóm đôi	Bảng kiểm và thang đo
Hoạt động 3	1, 2	4, 6	7	Chiến thắng trên mặt trận ngoại giao	PPDH nêu vấn đề	Bảng kiểm
Hoạt động 4	1, 2	5, 6	7	Nguyên nhân thắng lợi và ý nghĩa lịch sử của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp	PPDH nêu vấn đề	Bảng kiểm
Hoạt động luyện tập	Rèn luyện kiến thức, kỹ năng đã học.			Mục tiêu của kế hoạch Na-va và sự chủ động đối phó của Đảng và Chính phủ.	PPDH hợp tác	Bài tập
				Những thắng lợi kết thúc cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1946 – 1954) của nhân dân Việt Nam.		
Hoạt động vận dụng	Sau khi tham gia hoạt động, HS vận dụng được kiến thức trong bài vào thực tiễn cuộc sống của bản thân trong quá trình xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.					

A. KẾ HOẠCH BÀI DẠY CÁCH 1:

I. MỤC TIÊU

Phẩm chất, năng lực	Yêu cầu cần đạt	Mã số
1. Năng lực chung		
Giao tiếp và hợp tác	Hiểu rõ nhiệm vụ của nhóm; đánh giá được khả năng của bản thân và tự nhận công việc phù hợp.	1
Năng lực thực hành	Năng lực khai thác kênh hình; năng lực hợp tác, tổng hợp, liên hệ, xâu chuỗi các sự kiện lịch sử, phân tích, đánh giá.	2
2. Năng lực lịch sử		
Tìm hiểu lịch sử	Khai thác và sử dụng thông tin của một số tư liệu lịch sử (17.1, 17.2, 17.3, 17.4, 17.5, 17.6, 17.7, 17.8, 17.9, 17.10, 17.11, 17.12, 17.13, 17.14), phần Em có biết để nhận thức được những thành tựu tiêu biểu trong công cuộc xây dựng miền Bắc xã hội chủ nghĩa; mô tả được các thắng lợi tiêu biểu về quân sự của nhân dân miền Nam trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước giai đoạn 1954 – 1965 (phong trào Đồng khởi; đánh bại chiến lược “Chiến tranh đặc biệt”).	3
Nhận thức và tư duy lịch sử	Giới thiệu được những thành tựu tiêu biểu trong công cuộc xây dựng miền Bắc xã hội chủ nghĩa (hoàn thành cải cách ruộng đất, khôi phục và phát triển kinh tế, chi viện cho cách mạng miền Nam).	4
	Mô tả được các thắng lợi tiêu biểu về quân sự của nhân dân miền Nam trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước giai đoạn 1954 – 1965 (phong trào Đồng khởi; đánh bại chiến lược “Chiến tranh đặc biệt”).	5
Vận dụng	Vận dụng kiến thức đã học để sưu tầm được tư liệu về cuộc đấu tranh thống nhất đất nước diễn ra ở khu vực vĩ tuyến 17 (cầu Hiền Lương – sông Bến Hải); trên cơ sở đó, viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) với chủ đề: “Khát vọng thống nhất non sông”.	6
3. Phẩm chất		
Yêu nước	Thể hiện tinh thần yêu nước, chia sẻ khát vọng thống nhất non sông của nhân dân Việt Nam trong giai đoạn 1954 – 1975.	7

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- Máy tính, máy chiếu.
- Phiếu học tập (giấy A0), nam châm dán phiếu học tập, bút màu.
- SGK, SGV *Lịch sử và Địa lí 9* (phần Lịch sử) (Bộ sách *Chân trời sáng tạo*).
- Các phim tài liệu *Đồng khởi Bến Tre* (sản xuất năm 2020), *Việt Nam 1963 – Ai sẽ thắng ai?* (sản xuất năm 2023); bài hát *Dáng đứng Bến Tre* (nhạc và lời: Nguyễn Văn Tý, 1980).
- Lược đồ về phong trào Đồng khởi (1959 – 1960) ở miền Nam.
- Tranh vẽ, hình ảnh liên quan đến cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước giai đoạn 1954 – 1965.
- Một số tài liệu tham khảo: Lê Mậu Hãn (Chủ biên), *Lịch sử Việt Nam*, tập IV, NXB Đại học quốc gia Hà Nội, Hà Nội, 2017; Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam – Viện Sử học, *Lịch sử Việt Nam*, tập 12, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 2017;...

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

- a) Mục tiêu:** Sau khi tham gia hoạt động, HS sẽ nhận biết được yêu cầu cần đạt của bài học.
- **Gợi ý 1:** GV dùng phần *Dẫn nhập* trong SGK để dẫn dắt HS vào bài học.
 - **Gợi ý 2:** GV tiến hành tổ chức trò chơi ghép hình, giải ô chữ,... có nội dung liên quan đến lịch sử Việt Nam trong giai đoạn 1954 – 1965 để tạo hứng thú cho HS.

2. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

2.1. HOẠT ĐỘNG 1: NHỮNG THÀNH TỰU TIÊU BIỂU TRONG CÔNG CUỘC XÂY DỰNG MIỀN BẮC XÃ HỘI CHỦ NGHĨA (1954 – 1965)

a) Mục tiêu: (1), (2), (3), (4)

b) Tổ chức thực hiện

– **Bước 1:** Giao nhiệm vụ học tập

GV cho HS dựa vào tư liệu 17.2, 17.4, 17.5, 17.6, 17.7, phần *Em có biết* và thông tin trong SGK để hoàn thành nhiệm vụ sau: Hãy nêu những thành tựu tiêu biểu trong công cuộc xây dựng miền Bắc xã hội chủ nghĩa giai đoạn 1954 – 1965.

– **Bước 2:** Thực hiện nhiệm vụ

HS khai thác, sử dụng tư liệu 17.2, 17.4, 17.5, 17.6, 17.7, phần *Em có biết* và thông tin trong SGK để hoàn thành nhiệm vụ.

– **Bước 3:** Báo cáo, thảo luận

HS báo cáo sản phẩm.

Dự kiến sản phẩm

+ Cải cách ruộng đất và phục hồi nền kinh tế sau chiến tranh (1954 – 1957): Thực hiện chủ trương “người cày có ruộng”, từ năm 1954 đến năm 1956, miền Bắc hoàn thành 4 đợt cải cách ruộng đất và 6 đợt giảm tô ở 22 tỉnh đồng bằng và trung du. Kết quả chung của cải cách ruộng đất là đã xoá bỏ chế độ chiếm hữu ruộng đất của địa chủ; tịch thu, trưng thu, trưng mua khoảng 81 vạn ha ruộng đất, 10 vạn trâu bò, 1,8 triệu nông cụ lao động từ tay địa chủ chia cho 2 triệu hộ nông dân miền Bắc. Sau cải cách, bộ mặt nông thôn miền Bắc có nhiều thay đổi, nạn đói cơ bản được giải quyết, khẩu hiệu “người cày có ruộng” bước đầu thành hiện thực.

+ Bước đầu phát triển kinh tế – xã hội (1958 – 1960): Cuối năm 1960, miền Bắc đã bước đầu phát triển kinh tế – xã hội, đảm bảo điều kiện vật chất, tinh thần cho nhân dân và phục vụ chiến đấu. Nhiều công trình quan trọng cho nền kinh tế quốc dân bắt đầu được xây dựng. Những tiến bộ về kinh tế đã tạo điều kiện cho văn hoá, giáo dục, y tế phát triển, trong đó giáo dục đạt được những bước tiến nhảy vọt. Nhà nước cũng thống nhất tiền tệ, thị trường giá cả, bãi bỏ các thứ thuế vô lí, phát triển mậu dịch quốc doanh và hợp tác xã mua bán, giúp ổn định thị trường và hạn chế đầu cơ tích trữ.

+ Miền Bắc xây dựng bước đầu cơ sở vật chất – kĩ thuật của chủ nghĩa xã hội và chi viện cho miền Nam (1961 – 1965):

Tháng 9 – 1960, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng đã đề ra nhiệm vụ chiến lược của cách mạng cả nước và nhiệm vụ của cách mạng từng miền; thông qua kế hoạch *Báo cáo chính trị, Báo cáo sửa đổi Điều lệ Đảng* và kế hoạch Nhà nước 5 năm lần thứ nhất (1961 – 1965) ở miền Bắc.

Miền Bắc: đẩy mạnh cách mạng xã hội chủ nghĩa; có vai trò quyết định nhất đối với sự phát triển của cách mạng cả nước.

Miền Nam: đẩy mạnh cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, thực hiện thống nhất nước nhà; có vai trò quyết định trực tiếp đối với sự nghiệp giải phóng miền Nam.

– Bước đầu xây dựng cơ sở vật chất – kĩ thuật của chủ nghĩa xã hội (1958 – 1960).

– Thực hiện xuất sắc nghĩa vụ hậu phương, chi viện cho miền Nam (1961 – 1965): Vì miền Nam “mỗi người làm việc bằng hai”, đảm bảo chi viện đầy đủ sức người, sức của cho tiền tuyến.

Kinh tế

Các ngành cơ khí, đóng tàu, sản xuất điện, gang thép tăng cao; công nghiệp nhẹ đáp ứng 80% nhu cầu tiêu dùng; 90% hộ nông thôn vào hợp tác xã, năng suất đạt 5 tấn thóc/ha.

Giao thông

Khôi phục hệ thống đường bộ, đường sắt, đường sông, đường hàng không được củng cố. Năm 1959, bắt đầu mở đường Trường Sơn.

Giáo dục, y tế

Hệ thống giáo dục phổ thông, các trường đại học và trung học chuyên nghiệp phát triển. Y tế miễn phí với hơn 6 000 bệnh viện và trạm xá.

– **Bước 4:** Kết luận, đánh giá

***Công cụ đánh giá:** thang đo

Tiêu chí	Mức độ đạt được				
HS khai thác được tư liệu và thông tin về những thành tựu tiêu biểu trong công cuộc xây dựng miền Bắc xã hội chủ nghĩa giai đoạn 1954 – 1965.	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)

2.2. HOẠT ĐỘNG 2: CÁC THẮNG LỢI QUÂN SỰ TIÊU BIỂU CỦA QUÂN DÂN MIỀN NAM GIAI ĐOẠN 1954 – 1965

a) Mục tiêu: (1), (2), (3), (5), (7)

b) Tổ chức thực hiện

– **Bước 1:** Giao nhiệm vụ học tập

GV cho HS dựa vào các tư liệu 17.9, 17.10, 17.11, 17.12, 17.13, 17.14, phần *Em có biết* và thông tin trong SGK để hoàn thành các nhiệm vụ sau:

- + Hãy mô tả lại phong trào Đồng khởi ở Bến Tre (lực lượng tham gia, mục đích, kết quả).
- + Hãy cho biết quân dân miền Nam từng bước đánh bại chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” của Mỹ ở miền Nam như thế nào.

– **Bước 2:** Thực hiện nhiệm vụ

HS khai thác, sử dụng tư liệu 17.9, 17.10, 17.11, 17.12, 17.13, 17.14, phần *Em có biết* và thông tin trong SGK để hoàn thành các nhiệm vụ.

– **Bước 3:** Báo cáo, thảo luận

HS báo cáo sản phẩm.

Dự kiến sản phẩm

+ Phong trào Đồng khởi (1959 – 1960): về lực lượng tham gia: nhân dân 3 xã thuộc huyện Mỏ Cày, tỉnh Bến Tre với “Đội quân tóc dài” làm nòng cốt; về mục đích: nổi dậy đánh đồn bốt, phá thế kìm kẹp; về kết quả: làm chủ nhiều xã, ấp, lập Ủy ban nhân dân tự quản và lực lượng vũ trang nhân dân, ... Từ Bến Tre, phong trào lan rộng khắp miền Nam, giải phóng một vùng rộng lớn, liên hoàn.

+ Quân dân miền Nam từng bước đánh bại chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” của Mỹ ở miền Nam: đẩy mạnh đấu tranh chính trị ở thành thị và nông thôn, kết hợp với phong trào phá “ấp chiến lược” và mở các trận phản công chống địch càn quét; giành thắng lợi vang dội ở Ấp Bắc (Mỹ Tho) vào ngày 2 – 1 – 1963 (bước đầu đánh bại chiến thuật “trục thẳng vận” và “thiết xa vận”), chứng minh quân dân miền Nam có khả năng đánh bại chiến lược “Chiến tranh đặc biệt”; giành được những thắng lợi quân sự liên tiếp ở Bình Giã (Bà Rịa) cuối năm 1964, ở An Lão (Bình Định) và Ba Gia (Quảng Ngãi) vào năm 1965; cuộc đấu tranh của nhân dân ở các đô thị; hoà thượng Thích Quảng Đức tự thiêu (6 – 1963), các cuộc biểu tình của hàng chục vạn nhân dân thuộc nhiều tầng lớp trong xã hội vào tháng 6 và tháng 7 – 1963.

– **Bước 4:** Kết luận, đánh giá

***Công cụ đánh giá:** bảng kiểm và thang đo

Tiêu chí	Có hoặc Không
HS mô tả được lực lượng tham gia, mục đích, kết quả của phong trào Đồng khởi.	?

Tiêu chí	Mức độ đạt được				
HS nêu được quân dân miền Nam từng bước đánh bại chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” của Mỹ ở miền Nam như thế nào.	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)

3. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a) Mục tiêu: Rèn luyện kiến thức, kỹ năng đã học.

– **Bước 1:** Giao nhiệm vụ học tập

HS thực hiện các bài tập sau:

1. Hãy vẽ sơ đồ tư duy về những thành tựu tiêu biểu trong công cuộc xây dựng miền Bắc xã hội chủ nghĩa giai đoạn 1954 – 1965.

2. Theo em, thắng lợi tiêu biểu nào về quân sự của quân dân miền Nam giai đoạn 1960 – 1965 có ý nghĩa quyết định làm phá sản chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” của Mỹ?

– **Bước 2:** Thực hiện nhiệm vụ

HS thực hiện nhiệm vụ học tập theo nhóm.

– **Bước 3:** Báo cáo, thảo luận

Các nhóm HS báo cáo sản phẩm.

Dự kiến sản phẩm

- + Câu 1. Dựa vào phần “Dự kiến sản phẩm” ở Hoạt động 1 để thực hiện nhiệm vụ.
- + Câu 2. Chiến thắng Ấp Bắc (2 – 1 – 1963). GV hướng dẫn HS khai thác thông tin từ tư liệu 17.10, phần *Em có biết* nhắc lại đặc điểm và phương tiện triển khai của chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” để nhận thức về tầm quan trọng có tính quyết định của chiến thắng Ấp Bắc đối với cục diện quân sự.

– **Bước 4:** Kết luận, đánh giá

***Công cụ đánh giá:** bài tập

4. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

***Ghi chú:** HS sẽ thực hiện hoạt động này tại nhà và gửi sản phẩm đến GV vào thời điểm thích hợp do GV xác định.

a) Mục tiêu: Sau khi tham gia hoạt động, HS vận dụng được kiến thức trong bài vào thực tiễn cuộc sống của bản thân trong quá trình xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

b) Tổ chức thực hiện

– **Bước 1:** Giao nhiệm vụ học tập

HS thực hiện bài tập sau:

Hãy sưu tầm tư liệu về cuộc đấu tranh thống nhất đất nước diễn ra ở khu vực vĩ tuyến 17 (cầu Hiền Lương – sông Bến Hải). Sau đó, viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) với chủ đề: “Khát vọng thống nhất non sông”.

GV hướng dẫn HS sưu tầm tư liệu, sau đó, hướng dẫn HS viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) trên cơ sở tư liệu thu thập được để cảm nhận về chủ đề: “Khát vọng thống nhất non sông”.

– **Bước 2:** Thực hiện nhiệm vụ

HS thực hiện nhiệm vụ học tập cá nhân.

– **Bước 3:** Báo cáo, thảo luận

– **Bước 4:** Kết luận, đánh giá

***Công cụ đánh giá:** bài tập

B. KẾ HOẠCH BÀI DẠY CÁCH 2: DỰA TRÊN MA TRẬN VÀ CHƯƠNG TRÌNH GDPT 2018

Hoạt động	Mục tiêu			Nội dung	Phương pháp hoặc Kỹ thuật dạy học	Công cụ đánh giá
	Năng lực chung	Năng lực lịch sử	Phẩm chất			
Hoạt động khởi động	Nhận biết được các yêu cầu cần đạt của bài học.			Yêu cầu cần đạt của bài học.	PPDH khám phá, trò chơi	Bài tập
Hoạt động hình thành kiến thức mới						
Hoạt động 1	1, 2	3, 4		Những thành tựu tiêu biểu trong công cuộc xây dựng miền Bắc xã hội chủ nghĩa (1954 – 1965)	– PPDH hợp tác, nêu vấn đề – KTDH think, pair, share	Thang đo
Hoạt động 2	1, 2	3, 5	7	Các thắng lợi quân sự tiêu biểu của quân dân miền Nam giai đoạn 1954 – 1965	– PPDH nêu vấn đề, giải quyết vấn đề – KTDH nhóm và nhóm đôi	Bảng kiểm và thang đo

Hoạt động	Mục tiêu			Nội dung	Phương pháp hoặc Kỹ thuật dạy học	Công cụ đánh giá
	Năng lực chung	Năng lực lịch sử	Phẩm chất			
Hoạt động luyện tập	Rèn luyện kiến thức, kĩ năng đã học.			Sơ đồ tư duy về những thành tựu tiêu biểu trong công cuộc xây dựng miền Bắc xã hội chủ nghĩa giai đoạn 1954 – 1965.	PPDH hợp tác	Bài tập
				Thắng lợi tiêu biểu về quân sự của quân dân miền Nam giai đoạn 1960 – 1965 có ý nghĩa quyết định làm phá sản chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” của Mỹ.		
Hoạt động vận dụng	Sau khi tham gia hoạt động, HS vận dụng được kiến thức trong bài vào thực tiễn cuộc sống của bản thân trong quá trình xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.					

A. KẾ HOẠCH BÀI DẠY CÁCH 1:

I. MỤC TIÊU

Phẩm chất, năng lực	Yêu cầu cần đạt	Mã số
1. Năng lực chung		
Giao tiếp và hợp tác	Hiểu rõ nhiệm vụ của nhóm; đánh giá được khả năng của bản thân và tự nhận công việc phù hợp.	1
Năng lực thực hành	Năng lực khai thác kênh hình; năng lực hợp tác, tổng hợp, liên hệ, xâu chuỗi các sự kiện lịch sử, phân tích, đánh giá.	2
2. Năng lực lịch sử		
Tìm hiểu lịch sử	Khai thác và sử dụng thông tin của một số tư liệu lịch sử (từ 18.1 đến 18.25) và phần <i>Em có biết</i> để mô tả được những thắng lợi tiêu biểu về quân sự của nhân dân miền Nam trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước giai đoạn 1965 – 1975; nêu được những thành tựu tiêu biểu trong công cuộc xây dựng miền Bắc xã hội chủ nghĩa (chi viện cho cách mạng miền Nam, chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ,...) và nguyên nhân thắng lợi, ý nghĩa lịch sử của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.	3
Nhận thức và tư duy lịch sử	Mô tả được các thắng lợi tiêu biểu về quân sự của nhân dân miền Nam trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước giai đoạn 1965 – 1975 (đánh bại các chiến lược “Chiến tranh cục bộ” và “Việt Nam hoá chiến tranh” của Mỹ; Tổng tiến công nổi dậy năm 1968, 1972; Chiến dịch Hồ Chí Minh năm 1975,...).	4
	Giới thiệu được những thành tựu tiêu biểu trong công cuộc xây dựng miền Bắc xã hội chủ nghĩa (chi viện cho cách mạng miền Nam, chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ,...).	5
	Nêu được nguyên nhân thắng lợi và ý nghĩa lịch sử của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.	6
Vận dụng	Vận dụng kiến thức đã học về Chiến dịch Hồ Chí Minh năm 1975 kết hợp đọc tư liệu 18.17 và hình ảnh phần <i>Vận dụng</i> để nêu được những chi tiết trong bức ảnh tư liệu tương đồng với mô tả của báo <i>Go-đi-ân</i> (Anh) về ngày 30 – 4 – 1975 ở Sài Gòn; viết được một đoạn văn ngắn (khoảng 200 chữ) về chiến thắng lịch sử 30 – 4 – 1975 với chủ đề: “Giá trị của hoà bình trong chiến thắng quân sự ngày 30 – 4 – 1975 tại Sài Gòn”.	7
3. Phẩm chất		
Yêu nước	Thể hiện tinh thần yêu nước, chia sẻ khát vọng thống nhất non sông của nhân dân Việt Nam trong giai đoạn 1954 – 1975.	8

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- Máy tính, máy chiếu.
- Phiếu học tập (giấy A0), nam châm dán phiếu học tập, bút màu.
- SGK, SGV *Lịch sử và Địa lí 9* (phần Lịch sử) (Bộ sách *Chân trời sáng tạo*).
- Phim tài liệu *Việt Nam 1972* – Tập 1: Năm quyết định (sản xuất năm 2022), bài hát *Như có Bác trong ngày đại thắng* (nhạc và lời: Phạm Tuyên, 1975).
- Các lược đồ về trận Vạn Tường (Quảng Ngãi, tháng 8 – 1965), về đường bay chính của máy bay B52 xâm lược miền Bắc trong 12 ngày đêm ở Hà Nội và diễn biến cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975.
- Tranh vẽ, hình ảnh liên quan đến cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước giai đoạn 1965 – 1975.
- Một số tài liệu tham khảo: Lê Mậu Hãn (Chủ biên), *Lịch sử Việt Nam*, tập IV, NXB Đại học quốc gia Hà Nội, Hà Nội, 2017; Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam – Viện Sử học, *Lịch sử Việt Nam*, tập 13, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 2017;...

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

- a) Mục tiêu:** Sau khi tham gia hoạt động, HS sẽ nhận biết được yêu cầu cần đạt của bài học.
- **Gợi ý 1:** GV dùng phần *Dẫn nhập* trong SGK để dẫn dắt HS vào bài học.
- **Gợi ý 2:** GV tiến hành tổ chức trò chơi ghép hình, giải ô chữ,... có nội dung liên quan đến lịch sử Việt Nam trong giai đoạn 1965 – 1975 để tạo hứng thú cho HS.

2. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

2.1. HOẠT ĐỘNG 1: NHỮNG THẮNG LỢI QUÂN SỰ TIÊU BIỂU CỦA NHÂN DÂN VIỆT NAM TRONG KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ (1965 – 1973)

- a) Mục tiêu:** (1), (2), (3), (4)
- b) Tổ chức thực hiện**
 - **Bước 1:** Giao nhiệm vụ học tập
GV cho HS dựa vào các tư liệu 18.4, 18.5, 18.6, 18.7, phần *Em có biết* và thông tin trong SGK để hoàn thành các nhiệm vụ sau:
 - + Hãy trình bày những thắng lợi tiêu biểu của quân dân miền Nam trong cuộc kháng chiến chống Mỹ giai đoạn 1965 – 1973.
 - + Hãy cho biết những thắng lợi đó đã làm thay đổi cuộc chiến tranh của Mỹ tại Việt Nam như thế nào.
 - **Bước 2:** Thực hiện nhiệm vụ
HS khai thác, sử dụng tư liệu 18.4, 18.5, 18.6, 18.7, phần *Em có biết* và thông tin trong SGK để hoàn thành các nhiệm vụ.
 - **Bước 3:** Báo cáo, thảo luận
HS báo cáo sản phẩm.

Dự kiến sản phẩm

+ Những thắng lợi tiêu biểu của quân dân miền Nam trong cuộc kháng chiến chống Mỹ giai đoạn 1965 – 1973:

- Giai đoạn 1965 – 1968: mở đầu là các thắng lợi ở Núi Thành (Quảng Nam) vào tháng 5 – 1968 và trận Vạn Tường (Quảng Ngãi) vào tháng 8 – 1968. Sau trận Vạn Tường, mở đầu cao trào “Tim Mỹ mà đánh, lòng nguy mà diệt” trên khắp miền Nam và khả năng đánh thắng quân Mỹ trong chiến lược “Chiến tranh cục bộ” của quân dân miền Nam tiếp tục được chứng minh bằng những thắng lợi trong hai mùa khô 1965 – 1966 và 1966 – 1967. Trận quyết chiến chiến lược: Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân 1968.
- Giai đoạn 1969 – 1973: từ tháng 4 đến tháng 6 – 1970, quân đội Việt Nam phối hợp với lực lượng vũ trang Cam-pu-chia giải phóng năm tỉnh Đông Bắc Cam-pu-chia; đồng thời, từ tháng 2 đến tháng 3 – 1971, liên quân Việt – Lào phối hợp cùng nhân dân đập tan cuộc hành quân mang tên “Lam Sơn – 719”, buộc quân Mỹ và quân đội Sài Gòn phải rút chạy khỏi Đường 9 – Nam Lào. Năm 1972, Bộ Chính trị quyết định mở cuộc tấn công chiến lược vào Quảng Trị, lấy Quảng Trị làm hướng tiến công chủ yếu rồi phát triển rộng khắp chiến trường miền Nam. Từ tháng 3 đến tháng 6 – 1972, quân Giải phóng chọc thủng ba phòng tuyến mạnh nhất của quân đội Sài Gòn là Quảng Trị, Tây Nguyên và Đông Nam Bộ.

+ Ý nghĩa của những thắng lợi:

- Giai đoạn 1965 – 1968: các cuộc tiến công và nổi dậy trong năm 1968 đã làm lung lay ý chí xâm lược của quân Mỹ, đặc biệt là cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân 1968 đã buộc Mỹ phải tuyên bố “phi Mỹ hoá” chiến tranh xâm lược, chấm dứt không điều kiện chiến tranh phá hoại miền Bắc, chấp nhận đến đàm phán ở Pa-ri để bàn về chấm dứt chiến tranh ở Việt Nam.
- Giai đoạn 1969 – 1973: Cuộc Tiến công chiến lược năm 1972 đã làm xoay chuyển cục diện chiến trường, giáng một đòn nặng nề vào chiến lược “Việt Nam hoá chiến tranh”, buộc Mỹ phải tuyên bố “Mỹ hoá” trở lại chiến tranh xâm lược.

– **Bước 4:** Kết luận, đánh giá

***Công cụ đánh giá:** thang đo

Tiêu chí	Mức độ đạt được				
HS khai thác được tư liệu và thông tin về những thắng lợi tiêu biểu của quân dân miền Nam trong cuộc kháng chiến chống Mỹ giai đoạn 1965 – 1973.	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
HS nêu được những thắng lợi đó đã làm thay đổi cuộc chiến tranh của Mỹ tại Việt Nam như thế nào.					

2.2. HOẠT ĐỘNG 2: MIỀN BẮC VỪA CHIẾN ĐẤU CHỐNG CHIẾN TRANH PHÁ HOẠI, VỪA SẢN XUẤT VÀ LÀM NGHĨA VỤ HẬU PHƯƠNG (1965 – 1973)

a) Mục tiêu: (1), (2), (3), (5), (8)

b) Tổ chức thực hiện

– **Bước 1:** Giao nhiệm vụ học tập

GV cho HS dựa vào các tư liệu 18.11, 18.12, 18.13, 18.14 và thông tin trong SGK để hoàn thành các nhiệm vụ sau:

- + Hãy cho biết nhân dân miền Bắc đã giành được thắng lợi trong hai cuộc chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ như thế nào.
- + Hãy trình bày vai trò hậu phương lớn của miền Bắc đối với miền Nam.

– **Bước 2:** Thực hiện nhiệm vụ

HS khai thác, sử dụng tư liệu 18.11, 18.12, 18.13, 18.14 và thông tin trong SGK để hoàn thành các nhiệm vụ.

– **Bước 3:** Báo cáo, thảo luận

HS báo cáo sản phẩm.

Dự kiến sản phẩm

+ Những thắng lợi tiêu biểu của quân dân miền Bắc trong hai cuộc chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ (1965 – 1973):

- Chiến tranh phá hoại lần thứ nhất (từ tháng 2 – 1965 đến tháng 11 – 1968): với tinh thần “Không có gì quý hơn độc lập tự do”, quân dân miền Bắc chuyển mọi hoạt động sang thời chiến, quân sự hoá toàn dân, đắp công sự, đào hầm, sơ tán,... vừa chiến đấu, đảm bảo sản xuất và đời sống, vừa tích cực chi viện cho miền Nam “mỗi người làm việc bằng hai”; Vì tiền tuyến kêu gọi, hậu phương sẵn sàng đáp lại: “Thóc không thiếu một cân, quân không thiếu một người”. Kết quả là: Quân dân miền Bắc bắn rơi và bắn cháy 3 243 máy bay (trong đó có 6 máy bay B52 và 3 máy bay F111), diệt và bắt sống hàng nghìn phi công Mỹ, bắn chìm và bắn bị thương 143 tàu chiến và tàu biệt kích. Ngày 1 – 11 – 1968, Mỹ phải tuyên bố ngừng ném bom bắn phá miền Bắc.
- Chiến tranh phá hoại lần thứ hai (từ tháng 4 – 1972 đến tháng 1 – 1973): quân chủng Phòng không – Không quân đã gấp rút chuẩn bị, sẵn sàng chủ động đánh “pháo đài bay B52” của Mỹ. Từ ngày 18 đến ngày 29 – 12 – 1972, quân dân miền Bắc đã mưu trí sáng tạo đánh bại cuộc tập kích chiến lược bằng máy bay B52 của Mỹ vào Hà Nội, Hải Phòng, lập nên kì tích “Điện Biên Phủ trên không”, buộc Mỹ phải kí *Hiệp định Pa-ri về chấm dứt chiến tranh, lập lại hoà bình ở Việt Nam* (27 – 1 – 1973). Kết quả là: quân dân miền Bắc bắn rơi 735 máy bay Mỹ (trong đó có 61 máy bay B52, 10 máy bay F111); bắn chìm và bắn bị thương 125 tàu chiến, tàu biệt kích; diệt và bắt hàng trăm phi công Mỹ. Riêng trận “Điện Biên Phủ trên không”, quân dân ta đã bắn rơi 81 máy bay Mỹ (trong đó có 34 máy bay B52, 5 máy bay F111), bắt sống 44 phi công Mỹ, bắn chìm và bắn hỏng 9 tàu chiến.

Dự kiến sản phẩm

+ Vai trò hậu phương lớn của miền Bắc đối với miền Nam: trong thời kì chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ, miền Bắc vừa sản xuất vừa là chỗ dựa vững chắc về vật chất và tinh thần cho đồng bào, chiến sĩ miền Nam. Giai đoạn cuối của cuộc kháng chiến chống Mỹ, miền Bắc dồn sức chi viện cho chiến trường “một ngày bằng 20 năm”. Sự chi viện của miền Bắc không chỉ đảm bảo nhu cầu vật chất – kĩ thuật cho cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975, mà còn chuẩn bị xây dựng và tiếp quản vùng giải phóng sau khi chiến tranh kết thúc.

– **Bước 4:** Kết luận, đánh giá

***Công cụ đánh giá:** thang đo

Tiêu chí	Mức độ đạt được				
HS khai thác được tư liệu và thông tin về việc nhân dân miền Bắc đã giành được thắng lợi trong hai cuộc chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ.	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
HS nêu được vai trò hậu phương lớn của miền Bắc đối với miền Nam.					

2.3. HOẠT ĐỘNG 3: HOÀN THÀNH GIẢI PHÓNG MIỀN NAM, THỐNG NHẤT ĐẤT NƯỚC (1973 – 1975)

a) Mục tiêu: (1), (2), (3), (4), (8)

b) Tổ chức thực hiện

– **Bước 1:** Giao nhiệm vụ học tập

GV cho HS dựa vào các tư liệu 18.16, 18.17, 18.18, 18.19 và thông tin trong SGK để hoàn thành các nhiệm vụ sau:

+ Hãy trình bày nét chính về cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975.

+ Hãy bày tỏ quan điểm về nhận định “Sài Gòn đầu hàng với tiếng thở phào nhẹ nhõm” và giải thích.

– **Bước 2:** Thực hiện nhiệm vụ

HS khai thác, sử dụng tư liệu 18.16, 18.17, 18.18, 18.19 và thông tin trong SGK để hoàn thành các nhiệm vụ.

– **Bước 3:** Báo cáo, thảo luận

HS báo cáo sản phẩm.

Dự kiến sản phẩm

+ Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975 diễn ra từ ngày 4 – 3 đến ngày 2 – 5 – 1975 với 3 chiến dịch lớn là chiến dịch Tây Nguyên, chiến dịch Huế – Đà Nẵng và Chiến dịch Hồ Chí Minh (HS dựa lược đồ 18.16 và thông tin trong SGK để nắm được diễn biến chi tiết).

+ Quan điểm và giải thích: GV hướng dẫn HS so sánh giữa nội dung được mô tả bằng lời của báo *Go-đi-ân* về tình hình Sài Gòn ngày 30 – 4 – 1975 với thông tin phản ánh từ hình ảnh xe tăng quân Giải phóng và người dân Sài Gòn ngay khoảng sân trước Dinh Độc Lập để đưa ra quan điểm đồng ý hoặc không đồng ý. GV khuyến khích HS thảo luận để nêu các lí lẽ đồng ý hoặc không đồng ý với nhận định của tờ báo.

– **Bước 4:** Kết luận, đánh giá

***Công cụ đánh giá:** thang đo

Tiêu chí	Mức độ đạt được
HS khai thác được tư liệu và thông tin về nét chính về cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975.	(1) (2) (3) (4) (5)
HS nêu được quan điểm về nhận định “Sài Gòn đầu hàng với tiếng thở phào nhẹ nhõm” và giải thích.	

2.4. HOẠT ĐỘNG 4: NGUYÊN NHÂN THẮNG LỢI VÀ Ý NGHĨA LỊCH SỬ CỦA CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ, CỨU NƯỚC (1954 – 1975)

a) Mục tiêu: (1), (2), (3), (6), (8)

b) Tổ chức thực hiện

– **Bước 1:** Giao nhiệm vụ học tập

GV cho HS dựa vào các tư liệu 18.20, 18.21, 18.22, 18.23, 18.24, 18.25 và thông tin trong SGK để hoàn thành các nhiệm vụ sau:

- + Hãy trình bày nguyên nhân thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.
- + Hãy cho biết thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân Việt Nam có ý nghĩa quan trọng như thế nào đối với lịch sử dân tộc và thế giới.

– **Bước 2:** Thực hiện nhiệm vụ

HS khai thác, sử dụng tư liệu 18.20, 18.21, 18.22, 18.23, 18.24, 18.25 và thông tin trong SGK để hoàn thành các nhiệm vụ.

– **Bước 3:** Báo cáo, thảo luận

HS báo cáo sản phẩm.

Dự kiến sản phẩm

+ Nguyên nhân thắng lợi: sự lãnh đạo của Đảng với đường lối chính trị, quân sự độc lập, tự chủ; nhân dân Việt Nam yêu nước, dũng cảm, thông minh; hậu phương miền Bắc đáp ứng các yêu cầu của cuộc chiến và sự ủng hộ của các nước xã hội chủ nghĩa và nhân dân yêu chuộng hoà bình trên thế giới.

+ Ý nghĩa lịch sử: nhân dân Việt Nam đã kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, hoàn thành sự nghiệp giải phóng dân tộc, thu non sông về một mối, mở ra một kỉ nguyên mới cho lịch sử dân tộc – kỉ nguyên đất nước độc lập, thống nhất, đi lên chủ nghĩa xã hội; thắng lợi của Việt Nam trong cuộc kháng chiến chống Mỹ tác động mạnh đến tình hình nước Mỹ và thế giới, cổ vũ phong trào giải phóng dân tộc, các cuộc đấu tranh vì hoà bình, dân chủ và tiến bộ trên thế giới.

– **Bước 4:** Kết luận, đánh giá

***Công cụ đánh giá:** thang đo

Tiêu chí	Mức độ đạt được				
HS khai thác được tư liệu và thông tin về nguyên nhân thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.	(1) (2) (3) (4) (5)				
HS nêu được thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân Việt Nam có ý nghĩa quan trọng như thế nào đối với lịch sử dân tộc và thế giới.					

3. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a) Mục tiêu: Rèn luyện kiến thức, kỹ năng đã học.

– **Bước 1:** Giao nhiệm vụ học tập

HS thực hiện bài tập sau:

Hãy lập bảng hệ thống những thắng lợi tiêu biểu của quân dân hai miền Nam – Bắc trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1965 – 1975).

– **Bước 2:** Thực hiện nhiệm vụ

HS thực hiện nhiệm vụ học tập theo nhóm.

– **Bước 3:** Báo cáo, thảo luận

Các nhóm HS báo cáo sản phẩm.

Dự kiến sản phẩm

Bảng hệ thống cần chú ý “những thắng lợi tiêu biểu” bao gồm thắng lợi trên các phương diện quân sự, ngoại giao và hoạt động sản xuất, chi viện của miền Bắc cho miền Nam.

– **Bước 4:** Kết luận, đánh giá

***Công cụ đánh giá:** bài tập

4. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

***Ghi chú:** HS sẽ thực hiện hoạt động này tại nhà và gửi sản phẩm đến GV vào thời điểm thích hợp do GV xác định.

a) Mục tiêu: Sau khi tham gia hoạt động, HS vận dụng được kiến thức trong bài vào thực tiễn cuộc sống của bản thân trong quá trình xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

b) Tổ chức thực hiện

– **Bước 1:** Giao nhiệm vụ học tập

HS thực hiện bài tập sau:

Dựa vào kiến thức đã học trong bài, đọc tư liệu 18.17 và quan sát bức ảnh lịch sử bên cạnh, hãy:

+ Nêu những chi tiết trong bức ảnh tư liệu tương đồng với mô tả của báo Go-đi-ân (Anh) về ngày 30 – 4 – 1975 ở Sài Gòn.

+ *Viết một đoạn văn ngắn (khoảng 200 chữ) về chiến thắng lịch sử 30 – 4 – 1975 với chủ đề: “Giá trị của hoà bình trong chiến thắng quân sự ngày 30 – 4 – 1975 tại Sài Gòn”.*

GV hướng dẫn HS quan sát, giải mã bức tranh dựa vào kiến thức đã học, tìm hiểu thêm tư liệu do GV cung cấp và HS tự sưu tập để viết một đoạn văn ngắn về chiến thắng lịch sử 30 – 4 – 1975 với chủ đề: “Giá trị của hoà bình trong chiến thắng quân sự ngày 30 – 4 – 1975 tại Sài Gòn”.

– **Bước 2:** Thực hiện nhiệm vụ

HS thực hiện nhiệm vụ học tập cá nhân.

– **Bước 3:** Báo cáo, thảo luận

– **Bước 4:** Kết luận, đánh giá

***Công cụ đánh giá:** bài tập

B. KẾ HOẠCH BÀI DẠY CÁCH 2: DỰA TRÊN MA TRẬN VÀ CHƯƠNG TRÌNH GDPT 2018

Hoạt động	Mục tiêu			Nội dung	Phương pháp hoặc Kỹ thuật dạy học	Công cụ đánh giá
	Năng lực chung	Năng lực lịch sử	Phẩm chất			
Hoạt động khởi động	Nhận biết được các yêu cầu cần đạt của bài học.			Yêu cầu cần đạt của bài học.	PPDH khám phá, trò chơi	Bài tập
Hoạt động hình thành kiến thức mới						
Hoạt động 1	1, 2	3, 4		Những thắng lợi quân sự tiêu biểu của nhân dân Việt Nam trong kháng chiến chống Mỹ (1965 – 1973)	PPDH hợp tác	Thang đo
Hoạt động 2	1, 2	3, 5	8	Miền Bắc vừa chiến đấu chống chiến tranh phá hoại, vừa sản xuất và làm nghĩa vụ hậu phương (1965 – 1973)	PPDH giải quyết vấn đề	Thang đo
Hoạt động 3	1, 2	3, 4	8	Hoàn thành giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước (1973 – 1975)	PPDH hợp tác	Thang đo

Hoạt động	Mục tiêu			Nội dung	Phương pháp hoặc Kỹ thuật dạy học	Công cụ đánh giá
	Năng lực chung	Năng lực lịch sử	Phẩm chất			
Hoạt động 4	1, 2	3, 6	8	Nguyên nhân thắng lợi và ý nghĩa lịch sử của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 – 1975)	PPDH giải quyết vấn đề	Thang đo
Hoạt động luyện tập	Rèn luyện kiến thức, kĩ năng đã học.			Bảng hệ thống những thắng lợi tiêu biểu của quân dân hai miền Nam – Bắc trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1965 – 1975).	PPDH hợp tác	Bài tập
Hoạt động vận dụng	Sau khi tham gia hoạt động, HS vận dụng được kiến thức trong bài vào thực tiễn cuộc sống của bản thân trong quá trình xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.					

Bài 19.

VIỆT NAM TỪ NĂM 1976 ĐẾN NĂM 1991

(DỰ KIẾN 2 TIẾT)

A. KẾ HOẠCH BÀI DẠY CÁCH 1:

I. MỤC TIÊU

Phẩm chất, năng lực	Yêu cầu cần đạt	Mã số
1. Năng lực chung		
Giao tiếp và hợp tác	Hiểu rõ nhiệm vụ của nhóm; đánh giá được khả năng của bản thân và tự nhận công việc phù hợp.	1
2. Năng lực lịch sử		
Tìm hiểu lịch sử	Khai thác và sử dụng thông tin của một số tư liệu lịch sử (19.1, 19.2, 19.3, 19.4, 19.5, 19.6, 19.7, 19.8, 19.9, 19.10, 19.11, 19.12) và phần <i>Em có biết</i> để nhận thức về nội dung chủ yếu của lịch sử Việt Nam trong giai đoạn 1976 – 1991.	2
Nhận thức và tư duy lịch sử	– Trình bày được sự thống nhất đất nước về mặt nhà nước, cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc ở vùng biên giới Tây Nam và vùng biên giới phía Bắc trong những năm 1975 – 1979, đấu tranh bảo vệ chủ quyền biển đảo. – Nêu được tình hình chính trị, kinh tế, xã hội Việt Nam trong những năm 1976 – 1985.	3
	Mô tả được đường lối Đổi mới của Đảng và Nhà nước ta, giải thích được nguyên nhân, nêu được kết quả và ý nghĩa của công cuộc Đổi mới trong giai đoạn 1986 – 1991; đánh giá được thành tựu và hạn chế trong việc thực hiện đường lối Đổi mới.	4
Vận dụng	Vận dụng kiến thức đã học để lựa chọn, sưu tầm tư liệu về các cuộc đấu tranh bảo vệ chủ quyền biên giới và biển đảo Việt Nam. Trên cơ sở đó, viết một đoạn văn ngắn về nhân vật hoặc sự kiện lịch sử mà em ấn tượng nhất liên quan đến các cuộc đấu tranh đó.	5
3. Phẩm chất		
Yêu nước	Thể hiện tinh thần yêu nước, ý thức giữ gìn sự toàn vẹn lãnh thổ, chủ quyền biên giới và biển đảo Việt Nam.	6

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- Máy tính, máy chiếu.
- Phiếu học tập (giấy A0), nam châm dán phiếu học tập, bút màu.
- SGK, SGV *Lịch sử và Địa lí 9* (phần Lịch sử) (Bộ sách *Chân trời sáng tạo*).
- Bài hát *Tiếng súng đã vang trên bầu trời biên giới* (nhạc và lời: Phạm Tuyên, 1979).
- Đoạn phim tài liệu về *Sài Gòn tháng 5 – 1975: Những ngày đầu giải phóng*, bản tin thời sự của Đài Tiếng nói Việt Nam vào sáng ngày 5 – 3 – 1979, video về *Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng – Mở ra thời kì đổi mới đất nước*.
- Lược đồ những cuộc tấn công của quân Trung Quốc vào biên giới phía Bắc Việt Nam (tháng 2 – 1979).
- Tranh vẽ, hình ảnh liên quan đến lịch sử Việt Nam từ năm 1976 đến năm 1991.
- Một số tài liệu tham khảo: Lê Mậu Hãn (Chủ biên), *Đại cương Lịch sử Việt Nam*, tập III, NXB Giáo dục, Hà Nội, 2001; Lê Mậu Hãn (Chủ biên), *Lịch sử Việt Nam*, tập IV, NXB Đại học quốc gia Hà Nội, Hà Nội, 2017; Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam – Viện Sử học, *Lịch sử Việt Nam*, tập 14, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 2017; Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam – Viện Sử học, *Lịch sử Việt Nam*, tập 15, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 2017;...

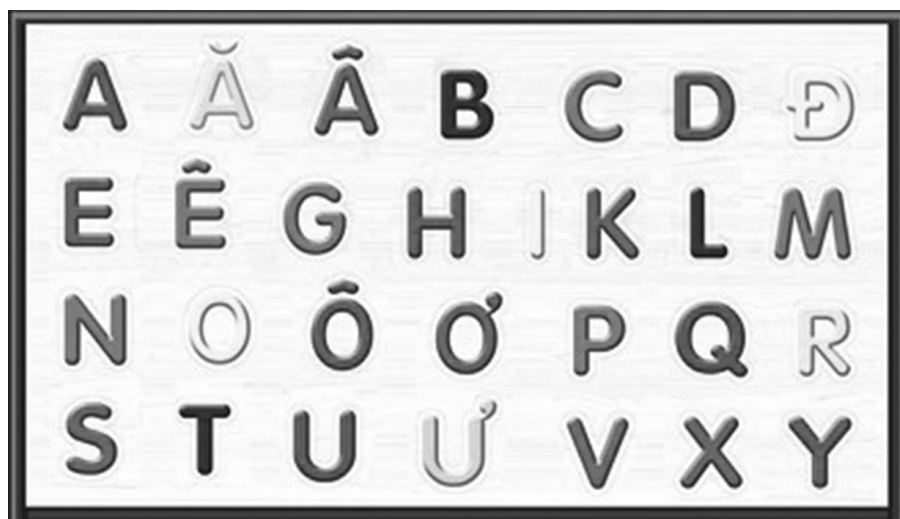
III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a) Mục tiêu: Sau khi tham gia hoạt động, HS sẽ nhận biết được yêu cầu cần đạt của bài học.

b) Tổ chức thực hiện

- **Gợi ý 1:** GV dùng phần *Dẫn nhập* trong SGK để dẫn dắt HS vào bài học.
- **Gợi ý 2:** GV thiết kế câu hỏi trắc nghiệm, trò chơi, hình ảnh có liên quan đến lịch sử Việt Nam giai đoạn 1976 – 1991.
- **Gợi ý 3:** GV đưa ra ô chữ có những kí tự chữ cái và từ khoá liên quan đến bài học. HS sẽ tìm các từ khoá có liên quan đến chủ đề “VIỆT NAM TỪ NĂM 1975 ĐẾN NĂM 1991” bắt đầu bằng từ khoá đó. Ví dụ: chữ cái được chọn là T, HS có thể viết các từ như THỐNG NHẤT, THỊ TRƯỜNG,... HS nào viết được nhiều từ hơn sẽ giành chiến thắng.



2. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

2.1. HOẠT ĐỘNG 1: HOÀN THÀNH THỐNG NHẤT ĐẤT NƯỚC VỀ MẶT NHÀ NƯỚC

a) Mục tiêu: (1), (2), (3)

b) Tổ chức thực hiện

– **Bước 1:** Giao nhiệm vụ học tập

GV yêu cầu HS hoạt động cặp đôi và giao nhiệm vụ học tập: Khai thác và sử dụng được tư liệu 19.1, 19.2 và thông tin trong bài để:

- + Nêu được những sự kiện cơ bản về sự hoàn thành thống nhất đất nước về mặt nhà nước.
- + Giải thích được tại sao việc thống nhất đất nước về mặt nhà nước lại có ý nghĩa quan trọng.

– **Bước 2:** Thực hiện nhiệm vụ

GV hướng dẫn, gợi ý HS trình bày qua niên biểu hoặc đường thời gian.

– **Bước 3:** Báo cáo, thảo luận

HS báo cáo sản phẩm.

– **Bước 4:** Kết luận, đánh giá

GV nhận xét và tiểu kết nội dung mục 1 bằng ý nghĩa của việc hoàn thành thống nhất đất nước về mặt nhà nước:

- + Đáp ứng nguyện vọng của nhân dân cả nước; phù hợp với thực tế lịch sử dân tộc – “Nước Việt Nam là một, dân tộc Việt Nam là một”.
- + Tạo những điều kiện chính trị cơ bản để phát huy sức mạnh toàn diện của đất nước, để cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội, những khả năng to lớn để bảo vệ Tổ quốc và mở rộng quan hệ quốc tế (ngày 20 – 9 – 1977, Việt Nam trở thành thành viên thứ 149 của Liên hợp quốc).

2.2. HOẠT ĐỘNG 2: CUỘC ĐẤU TRANH BẢO VỆ TỔ QUỐC

a) Mục tiêu: (1), (2), (4), (7)

b) Tổ chức thực hiện

– **Bước 1:** Giao nhiệm vụ học tập

GV chia lớp thành các nhóm và giao nhiệm vụ: Lập bảng tóm tắt cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc ở vùng biên giới Tây Nam (1975 – 1979) và biên giới phía Bắc; cuộc đấu tranh bảo vệ chủ quyền biển đảo của Tổ quốc theo các nội dung: thời gian, địa điểm, nguyên nhân, diễn biến, kết quả, ý nghĩa.

GV gợi ý cho HS lập bảng theo mẫu hoặc để HS tự thiết kế infographic theo sự sáng tạo riêng của các nhóm – chuẩn bị trước ở nhà.

Nội dung	Cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc ở vùng biên giới Tây Nam (1975 – 1979)	Cuộc đấu tranh bảo vệ biên giới phía Bắc	Cuộc đấu tranh bảo vệ chủ quyền biển đảo của Tổ quốc
Thời gian	?	?	?
Địa điểm	?	?	?
Nguyên nhân	?	?	?
Diễn biến	?	?	?

Nội dung	Cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc ở vùng biên giới Tây Nam (1975 – 1979)	Cuộc đấu tranh bảo vệ biên giới phía Bắc	Cuộc đấu tranh bảo vệ chủ quyền biển đảo của Tổ quốc
Kết quả	?	?	?
Ý nghĩa	?	?	?
Viết 1 – 2 dòng cảm nghĩ của em về sự kiện	?	?	?

– **Bước 2:** Thực hiện nhiệm vụ

HS thực hiện nhiệm vụ.

– **Bước 3:** Báo cáo, thảo luận

GV tổ chức cho HS báo cáo sản phẩm nhóm theo kĩ thuật phòng tranh.

– **Bước 4:** Kết luận, đánh giá

GV dựa vào các nội dung được trình bày trong “Dự kiến sản phẩm” và công cụ đánh giá để đánh giá của HS.

***Công cụ đánh giá:** bảng kiểm

Các nhóm HS tự đánh giá:

Tiêu chí	Có hoặc Không
Đáp ứng các yêu cầu về kĩ thuật vẽ infographic (màu sắc, phân nhánh,...).	?
Lựa chọn và sắp xếp đúng thông tin trong SGK đối với từng nội dung.	?
Các thông tin được trình bày súc tích, ngắn gọn.	?

2.3. HOẠT ĐỘNG 3: TÌNH HÌNH CHÍNH TRỊ, KINH TẾ, XÃ HỘI VIỆT NAM TRONG NHỮNG NĂM 1976 – 1985

a) Mục tiêu: (1), (2), (3)

b) Tổ chức thực hiện

– **Bước 1:** Giao nhiệm vụ học tập

GV hướng dẫn HS khai thác và sử dụng được tư liệu 19.11, 19.12, phần *Em có biết* và thông tin trong bài để:

- + Nêu được những nét chính về tình hình Việt Nam trong những năm 1976 – 1985 trên các mặt kinh tế, văn hoá, y tế, giáo dục.
- + Chỉ ra được những khó khăn cơ bản trong đời sống xã hội của nhân dân từ năm 1976 đến năm 1985.

Gợi ý khác: GV có thể thiết kế những chiếc thẻ màu và ghi lên đó tình hình Việt Nam trong những năm 1976 – 1985 và yêu cầu HS xếp thẻ vào đúng nội dung: chính trị, kinh tế, xã hội.

– **Bước 2:** Thực hiện nhiệm vụ

HS thực hiện nhiệm vụ.

– **Bước 3:** Báo cáo, thảo luận

HS báo cáo sản phẩm.

– **Bước 4:** Kết luận, đánh giá

GV nhận xét, đưa ra chuẩn kiến thức:

+ Trong nước: Trải qua thời gian thực hiện hai kế hoạch 5 năm: lần thứ nhất (1976 – 1980) và lần thứ hai (1981 – 1985), công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng, song cũng gặp không ít khó khăn, khiến đất nước lâm vào tình trạng khủng hoảng, trước kết là về *kinh tế – xã hội*. Để khắc phục sai lầm, đưa đất nước vượt qua khủng hoảng, Đảng và Nhà nước phải tiến hành đổi mới.

+ Thế giới: Những thay đổi của tình hình thế giới và quan hệ giữa các nước do tác động của cách mạng khoa học – kĩ thuật trở thành xu hướng thế giới, đặt ra yêu cầu phải đổi mới. Cuộc khủng hoảng toàn diện, trầm trọng của Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa khác càng đòi hỏi Đảng và Nhà nước phải tiến hành đổi mới.

Như vậy, đổi mới là yêu cầu cấp bách, có ý nghĩa sống còn đối với chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, đồng thời là vấn đề phù hợp với xu thế chung của thời đại.

2.4. HOẠT ĐỘNG 4: CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI TỪ NĂM 1986 ĐẾN NĂM 1991

a) Mục tiêu: (4), (5), (6), (7), (8)

b) Tổ chức thực hiện

– **Bước 1:** Giao nhiệm vụ học tập

GV áp dụng kĩ thuật 5W1H hướng dẫn HS làm việc theo nhóm: khai thác tư liệu 19.11, 19.12 và thông tin trong bài để hoàn thành phiếu học tập “Tìm hiểu nội dung đường lối đổi mới đất nước của Đảng; kết quả, ý nghĩa và hạn chế trong bước đầu thực hiện đường lối đổi mới từ năm 1986 đến năm 1991”.

PHIẾU HỌC TẬP

NHÓM:

What	When	Where	Who	Why	How
Điều gì diễn ra ở Việt Nam vào năm 1986?	Đường lối đổi mới đất nước được Đảng đưa ra vào thời gian nào?	Đường lối đổi mới tập trung chính vào đâu?	Ai là người khởi xướng và lãnh đạo công cuộc Đổi mới năm 1986?	Tại sao Đảng và Nhà nước lại tiến hành đổi mới đất nước?	Công cuộc Đổi mới bước đầu đạt được thành tựu như thế nào?
.....					
.....					
.....					
.....					
.....					
.....					

– **Bước 2:** Thực hiện nhiệm vụ

HS làm việc theo nhóm, khai thác tư liệu 19.13 và thông tin trong bài để hoàn thành phiếu học tập.

– **Bước 3:** Báo cáo, thảo luận

HS báo cáo sản phẩm.

Dự kiến sản phẩm

- + HS trình bày được nội dung đường lối đổi mới của Đảng và Nhà nước.
- + HS nhận xét được kết quả, ý nghĩa và hạn chế trong bước đầu thực hiện đường lối đổi mới đất nước từ năm 1986 đến năm 1991.

– **Bước 4:** Kết luận, đánh giá

GV nhận xét, đưa ra chuẩn kiến thức.

Đổi mới chính trị	Đổi mới kinh tế
– Xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, Nhà nước của dân, do dân và vì dân; – Xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, bảo đảm quyền lực thuộc về nhân dân; – Thực hiện chính sách đại đoàn kết dân tộc,...	– Xoá bỏ cơ chế quản lý kinh tế tập trung, quan liêu bao cấp, hình thành cơ chế thị trường; – Phát triển kinh tế hàng hoá nhiều thành phần theo định hướng xã hội chủ nghĩa; – Mở rộng quan hệ kinh tế đối ngoại,...

Sau kế hoạch 5 năm (1986 – 1990):

Nội dung	Kết quả bước đầu của công cuộc đổi mới
Lương thực – thực phẩm	Đáp ứng nhu cầu trong nước, có dự trữ và xuất khẩu.
Hàng hoá trên thị trường	Hàng tiêu dùng dồi dào, đa dạng, lưu thông tương đối thuận lợi, có tiến bộ về mẫu mã và chất lượng.
Kinh tế đối ngoại	Phát triển mạnh, mở rộng hơn trước về quy mô, hình thức, gần đến mức cân bằng giữa xuất khẩu và nhập khẩu.
Lạm phát	Kiểm chế được một bước.
Cơ chế kinh tế	Hình thành nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần, vận hành có sự quản lý của Nhà nước.
Bộ máy nhà nước	Ở các cấp được sắp xếp lại, theo hướng phát huy dân chủ nội bộ và quyền làm chủ của nhân dân.

Nhận xét: Những thành tựu đạt được chứng tỏ đường lối đổi mới của Đảng là đúng, bước đi của công cuộc Đổi mới về cơ bản là phù hợp.

Tuy nhiên, công cuộc Đổi mới vẫn còn nhiều khó khăn, yếu kém như: nền kinh tế còn mất cân đối, lạm phát còn cao, lao động thiếu việc làm tăng,...; chế độ tiền lương bất hợp lý,...; sự nghiệp văn hoá có những mặt tiếp tục xuống cấp, tình trạng tham nhũng, mất dân chủ chưa được khắc phục.

3. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a) Mục tiêu: Rèn luyện kiến thức, kĩ năng đã học.

b) Tổ chức thực hiện

– **Bước 1:** Giao nhiệm vụ học tập

GV chia nhóm, HS thực hiện yêu cầu:

1. *Làm việc cá nhân trả lời các câu hỏi trắc nghiệm có liên quan đến kiến thức của bài học.*
2. *Chia thành 4 đội, tham gia trò chơi “Từ khoá bí mật” để củng cố nội dung bài học.*

GV có thể chuẩn bị một hộp rỗng, sau đó yêu cầu mỗi đội chơi viết 5 từ khoá trọng tâm của bài học (từ gồm tối đa 2 tiếng) bỏ vào hộp. Các đội lần lượt bốc thăm, lựa chọn và giải thích nghĩa của từ khoá. Đội nào trả lời đúng và nhiều nhất sẽ giành chiến thắng.

– **Bước 2:** Thực hiện nhiệm vụ

HS thực hiện nhiệm vụ theo nhóm.

– **Bước 3:** Báo cáo, thảo luận

HS báo cáo sản phẩm.

– **Bước 4:** Kết luận, đánh giá

GV nhận xét, đánh giá.

4. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a) Mục tiêu: (2), (3), (4), (5), (6), (7), (8)

b) Tổ chức thực hiện

– **Bước 1:** Giao nhiệm vụ học tập

GV hướng dẫn HS vận dụng kiến thức đã học, sưu tầm tư liệu để hoàn thành bài viết cá nhân (ở nhà) tự chọn 1 trong 2 nội dung sau:

1. *Viết một đoạn văn ngắn (khoảng 150 chữ) để miêu tả sự thay đổi của nền kinh tế Việt Nam sau 30 năm đổi mới đất nước.*
2. *Viết một đoạn văn ngắn về một nhân vật hoặc sự kiện lịch sử gắn với các cuộc đấu tranh bảo vệ chủ quyền biên giới và biển đảo Việt Nam (từ năm 1975 đến năm 1988) mà em ấn tượng nhất.*

– **Bước 2:** Thực hiện nhiệm vụ

HS thực hiện theo nhóm hoặc cá nhân.

HS thực hiện tại nhà.

– **Bước 3:** Báo cáo, thảo luận

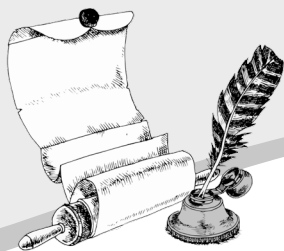
HS gửi sản phẩm đến GV.

– **Bước 4:** Kết luận, đánh giá

B. KẾ HOẠCH BÀI DẠY CÁCH 2: DỰA TRÊN MA TRẬN VÀ CHƯƠNG TRÌNH GDPT 2018

Hoạt động	Mục tiêu			Nội dung	Phương pháp hoặc Kỹ thuật dạy học	Công cụ đánh giá
	Năng lực chung	Năng lực lịch sử	Phẩm chất			
Hoạt động khởi động	Nhận biết được các yêu cầu cần đạt của bài học.			Yêu cầu cần đạt của bài học.	PPDH khám phá, trò chơi	Bài tập
Hoạt động hình thành kiến thức mới						
Hoạt động 1	1	2, 3		Hoàn thành thống nhất đất nước về mặt nhà nước	PPDH hợp tác	Thang đo
Hoạt động 2	1	2, 4	7	Cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc	PPDH hợp tác	Bảng kiểm
Hoạt động 3	1	2, 3		Tình hình chính trị, kinh tế, xã hội Việt Nam trong những năm 1976 – 1985	PPDH hợp tác	Thang đo
Hoạt động 4		4, 5, 6	7, 8	Công cuộc Đổi mới từ năm 1986 đến năm 1991	KTDH 5W1H	Thang đo
Hoạt động luyện tập	Rèn luyện kiến thức, kĩ năng đã học.			– Làm việc cá nhân trả lời các câu hỏi trắc nghiệm có liên quan đến kiến thức của bài học. – Chia thành 4 đội, tham gia trò chơi “Từ khoá bí mật” để củng cố nội dung bài học.	PPDH hợp tác	Bài tập

Hoạt động	Mục tiêu			Nội dung	Phương pháp hoặc Kỹ thuật dạy học	Công cụ đánh giá
	Năng lực chung	Năng lực lịch sử	Phẩm chất			
Hoạt động vận dụng		2, 3, 4, 5, 6	7, 8	Sưu tầm tư liệu để hoàn thành bài viết cá nhân (ở nhà) tự chọn 1 trong 2 nội dung sau: 1. Viết một đoạn văn ngắn (khoảng 150 chữ) để miêu tả sự thay đổi của nền kinh tế Việt Nam sau 30 năm đổi mới đất nước. 2. Viết một đoạn văn ngắn về một nhân vật hoặc sự kiện lịch sử gắn với các cuộc đấu tranh bảo vệ chủ quyền biên giới và biển đảo Việt Nam (từ năm 1975 đến năm 1988) mà em ấn tượng nhất.	PPDH giải quyết vấn đề	Bài tập



Chương V. THẾ GIỚI TỪ NĂM 1991 ĐẾN NAY

Bài 20.

TRẬT TỰ THẾ GIỚI MỚI TỪ NĂM 1991 ĐẾN NAY

(DỰ KIẾN 1 TIẾT)

A. KẾ HOẠCH BÀI DẠY CÁCH 1:

I. MỤC TIÊU

Phẩm chất, năng lực	Yêu cầu cần đạt	Mã số
1. Năng lực chung		
Giao tiếp và hợp tác	Hiểu rõ nhiệm vụ của nhóm; đánh giá được khả năng của bản thân và tự nhận công việc phù hợp.	1
2. Năng lực lịch sử		
Tìm hiểu lịch sử	Khai thác và sử dụng thông tin của một số tư liệu lịch sử (20.1, 20.2, 20.3, 20.4) để tìm hiểu về xu hướng và sự hình thành trật tự thế giới mới sau Chiến tranh lạnh.	2
Nhận thức và tư duy lịch sử	Nhận biết được xu hướng và sự hình thành trật tự thế giới mới sau Chiến tranh lạnh.	3
Vận dụng	Vận dụng kiến thức về xu hướng và sự hình thành trật tự thế giới mới sau Chiến tranh lạnh để nhận thức về đường lối ngoại giao của Việt Nam hiện đại.	4
3. Phẩm chất		
Chăm chỉ	Đọc, sưu tầm các thông tin và hình ảnh, tư liệu về trật tự thế giới mới từ sau năm 1991 đến nay.	5

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- Máy tính, máy chiếu.
- Phiếu học tập (giấy A0), nam châm dán phiếu học tập, bút màu.
- SGK, SGV *Lịch sử và Địa lí 9* (phần Lịch sử) (Bộ sách *Chân trời sáng tạo*).

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a) Mục tiêu: Sau khi tham gia hoạt động, HS sẽ nhận biết được yêu cầu cần đạt của bài học.

b) Tổ chức thực hiện

- GV sử dụng phần *Dẫn nhập* trong SGK.

2. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

2.1. HOẠT ĐỘNG 1: TRẬT TỰ THẾ GIỚI CUỐI THẾ KỈ XX

a) Mục tiêu: (1), (2), (3), (5)

b) Tổ chức thực hiện

– **Bước 1:** Giao nhiệm vụ học tập

HS sử dụng thông tin trong SGK hoàn thành phiếu học tập số 1:

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1

STT	Câu hỏi	Trả lời
1	– Trật tự thế giới trong khoảng thời gian từ năm 1945 đến năm 1991 gồm có mấy “cực” chính? – Sự kiện Liên Xô sụp đổ (1991) cho thấy điều gì?	?
2	Xác định vị thế của những quốc gia, khu vực sau: – Mỹ: – Liên minh châu Âu, Trung Quốc, Nhật Bản, Nga:	?
3	Tư liệu 20.1 phản ánh xu thế nào trong quan hệ Mỹ – Nga (quốc gia kế thừa vị trí pháp lí của Liên Xô)?	?
4	Từ những dữ liệu trên, em hãy xác định xu hướng hình thành trật tự thế giới cuối thế kỉ XX.	?

– **Bước 2:** Thực hiện nhiệm vụ

HS hoàn thành phiếu học tập về xu hướng hình thành trật tự thế giới cuối thế kỉ XX.

– **Bước 3:** Báo cáo, thảo luận

HS báo cáo sản phẩm.

Dự kiến sản phẩm**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1**

STT	Câu hỏi	Trả lời
1	– Trật tự thế giới trong khoảng thời gian từ năm 1945 đến năm 1991 gồm có mấy “cực” chính? – Sự kiện Liên Xô sụp đổ (1991) cho thấy điều gì?	– Gồm có 2 “cực” chính: Mỹ và Liên Xô – Sự kiện Liên Xô sụp đổ (1991) cho thấy: trật tự thế giới chỉ tồn tại 1 “cực” là Mỹ.
2	Xác định vị thế của những quốc gia, khu vực sau: – Mỹ: – Liên minh châu Âu, Trung Quốc, Nhật Bản, Nga:	– Mỹ: giữ vị trí siêu cường. – Liên minh châu Âu, Trung Quốc, Nhật Bản, Nga: có ảnh hưởng nhất định trong phạm vi khu vực.
3	Tư liệu 20.1 phản ánh xu thế nào trong quan hệ Mỹ – Nga (quốc gia kế thừa vị trí pháp lí của Liên Xô)?	Hoà dịu.
4	Từ những dữ liệu trên, em hãy xác định xu hướng hình thành trật tự thế giới cuối thế kỉ XX.	Xu hướng đơn cực, trong đó, Mỹ là siêu cường duy nhất; còn Liên minh châu Âu, Trung Quốc, Nhật Bản, Nga có vai trò, ảnh hưởng nhất định trong phạm vi khu vực; quan hệ quốc tế hoà dịu.

– **Bước 4:** Kết luận, đánh giá

***Công cụ đánh giá:** bài tập

2.2. HOẠT ĐỘNG 2: XU HƯỚNG HÌNH THÀNH TRẬT TỰ THẾ GIỚI MỚI VÀO ĐẦU THẾ KỈ XXI

a) Mục tiêu: (1), (2), (3), (5)

b) Tổ chức thực hiện

– **Bước 1:** Giao nhiệm vụ học tập

GV cung cấp thông tin: đầu thế kỉ XXI, Mỹ tiếp tục nỗ lực xác lập trật tự đơn cực nhưng do các nguyên nhân chủ quan và khách quan, nỗ lực này không thành công. Trật tự thế giới đầu thế kỉ XXI dần định hình theo xu hướng đa cực.

GV chia lớp thành 4 nhóm và yêu cầu các nhóm chứng minh nhận xét trên theo các gợi ý để hoàn thành phiếu học tập số 2:

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2

STT	Yêu cầu	Trả lời
1	– Nêu các biểu hiện tiếp tục nỗ lực xác lập trật tự đơn cực của Mỹ. – Gợi ý: Dựa vào các tư liệu 20.2, 20.3 và thông tin trong bài.	?
2	Nêu các nguyên nhân chủ quan và khách quan dẫn đến việc Mỹ không thể tiếp tục duy trì trật tự thế giới đơn cực.	?
3	Diện mạo trật tự thế giới đang hình thành: xu hướng đa cực.	?

– **Bước 2:** Thực hiện nhiệm vụ

Các nhóm hoàn thành phiếu học tập về xu hướng hình thành trật tự thế giới đầu thế kỉ XXI.

– **Bước 3:** Báo cáo, thảo luận

GV mời HS trình bày sản phẩm.

Dự kiến sản phẩm

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2

STT	Yêu cầu	Trả lời
1	– Nêu các biểu hiện tiếp tục nỗ lực xác lập trật tự đơn cực của Mỹ. – Gợi ý: Dựa vào các tư liệu 20.2, 20.3 và thông tin trong bài.	– Tuyên bố của Tổng thống Mỹ G. U. Bu-sơ (tư liệu 20.2) buộc thế giới phải chọn phe: một là, đứng về phe chống khủng bố do Mỹ lãnh đạo; hai là, đứng về phe khủng bố – kẻ thù của Mỹ). – Tiến hành chiến tranh can thiệp vào Áp-ga-ni-xtan, I-rắc (từ năm 2001).

STT	Yêu cầu	Trả lời
2	Nêu các nguyên nhân chủ quan và khách quan dẫn đến việc Mỹ không thể tiếp tục duy trì trật tự thế giới đơn cực.	– Nguyên nhân từ phía Mỹ: Sức mạnh của Mỹ suy yếu do: tiến hành chiến tranh can thiệp vào Áp-ga-ni-xtan, I-rắc và khủng hoảng tài chính 2008 – 2009. – Nguyên nhân từ phía các nước khác: + Trung Quốc: “trỗi dậy” mạnh mẽ và thực hiện các chiến lược đối ngoại (như sáng kiến “Vành đai, con đường”) nhằm tạo ra hệ thống kinh tế mới lấy Trung Quốc làm trung tâm; + Nga: ổn định kinh tế, chính trị và mong muốn khôi phục vị thế cường quốc hàng đầu thế giới; + Liên minh châu Âu, Ấn Độ, Nhật Bản: tham gia vào quá trình cạnh tranh quyền lực.
3	Diện mạo trật tự thế giới đang hình thành: xu hướng đa cực.	Các “cực” chính là: Mỹ, Trung Quốc, Nga, Liên minh châu Âu, Ấn Độ, Nhật Bản.

– **Bước 4:** Kết luận, đánh giá

***Công cụ đánh giá:** bài tập

Sau khi hướng dẫn HS hoàn thành phiếu học tập, GV giới thiệu tư liệu 20.4: hình ảnh “Ghế gãy” được đặt trước toà nhà Liên hợp quốc tại Giơ-ne-vơ (Thụy Sĩ) để nhắc nhở trách nhiệm của các quốc gia trong việc duy trì một thế giới không có chiến tranh. Điều này phản ánh: sự quan tâm của thế giới đối với xu hướng đối thoại, hợp tác, giải quyết bất đồng trên nền tảng thiện chí duy trì hoà bình.

3. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a) Mục tiêu: Rèn luyện kiến thức, kỹ năng đã học.

b) Tổ chức thực hiện

– **Bước 1:** Giao nhiệm vụ học tập

HS thực hiện yêu cầu sau:

Hoàn thành bảng thông tin theo gợi ý dưới đây:

Xu hướng hình thành trật tự thế giới	Cuối thế kỉ XX	Đầu thế kỉ XXI
	?	?

– **Bước 2:** Thực hiện nhiệm vụ

HS thực hiện nhiệm vụ học tập theo nhóm.

– **Bước 3:** Báo cáo, thảo luận

HS báo cáo sản phẩm.

Dự kiến sản phẩm

Xu hướng hình thành trật tự thế giới	Cuối thế kỉ XX	Đầu thế kỉ XXI
	Hoa Kỳ nỗ lực thiết lập trật tự thế giới đơn cực.	Trật tự thế giới đa cực, lấy đối thoại, hợp tác làm nền tảng.

– **Bước 4:** Kết luận, đánh giá

***Công cụ đánh giá:** bài tập

4. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a) Mục tiêu: (3), (4), (5)

b) Tổ chức thực hiện

– **Bước 1:** Giao nhiệm vụ học tập

HS thực hiện yêu cầu sau: Theo em, tuyên bố “Việt Nam là bạn, là đối tác tin cậy và thành viên có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế” phản ánh Việt Nam hướng đến xu hướng nào của trật tự thế giới sau Chiến tranh lạnh (1991)?

GV hướng dẫn HS xác định từ khóa: “bạn”, “đối tác tin cậy”, “thành viên có trách nhiệm” và quan trọng nhất là “trong cộng đồng quốc tế”. Điều này cho phép nhận thấy Việt Nam hướng đến xu hướng nào của trật tự thế giới sau Chiến tranh lạnh (1991)?

– **Bước 2:** Thực hiện nhiệm vụ

HS thực hiện theo cá nhân.

– **Bước 3:** Báo cáo, thảo luận

HS báo cáo sản phẩm.

Dự kiến sản phẩm

Việt Nam hướng đến xu thế mở rộng quan hệ bình đẳng, có trách nhiệm với tất cả các nước (thế giới đa cực).

– **Bước 4:** GV nhận xét, đánh giá.

***Công cụ đánh giá:** bài tập

B. KẾ HOẠCH BÀI DẠY CÁCH 2: DỰA TRÊN MA TRẬN VÀ CHƯƠNG TRÌNH GDPT 2018

Hoạt động	Mục tiêu			Nội dung	Phương pháp hoặc Kỹ thuật dạy học	Công cụ đánh giá
	Năng lực chung	Năng lực lịch sử	Phẩm chất			
Hoạt động khởi động	Nhận biết được các yêu cầu cần đạt của bài học.			Yêu cầu cần đạt của bài học.	PPDH diễn giảng	Câu hỏi

Hoạt động	Mục tiêu			Nội dung	Phương pháp hoặc Kỹ thuật dạy học	Công cụ đánh giá
	Năng lực chung	Năng lực lịch sử	Phẩm chất			
Hoạt động hình thành kiến thức mới						
Hoạt động 1	1	2, 3	5	Trật tự thế giới cuối thế kỉ XX	PPDH hợp tác	Bài tập
Hoạt động 2	1	2, 3	5	Xu hướng hình thành trật tự thế giới mới vào đầu thế kỉ XXI	PPDH khám phá	Bài tập
Hoạt động luyện tập	Rèn luyện kiến thức, kĩ năng đã học.			Tóm tắt xu hướng hình thành trật tự thế giới cuối thế kỉ XX và đầu thế kỉ XXI.	PPDH hợp tác	Bài tập
Hoạt động vận dụng		3, 4	5	Xác định xu hướng đối ngoại của Việt Nam trong quan hệ quốc tế đầu thế kỉ XXI.	PPDH khám phá	Bài tập

Bài 21.

LIÊN BANG NGA VÀ NƯỚC MỸ TỪ NĂM 1991 ĐẾN NAY

(DỰ KIẾN 2 TIẾT)

A. KẾ HOẠCH BÀI DẠY CÁCH 1:

I. MỤC TIÊU

Phẩm chất, năng lực	Yêu cầu cần đạt	Mã số
1. Năng lực chung		
Giao tiếp và hợp tác	Hiểu rõ nhiệm vụ của nhóm; đánh giá được khả năng của bản thân và tự nhận công việc phù hợp.	1
2. Năng lực lịch sử		
Tìm hiểu lịch sử	Khai thác và sử dụng thông tin của một số tư liệu lịch sử (21.1, 21.2, 21.3, 21.4, 21.5) và phần <i>Nhân vật lịch sử</i> để nhận thức về tình hình chính trị, kinh tế của Liên bang Nga và nước Mỹ từ năm 1991 đến nay.	2
Nhận thức và tư duy lịch sử	Nêu được tình hình chính trị, kinh tế của Liên bang Nga và nước Mỹ từ năm 1991 đến nay.	3
Vận dụng	Vận dụng kiến thức về tình hình chính trị, kinh tế của Liên bang Nga và nước Mỹ từ năm 1991 đến nay để tìm hiểu về những vấn đề có ảnh hưởng tiêu cực đến sự phát triển của hai quốc gia này trong thời kì hiện nay.	4
3. Phẩm chất		
Chăm chỉ	Đọc và sưu tầm các thông tin, hình ảnh, tư liệu về tình hình chính trị, kinh tế – xã hội của Liên bang Nga, nước Mỹ từ năm 1991 đến nay.	5

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- Máy tính, máy chiếu.
- Phiếu học tập (giấy A0), nam châm dán phiếu học tập, bút màu.
- SGK, SGV *Lịch sử và Địa lí 9* (phần Lịch sử) (Bộ sách *Chân trời sáng tạo*).

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a) Mục tiêu: Sau khi tham gia hoạt động, HS sẽ nhận biết được yêu cầu cần đạt của bài học.

b) Tổ chức thực hiện

- **Gợi ý 1:** GV dùng phần *Dẫn nhập* trong SGK để dẫn dắt HS vào bài học.
- **Gợi ý 2:** GV thiết kế câu hỏi trắc nghiệm, trò chơi, hình ảnh có liên quan đến lịch sử – văn hoá, các nhân vật lịch sử tiêu biểu của Nga và Mỹ từ năm 1991 đến nay.

2. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

2.1. HOẠT ĐỘNG 1: TÌNH HÌNH CHÍNH TRỊ, KINH TẾ CỦA LIÊN BANG NGA TỪ NĂM 1991 ĐẾN NAY

a) Mục tiêu: (1), (2), (3), (5)

b) Tổ chức thực hiện

– **Bước 1:** Giao nhiệm vụ học tập

GV chia lớp thành các nhóm và giao nhiệm vụ học tập. Các nhóm HS sử dụng thông tin trong SGK để vẽ sơ đồ tư duy thể hiện những nét chính về tình hình chính trị, kinh tế của Liên bang Nga từ năm 1991 đến nay.

TÌNH HÌNH CHÍNH TRỊ, KINH TẾ CỦA LIÊN BANG NGA TỪ NĂM 1991 ĐẾN NAY		
Nhánh chính	Nhánh phụ	Hướng dẫn
Tình hình chính trị trong thời kì Tổng thống B. En-xin (1991 – 1999)	– Liên bang Nga kế thừa (1) của Liên Xô trong quan hệ quốc tế. – Thể chế: (2). – Trong giai đoạn đầu (1991 – 2000), Nga gặp nhiều căng thẳng về (3).	Đọc thông tin mục 1a – trang 114 trong SGK <i>Lịch sử và Địa lí 9</i> (phần Lịch sử) (Bộ sách <i>Chân trời sáng tạo</i>).
Tình hình kinh tế trong thời kì Tổng thống B. En-xin (1991 – 1999)	– Giai đoạn 1991 – 1996: (4). – Từ năm 1997 trở đi: (5).	Đọc thông tin mục 1b – trang 114 và quan sát tư liệu 21.2 – trang 115 trong SGK <i>Lịch sử và Địa lí 9</i> (phần Lịch sử) (Bộ sách <i>Chân trời sáng tạo</i>).
Tình hình chính trị trong thời kì Tổng thống V. Pu-tin (1999 – nay)	– Ổn định. – Nỗ lực khôi phục lại vị thế (6).	Đọc thông tin mục 1a và phần Nhân vật lịch sử – trang 114 trong SGK <i>Lịch sử và Địa lí 9</i> (phần Lịch sử) (Bộ sách <i>Chân trời sáng tạo</i>).
Tình hình kinh tế trong thời kì Tổng thống V. Pu-tin (1999 – nay)	– Năm 2000: (7). – Từ năm 2000 đến nay: tăng trưởng nhưng tốc độ (8). – Hạn chế: quy mô kinh tế (9), đặc biệt phụ thuộc nhiều vào (10).	Đọc thông tin mục 1b – trang 114 và quan sát tư liệu 21.2 – trang 115 trong SGK <i>Lịch sử và Địa lí 9</i> (phần Lịch sử) (Bộ sách <i>Chân trời sáng tạo</i>).

– **Bước 2:** Thực hiện nhiệm vụ

Nhóm 1 và nhóm 2 thực hiện nhiệm vụ.

– **Bước 3:** Báo cáo, thảo luận

Các nhóm HS báo cáo sản phẩm.

**TÌNH HÌNH CHÍNH TRỊ, KINH TẾ CỦA LIÊN BANG NGA
TỪ NĂM 1991 ĐẾN NAY**

Nhánh chính	Nhánh phụ	Hướng dẫn
Tình hình chính trị trong thời kì Tổng thống B. En-xin (1991 – 1999)	- Liên bang Nga kế thừa (1) địa vị pháp lí của Liên Xô trong quan hệ quốc tế. - Thế chế: (2) Tổng thống Liên bang (theo Hiến pháp năm 1993). - Trong giai đoạn đầu (1991 – 2000), Nga gặp nhiều căng thẳng về (3) sắc tộc.	Đọc thông tin mục 1a – trang 114 trong SGK <i>Lịch sử và Địa lí 9</i> (phần Lịch sử) (Bộ sách <i>Chân trời sáng tạo</i>).
Tình hình kinh tế trong thời kì Tổng thống B. En-xin (1991 – 1999)	- Giai đoạn 1991 – 1996: (4) kinh tế tăng trưởng âm. - Từ năm 1997 trở đi: (5) kinh tế Nga bắt đầu tăng trưởng.	Đọc thông tin mục 1b – trang 114 và quan sát tư liệu 21.2 – trang 115 trong SGK <i>Lịch sử và Địa lí 9</i> (phần Lịch sử) (Bộ sách <i>Chân trời sáng tạo</i>).
Tình hình chính trị trong thời kì Tổng thống V. Pu-tin (1999 – nay)	- Ổn định. - Nỗ lực khôi phục lại vị thế (6) cường quốc hàng đầu thế giới của Nga.	Đọc thông tin mục 1a và phần Nhân vật lịch sử – trang 114 trong SGK <i>Lịch sử và Địa lí 9</i> (phần Lịch sử) (Bộ sách <i>Chân trời sáng tạo</i>).
Tình hình kinh tế trong thời kì Tổng thống V. Pu-tin (1999 – nay)	- Năm 2000: (7) GDP tăng trưởng cao (10%). - Từ năm 2000 đến nay: tăng trưởng nhưng tốc độ (8) không ổn định. - Hạn chế: quy mô kinh tế (9) chưa đủ để trở thành nền kinh tế mạnh, đặc biệt phụ thuộc nhiều vào (10) xuất khẩu nguyên liệu, nhiên liệu.	Đọc thông tin mục 1b – trang 114 và quan sát tư liệu 21.2 – trang 115 trong SGK <i>Lịch sử và Địa lí 9</i> (phần Lịch sử) (Bộ sách <i>Chân trời sáng tạo</i>).

– **Bước 4:** Kết luận, đánh giá

***Công cụ đánh giá:** bảng kiểm

GV dựa vào các nội dung được trình bày trong “Dự kiến sản phẩm” và công cụ đánh giá để đánh giá sản phẩm của HS.

Tiêu chí	Có hoặc Không
Đáp ứng các yêu cầu về kĩ thuật vẽ sơ đồ tư duy (màu sắc, phân nhánh,...).	?
Lựa chọn và sắp xếp đúng thông tin từ SGK đối với từng lĩnh vực.	?
Các thông tin được trình bày súc tích, ngắn gọn.	?

2.2. HOẠT ĐỘNG 2: TÌNH HÌNH CHÍNH TRỊ, KINH TẾ CỦA NƯỚC MỸ TỪ NĂM 1991 ĐẾN NAY

a) Mục tiêu: (1), (2), (3), (5)

b) Tổ chức thực hiện

– **Bước 1:** Giao nhiệm vụ học tập

GV chia lớp thành các nhóm và giao nhiệm vụ học tập. Các nhóm HS sử dụng thông tin trong SGK hoàn thành phiếu học tập.

PHIẾU HỌC TẬP	
TÌNH HÌNH CHÍNH TRỊ, KINH TẾ CỦA NƯỚC MỸ TỪ NĂM 1991 ĐẾN NAY	
Thông tin, tư liệu	Đặc điểm về chính trị, kinh tế
Đầu những năm 90 của thế kỉ XX, Mỹ vẫn là siêu cường với nền kinh tế đứng đầu thế giới nên tình hình chính trị khá ổn định. Đảng Cộng hoà và Đảng Dân chủ giữ vai trò chính trong hoạt động tranh cử Tổng thống, bầu cử Quốc hội,... Các Tổng thống Mỹ tập trung để ra các chính sách để cải cách, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, an sinh xã hội, giải quyết mối đe dọa toàn cầu,...	Đặc điểm về chính trị: (1)
Tư liệu 21.3	
Tư liệu 21.4	Đặc điểm về kinh tế: (2)
Tư liệu 21.5	

– **Bước 2:** Thực hiện nhiệm vụ

Nhóm 3 và nhóm 4 thực hiện nhiệm vụ.

– **Bước 3:** Báo cáo, thảo luận

Các nhóm HS báo cáo sản phẩm.

PHIẾU HỌC TẬP

TÌNH HÌNH CHÍNH TRỊ, KINH TẾ CỦA NƯỚC MỸ TỪ NĂM 1991 ĐẾN NAY

Thông tin, tư liệu	Đặc điểm về chính trị, kinh tế
Đầu những năm 90 của thế kỉ XX, Mỹ vẫn là siêu cường với nền kinh tế đứng đầu thế giới nên tình hình chính trị khá ổn định. Đảng Cộng hoà và Đảng Dân chủ giữ vai trò chính trong hoạt động tranh cử Tổng thống, bầu cử Quốc hội,... Các Tổng thống Mỹ tập trung để ra các chính sách để cải cách, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, an sinh xã hội, giải quyết mối đe dọa toàn cầu,...	Đặc điểm về chính trị: (1) ổn định nhưng thỉnh thoảng vẫn xảy ra khủng hoảng chính trị.
Tư liệu 21.3	
Tư liệu 21.4	Đặc điểm về kinh tế: (2) cường quốc kinh tế đứng đầu thế giới, nền kinh tế liên tục tăng trưởng xen kẽ với những đợt suy thoái ngắn.
Tư liệu 21.5	

– Bước 4: Kết luận, đánh giá

GV chốt và chuẩn hoá kiến thức:

– Những nét chính về tình hình chính trị của nước Mỹ: chính trị ổn định; một số khủng hoảng chính trị xảy ra: rò rỉ các tài liệu mật (2010), chiếm giữ trụ sở Quốc hội (2021),... những vụ xả súng, biểu tình chống phân biệt chủng tộc,...

– Những nét chính về tình hình kinh tế của nước Mỹ: vẫn là cường quốc kinh tế đứng đầu thế giới; nền kinh tế liên tục tăng trưởng xen kẽ với những đợt suy thoái ngắn; kinh tế Mỹ thống trị trong các lĩnh vực hàng không vũ trụ, dược phẩm, công nghệ thông tin, giao thông vận tải.

***Công cụ đánh giá:** thang đo

Các nhóm HS tự đánh giá: khoanh tròn mức độ đạt được của nhóm khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

Tiêu chí	Mức độ đạt được				
Xác định được đặc điểm chính trị, kinh tế của nước Mỹ.	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)

3. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a) Mục tiêu: Rèn luyện kiến thức, kĩ năng đã học.

b) Tổ chức thực hiện

– **Bước 1:** Giao nhiệm vụ học tập

HS thực hiện bài tập sau:

Hãy nêu nhận xét về tốc độ tăng trưởng kinh tế của Liên bang Nga và nước Mỹ giai đoạn 1991 – 2021.

– **Bước 2:** Thực hiện nhiệm vụ

+ HS thực hiện nhiệm vụ học tập theo nhóm.

+ GV hướng dẫn HS khai thác tư liệu 21.2 và 21.4 – trang 115, 116 trong SGK *Lịch sử và Địa lí 9* (phần Lịch sử) (Bộ sách *Chân trời sáng tạo*) để thực hiện yêu cầu.

– **Bước 3:** Báo cáo, thảo luận

Các nhóm HS báo cáo sản phẩm.

Dự kiến sản phẩm

+ Kinh tế Liên bang Nga: Kinh tế của Liên bang Nga: giai đoạn 1991 – 1996: tăng trưởng âm; từ năm 1997 trở đi: phục hồi, phát triển nhưng tốc độ tăng trưởng không ổn định.

+ Kinh tế của nước Mỹ: tăng trưởng nhưng xen kẽ những đợt suy thoái ngắn (2000 – 2003, 2008 – 2009), dịch bệnh Covid-19 (từ năm 2020),...

– **Bước 4:** Kết luận, đánh giá

***Công cụ đánh giá:** bài tập

4. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

***Ghi chú:** HS sẽ thực hiện hoạt động này tại nhà và gửi sản phẩm đến GV vào thời điểm thích hợp do GV xác định.

a) Mục tiêu: (1), (3), (4), (5)

b) Tổ chức thực hiện

– **Bước 1:** Giao nhiệm vụ học tập

HS thực hiện bài tập sau:

Hãy chọn một vấn đề chính trị hoặc kinh tế của Mỹ, Liên bang Nga mà em cho là có ảnh hưởng tiêu cực đến sự phát triển của hai quốc gia này. Giải thích lí do cho sự lựa chọn của em.

GV hướng dẫn HS thực hiện như sau:

+ HS phát hiện những điểm hạn chế trong tình hình chính trị, kinh tế của Liên bang Nga và Mỹ từ năm 1991 đến nay.

+ Trên cơ sở phân tích tác động của những hạn chế đến sự phát triển của hai nước, HS ra quyết định và nêu lí do. GV tôn trọng ý kiến của HS và chú trọng hướng dẫn HS xây dựng lí lẽ thuyết phục để xây dựng, bảo vệ quan điểm (chú ý về sử dụng từ ngữ):

- Vấn đề mà Liên bang Nga đối mặt: quy mô kinh tế chưa đủ để trở thành nền kinh tế mạnh, đặc biệt, nền kinh tế phụ thuộc nhiều vào xuất khẩu nguyên liệu, nhiên liệu. (HS có thể liên hệ kiến thức của bài 10 về chính sách phát triển kinh tế không đồng bộ và sự sụt giảm giá dầu trên thị trường thế giới vào cuối thập niên 80 của thế kỉ XX đã tác động như thế nào đến nền kinh tế Liên Xô và các hệ quả kéo theo để xây dựng luận điểm) hoặc HS có thể liên hệ các vấn đề có tính thời sự hiện nay.
- Vấn đề mà Mỹ đối mặt: rò rỉ các tài liệu mật (2010), chiếm giữ trụ sở Quốc hội (2021),..., những vụ xả súng, biểu tình chống phân biệt chủng tộc,...

– **Bước 2:** Thực hiện nhiệm vụ

HS thực hiện nhiệm vụ học tập cá nhân.

– **Bước 3:** Báo cáo, thảo luận

– **Bước 4:** Kết luận, đánh giá

***Công cụ đánh giá:** bảng kiểm

Tiêu chí	Có hoặc Không
HS xác định được đúng vấn đề.	?
HS mô tả được các thông tin cơ bản của vấn đề.	?
HS nêu được từ 2 lí do hoặc dẫn chứng về tác động tiêu cực của vấn đề đối với sự phát triển của Mỹ hoặc Liên bang Nga.	?

B. KẾ HOẠCH BÀI DẠY CÁCH 2: DỰA TRÊN MA TRẬN VÀ CHƯƠNG TRÌNH GDPT 2018

Hoạt động	Mục tiêu			Nội dung	Phương pháp hoặc Kỹ thuật dạy học	Công cụ đánh giá
	Năng lực chung	Năng lực lịch sử	Phẩm chất			
Hoạt động khởi động	Nhận biết được các yêu cầu cần đạt của bài học.			Yêu cầu cần đạt của bài học.	PPDH diễn giảng	Câu hỏi
Hoạt động hình thành kiến thức mới						
Hoạt động 1	1	2, 3	5	Tình hình chính trị, kinh tế của Liên bang Nga từ năm 1991 đến nay	PPDH hợp tác	Bảng kiểm

Hoạt động	Mục tiêu			Nội dung	Phương pháp hoặc Kỹ thuật dạy học	Công cụ đánh giá
	Năng lực chung	Năng lực lịch sử	Phẩm chất			
Hoạt động 2	1	2, 3	5	Tình hình chính trị, kinh tế của nước Mỹ từ năm 1991 đến nay	PPDH lịch sử qua sử dụng tư liệu	Thang đo
Hoạt động luyện tập	Rèn luyện kiến thức, kĩ năng đã học.			Nhận xét về tốc độ tăng trưởng kinh tế của Liên bang Nga và nước Mỹ giai đoạn 1991 – 2021.	PPDH giải quyết vấn đề	Bài tập
Hoạt động vận dụng	1	3, 4	5	Tìm hiểu về những vấn đề có ảnh hưởng tiêu cực đến sự phát triển của Liên bang Nga và nước Mỹ trong thời kì hiện nay.	PPDH giải quyết vấn đề	Bảng kiểm

A. KẾ HOẠCH BÀI DẠY CÁCH 1:

I. MỤC TIÊU

Phẩm chất, năng lực	Yêu cầu cần đạt	Mã số
1. Năng lực chung		
Giao tiếp và hợp tác	Làm việc nhóm để thực hiện được các yêu cầu cần đạt trong bài	1
2. Năng lực lịch sử		
Tìm hiểu lịch sử	Khai thác và sử dụng thông tin của một số tư liệu lịch sử (22.1, 22.2, 22.3, 22.4, 22.5, 22.6, 22.7) để tìm hiểu tình hình châu Á từ năm 1991 đến nay.	2
Nhận thức và tư duy lịch sử	Giới thiệu được sự phát triển kinh tế – xã hội của các nước Đông Bắc Á (Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc) từ năm 1991 đến nay.	3
	Mô tả được quá trình phát triển của ASEAN từ năm 1991 đến nay và những nét chính của Cộng đồng ASEAN.	4
Vận dụng	Vận dụng được kiến thức đã học về các nước Đông Nam Á và Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) để sưu tầm các sự kiện chứng minh tinh thần “hữu nghị và hợp tác” của các nước ASEAN từ năm 1997 đến nay trên cơ sở tuyên bố chung “Tầm nhìn ASEAN 2020”, trong đó sự thống nhất khu vực được nhấn mạnh: “Sông núi không còn chia cắt mà gắn kết chúng ta trong hữu nghị và hợp tác”.	5
3. Phẩm chất		
Nhân ái	Tôn trọng sự đa dạng về văn hoá của các dân tộc khác nhau.	6

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- Máy tính, máy chiếu.
- Phiếu học tập (giấy A0), nam châm dán phiếu học tập, bút màu.
- SGK, SGV *Lịch sử và Địa lí 9* (phần Lịch sử) (Bộ sách *Chân trời sáng tạo*).

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a) Mục tiêu: Sau khi tham gia hoạt động, HS sẽ nhận biết được yêu cầu cần đạt của bài học.

b) Tổ chức thực hiện

- **Gợi ý 1:** GV dùng phần *Dẫn nhập* trong SGK để dẫn dắt HS vào bài học.
- **Gợi ý 2:** GV chọn một số hình ảnh đặc trưng của các nước Đông Bắc Á (Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc), của ASEAN để HS nhận biết các quốc gia và dẫn dắt vào bài học.

2. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

2.1. HOẠT ĐỘNG 1: TÌNH HÌNH KINH TẾ – XÃ HỘI CỦA CÁC NƯỚC ĐÔNG BẮC Á

a) Mục tiêu: (1), (2), (3), (6)

b) Tổ chức thực hiện

– **Bước 1:** Giao nhiệm vụ học tập

- + Nhiệm vụ 1: GV dùng phương pháp dạy học hợp tác và kĩ thuật dạy học mảnh ghép cho HS hoàn thành nhiệm vụ sau: Dựa vào thông tin trong bài kết hợp khai thác các tư liệu 22.1, 22.2, 22.3, 22.4, hãy giới thiệu những nét chính về sự phát triển kinh tế – xã hội của các nước Đông Bắc Á (Nhật Bản, Trung Quốc, Hàn Quốc) từ năm 1991 đến nay.
- + Nhiệm vụ 2: Sau khi hoàn thành nhiệm vụ 1, GV giao cho các nhóm HS nhiệm vụ mới: Hãy lập bảng thống kê những nét chính về sự phát triển kinh tế – xã hội của các nước Đông Bắc Á (Nhật Bản, Trung Quốc, Hàn Quốc) từ năm 1991 đến nay.

– **Bước 2:** Thực hiện nhiệm vụ

- + Nhiệm vụ 1: GV chia lớp thành 6 nhóm (nếu lớp ít HS, GV chia lớp thành 3 nhóm), mỗi cặp nhóm chọn và tìm hiểu về một trong ba nước: Nhật Bản, Trung Quốc và Hàn Quốc. Tìm hiểu xong về nước mà nhóm đã chọn, các thành viên trong nhóm tách ra và ghép với thành viên hai nhóm còn lại để tìm hiểu về các nước còn lại.
- + Nhiệm vụ 2: Sau khi hoàn thành nhiệm vụ 1, các nhóm HS thảo luận và hoàn thành nhiệm vụ: Hãy lập bảng thống kê những nét chính về sự phát triển kinh tế – xã hội của các nước Đông Bắc Á (Nhật Bản, Trung Quốc, Hàn Quốc) từ năm 1991 đến nay.

– **Bước 3:** Báo cáo, thảo luận

Các nhóm HS báo cáo sản phẩm.

**BẢNG THỐNG KÊ NHỮNG NÉT CHÍNH VỀ SỰ PHÁT TRIỂN KINH TẾ – XÃ HỘI
CỦA CÁC NƯỚC ĐÔNG BẮC Á (NHẬT BẢN, TRUNG QUỐC, HÀN QUỐC)
TỪ NĂM 1991 ĐẾN NAY**

Tình hình chung:

– Các nước Đông Bắc Á đã tận dụng các điều kiện thuận lợi về hoà bình, xu thế toàn cầu hoá, khoa học công nghệ,... để phát triển kinh tế. Mặc dù tốc độ tăng trưởng có khác nhau nhưng Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc đều là những quốc gia có nền kinh tế hàng đầu thế giới. Do tác động của dịch bệnh Covid-19, nền kinh tế Trung Quốc tăng trưởng ở mức thấp, Nhật Bản và Hàn Quốc có mức tăng trưởng âm vào năm 2020 nhưng nhanh chóng phục hồi vào năm 2021. Hiện nay, chiến lược phát triển kinh tế của các nước Đông Bắc Á là tập trung vào ngành kinh tế công nghệ cao, áp dụng công nghệ xanh – sạch.

– Nền kinh tế thịnh vượng đã tạo ra sự ổn định xã hội, thu nhập của người dân tăng nhanh, các chương trình phúc lợi được mở rộng,... Trong xu thế toàn cầu hoá hiện nay, xã hội của các nước Đông Bắc Á đã chứng tỏ được những giá trị văn hoá truyền thống, mang những nét đặc trưng riêng của cộng đồng. Tham nhũng là vấn đề nan giải của Trung Quốc và Hàn Quốc.

Tình hình cụ thể:

Tình hình	Trung Quốc	Nhật Bản	Hàn Quốc
Kinh tế	– Có tốc độ tăng trưởng kinh tế nhanh nhất, đặc biệt là từ sau khi gia nhập WTO vào năm 2001. – Năm 2010, Trung Quốc vượt qua Nhật Bản trở thành quốc gia có nền kinh tế lớn thứ hai trên thế giới (sau Mỹ).	– Nhật Bản là một trong các trung tâm kinh tế – tài chính của thế giới. – Nền kinh tế của quốc gia này lâm vào suy thoái vào cuối thế kỉ XX nhưng bắt đầu tăng trưởng trở lại từ năm 2000 đến nay.	Sau khi trải qua khủng hoảng kinh tế tài chính châu Á năm 1997, kinh tế Hàn Quốc khôi phục, phát triển mạnh và vững chắc.
Xã hội	Tốc độ tăng trưởng nhanh của kinh tế Trung Quốc là nguyên nhân dẫn đến sự phân hoá giàu nghèo sâu sắc.	Trong khi đó, dân số già, tỉ lệ kết hôn và sinh con thấp đã đặt ra gánh nặng về thiếu hụt nguồn lực lao động, an sinh xã hội ở Nhật Bản.	Thanh niên Hàn Quốc khó tìm việc làm do môi trường cạnh tranh xã hội khốc liệt.

– **Bước 4:** Kết luận, đánh giá

***Công cụ đánh giá:** thang đo

STT	Mức đánh giá	Thang điểm
1	HS tham gia làm việc nhóm không nhiệt tình, nhóm không hoàn thành được bảng.	1 – 3 điểm
2	HS tham gia làm việc nhóm không nhiệt tình, nhóm không hoàn thành bảng nhưng thông tin bị sai nhiều.	4 – 5 điểm

STT	Mức đánh giá	Thang điểm
3	HS tham gia làm việc nhóm nhiệt tình, nhóm hoàn thành bảng nhưng thông tin còn sai.	6 – 8 điểm
4	HS tham gia làm việc nhóm nhiệt tình, nhóm hoàn thành bảng, thông tin chính xác.	9 – 10 điểm

HOẠT ĐỘNG 3. QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN CỦA ASEAN TỪ NĂM 1991 ĐẾN NAY

a) Mục tiêu: (1), (2), (4), (6)

b) Tổ chức thực hiện

– **Bước 1:** Giao nhiệm vụ học tập

GV sử dụng phương pháp dạy học hợp tác và kĩ thuật dạy học giao nhiệm vụ học tập cho HS hoàn thành hai nhiệm vụ sau:

+ Nhiệm vụ 1: Hãy lập bảng thống kê về một số sự kiện nổi bật của ASEAN.

+ Nhiệm vụ 2: Hãy trình bày tình hình ASEAN từ năm 1991 đến nay.

– **Bước 2:** Thực hiện nhiệm vụ

HS được chia thành các nhóm để thực hiện hai nhiệm vụ.

– **Bước 3:** Báo cáo, thảo luận

Các nhóm HS báo cáo sản phẩm.

Dự kiến sản phẩm

+ Nhiệm vụ 1

BẢNG THỐNG KÊ VỀ MỘT SỐ SỰ KIỆN NỔI BẬT CỦA ASEAN

Thời gian	Một số sự kiện nổi bật
Năm 1995	Việt Nam gia nhập ASEAN.
Năm 1997	– Lào, Mi-an-ma gia nhập ASEAN. – Thông qua “Tầm nhìn ASEAN 2020”.
Năm 1999	Cam-pu-chia gia nhập ASEAN.
Năm 2003	Việt Nam lần đầu tổ chức thể vận hội khu vực (SEA Games).
Năm 2004	Thông qua kế hoạch xây dựng ba trụ cột trong hợp tác.
Năm 2015	Cộng đồng ASEAN được thành lập.

+ Nhiệm vụ 2

Tình hình ASEAN từ năm 1991 đến nay: ASEAN đã phát triển thành một trong những tổ chức khu vực quan trọng, có uy tín và thành công trên thế giới. Cộng đồng ASEAN hình thành vào năm 2015 với ba trụ cột về an ninh – chính trị, kinh tế và văn hoá – xã hội đã nâng tiến trình hợp tác và liên kết khu vực lên tầm cao mới vì hoà bình, hợp tác và cùng phát triển thịnh vượng. Đến nay, ASEAN là ngôi nhà chung gần bó hơn 650 triệu người dân của 11 quốc gia Đông Nam Á có bản sắc văn hoá đa dạng, một cộng đồng kinh tế lớn thứ 5 thế giới, một khu vực thương mại tự do chiếm 30% số dân thế giới và 32% GDP toàn cầu.

– **Bước 4:** Kết luận, đánh giá

* **Công cụ đánh giá:** bảng tiêu chí Rubrics

Mức độ Tiêu chí	Mức 1 (3 – 4)	Mức 2 (5 – 7)	Mức 3 (8 – 10)
Nội dung (60%)	Hoàn thành được một nhiệm vụ nhưng thông tin chưa đủ. (1,5 – 2)	Hoàn thành được 2 nhiệm vụ nhưng thông tin chưa đủ. (3 – 4,5)	Hoàn thành được 2 nhiệm vụ, thông tin đủ. (5 – 6)
Khả năng làm việc nhóm (20%)	Không có bảng phân công, nhiều thành viên không làm. (0)	Có bảng phân công, vẫn còn thành viên không làm. (0,5)	Có bảng phân công, tất cả thành viên đều làm. (1)
Hình thức sản phẩm (10%)	Trình bày không rõ ràng. (0,5 – 0,75)	Trình bày rõ ràng nhưng chưa đẹp. (1 – 1,5)	Trình bày rõ ràng, thẩm mỹ. (1,75 – 2)
Thời gian (10%)	Quá thời gian quy định 3 – 5 phút. (0)	Vừa đúng thời gian. (0,5)	Sớm hơn thời gian quy định. (1)

3. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a) Mục tiêu: Rèn luyện kiến thức, kĩ năng đã học.

b) Tổ chức thực hiện

– **Bước 1:** Giao nhiệm vụ học tập

HS thực hiện các bài tập sau:

1. Hãy nêu nhận xét về tốc độ tăng trưởng kinh tế của Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc giai đoạn 1991 – 2021. Theo em, Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc cần ưu tiên giải quyết vấn đề nào trong các thách thức mà xã hội đang đối mặt? Tại sao?

2. Hãy nêu các biểu hiện cho thấy sự tăng cường hợp tác của tổ chức ASEAN trong thế kỉ XXI. Lợi ích của sự tăng cường hợp tác này là gì?

– **Bước 2:** Thực hiện nhiệm vụ

HS thực hiện nhiệm vụ theo nhóm.

– **Bước 3:** Báo cáo, thảo luận

Các nhóm HS báo cáo sản phẩm.

Dự kiến sản phẩm

- + Câu 1. HS dựa vào thông tin trong bài và tư liệu 22.2 để thực hiện bài tập.
- + Câu 2. HS trình bày theo các lĩnh vực, từ đó rút ra các lợi ích.

– **Bước 4:** Kết luận, đánh giá

* **Công cụ đánh giá:** bảng kiểm

STT	Tiêu chí	Đạt hoặc Không đạt
1	HS nêu được nhận xét về tốc độ tăng trưởng kinh tế của Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc giai đoạn 1991 – 2021.	?
2	HS trả lời được câu hỏi: Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc cần ưu tiên giải quyết vấn đề nào trong các thách thức mà xã hội đang đối mặt? Tại sao?	?
3	HS giải thích được lí do chọn vấn đề các nước cần ưu tiên giải quyết.	?

4. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

* **Ghi chú:** HS sẽ thực hiện hoạt động này tại nhà và gửi sản phẩm đến GV vào thời điểm thích hợp do GV xác định.

a) Mục tiêu: (5), (6)

b) Tổ chức thực hiện

– **Bước 1:** Giao nhiệm vụ học tập

HS thực hiện bài tập sau:

Năm 1997, lần đầu tiên ASEAN ra tuyên bố chung “Tầm nhìn ASEAN 2020”, trong đó sự thống nhất khu vực được nhấn mạnh: “Sông núi không còn chia cắt mà gắn kết chúng ta trong hữu nghị và hợp tác”. Hãy sưu tầm 3 sự kiện chứng minh tinh thần “hữu nghị và hợp tác” của các nước ASEAN từ năm 1997 đến nay.

GV hướng dẫn HS thực hiện như sau:

HS sưu tầm 3 sự kiện chứng minh tinh thần “hữu nghị và hợp tác” của các nước ASEAN từ năm 1997 đến nay. Gợi ý: các hoạt động gồm diễn đàn hợp tác, các cuộc thi về giáo dục, thể thao, y tế,...

– **Bước 2:** Thực hiện nhiệm vụ

HS thực hiện nhiệm vụ học tập cá nhân.

– **Bước 3:** Báo cáo, thảo luận

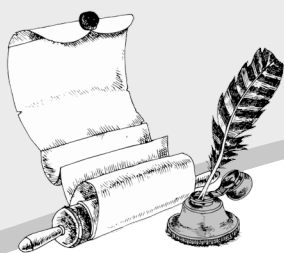
– **Bước 4:** Kết luận, đánh giá

* **Công cụ đánh giá:** thang đo

STT	Mức đánh giá	Thang điểm
1	HS sưu tầm được một sự kiện đúng yêu cầu.	1 – 3 điểm
2	HS sưu tầm được 2 sự kiện đúng yêu cầu.	4 – 5 điểm
3	HS sưu tầm được 3 sự kiện đúng yêu cầu.	6 – 7 điểm

B. KẾ HOẠCH BÀI DẠY CÁCH 2: DỰA TRÊN MA TRẬN VÀ CHƯƠNG TRÌNH GDPT 2018

Hoạt động	Mục tiêu			Nội dung	Phương pháp hoặc Kỹ thuật dạy học	Công cụ đánh giá
	Năng lực chung	Năng lực lịch sử	Phẩm chất			
Hoạt động khởi động	Nhận biết được các yêu cầu cần đạt của bài học.			Yêu cầu cần đạt của bài học.	KTDH giao nhiệm vụ học tập	Bảng kiểm
Hoạt động hình thành kiến thức mới						
Hoạt động 1	1	2, 3	6	Tình hình kinh tế – xã hội của các nước Đông Bắc Á	– PPDH hợp tác – KTDH mảnh ghép	Thang đo
Hoạt động 2	1	2, 4	6	Quá trình phát triển của ASEAN từ năm 1991 đến nay	– PPDH hợp tác – KTDH giao nhiệm vụ học tập	Bảng tiêu chí Rubrics
Hoạt động luyện tập	Rèn luyện kiến thức, kỹ năng đã học.			– Tốc độ tăng trưởng kinh tế của Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc giai đoạn 1991 – 2021.	PPDH hợp tác	Bảng kiểm
				– Vấn đề cần ưu tiên giải quyết của Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc trong các thách thức mà xã hội đang đối mặt.		
				Biểu hiện cho thấy sự tăng cường hợp tác của tổ chức ASEAN trong thế kỷ XXI.		
Hoạt động vận dụng		5	6	Sưu tầm các sự kiện chứng minh tinh thần “hữu nghị và hợp tác” của các nước ASEAN từ năm 1997 đến nay trên cơ sở tuyên bố chung “Tầm nhìn ASEAN 2020”, trong đó sự thống nhất khu vực được nhấn mạnh: “Sông núi không còn chia cắt mà gắn kết chúng ta trong hữu nghị và hợp tác”.	KTDH giao nhiệm vụ	Thang đo



Chương VI. VIỆT NAM TỪ NĂM 1991 ĐẾN NAY

Bài 23.

CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI TỪ NĂM 1991 ĐẾN NAY

(DỰ KIẾN 1 TIẾT)

A. KẾ HOẠCH BÀI DẠY CÁCH 1:

I. MỤC TIÊU

Phẩm chất, năng lực	Yêu cầu cần đạt	Mã số
1. Năng lực chung		
Giao tiếp và hợp tác	Hiểu rõ nhiệm vụ của nhóm; đánh giá được khả năng của bản thân và tự nhận công việc phù hợp.	1
Giải quyết vấn đề và sáng tạo	Biết phát hiện và giải quyết vấn đề một cách sáng tạo, hoàn thành được nhiệm vụ hoạt động nhóm.	2
2. Năng lực lịch sử		
Tìm hiểu lịch sử	Khai thác và sử dụng thông tin của một số tư liệu lịch sử (23.1, 23.2, 23.3, 23.4) và phần <i>Em có biết</i> để biết được những thành tựu tiêu biểu (trên các lĩnh vực kinh tế, chính trị, xã hội, văn hoá, quốc phòng, an ninh,...) của công cuộc Đổi mới đất nước từ năm 1991 đến nay.	3
Nhận thức và tư duy lịch sử	Giới thiệu được nét chính về những thành tựu tiêu biểu (trên các lĩnh vực kinh tế, chính trị, xã hội, văn hoá, quốc phòng, an ninh,...) của công cuộc Đổi mới đất nước từ năm 1991 đến nay.	4
	Đánh giá được thành tựu và hạn chế trong việc thực hiện đường lối Đổi mới ở Việt Nam từ năm 1991 đến nay.	5
Vận dụng	Vận dụng kiến thức đã học về những thành tựu của công cuộc Đổi mới đất nước từ năm 1991 đến nay để sưu tầm những thành tựu đó ở địa phương nơi em sinh sống, sau đó chọn và giới thiệu một thành tựu tiêu biểu nhất.	6
3. Phẩm chất		
Yêu nước	Hiểu được những gian nan, vất vả của ông cha trong quá trình giữ gìn và bảo vệ toàn vẹn lãnh thổ, giáo dục phẩm chất yêu nước, ý thức bảo vệ Tổ quốc.	7
Sáng tạo	Phát triển năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.	8

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- Máy tính, máy chiếu.
- Phiếu học tập (giấy A0), nam châm dán phiếu học tập, bút màu.
- SGK, SGV *Lịch sử và Địa lí 9* (phần Lịch sử) (Bộ sách *Chân trời sáng tạo*).
- Các video *Việt Nam 35 năm Đổi mới – Hành trình chuyển mình để đột phá, vươn cao; Văn hoá Việt Nam sau 35 năm Đổi mới*,...
- Hình ảnh liên quan đến công cuộc Đổi mới đất nước từ năm 1991 đến nay.
- Một số tài liệu tham khảo: Lê Mậu Hãn (Chủ biên), *Lịch sử Việt Nam*, tập IV, NXB Đại học quốc gia Hà Nội, Hà Nội, 2017; Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam – Viện Sử học, *Lịch sử Việt Nam*, tập 15, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 2017;...

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a) Mục tiêu: Sau khi tham gia hoạt động, HS sẽ nhận biết được yêu cầu cần đạt của bài học.

b) Tổ chức thực hiện

- **Gợi ý 1:** GV dùng phần *Dẫn nhập* trong SGK để dẫn dắt HS vào bài học.
- **Gợi ý 2:** GV có thể tổ chức cho HS xem video *Việt Nam 35 năm Đổi mới – Hành trình chuyển mình để đột phá, vươn cao*, sau đó nhận xét, dẫn dắt vào bài học và nêu các yêu cầu cần đạt của bài học: *Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng Cộng sản Việt Nam (1 – 2021) đã nhận định: “Đất nước ta chưa bao giờ có được cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín quốc tế như ngày nay”. Diện mạo đất nước và đời sống của nhân dân có nhiều thay đổi. Năm 2020, Việt Nam cùng lúc đảm nhận 3 trọng trách: Ủy viên không thường trực Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc, Chủ tịch ASEAN và Chủ tịch Đại hội đồng Liên nghị viện ASEAN (ALPA). Điều gì đã tạo nên sự thay đổi kì diệu ấy? Từ năm 1991 đến nay, công cuộc Đổi mới đất nước tiếp tục diễn ra như thế nào và đạt được những thành tựu tiêu biểu nào về kinh tế, chính trị, xã hội, quốc phòng,... để nâng cao thể và lực của đất nước?*

2. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

2.1. HOẠT ĐỘNG 1: THÀNH TỰU VỀ KINH TẾ

a) Mục tiêu: (1), (2), (3), (4)

b) Tổ chức thực hiện

- **Bước 1:** Giao nhiệm vụ học tập

GV cho HS hoàn thành nhiệm vụ sau: Dựa vào các tư liệu 23.2, 23.3 và thông tin trong SGK kết hợp với các tư liệu dưới đây, hãy cho biết từ năm 1991 đến nay nền kinh tế của Việt Nam từng bước phát triển theo hướng hiện đại hoá như thế nào.

Tư liệu 1.

Trong vòng 20 năm (1991 – 2011), tăng trưởng GDP của Việt Nam đạt 7,34%/năm, thuộc loại cao ở khu vực Đông Nam Á nói riêng, ở châu Á và trên thế giới nói chung. Quy mô kinh tế năm 2011 gấp trên 4,4 lần năm 1990 và gấp trên 2,1 lần năm 2000.

(Theo Dương Ngọc, *Kinh tế Việt Nam: 67 năm qua các con số*, 31 – 08 – 2012)

Tư liệu 2.

Tốc độ tăng trưởng GDP của Việt Nam, giai đoạn 1991 – 2020

Năm	1991	1996	2001	2006	2011	2016	2020
Tốc độ tăng trưởng GDP (%)	5,96	9,34	6,19	6,98	6,24	6,21	2,91

(Nguồn: Thông tấn xã Việt Nam)

Tư liệu 3.

Tốc độ tăng GDP năm 2021 đạt 2,56% so với năm 2020. GDP bình quân đầu người năm 2021 đạt 3,717 USD/người, tăng 165 USD so với năm 2020. Cơ cấu GDP năm 2021, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm tỉ trọng 12,56%; khu vực công nghiệp và xây dựng chiếm 37,47%; khu vực dịch vụ chiếm 41,21%; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm chiếm 8,76%. Cán cân thương mại hàng hoá năm 2021 xuất siêu 3,32 tỉ USD, là năm thứ 6 liên tiếp Việt Nam xuất siêu.

(Theo Tổng cục Thống kê, *Niên giám thống kê năm 2021*, NXB Thống kê, Hà Nội, 2021)

– Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS khai thác, sử dụng tư liệu 23.2, 23.3 và thông tin trong SGK kết hợp với các tư liệu đã cho để hoàn thành nhiệm vụ.

– Bước 3: Báo cáo, thảo luận

HS báo cáo sản phẩm.

Dự kiến sản phẩm

Từ năm 1991 đến nay, nền kinh tế Việt Nam tăng trưởng bền vững với quy mô ngày càng mở rộng (sử dụng số liệu từ tư liệu đã cho để chứng minh). Từ năm 2008, Việt Nam đã ra khỏi nhóm nước và vùng lãnh thổ thu nhập thấp để gia nhập nhóm nước và vùng lãnh thổ có thu nhập trung bình thấp...

– Bước 4: Kết luận, đánh giá

***Công cụ đánh giá:** thang đo

HS tự đánh giá: khoanh tròn mức độ đạt được khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

Tiêu chí	Mức độ đạt được				
HS khai thác được các tư liệu về những thành tựu kinh tế của Việt Nam từ năm 1991 đến nay.	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)

2.2. HOẠT ĐỘNG 2: THÀNH TỰU VỀ CHÍNH TRỊ

a) Mục tiêu: (1), (3), (4), (6), (7)

b) Tổ chức thực hiện

– **Bước 1:** Giao nhiệm vụ học tập

GV cho HS hoàn thành nhiệm vụ sau: Dựa vào thông tin trong SGK và phần *Em có biết* kết hợp với các tư liệu dưới đây, hãy nêu các biểu hiện cho thấy Việt Nam đạt được sự ổn định chính trị và nâng cao uy tín trên trường quốc tế. Em có nhận xét gì về nguyên tắc “kiểm soát quyền lực” được khẳng định trong *Hiến pháp* năm 2013?

Tư liệu 4.

Quan hệ đối ngoại được mở rộng và ngày càng đi vào chiều sâu, tính đến tháng 1 – 2023, Việt Nam đã thiết lập quan hệ ngoại giao với 191/193 quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới, xây dựng quan hệ đối tác chiến lược, đối tác toàn diện với 30 nước, trong đó, có 5 nước thường trực Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc.

Năm 2020, Việt Nam đảm nhận các trọng trách quốc tế quan trọng là Chủ tịch ASEAN, Chủ tịch AIPA-41 và Ủy viên không thường trực Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc nhiệm kỳ 2020 – 2021. Việt Nam cũng là thành viên chủ động, tích cực và có trách nhiệm của Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN), Diễn đàn hợp tác kinh tế châu Á – Thái Bình Dương (APEC), các tổ chức của Liên hợp quốc,... được cộng đồng quốc tế tôn trọng.

(Tổng hợp từ nhiều nguồn)

Tư liệu 5.

Từ khi gia nhập tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) đến nay, Việt Nam đã kí 15 hiệp định thương mại tự do (FTA) khu vực và song phương, đang đàm phán 2 FTA với các đối tác khác. Các FTA mà Việt Nam tham gia có độ phủ rộng hầu hết các châu lục với gần 60 nền kinh tế có tổng GDP chiếm gần 90% GDP thế giới, trong đó có 15 nước thành viên G20 và 9/10 đối tác kinh tế – thương mại lớn nhất của Việt Nam thuộc 3 trung tâm kinh tế lớn nhất thế giới là Bắc Mỹ, Tây Âu và Đông Á. Do đó, việc tham gia và thực thi các FTA sẽ mang lại những cơ hội lớn cho Việt Nam, tác động tích cực tới phát triển kinh tế, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia, doanh nghiệp và sản phẩm,...

(Theo Trung tâm WTO và Hội nhập)

– **Bước 2:** Thực hiện nhiệm vụ

HS khai thác, sử dụng thông tin trong SGK và phần *Em có biết* kết hợp với các tư liệu đã cho để hoàn thành nhiệm vụ.

– **Bước 3:** Báo cáo, thảo luận

HS báo cáo sản phẩm.

Dự kiến sản phẩm

+ Các biểu hiện: Công cuộc xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa đạt được nhiều kết quả quan trọng như xây dựng nền tảng vững chắc liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức; phát huy vai trò giám sát, phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc các cấp và nhân dân; củng cố quyền lực nhà nước theo nguyên tắc “kiểm soát quyền lực”.

+ Nhận xét về nguyên tắc “kiểm soát quyền lực” được khẳng định trong *Hiến pháp* năm 2013:

Hiến pháp năm 2013 đã thể hiện cách thức tổ chức và thực thi quyền lực nhà nước nói chung và cơ chế kiểm soát quyền lực nhà nước nói riêng, tạo bước tiến tích cực trong việc phát huy hiệu quả quản lí của Nhà nước và quyền dân chủ của nhân dân, thúc đẩy tăng trưởng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Tại Khoản 3, Điều 2, Chương I của *Hiến pháp* quy định “Quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công, phối hợp, kiểm soát giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp”.

Ở Việt Nam, quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp đều bắt nguồn từ nhân dân. Cả ba quyền này tuy có chức năng, nhiệm vụ khác nhau nhưng đều là những yếu tố tạo nên sự thống nhất của quyền lực nhà nước. *Hiến pháp* năm 2013 ra đời là một bước tiến quan trọng trong việc hoàn thiện bộ máy nhà nước, tạo dựng cơ chế phân công, phối hợp và kiểm soát quyền lực, bảo đảm cho bộ máy nhà nước hoạt động hiệu quả.

– **Bước 4:** Kết luận, đánh giá

***Công cụ đánh giá:** thang đo

HS tự đánh giá: khoanh tròn mức độ đạt được khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

Tiêu chí	Mức độ đạt được				
HS khai thác được các tư liệu về những thành tựu chính trị của Việt Nam từ năm 1991 đến nay.	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)

2.3. HOẠT ĐỘNG 3. THÀNH TỰU VĂN HOÁ – XÃ HỘI

a) Mục tiêu: (1), (3), (4), (6), (7)

b) Tổ chức thực hiện

– **Bước 1:** Giao nhiệm vụ học tập

GV cho HS hoàn thành nhiệm vụ sau: Dựa vào thông tin trong SGK và phần *Em có biết* kết hợp với các tư liệu dưới đây, hãy nêu những thành tựu tiêu biểu nhất trong lĩnh vực văn hoá – xã hội ở Việt Nam từ năm 1991 đến nay.

Tư liệu 6.

Giải quyết có hiệu quả mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế với phát triển văn hoá; thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội; khuyến khích, phát huy được tính tích cực, chủ động, sáng tạo của nhân dân. Chỉ số phát triển con người (HDI) tăng đều đặn và liên tục, xếp thứ 117/189 quốc gia và vùng lãnh thổ (2019), đạt được ba sự vượt trội; thứ bậc về HDI tăng lên qua các năm; chỉ số và thứ bậc về tuổi thọ và học vấn cao hơn chỉ số về kinh tế.

(Theo Phạm Xuân Nam, Kết hợp tăng trưởng kinh tế với tiến bộ và công bằng xã hội trong mô hình phát triển của Việt Nam ở thời kì đổi mới, Tạp chí Khoa học xã hội Việt Nam, số 6 – 2010)

Tư liệu 7.

Công tác xoá đói giảm nghèo hoàn thành sớm hơn so với kế hoạch toàn cầu: giảm một nửa tỉ lệ nghèo (2015) mà mục tiêu Thiên niên kỉ (MDGs) của Liên hợp quốc đã đề ra, được đánh giá là nước có tốc độ giảm nghèo nhanh nhất khu vực Đông Nam Á.

(Theo Cơ quan đại diện Liên hợp quốc tại Việt Nam, Đưa các mục tiêu Thiên niên kỉ đến với người dân, 2002, Hà Nội, trang 1)

Tư liệu 8.

Công tác giáo dục đạt được nhiều thành tựu. Quy mô giáo dục tiếp tục được phát triển, cơ sở vật chất được nâng cao, chất lượng đào tạo từng bước đáp ứng yêu cầu về nguồn nhân lực. Nhiều chỉ số về giáo dục phổ thông của Việt Nam được đánh giá cao trong khu vực. Vị thế các trường đại học của Việt Nam đã được nâng lên trong bảng xếp hạng châu Á và thế giới, năm 2019 xếp thứ 68/196 quốc gia trên thế giới, tăng 12 bậc so với năm 2018. Lần đầu tiên, Việt Nam có 4 cơ sở giáo dục đại học được vào top 1 000 trường đại học tốt nhất thế giới. Việt Nam đang là điểm đến được lựa chọn của nhiều sinh viên quốc tế trong những năm gần đây.

Năng lực của hệ thống các cơ sở y tế được củng cố và phát triển. Nhờ đó, người dân dễ dàng tiếp cận với các dịch vụ y tế hơn. Bên cạnh đó, cơ sở vật chất, trang thiết bị y tế cũng được chú trọng đầu tư, đáp ứng tốt hơn nhu cầu khám, chữa bệnh của nhân dân... Việt Nam là một trong số ít quốc gia có hệ thống y tế hoàn chỉnh, tổ chức rộng khắp tới tận thôn, bản; làm chủ được nhiều kĩ thuật công nghệ cao mang tầm thế giới như: ghép chi, tim, gan, thận,...; kiểm soát được nhiều dịch bệnh nguy hiểm, trong đó có Covid-19;...

(Tổng hợp từ nhiều nguồn)

– Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS khai thác, sử dụng thông tin trong SGK và phần *Em có biết* kết hợp với các tư liệu đã cho để hoàn thành nhiệm vụ.

– Bước 3: Báo cáo, thảo luận

HS báo cáo sản phẩm.

Dự kiến sản phẩm

Đời sống của người dân ổn định và nâng cao; Việt Nam trở thành một trong 52 quốc gia có chỉ số HDI cao; nhiều chỉ số về giáo dục phổ thông được đánh giá cao trong khu vực;...

– **Bước 4:** Kết luận, đánh giá

***Công cụ đánh giá:** thang đo

HS tự đánh giá: khoanh tròn mức độ đạt được khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

Tiêu chí	Mức độ đạt được				
HS khai thác được các tư liệu về những thành tựu văn hoá – xã hội của Việt Nam từ năm 1991 đến nay.	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)

2.4. HOẠT ĐỘNG 4: THÀNH TỰU VỀ QUỐC PHÒNG – AN NINH

a) Mục tiêu: (1), (3), (4), (6), (7)

b) Tổ chức thực hiện

– **Bước 1:** Giao nhiệm vụ học tập

GV cho HS hoàn thành nhiệm vụ sau: Dựa vào thông tin trong SGK và tư liệu 23.4, hãy cho biết công cuộc Đổi mới ở Việt Nam đã đem đến những thành tựu tiêu biểu nào trong lĩnh vực quốc phòng – an ninh.

– **Bước 2:** Thực hiện nhiệm vụ

HS khai thác, sử dụng thông tin trong SGK và tư liệu 23.4 để hoàn thành nhiệm vụ.

– **Bước 3:** Báo cáo, thảo luận

HS báo cáo sản phẩm.

Dự kiến sản phẩm

Bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc là thành tựu cơ bản nhất của Việt Nam; vấn đề an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, an toàn cho các sự kiện chính trị quan trọng tổ chức tại Việt Nam được đảm bảo Việt Nam nằm trong nhóm các quốc gia cải thiện thứ hạng về chỉ số hoà bình;...

– **Bước 4:** Kết luận, đánh giá

***Công cụ đánh giá:** thang đo

HS tự đánh giá: khoanh tròn mức độ đạt được khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

Tiêu chí	Mức độ đạt được				
HS khai thác được các tư liệu về những thành tựu quốc phòng – an ninh của Việt Nam từ năm 1991 đến nay.	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)

3. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a) Mục tiêu: Rèn luyện kiến thức, kĩ năng đã học.

b) Tổ chức thực hiện

– **Bước 1:** Giao nhiệm vụ học tập

HS thực hiện bài tập sau: *Hãy lập bảng tóm tắt những thành tựu tiêu biểu của Việt Nam từ năm 1991 đến nay.*

– **Bước 2:** Thực hiện nhiệm vụ
HS thực hiện nhiệm vụ học tập theo nhóm.

– **Bước 3:** Báo cáo, thảo luận
Các nhóm HS báo cáo sản phẩm.

Dự kiến sản phẩm

STT	Lĩnh vực	Thành tựu tiêu biểu
1	Kinh tế	Từ năm 1991 đến nay, nền kinh tế tăng trưởng bền vững với quy mô ngày càng mở rộng...
2	Chính trị	Sau gần 30 năm Đổi mới, Việt Nam đã giữ vững độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ...
3	Văn hoá – xã hội	Đời sống của người dân ổn định và nâng cao...
4	Quốc phòng – an ninh	Vấn đề an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, an toàn cho các sự kiện chính trị quan trọng tổ chức tại Việt Nam được đảm bảo...

– **Bước 4:** Kết luận, đánh giá

***Công cụ đánh giá:** bài tập

4. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

***Ghi chú:** HS sẽ thực hiện hoạt động này tại nhà và gửi sản phẩm đến GV vào thời điểm thích hợp do GV xác định.

a) Mục tiêu: (6), (8)

b) Tổ chức thực hiện

– **Bước 1:** Giao nhiệm vụ học tập

HS thực hiện bài tập sau: *Hãy sưu tầm những thành tựu trong công cuộc Đổi mới đất nước từ năm 1991 đến nay ở địa phương nơi em sinh sống. Chọn và giới thiệu một thành tựu tiêu biểu nhất.*

GV hướng dẫn HS tự rút ra bài học lịch sử (cải cách là con đường để phát triển đất nước; tăng cường giao lưu, hợp tác với các nước; coi trọng khoa học, kĩ thuật; một đất nước phát triển sẽ bảo vệ được nền độc lập của mình,...). Qua đó, HS hiểu đúng về công cuộc Đổi mới toàn diện đất nước và ý thức rõ trách nhiệm của bản thân đối với công cuộc Đổi mới đất nước hiện nay.

– **Bước 2:** Thực hiện nhiệm vụ

HS thực hiện nhiệm vụ học tập cá nhân.

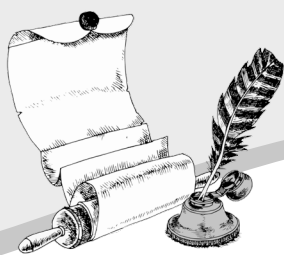
– **Bước 3:** Báo cáo, thảo luận

– **Bước 4:** Kết luận, đánh giá

***Công cụ đánh giá:** bài tập

B. KẾ HOẠCH BÀI DẠY CÁCH 2: DỰA TRÊN MA TRẬN VÀ CHƯƠNG TRÌNH GDPT 2018

Hoạt động	Mục tiêu			Nội dung	Phương pháp hoặc Kỹ thuật dạy học	Công cụ đánh giá
	Năng lực chung	Năng lực lịch sử	Phẩm chất			
Hoạt động khởi động	Nhận biết được các yêu cầu cần đạt của bài học.			Yêu cầu cần đạt của bài học.	PPDH diễn giảng	Câu hỏi
Hoạt động hình thành kiến thức mới						
Hoạt động 1	1, 2	3,4		Thành tựu về kinh tế	PPDH hợp tác	Thang đo
Hoạt động 2	1	3, 4, 6	7	Thành tựu về chính trị	PPDH giải quyết vấn đề	Thang đo
Hoạt động 3	1	3, 4, 6	7	Thành tựu văn hoá – xã hội	PPDH giải quyết vấn đề	Thang đo
Hoạt động 4	1	3, 4, 6	7	Thành tựu về quốc phòng – an ninh	PPDH giải quyết vấn đề	Thang đo
Hoạt động luyện tập	Rèn luyện kiến thức, kĩ năng đã học.			Tóm tắt những thành tựu tiêu biểu của Việt Nam từ năm 1991 đến nay.	PPDH hợp tác	Bài tập
Hoạt động vận dụng		6	8	Sưu tầm những thành tựu trong công cuộc Đổi mới đất nước từ năm 1991 đến nay ở địa phương nơi em sinh sống, sau đó chọn và giới thiệu một thành tựu tiêu biểu nhất.	PPDH giải quyết vấn đề	Bài tập



Chương VII. CÁCH MẠNG KHOA HỌC, KỸ THUẬT VÀ XU THẾ TOÀN CẦU HOÁ

Bài 24.

CÁCH MẠNG KHOA HỌC, KỸ THUẬT VÀ XU THẾ TOÀN CẦU HOÁ

(DỰ KIẾN 1 TIẾT)

A. KẾ HOẠCH BÀI DẠY CÁCH 1:

I. MỤC TIÊU

Phẩm chất, năng lực	Yêu cầu cần đạt	Mã số
1. Năng lực chung		
Giải quyết vấn đề và sáng tạo	Thông qua trải nghiệm, nhận thức cá nhân để thảo luận các vấn đề về tác động của cách mạng khoa học, kỹ thuật và xu thế toàn cầu hoá.	1
2. Năng lực lịch sử		
Tìm hiểu lịch sử	Khai thác và sử dụng thông tin của một số tư liệu lịch sử (24.1, 24.2, 24.3, 24.4, 24.5) để nhận thức về nội dung của cách mạng khoa học, kỹ thuật; về xu hướng toàn cầu hoá và tác động của toàn cầu hoá đối với thế giới và Việt Nam.	2
Nhận thức và tư duy lịch sử	Mô tả được những thành tựu chủ yếu của cách mạng khoa học, kỹ thuật trên thế giới và ảnh hưởng của cuộc cách mạng đó đến Việt Nam.	3
	Trình bày được những nét cơ bản về xu hướng toàn cầu hoá và đánh giá được tác động của toàn cầu hoá đối với thế giới và Việt Nam.	4
Vận dụng	Vận dụng kiến thức về xu thế toàn cầu hoá, cơ hội và thách thức của xu thế này đối với Việt Nam để đề xuất một số biện pháp giữ gìn và phát huy bản sắc văn hoá dân tộc trong xu thế toàn cầu hoá hiện nay.	5
3. Phẩm chất		
Chăm chỉ	Đọc và sưu tầm các thông tin và hình ảnh, tư liệu về cuộc cách mạng cách mạng 4.0 và xu thế toàn cầu hoá hiện nay.	6

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- Máy tính, máy chiếu.
- Phiếu học tập (giấy A0), nam châm dán phiếu học tập, bút màu.
- SGK, SGV *Lịch sử và Địa lí 9* (phần Lịch sử) (Bộ sách *Chân trời sáng tạo*).

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a) Mục tiêu: Sau khi tham gia hoạt động, HS sẽ nhận biết được yêu cầu cần đạt của bài học.

b) Tổ chức thực hiện

- **Gợi ý 1:** GV dùng phần *Dẫn nhập* trong SGK để dẫn dắt HS vào bài học.
- **Gợi ý 2:** GV thiết kế câu hỏi trắc nghiệm, trò chơi, hình ảnh có liên quan đến thành tựu của cách mạng khoa học, kĩ thuật và xu thế toàn cầu hoá, các vấn đề mang tính toàn cầu,...

2. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

2.1. HOẠT ĐỘNG 1: CÁCH MẠNG KHOA HỌC, KĨ THUẬT

a) Mục tiêu: (1), (2), (3), (6) và Luyện tập câu 2

b) Tổ chức thực hiện

– **Bước 1:** Giao nhiệm vụ học tập

GV chia lớp thành các nhóm và giao nhiệm vụ học tập:

- + Nhiệm vụ 1: Theo em, thành tựu nào có giá trị ứng dụng nhất trong đời sống hiện nay?
- + Nhiệm vụ 2: Cách mạng khoa học, kĩ thuật mang đến thuận lợi và thách thức gì cho sự phát triển của Việt Nam? (Các nhóm HS sử dụng thông tin trong SGK hoàn thành phiếu học tập dưới đây)

PHIẾU HỌC TẬP

Thuận lợi	Thách thức
– Sản xuất: (1). – Quản lí hành chính: (2). – Giáo dục, y tế: (3). – Đời sống xã hội: (4).	(5)

– **Bước 2:** Thực hiện nhiệm vụ

- + Nhiệm vụ 1: HS thảo luận theo nhóm, mỗi nhóm lựa chọn một thành tựu. Với mỗi thành tựu được lựa chọn, nhóm HS nêu một lí do và một ví dụ để chứng minh.
- + Nhiệm vụ 2: GV hướng dẫn nhóm HS sử dụng thông tin trong SGK để hoàn thành phiếu học tập; sau đó, nhóm HS nêu một ví dụ về thuận lợi và một ví dụ về thách thức.

– **Bước 3:** Báo cáo, thảo luận

Các nhóm HS báo cáo sản phẩm.

+ **Nhiệm vụ 1:** HS xác định được thành tựu, nêu được lí do và cho ví dụ để chứng minh.

+ **Nhiệm vụ 2:**

PHIẾU HỌC TẬP

Thuận lợi	Thách thức
– Sản xuất: (1) chuyển giao công nghệ sản xuất hiện đại (dây chuyền lắp ráp ô tô,...). – Quản lí hành chính: (2) chính phủ điện tử,... – Giáo dục, y tế: (3) môi trường dạy học đa dạng, trí tuệ nhân tạo trong y khoa,... – Đời sống xã hội: (4) kết nối liên lạc thông qua mạng xã hội,...	(5) – Sự lệ thuộc vào công nghệ. – Tin giả. – Xâm phạm đời sống cá nhân.

Lưu ý: cần đưa ra những ví dụ về thuận lợi và thách thức tương ứng với những lĩnh vực đã xác định trong phiếu học tập.

GV tôn trọng ý kiến của HS và chú trọng hướng dẫn HS xây dựng lí lẽ thuyết phục để xây dựng, bảo vệ quan điểm.

– **Bước 4:** Kết luận, đánh giá

GV chốt và chuẩn hoá kiến thức:

Từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai đến nay, quá trình phát triển của cách mạng khoa học, kĩ thuật có thể chia thành 3 giai đoạn nối tiếp nhau:

- + Từ những năm 40 đến đầu những năm 70 của thế kỉ XX, cách mạng khoa học, kĩ thuật đạt được những bước tiến dài trong lĩnh vực khoa học cơ bản (Toán học, Vật lí học,...).
- + Từ những năm 70 của thế kỉ XX đến cuối thế kỉ XX, cách mạng khoa học, kĩ thuật đạt được nhiều thành tựu trong lĩnh vực công nghệ, làm thay đổi nhận thức của con người về thế giới.
- + Trong những năm đầu thế kỉ XXI, cách mạng công nghiệp 4.0 với thành tựu nổi bật là vạn vật kết nối (IoT), dữ liệu lớn (Big Data), trí tuệ nhân tạo (AI),...

Cách mạng công nghệ có tác động đến Việt Nam trên cả hai phương diện là tích cực lẫn tiêu cực.

***Công cụ đánh giá:** thang đo

Các nhóm HS tự đánh giá: khoanh tròn mức độ đạt được của nhóm khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

Tiêu chí	Mức độ đạt được				
Mức độ thuyết phục của lí lẽ, ví dụ.	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)

2.2. HOẠT ĐỘNG 2: XU THẾ TOÀN CẦU HOÁ

a) Mục tiêu: (1), (2), (4), (6)

b) Tổ chức thực hiện

– **Bước 1:** Giao nhiệm vụ học tập

GV chia lớp thành các nhóm và giao nhiệm vụ học tập:

- + Nhiệm vụ 1: Từ tư liệu 24.3 trang 126 trong SGK, theo em, lĩnh vực nào phản ánh rõ nhất đặc trưng của xu thế toàn cầu hoá? Tại sao?
- + Nhiệm vụ 2: Từ bảng 24.4 trang 127 trong SGK, theo em, cơ hội lớn nhất cần nắm bắt và thách thức lớn nhất phải đối mặt của Việt Nam là gì dưới tác động của toàn cầu hoá?

– **Bước 2:** Thực hiện nhiệm vụ

GV có thể tổ chức các nhóm HS tranh luận (sử dụng kĩ thuật dạy học “tranh luận ủng hộ – phản đối”).

– **Bước 3:** Báo cáo, thảo luận

- + Nhiệm vụ 1: Các nhóm HS xác định được lĩnh vực mà nhóm cho là phản ánh rõ nhất đặc trưng của xu thế toàn cầu hoá, nêu lí do.
- + Nhiệm vụ 2: Các nhóm HS xác định được cơ hội lớn nhất cần nắm bắt và thách thức lớn nhất phải đối mặt của Việt Nam dưới tác động của toàn cầu hoá, nêu lí do và ví dụ chứng minh.

GV tôn trọng ý kiến của HS và chú trọng hướng dẫn HS xây dựng lí lẽ thuyết phục để xây dựng, bảo vệ quan điểm.

– **Bước 4:** Kết luận, đánh giá

GV chốt và chuẩn hoá kiến thức:

- + Sự phát triển của khoa học và công nghệ là nhân tố thúc đẩy sự phát triển của xu thế toàn cầu hoá. Cùng với sự phát triển ngày càng nhanh của khoa học công nghệ, từ khi bắt đầu trở thành xu thế vào thập niên 80 của thế kỉ XX, toàn cầu hoá ngày càng trở thành một trong những xu thế chủ đạo, tạo lập thế giới phụ thuộc lẫn nhau trên nhiều phương diện – nền tảng vững chắc cho xu hướng đối thoại và hợp tác trong quan hệ quốc tế.
- + Bên cạnh đó là các biểu hiện của xu thế toàn cầu hoá và những cơ hội, thách thức mà xu thế này tác động đến thế giới và Việt Nam.

***Công cụ đánh giá:** thang đo

Tiêu chí	Mức độ đạt được
Nhiệm vụ 1	
Với lĩnh vực được xác định, HS nêu thuyết phục 2 lí do để cho rằng lĩnh vực đó phản ánh rõ đặc trưng của xu thế toàn cầu hoá.	(1) (2) (3) (4) (5)
Với mỗi lí do được nêu ra, HS cung cấp được từ một ví dụ để chứng minh.	(1) (2) (3) (4) (5)
HS trình bày tự tin, diễn đạt rõ ràng, thuyết phục ý tưởng.	(1) (2) (3) (4) (5)

Nhiệm vụ 2					
Với việc xác định được cơ hội lớn nhất cần nắm bắt, HS nêu được một lí do và một ví dụ để chứng minh.	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
Với việc xác định được thách thức lớn nhất phải đối mặt, HS nêu được một lí do và một ví dụ để chứng minh.	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)

3. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a) Mục tiêu: Rèn luyện kiến thức, kĩ năng đã học.

b) Tổ chức thực hiện

– **Bước 1:** Giao nhiệm vụ học tập

HS thực hiện các bài tập sau:

1. Theo em, thời cơ và thách thức lớn nhất mà cách mạng khoa công nghệ mang đến cho Việt Nam là gì? Tại sao?

2. Hãy vẽ sơ đồ tư duy thể hiện thành tựu tiêu biểu của cách mạng khoa học công nghệ. Trong các vấn đề toàn cầu đòi hỏi các nước cùng hợp tác giải quyết được trình bày tại bảng 24.3, em chú ý đến vấn đề nào nhất? Tại sao?

GV hướng dẫn HS thực hiện như sau:

+ Câu 1. HS sử dụng ngữ liệu đã thảo luận ở nội dung mục 1b để thực hiện yêu cầu, sau đó lựa chọn thông tin, xây dựng luận điểm và lí lẽ cho luận điểm.

+ Câu 2. HS khai thác, sử dụng tư liệu 24.1 để vẽ sơ đồ tư duy thể hiện thành tựu tiêu biểu của cách mạng khoa học công nghệ. Ngoài ra, HS khai thác cột “Các vấn đề toàn cầu” trong tư liệu 24.3 để thực hiện yêu cầu và nêu lí do.

– **Bước 2:** Thực hiện nhiệm vụ

HS thực hiện nhiệm vụ học tập theo nhóm.

– **Bước 3:** Báo cáo, thảo luận

– **Bước 4:** Kết luận, đánh giá

***Công cụ đánh giá:** bảng kiểm và thang đo

– **Công cụ đánh giá nhiệm vụ 1:** bảng kiểm

Tiêu chí	Có hoặc Không
Đáp ứng các yêu cầu về kĩ thuật vẽ sơ đồ tư duy (màu sắc, phân nhánh,...).	?
Lựa chọn và sắp xếp đúng thông tin từ SGK đối với từng lĩnh vực.	?
Các thông tin được trình bày súc tích, ngắn gọn.	?

– **Công cụ đánh giá nhiệm vụ 2:** thang đo

Các nhóm HS tự đánh giá: khoanh tròn mức độ đạt được của nhóm khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

Tiêu chí	Mức độ đạt được				
Với vấn đề được xác định, HS nêu được hai lí do thuyết phục để cho rằng vấn đề toàn cầu đó đòi hỏi các nước cùng hợp tác giải quyết.	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)

4. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

***Ghi chú:** HS sẽ thực hiện hoạt động này tại nhà và gửi sản phẩm đến GV vào thời điểm thích hợp do GV xác định.

a) Mục tiêu: (1), (5), (6)

b) Tổ chức thực hiện

– **Bước 1:** Giao nhiệm vụ học tập

HS thực hiện bài tập sau: *Hãy nêu một số biện pháp để giữ gìn và phát huy bản sắc văn hoá dân tộc trong xu thế toàn cầu hoá hiện nay.*

GV hướng dẫn HS thực hiện yêu cầu trên cơ sở hiểu lí do toàn cầu hoá lại tạo ra nguy cơ mai một bản sắc văn hoá dân tộc, truyền thống dân tộc ở Việt Nam và các ví dụ liên quan đến vấn đề này, sau đó hướng dẫn HS xây dựng các giải pháp để khắc phục. Như vậy, các giải pháp được đề ra sẽ có tính thuyết phục, tránh khuôn sáo.

– **Bước 2:** Thực hiện nhiệm vụ

HS thực hiện nhiệm vụ học tập cá nhân.

– **Bước 3:** Báo cáo, thảo luận

– **Bước 4:** Kết luận, đánh giá

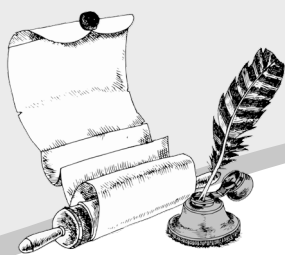
***Công cụ đánh giá:** thang đo

Tiêu chí	Mức độ đạt được				
Mức độ thuyết phục của giải pháp.	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)

B. KẾ HOẠCH BÀI DẠY CÁCH 2: DỰA TRÊN MA TRẬN VÀ CHƯƠNG TRÌNH GDPT 2018

Hoạt động	Mục tiêu			Nội dung	Phương pháp hoặc Kỹ thuật dạy học	Công cụ đánh giá
	Năng lực chung	Năng lực lịch sử	Phẩm chất			
Hoạt động khởi động	Nhận biết được các yêu cầu cần đạt của bài học.			Yêu cầu cần đạt của bài học.	PPDH diễn giảng	Câu hỏi

Hoạt động	Mục tiêu			Nội dung	Phương pháp hoặc Kỹ thuật dạy học	Công cụ đánh giá
	Năng lực chung	Năng lực lịch sử	Phẩm chất			
Hoạt động hình thành kiến thức mới						
Hoạt động 1	1	2, 3	6	Cách mạng khoa học, kĩ thuật	PPDH hợp tác	Thang đo
Hoạt động 2	1	2, 4	6	Xu thế toàn cầu hoá	PPDH giải quyết vấn đề	Thang đo
Hoạt động luyện tập	Rèn luyện kiến thức, kĩ năng đã học.			Thời cơ và thách thức lớn nhất mà cách mạng khoa công nghệ mang đến cho Việt Nam.	PPDH giải quyết vấn đề	Thang đo
				Vẽ sơ đồ tư duy thể hiện thành tựu tiêu biểu của cách mạng khoa học công nghệ.	Kết hợp với hoạt động 1	Bảng kiểm
				Vấn đề toàn cầu đáng chú ý nhất đòi hỏi các nước cùng hợp tác giải quyết	PPDH giải quyết vấn đề	Thang đo
Hoạt động vận dụng	1	5	6	Biện pháp để giữ gìn và phát huy bản sắc văn hoá dân tộc trong xu thế toàn cầu hoá hiện nay.	PPDH giải quyết vấn đề	Thang đo



Chủ đề 1.

ĐÔ THỊ: LỊCH SỬ VÀ HIỆN TẠI

(DỰ KIẾN 3 TIẾT)

A. KẾ HOẠCH BÀI DẠY CÁCH 1:

I. MỤC TIÊU

Phẩm chất, năng lực	Yêu cầu cần đạt	Mã số
1. Năng lực chung		
Giao tiếp và hợp tác	Làm việc nhóm để thực hiện được các yêu cầu cần đạt trong bài.	1
2. Năng lực lịch sử		
Tìm hiểu lịch sử	Khai thác và sử dụng thông tin của một số tư liệu lịch sử (1.3, 1.4, 1.10), phần <i>Em có biết</i> để nhận thức về vai trò của đô thị đối với sự phát triển vùng với tư cách là trung tâm quyền lực và kinh tế của vùng, đất nước, khu vực; quá trình đô thị hoá thời kì xã hội công nghiệp và hậu công nghiệp.	2
Nhận thức và tư duy lịch sử	Trình bày được vai trò của đô thị đối với sự phát triển vùng với tư cách là trung tâm quyền lực và kinh tế của vùng, đất nước, khu vực.	3
	Mô tả được quá trình đô thị hoá thời kì xã hội công nghiệp và hậu công nghiệp.	4
	Nêu được tác động của đô thị hoá đối với sự phát triển kinh tế – xã hội	5
Vận dụng	Chọn và sưu tầm thông tin về 5 đô thị hiện đại trên thế giới tương ứng với 5 châu lục: châu Á, châu Âu, châu Phi, châu Mỹ và châu Đại Dương.	6
3. Năng lực địa lí		
Tìm hiểu địa lí	Khai thác và sử dụng thông tin của một số tư liệu địa lí (1.2, 1.5, 1.6, 1.7, 1.8, 1.9, 1.11, 1.2), phần <i>Em có biết</i> để nhận thức về vai trò của đô thị đối với sự phát triển vùng với tư cách là trung tâm quyền lực và kinh tế của vùng, đất nước, khu vực; quá trình đô thị hoá thời kì xã hội công nghiệp và hậu công nghiệp; tác động của đô thị hoá đối với sự phát triển kinh tế – xã hội	7

Nhận thức và tư duy địa lí	Trình bày được vai trò của đô thị đối với sự phát triển vùng với tư cách là trung tâm quyền lực và kinh tế của vùng, đất nước, khu vực.	8
4. Phẩm chất		
Chăm chỉ	Thể hiện thái độ thích đọc sách, báo, tìm tư liệu trên mạng internet để mở rộng hiểu biết về các đô thị của Việt Nam và thế giới.	9

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- Máy tính, máy chiếu.
- Phiếu học tập (giấy A0), nam châm dán phiếu học tập, bút màu.
- SGK, SGV *Lịch sử và Địa lí 9* (phần Lịch sử) (Bộ sách *Chân trời sáng tạo*).
- Tài liệu tham khảo: San Oen (Đào Quốc Minh dịch), *Lịch sử đô thị hiện đại*, NXB Dân Trí, Hà Nội, 2022.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a) Mục tiêu: Sau khi tham gia hoạt động, HS sẽ nhận biết được các yêu cầu cần đạt của bài học.

b) Tổ chức thực hiện

- **Gợi ý 1:** GV dùng phần *Dẫn nhập* trong SGK để dẫn dắt HS vào bài học.
- **Gợi ý 2:** GV chọn một số hình ảnh đặc trưng của các đô thị hiện đại ở các châu lục, đặt câu hỏi cho HS và dẫn dắt vào bài học.

2. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

2.1. HOẠT ĐỘNG 1: VAI TRÒ CỦA ĐÔ THỊ ĐỐI VỚI SỰ PHÁT TRIỂN VÙNG

a) Mục tiêu: (1), (7), (8)

b) Tổ chức thực hiện

- **Bước 1.** Giao nhiệm vụ học tập

GV dùng phương pháp dạy học hợp tác và kĩ thuật dạy học nhóm đôi, yêu cầu HS hoàn thành bảng dưới đây về vai trò của đô thị đối với sự phát triển vùng.

	Thông tin
Đô thị bao gồm	?
Chức năng của đô thị	?
Vai trò của đô thị đối với sự phát triển vùng	?

HS giải quyết được vấn đề.

- **Bước 2.** Thực hiện nhiệm vụ

HS thực hiện nhiệm vụ.

- **Bước 3.** Báo cáo, thảo luận

HS báo cáo sản phẩm.

Dự kiến sản phẩm

	Thông tin
Đô thị bao gồm	thị trấn, thị xã, thành phố; là khu vực tập trung đông dân cư sinh sống, chủ yếu hoạt động trong lĩnh vực kinh tế phi nông nghiệp.
Chức năng của đô thị	trung tâm chính trị, kinh tế, văn hoá, khoa học – kĩ thuật, du lịch, dịch vụ, đầu mối giao thông, giao lưu trong vùng tỉnh, vùng liên tỉnh hoặc cả nước; trung tâm tổng hợp hoặc trung tâm chuyên ngành.
Vai trò của đô thị đối với sự phát triển vùng	– Thúc đẩy sự phát triển kinh tế, xã hội của cả nước hoặc một vùng lãnh thổ nhất định. – Là trung tâm kinh tế: + Tạo động lực phát triển kinh tế vùng. + Làm thay đổi cơ cấu ngành nghề, góp phần làm tăng năng suất lao động và cải thiện đời sống người dân trong vùng. + Tăng tính liên kết trong hoạt động sản xuất, trao đổi, buôn bán giữa các địa phương trong vùng. – Là trung tâm chính trị – văn hoá – giáo dục: + Tác động đến quản trị cả vùng. + Thúc đẩy hoạt động giao lưu, bảo tồn, phát huy các giá trị văn hoá vùng. + Cung cấp nguồn nhân lực được đào tạo, ảnh hưởng trực tiếp đến sự phát triển kinh tế – xã hội – môi trường của các địa phương trong vùng.

– **Bước 4.** Kết luận, đánh giá

***Công cụ đánh giá:** thang đo

Các nhóm HS tự đánh giá: khoanh tròn mức độ đạt được của nhóm khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

Tiêu chí	Mức độ đạt được				
	(Mức 3 trở lên là đạt)				
Trả lời đúng các ý.	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)

2.2. HOẠT ĐỘNG 2: QUÁ TRÌNH ĐÔ THỊ HOÁ THỜI KÌ XÃ HỘI CÔNG NGHIỆP VÀ HẬU CÔNG NGHIỆP

a) Mục tiêu: (1), (2), (4)

b) Tổ chức thực hiện

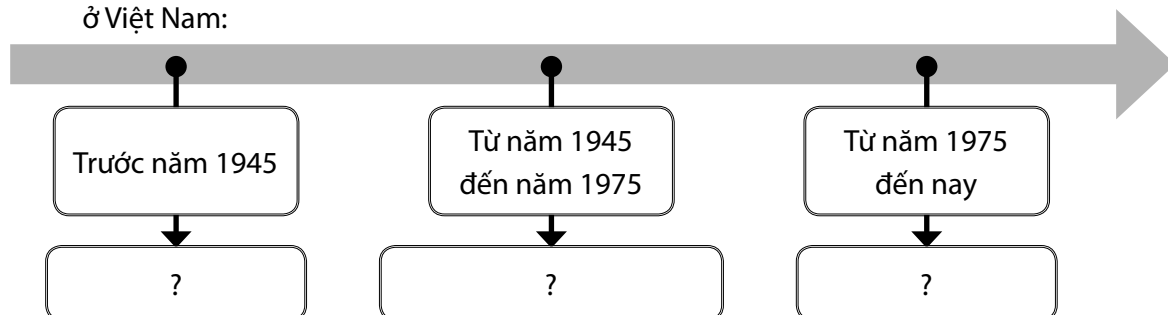
– **Bước 1.** Giao nhiệm vụ học tập

GV dùng phương pháp dạy học hợp tác và kĩ thuật dạy học giao nhiệm vụ học tập, yêu cầu HS chia thành các nhóm, một nửa tìm hiểu về quá trình đô thị hoá thời kì xã hội công nghiệp và hậu công nghiệp và nửa còn lại tìm hiểu về quá trình đô thị hoá ở Việt Nam.

+ Nhiệm vụ 1: Các nhóm hoàn thành bảng bên dưới về quá trình đô thị hoá thời kì xã hội công nghiệp và hậu công nghiệp:

	Quá trình đô thị hoá thời kì xã hội công nghiệp	Quá trình đô thị hoá thời kì xã hội hậu công nghiệp
Thời gian bắt đầu	?	?
Biểu hiện chính	?	?

+ Nhiệm vụ 2: Các nhóm hoàn thành đường thời gian dưới đây về quá trình đô thị hoá ở Việt Nam:



– **Bước 2.** Thực hiện nhiệm vụ

HS được chia thành các nhóm và thực hiện nhiệm vụ.

– **Bước 3.** Báo cáo, thảo luận

GV mời đại diện các nhóm trình bày về sản phẩm đã thực hiện.

Dự kiến sản phẩm

+ **Nhiệm vụ 1:**

	Quá trình đô thị hoá thời kì xã hội công nghiệp	Quá trình đô thị hoá thời kì xã hội hậu công nghiệp
Thời gian bắt đầu	Xã hội công nghiệp hình thành đầu tiên trên thế giới ở châu Âu vào thế kỉ XVIII, gắn với cách mạng công nghiệp.	Những thập kỉ cuối cùng của thế kỉ XX, nhân loại bước vào xã hội hậu công nghiệp với sự bùng nổ của khoa học công nghệ làm thay đổi mạnh mẽ phương thức sản xuất, sinh hoạt và lao động trong các đô thị.
Biểu hiện chính	– Sự chuyển dịch trong cơ cấu dân cư do sự phát triển của hệ thống các nhà máy công nghiệp. – Sự thay đổi về xây dựng trong thành phố và sự gia tăng dân số thành thị. Từ năm 1800 đến năm 1850, số lượng các thành phố châu Âu có dân số hơn 100 000 người đã tăng từ 22 lên 47. Hầu hết, các thành phố châu Âu đều có dân số tăng lên gấp đôi, thậm chí như Luân Đôn tăng gấp 4 lần.	– Số dân và tỉ lệ dân thành thị tăng nhanh nhưng khác nhau ở các nước phát triển và đang phát triển. Ở các nước phát triển, quá trình đô thị hoá đã ổn định nên số dân thành thị tăng chậm lại. Trong khi đó, quá trình đô thị hoá diễn ra ở các nước đang phát triển gắn với sự gia tăng nhanh chóng của dân số trong các siêu đô thị. – Sự mở rộng về không gian đô thị. – Sự xuất hiện các đô thị vệ tinh tại các vùng ngoại ô xung quanh những thành phố lớn. – Sự ra đời của các đô thị thông minh, đô thị xanh.

Dự kiến sản phẩm

+ Nhiệm vụ 2:

Trước năm 1945

– Đô thị quy mô nhỏ, có chức năng hành chính, quân sự.

Từ năm 1945 đến năm 1975

– Thời kháng chiến chống Pháp (1945 – 1954): đô thị hoá diễn ra chậm, các đô thị ít thay đổi.
– Thời kì đất nước bị tạm thời chia cắt (1954 – 1975): đô thị hoá có nhiều nét khác nhau giữa hai miền, nhìn chung đều phát triển, tỉ lệ dân thành thị tăng. Tuy nhiên, hầu hết các đô thị bị phá huỷ nặng nề do chiến tranh.

Từ năm 1975 đến nay

– Đất nước thống nhất, quá trình đô thị hoá có nhiều chuyển biến tích cực.
– Nền kinh tế đất nước dần ổn định và phát triển, quá trình đô thị hoá tăng nhanh, số dân thành thị và tỉ lệ dân thành thị không ngừng gia tăng.

– Bước 4. Kết luận, đánh giá

GV nhận xét và kết luận.

***Công cụ đánh giá:** bảng tiêu chí Rubrics

Mức độ Tiêu chí	Mức 1 (3 – 4)	Mức 2 (5 – 7)	Mức 3 (8 – 10)
Nội dung (60%)	– HS chưa hoàn thành nhiệm vụ được giao. – HS thuyết trình còn rụt rè, chưa tự tin. (1,5 – 2)	– HS hoàn thành nhiệm vụ được giao nhưng thông tin chưa chính xác. – HS thuyết trình còn rụt rè, chưa tự tin. (3 – 4,5)	– HS hoàn thành nhiệm vụ được giao, đúng thông tin. – HS thuyết trình rành mạch, tự tin. (5 – 6)
Khả năng làm việc nhóm (20%)	Không có bảng phân công, nhiều thành viên không làm. (0)	Có bảng phân công, vẫn còn thành viên không làm. (0,5)	Có bảng phân công, tất cả thành viên đều làm. (1)
Hình thức sản phẩm (10%)	Trình bày không rõ ràng. (0,5 – 0,75)	Trình bày rõ ràng nhưng chưa đẹp. (1 – 1,5)	Trình bày rõ ràng, thẩm mĩ. (1,75 – 2)
Thời gian (10%)	Quá thời gian quy định 3 – 5 phút. (0)	Vừa đúng thời gian. (0,5)	Sớm hơn thời gian quy định. (1)

2.3. HOẠT ĐỘNG 3: TÁC ĐỘNG CỦA ĐÔ THỊ HOÁ ĐỐI VỚI SỰ PHÁT TRIỂN KINH TẾ – XÃ HỘI

a) Mục tiêu: (1), (2), (5)

b) Tổ chức thực hiện

– **Bước 1.** Giao nhiệm vụ học tập

GV dùng phương pháp dạy học hợp tác và kĩ thuật dạy học nhóm đôi, yêu cầu HS hoàn thành bảng dưới đây về tác động của đô thị hoá đối với sự phát triển kinh tế – xã hội.

Tác động	Tích cực	Kinh tế	Xã hội
		?	?
	Tiêu cực	Kinh tế	Xã hội
		?	?

HS giải quyết được vấn đề.

– **Bước 2.** Thực hiện nhiệm vụ

HS thực hiện nhiệm vụ.

– **Bước 3.** Báo cáo, thảo luận

HS báo cáo sản phẩm.

Dự kiến sản phẩm

Tác động	Tích cực	Kinh tế	Xã hội
		– Đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng kinh tế, chuyển dịch cơ cấu kinh tế và cơ cấu lao động. – Tạo ra nhiều việc làm và thu nhập cho người lao động. – Tiêu thụ sản phẩm hàng hoá lớn và đa dạng. – Cơ sở hạ tầng và vật chất kĩ thuật hiện đại, có sức hút vốn đầu tư trong nước và nước ngoài.	– Thay đổi đặc điểm dân số và phân bố dân cư. – Có khả năng tạo chênh lệch thu nhập, khoảng cách giàu nghèo ngày càng gia tăng.
	Tiêu cực	Kinh tế	Xã hội
		Nếu không có một chiến lược quy hoạch tổng thể bền vững sẽ làm mất đi những khu vực canh tác nông nghiệp; mất đi những làng quê giàu giá trị văn hoá truyền thống.	Sức ép hạ tầng nhà ở và các dịch vụ xã hội như giáo dục, y tế,... quá tải cho cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất – kĩ thuật, ô nhiễm môi trường,...

– **Bước 4.** Kết luận, đánh giá

***Công cụ đánh giá:** bảng kiểm

STT	Các nội dung trả lời	Đạt hoặc Không đạt
1	HS hoàn thành bảng tác động của đô thị hoá đối với sự phát triển kinh tế – xã hội.	?
2	Sản phẩm trình bày rõ ràng.	?
3	Nhóm hoạt động tích cực.	?

3. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a) Mục tiêu: Rèn luyện kiến thức, kỹ năng đã học.

b) Tổ chức thực hiện

– **Bước 1:** Giao nhiệm vụ học tập

HS thực hiện các bài tập sau:

1. *Hãy liệt kê một số vai trò của đô thị đối với sự phát triển vùng.*

2. *Hãy hoàn thành bảng về quá trình đô thị hoá ở xã hội công nghiệp và xã hội hậu công nghiệp theo mẫu dưới đây:*

	Xã hội công nghiệp	Xã hội hậu công nghiệp
Biểu hiện của quá trình đô thị hoá	?	?

+ GV hướng dẫn HS liệt kê một số vai trò của đô thị đối với sự phát triển vùng (có thể sử dụng kĩ thuật dạy học tia chớp).

+ Lưu ý: nếu GV đã dùng bảng này ở trong bài học thì đến phần Luyện tập, GV có thể đưa các dữ kiện về quá trình đô thị hoá ở xã hội công nghiệp, xã hội hậu công nghiệp và yêu cầu HS phân loại dữ kiện cho phù hợp.

– **Bước 2:** Thực hiện nhiệm vụ

HS thực hiện nhiệm vụ học tập theo nhóm.

– **Bước 3:** Báo cáo, thảo luận

– **Bước 4:** Kết luận, đánh giá

***Công cụ đánh giá:** thang đo

Các nhóm HS tự đánh giá: khoanh tròn mức độ đạt được của nhóm khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

Tiêu chí	Mức độ đạt được				
	(Mức 3 trở lên là đạt)				
Trả lời đúng các ý.	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)

4. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

***Ghi chú:** HS sẽ thực hiện hoạt động này tại nhà và gửi sản phẩm đến GV vào thời điểm thích hợp do GV xác định.

a) Mục tiêu: (6), (9)

b) Tổ chức thực hiện

– Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập

HS thực hiện bài tập sau: *Hãy chọn và sưu tầm thông tin về 5 đô thị hiện đại trên thế giới tương ứng với 5 châu lục: châu Á, châu Âu, châu Phi, châu Mỹ và châu Đại Dương.*

GV hướng dẫn HS chọn và sưu tầm thông tin về 5 đô thị hiện đại trên thế giới tương ứng với 5 châu lục: châu Á, châu Âu, châu Phi, châu Mỹ và châu Đại Dương. Lưu ý: khi HS sưu tầm thông tin về 5 đô thị hiện đại trên thế giới tương ứng với 5 châu lục thì cần đảm bảo các nội dung sau: tên đô thị, vị trí địa lí, diện tích, dân số, cơ sở hạ tầng,...

– Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS thực hiện nhiệm vụ học tập cá nhân.

– Bước 3: Báo cáo, thảo luận

– Bước 4: Kết luận, đánh giá

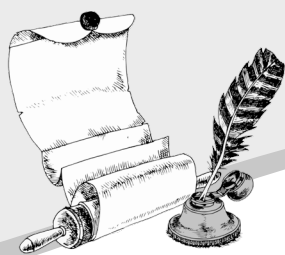
***Công cụ đánh giá:** thang đo

STT	Tiêu chí đánh giá	Điểm
1	HS sưu tầm được 1 đô thị đúng châu lục.	2
2	HS sưu tầm được 2 đô thị đúng châu lục.	4
3	HS sưu tầm được 3 đô thị đúng châu lục.	6
4	HS sưu tầm được 4 đô thị đúng châu lục.	8
5	HS sưu tầm được 5 đô thị đúng châu lục.	10

B. KẾ HOẠCH BÀI DẠY CÁCH 2: DỰA TRÊN MA TRẬN VÀ CHƯƠNG TRÌNH GDPT 2018

Hoạt động	Mục tiêu			Nội dung	Phương pháp hoặc Kỹ thuật dạy học	Công cụ đánh giá
	Năng lực chung	Năng lực lịch sử	Phẩm chất			
Hoạt động khởi động	Nhận biết được các yêu cầu cần đạt của bài học.			Yêu cầu cần đạt của bài học.	PPDH giải quyết vấn đề	Bảng kiểm
Hoạt động hình thành kiến thức mới						
Hoạt động 1	1	7, 8		Vai trò của đô thị đối với sự phát triển vùng	– PPDH hợp tác – KTDH nhóm đôi	Thang đo

Hoạt động	Mục tiêu			Nội dung	Phương pháp hoặc Kỹ thuật dạy học	Công cụ đánh giá
	Năng lực chung	Năng lực lịch sử	Phẩm chất			
Hoạt động 2	1	2, 4		Quá trình đô thị hoá thời kỳ xã hội công nghiệp và hậu công nghiệp	– PPDH hợp tác – KTDH giao nhiệm vụ học tập	Bảng tiêu chí Rubrics
Hoạt động 3	1	2, 5		Tác động của đô thị hoá đối với sự phát triển kinh tế – xã hội	– PPDH hợp tác – KTDH khăn trải bàn	Bảng kiểm
Hoạt động luyện tập	Rèn luyện kiến thức, kỹ năng đã học.			Một số vai trò của đô thị đối với sự phát triển vùng.	PPDH hợp tác	Thang đo
				Bảng về quá trình đô thị hoá ở xã hội công nghiệp và xã hội hậu công nghiệp.		
Hoạt động vận dụng		6	9	Chọn và sưu tầm thông tin về 5 đô thị hiện đại trên thế giới tương ứng với 5 châu lục: châu Á, châu Âu, châu Phi, châu Mỹ và châu Đại Dương.	KTDH giao nhiệm vụ học tập	Thang đo



Chủ đề 3.
BẢO VỆ CHỦ QUYỀN, CÁC QUYỀN
VÀ LỢI ÍCH HỢP PHÁP CỦA VIỆT NAM
Ở BIỂN ĐÔNG
 (DỰ KIẾN 3 TIẾT)

A. KẾ HOẠCH BÀI DẠY CÁCH 1:

I. MỤC TIÊU

Phẩm chất, năng lực	Yêu cầu cần đạt	Mã số
1. Năng lực chung		
Giao tiếp và hợp tác	Làm việc nhóm để thực hiện được các yêu cầu cần đạt trong bài.	1
2. Năng lực lịch sử		
Tìm hiểu lịch sử	Khai thác và sử dụng thông tin của một số tư liệu lịch sử (3.1, 3.2, 3.3, 3.4, 3.5, 3.6, 3.7, 3.8, 3.9), phần <i>Em có biết</i> để nhận thức về những chứng cứ lịch sử, pháp lí về chủ quyền biển đảo Việt Nam.	2
Nhận thức và tư duy lịch sử	Trình bày được những chứng cứ lịch sử, pháp lí về chủ quyền biển đảo Việt Nam.	3
Vận dụng	Vận dụng kiến thức đã học để viết một bức thư gửi người bạn thân, trong đó, nêu một số hoạt động thể hiện trách nhiệm của HS đối với việc bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông.	4
3. Năng lực địa lí		
Tìm hiểu địa lí	Khai thác và sử dụng thông tin của một số tư liệu lịch sử (3.10, 3.11), phần <i>Em có biết</i> để nhận thức về vai trò chiến lược của biển đảo Việt Nam trong việc khẳng định và bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông.	5
Nhận thức và tư duy địa lí	Nêu được vai trò chiến lược của biển đảo Việt Nam trong việc khẳng định và bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông.	6

4. Phẩm chất		
Yêu nước	Thể hiện tình yêu quê hương, biển đảo như là một phần máu thịt của Tổ quốc.	7
Trách nhiệm	Thể hiện bằng hành động cụ thể đối với việc bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông.	8

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- Máy tính, máy chiếu.
- Phiếu học tập (giấy A0), nam châm dán phiếu học tập, bút màu.
- SGK, SGV *Lịch sử và Địa lí 9* (phần Lịch sử) (Bộ sách *Chân trời sáng tạo*).

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a) Mục tiêu: Sau khi tham gia hoạt động, HS sẽ nhận biết được các yêu cầu cần đạt của bài học.

b) Tổ chức thực hiện

- **Gợi ý 1:** GV dùng phần *Dẫn nhập* trong SGK để dẫn dắt HS vào bài học.
- **Gợi ý 2:** GV khai thác nội dung hình ảnh Mũi Đại Lãnh (Phú Yên) – một trong những nơi đón ánh bình minh đầu tiên của Việt Nam ở phần *Dẫn nhập* để HS nhận thức rõ vai trò của Biển Đông đối với Việt Nam và tầm quan trọng của công cuộc bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông. Từ đó, hiểu rõ công cuộc bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông chỉ thành công khi chúng ta có đủ những chứng cứ lịch sử, pháp lí và làm rõ vai trò chiến lược của biển đảo Việt Nam trong việc khẳng định, bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông. Vậy, những chứng cứ lịch sử và pháp lí nào khẳng định chủ quyền biển đảo của Việt Nam ở Biển Đông? Biển đảo có vai trò chiến lược ra sao? Chúng ta cần có hành động cụ thể gì để thể hiện trách nhiệm đối với việc bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông?

2. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

2.1. HOẠT ĐỘNG 1: CHỨNG CỨ LỊCH SỬ VÀ PHÁP LÍ CỦA VIỆT NAM VỀ CHỦ QUYỀN Ở BIỂN ĐÔNG

a) Mục tiêu: (1), (2), (3), (7)

b) Tổ chức thực hiện

- **Bước 1.** Giao nhiệm vụ học tập

GV dùng phương pháp dạy học hợp tác và kĩ thuật dạy học phòng tranh, yêu cầu HS chia thành các nhóm, mỗi nhóm phụ trách minh chứng để thảo luận nội dung về những chứng cứ lịch sử, pháp lí về chủ quyền biển đảo Việt Nam, sau đó, trình bày lên giấy A0 (Gợi ý: GV có thể chia minh chứng theo thời gian: thế kỉ XVI, XVII, XVIII, XIX,...).

- **Bước 2.** Thực hiện nhiệm vụ

HS được chia thành các nhóm và thực hiện nhiệm vụ.

– **Bước 3.** Báo cáo, thảo luận

GV cho HS treo các sản phẩm đã chuẩn bị tạo thành một phòng tranh, lần lượt các nhóm sẽ giới thiệu sản phẩm của mình. Các nhóm khác lắng nghe, trao đổi (nếu có).

– **Bước 4.** Kết luận, đánh giá

GV nhận xét và kết luận.

***Công cụ đánh giá:** bảng tiêu chí Rubrics

Mức độ Tiêu chí	Mức 1 (3 – 4)	Mức 2 (5 – 7)	Mức 3 (8 – 10)
Nội dung (60%)	– HS chưa hoàn thành nhiệm vụ được giao. – HS thuyết trình còn rụt rè, chưa tự tin. (1,5 – 2)	– HS hoàn thành nhiệm vụ được giao nhưng thông tin chưa chính xác. – HS thuyết trình còn rụt rè, chưa tự tin. (3 – 4,5)	– HS hoàn thành nhiệm vụ được giao, đúng thông tin. – HS thuyết trình rành mạch, tự tin. (5 – 6)
Khả năng làm việc nhóm (20%)	Không có bảng phân công, nhiều thành viên không làm. (0)	Có bảng phân công, vẫn còn thành viên không làm. (0,5)	Có bảng phân công, tất cả thành viên đều làm. (1)
Hình thức sản phẩm (10%)	Trình bày không rõ ràng. (0,5 – 0,75)	Trình bày rõ ràng nhưng chưa đẹp. (1 – 1,5)	Trình bày rõ ràng, thẩm mỹ. (1,75 – 2)
Thời gian (10%)	Quá thời gian quy định 3 – 5 phút. (0)	Vừa đúng thời gian. (0,5)	Sớm hơn thời gian quy định. (1)

2.2. HOẠT ĐỘNG 2: VAI TRÒ CHIẾN LƯỢC CỦA BIỂN ĐẢO VIỆT NAM

a) Mục tiêu: (1), (5), (6), (7), (8)

b) Tổ chức thực hiện

– **Bước 1.** Giao nhiệm vụ học tập

GV dùng phương pháp dạy học nêu vấn đề và kĩ thuật dạy học nhóm đôi, yêu cầu HS hoàn thành nhiệm vụ: Tại sao cần bảo vệ chủ quyền biển đảo Việt Nam?

– **Bước 2.** Thực hành nhiệm vụ

HS được chia thành các nhóm và thực hiện nhiệm vụ.

– **Bước 3.** Báo cáo, thảo luận

GV mời đại diện các nhóm trình bày về sản phẩm đã thực hiện.

Dự kiến sản phẩm

HS nêu được lí do cần bảo vệ chủ quyền biển đảo Việt Nam: biển đảo Việt Nam có vai trò chiến lược quan trọng về chính trị, an ninh, quốc phòng, giao thông hàng hải và kinh tế, đặc biệt là đối với việc khẳng định và bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông: các vùng biển, đảo và quần đảo hợp thành phòng tuyến bảo vệ phía đông của Tổ quốc; tài nguyên ở vùng biển Việt Nam có tiềm năng rất lớn, với hàng nghìn loài hải sản, nhiều khoáng sản có giá trị và trữ lượng lớn; bờ biển dài có nhiều bãi cát, vịnh, hang động tự nhiên đẹp và nhiều cảng biển nước sâu; các hoạt động kinh tế biển không chỉ thúc đẩy sự phát triển kinh tế và cải thiện chất lượng cuộc sống của người dân, mà còn giúp đất nước nâng cao sức mạnh tổng hợp quốc gia.

– **Bước 4.** Kết luận, đánh giá

***Công cụ đánh giá:** bảng kiểm

STT	Các nội dung trả lời	Đạt hoặc Không đạt
1	HS nêu được lí do cần bảo vệ chủ quyền biển đảo Việt Nam.	?
2	HS trình bày được vai trò chiến lược của biển đảo Việt Nam.	?
3	Nhóm hoạt động tích cực.	?

3. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a) Mục tiêu: Rèn luyện kiến thức, kĩ năng đã học.

b) Tổ chức thực hiện

– **Bước 1:** Giao nhiệm vụ học tập

HS thực hiện các bài tập sau:

1. Hãy hoàn thành bảng thống kê liên quan đến chủ quyền của Việt Nam đối với quần đảo Hoàng Sa, quần đảo Trường Sa theo mẫu dưới đây vào vở:

Xuất xứ	Tên tư liệu hoặc bản đồ	Thời gian, tác giả	Nội dung chủ yếu
Tư liệu thành văn	?	?	?
Bản đồ	?	?	?

2. Dựa vào những kiến thức đã học và thông tin trong bài, hãy nêu vai trò của biển đảo đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam hiện nay.

– **Bước 2:** Thực hiện nhiệm vụ

HS thực hiện nhiệm vụ học tập theo nhóm.

– **Bước 3:** Báo cáo, thảo luận

+ Câu 1.

Xuất xứ	Tên tư liệu hoặc bản đồ	Thời gian, tác giả	Nội dung chủ yếu
Tư liệu thành văn	<i>Phủ biên tạp lục</i>	1776, Lê Quý Đôn (bản dịch của Viện Sử học, 2007)	Miêu tả về địa lí và hình thể của quần đảo Hoàng Sa, cùng quá trình khai thác, xác lập chủ quyền biển đảo thời chúa Nguyễn.
	<i>Đại Nam nhất thống chí, tập 2</i>	1882, Quốc sử quán Triều Nguyễn (bản dịch của Viện Sử học, 2006)	Viết về tỉnh Quảng Ngãi có miêu tả về quần đảo Hoàng Sa và hoạt động thực thi chủ quyền ở quần đảo này của Triều Nguyễn.
Bản đồ	<i>Thiên Nam tứ chí lộ đồ thư</i>	Thế kỉ XVII, Đỗ Bá	Phần chú dẫn ghi trên bản đồ miêu tả địa danh Bãi Cát Vàng bằng chữ Nôm ở ngoài khơi tỉnh Quảng Ngãi. Đây là bản đồ đầu tiên của Việt Nam có đề cập đến quần đảo Hoàng Sa.
	Bản đồ vẽ hình thể phủ Quảng Ngãi trong tập <i>Thiên hạ bản đồ</i>	Thế kỉ XVIII	Phần chú dẫn phía trên bản đồ này có miêu tả địa danh Bãi Cát Vàng bằng chữ Nôm ở ngoài khơi tỉnh Quảng Ngãi.
	Bản đồ <i>Quảng Nam tam phủ cửu huyện</i> trong tập <i>Thiên tải nhàn đàm</i>	1810, Đàm Hữu Thuận	Trên bản đồ có vẽ hòn đảo ở ngoài khơi phủ Quảng Ngãi và ghi tên là Bãi Cát Vàng bằng chữ Nôm.
	Bản đồ (châu Á) số 106 mang tên Pa-ti đờ la Cô-chin-sin	1827, Phi-líp Van-đơ-ma-len	Bản đồ thể hiện các địa danh trên đất liền, các đảo ven bờ và quần đảo Pa-ra-seo (Paracels, quần đảo Hoàng Sa) ở ngoài khơi vùng biển miền Trung Việt Nam và giới thiệu về Vương quốc An Nam.
	<i>Đại Nam nhất thống toàn đồ</i>	1838	Đây cũng là bản đồ hành chính đầu tiên của Triều Nguyễn có sự phân biệt rõ ràng giữa quần đảo Hoàng Sa với quần đảo Trường Sa.

+ Câu 2. HS dựa vào những kiến thức đã học và thông tin trong bài, cùng thực tiễn của công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam hiện nay để nêu vai trò của biển đảo trên các lĩnh vực: quốc phòng, an ninh; phát triển các ngành kinh tế trọng điểm.

– **Bước 4:** Kết luận, đánh giá

***Công cụ đánh giá:** thang đo

Các nhóm HS tự đánh giá: khoanh tròn mức độ đạt được của nhóm khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

Tiêu chí	Mức độ đạt được				
	(Mức 3 trở lên là đạt)				
Trả lời đúng các ý.	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)

4. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

***Ghi chú:** HS sẽ thực hiện hoạt động này tại nhà và gửi sản phẩm đến GV vào thời điểm thích hợp do GV xác định.

a) Mục tiêu: (6), (9)

b) Tổ chức thực hiện

– **Bước 1:** Giao nhiệm vụ học tập

HS thực hiện bài tập sau: *Hãy viết một bức thư gửi người bạn thân, trong đó, nêu một số hoạt động thể hiện trách nhiệm của học sinh đối với việc bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông.*

GV hướng dẫn HS viết một bức thư gửi người bạn thân, trong đó, nêu một số hoạt động thể hiện trách nhiệm của HS đối với việc bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông. Gợi ý: giải thích những tuyên bố về chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông; chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước Việt Nam đối với việc giải quyết các tranh chấp về chủ quyền ở Biển Đông; giải thích, tuyên truyền cho người dân, bạn bè quốc tế về chủ quyền của Việt Nam ở Biển Đông.

– **Bước 2:** Thực hiện nhiệm vụ

HS thực hiện nhiệm vụ học tập cá nhân.

– **Bước 3:** Báo cáo, thảo luận

– **Bước 4:** Kết luận, đánh giá

***Công cụ đánh giá:** bảng kiểm

STT	Tiêu chí	Đạt hoặc Không đạt
1	Đúng hình thức bức thư.	?
2	Nội dung đảm bảo yêu cầu.	?
3	Văn phòng trình bày, chính tả.	?

B. KẾ HOẠCH BÀI DẠY CÁCH 2: DỰA TRÊN MA TRẬN VÀ CHƯƠNG TRÌNH GDPT 2018

Hoạt động	Mục tiêu			Nội dung	Phương pháp hoặc Kỹ thuật dạy học	Công cụ đánh giá
	Năng lực chung	Năng lực lịch sử	Phẩm chất			
Hoạt động khởi động	Nhận biết được các yêu cầu cần đạt của bài học.			Yêu cầu cần đạt của bài học.	PPDH giải quyết vấn đề	Bảng kiểm
Hoạt động hình thành kiến thức mới						
Hoạt động 1	1	2,3	7	Chứng cứ lịch sử và pháp lí của Việt Nam về chủ quyền ở Biển Đông	– PPDH hợp tác – KTDH phòng tranh	Bảng tiêu chí Rubrics
Hoạt động 2	1	5, 6	7, 8	Vai trò chiến lược của biển đảo Việt Nam	– PPDH hợp tác – KTDH nhóm đôi	Bảng kiểm
Hoạt động luyện tập	Rèn luyện kiến thức, kĩ năng đã học.			Hoàn thành bảng thống kê liên quan đến chủ quyền của Việt Nam đối với quần đảo Hoàng Sa, quần đảo Trường Sa.	PPDH hợp tác	Thang đo
				Nêu vai trò của biển đảo đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam hiện nay.		
Hoạt động vận dụng		4	7, 8	Viết một bức thư gửi người bạn thân để nêu một số hoạt động thể hiện trách nhiệm của học sinh đối với việc bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông.	KTDH giao nhiệm vụ học tập	Thang đo

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Tổng Giám đốc HOÀNG LÊ BÁCH

Chịu trách nhiệm nội dung:

Tổng biên tập PHẠM VĨNH THÁI

Tổ chức và chịu trách nhiệm bản thảo:

Phó Tổng biên tập NGUYỄN NAM PHÓNG

Giám đốc Công ty cổ phần Dịch vụ xuất bản giáo dục Gia Định

TRẦN THỊ KIM NHUNG

Biên tập nội dung: ĐỖ XUÂN GIANG

Thiết kế sách: PHẠM THỊ HẠ LIÊN

Trình bày bìa: ĐẶNG NGỌC HÀ – TÔNG THANH THẢO

Sửa bản in: ĐỖ XUÂN GIANG

Chế bản: CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ XUẤT BẢN GIÁO DỤC GIA ĐỊNH

**Bản quyền thuộc Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
và Công ty cổ phần Dịch vụ xuất bản giáo dục Gia Định.**

Tất cả các phần của nội dung cuốn sách này đều không được sao chép, lưu trữ, chuyển thể dưới bất kì hình thức nào khi chưa có sự cho phép bằng văn bản của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam và Công ty cổ phần Dịch vụ xuất bản giáo dục Gia Định.

KẾ HOẠCH BÀI DẠY MÔN LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ LỚP 9 (Phần Lịch sử)
(Hỗ trợ giáo viên thiết kế kế hoạch bài dạy theo sách giáo khoa
Lịch sử và Địa lí 9 – Bộ sách Chân trời sáng tạo)

Mã số:

In.....bản, (QĐ in số....) Khổ 19 x 26,5 cm.

Đơn vị in:.....

Cơ sở in:.....

Số ĐKXB:

Số QĐXB:..... ngày.... tháng.... năm 20....

In xong và nộp lưu chiểu tháng.... năm 20....

Mã số ISBN: